VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

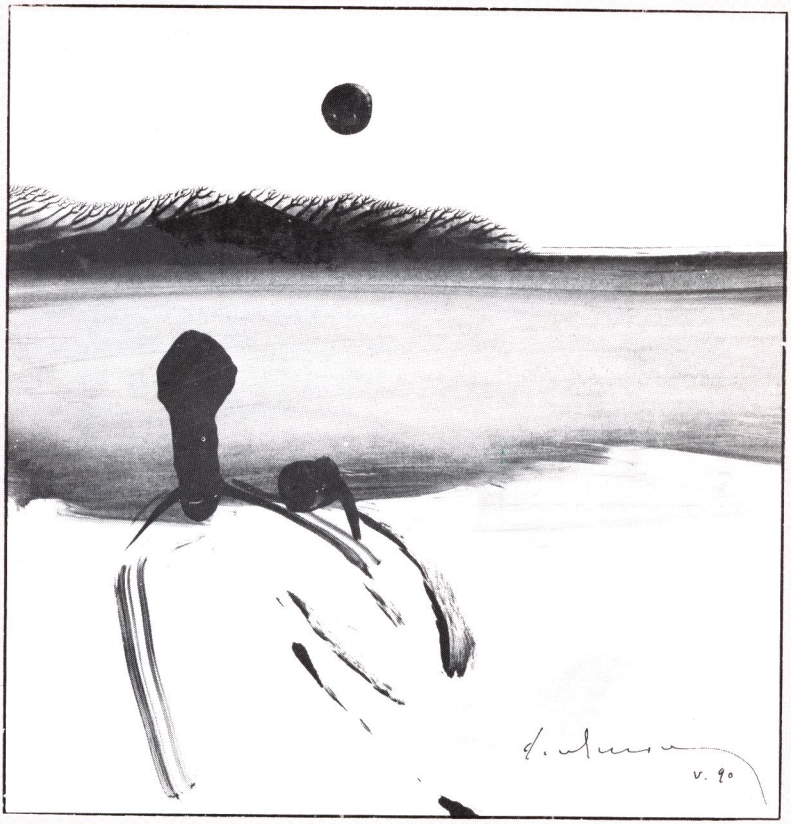

ĐINH CƯỜNG

SỐ 53 & 54
THÁNG 7 & 8 - 1990

VĂN HỌC

TRONG SỐ NÀY:

● **Thư tòa soạn:** trang 1 ● **Nguyễn Hưng Quốc:** *phong trào đổi mới văn học tại việt nam: từ phản tỉnh đến phản kháng* trang 3 ● **Nguyễn thị Chân Quỳnh:** *tinh phi, chiêu nghi, lễ sư, diệu huyền nguyễn thị du, vị nữ trạng nguyên độc nhất của ta sinh năm nào? trang* 33 ● **Nguyễn Ý Thuần:** *hạt giống thui mầm trang 45* ● **Trân Sa:** *hẹn chiêm bao* thơ trang 63 ● **Cao Hoàng**: *cancion triste khúc nhạc dưới trăng* trang 64 ● **Khoa Hữu:** *đời hoang* thơ trang 68 ● **Ngô Nguyên Dũng:** *nở muộn* trang 72 ● **Hà Trung:** *bệnh* thơ trang 88 ● **Trần Thiện Hiệp:** *chia em ngần ấy điều ta có* thơ trang 89 ● **Chân Phương:** *những tấm ảnh mới nhất của mùa xuân* thơ trang 90 ● **Thái Tú Hạp:** *ảo giác* thơ trang 92 ● **Nguyễn Tấn Hưng:** *đổi đời* thơ trang 93 ● **Trịnh Y Thư:** *câu chuyện ở tiệm ăn* trang 94 ● **Thạch Miên:** *mưa* thơ trang 107 ● **Thường Quán:** *trăng đầu* thơ trang 108 ● **Nguyễn Tất Nhiên:** *minh khúc chín* thơ trang 110 ● **Hoàng Khởi Phong:** *nắng chiều hải đảo* trang 111 ● **Sĩ Liêm:** *gió lay bông sậy* trang 128 ● **Cheo Reo:** *chuyện tình viết lại* trang 145 ● **Trần Vũ:** *pháo thuyền trên dòng yang tsé* trang 152 ● **Nguyễn Hưng Quốc:** *những họa phẩm của trần vũ* trang 170 ● **Nguyễn Đức Lập:** *phong vũ tiêu tiêu...* chuyện dài trang 180 ● **giới thiệu sách báo, thư văn học**

Ban Chủ biên: Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Cao Xuân Huy, Hoàng Khởi Phong, Nguyễn văn Sâm, Trịnh Y Thư, Khánh Trường, Trương Vũ

Tổng Thư Ký: Cao Xuân Huy

Trị Sự: Khánh Trường

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện

15 Place Souham, 75013 Paris, France. Phone: 45.831.912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú

14 Lester Rd, Padstow

New South Wale 2211 Australia. Phone: (02)771.1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về: Văn Học

P.O. Box 3192 Tustin CA 92680 USA

Phone: **(714) 898.9074**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

thư tòa soạn

Văn Học số 53 đáng lẽ phải tới tay độc giả cách đây một tháng, có rất nhiều nguyên nhân đưa đến sự chậm trễ này, nhưng tựu trung cũng quy về một điểm, đó là những người chịu trách nhiệm thực hiện tờ báo đã không làm tốt bổn phận mà độc giả tin cậy và nhóm chủ biên trao phó.

Để sửa chữa khuyết điểm nêu trên, trước tiên Văn Học kỳ này sẽ đến tay quý vị không phải là một số đơn như thường lệ, thay vì số 53 cho tháng 7, đây sẽ là một số kép 53 và 54 cho hai tháng 7 và 8 với số lượng bài vở phong phú hơn, chăm sóc kỹ càng hơn do một số nhà văn đông đảo hơn chịu trách nhiệm, thay vì dồn cả công việc cho vài ba người gánh vác.

Đồng thời, qua một loạt những số mang chủ đề văn chương phản kháng, Văn Học nhận được rất nhiều lời khen chê của độc giả các nơi cũng như của các nhà văn, thơ ở hải ngoại. Chúng tôi xin cám ơn những lời khen và cả những lời chê.

Văn Học nêu lên một thực trạng về văn chương ở trong nước. Những tranh luận, lên án, phê bình, cổ võ... vẫn còn đang được đăng tải trên mặt báo ở khắp mọi nơi.

Không phải rằng tất cả những người viết phải bỏ chạy ra nước ngoài mới được coi là chống đối, hoặc những người viết ở trong nước phải bị bắt, bị bỏ tù mới được công nhận là họ chống đối, họ phản kháng thật sự. Đó chỉ là một sự phân ranh ấu trĩ và vô trách nhiệm của những người tự cho là mình có trách nhiệm. Cũng không phải rằng tất cả những sáng tác phẩm đưa ra những cái xấu của chế độ Cộng sản hiện nay ở trong nước mà

gọi được là chống đối. Đó là một nhận định hấp tấp, chủ quan. Ở đâu và lúc nào cũng có những con thò lò, ở đâu và lúc nào cũng có những ngọn cỏ đuôi chó. Hãy nhìn thật kỹ và nhận định thật khách quan, thật công tâm.

Văn Học đã đưa ra được vấn đề, là có, thực sự có một dòng văn chương phản kháng đang xảy ra ở trong nước.

Nhưng vấn đề còn lại là mức độ của sự phản kháng đó như thế nào? Phản kháng ai? Và ai phản kháng? Được sự tiếp tay ngầm của nhà nước hay là sự tự phát từ những suy tư, trăn trở của các tác giả. Chống đối chủ nghĩa Cộng sản hay chỉ chống đối những hành vi tồi tệ của cá nhân những cán bộ thừa hành trong thành phần nắm quyền lực. Phẫn uất vì sự bất công của cả chế độ hay là chỉ vì những hiện tượng không thể giấu giếm. Đây mới chính là điều những người cầm bút ở hải ngoại cần phải chú tâm. Và đó cũng là câu hỏi kế của Văn Học là chúng ta, những người cầm bút, những người lưu tâm đến vận mệnh dân tộc, những người sử dụng ngòi bút như một vũ khí đấu tranh, chúng ta phải làm gì qua những sự việc đang xảy ra ở trong nước.

Chủ đề văn chương phản kháng đã ngưng từ số này, nhưng Văn Học vẫn tiếp tục đăng tải những bài vở liên quan đến văn chương phản kháng của quý văn, thi hữu và độc giả gửi đến.

Văn Học

NGUYỄN HƯNG QUỐC

phong trào đổi mới văn học tại việt nam: từ phản tỉnh đến phản kháng

●

Có thể tóm tắt toàn bộ đặc điểm của nền văn học cộng sản vào một chữ: chữ MỘT. Đó là nền văn học mà tất cả những người cầm bút đều chịu MỘT sự lãnh đạo: sự lãnh đạo của đảng; đều đứng trong MỘT tổ chức: hội nhà văn Việt nam; đều có MỘT thế giới quan: chủ nghĩa Mác – Lênin; đều sử dụng MỘT phương pháp: chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa; đều có chung MỘT phong cách: dễ hiểu, giản dị, thậm chí, đơn giản; đều nhắm tới MỘT mục đích: khẳng định vai trò lãnh đạo độc tôn, tuyệt đối của đảng, ca ngợi lãnh tụ, ca ngợi chủ nghĩa xã hội; đều có MỘT tính chất: tính chất chính trị.

Đó cũng là một nền văn học nghèo nàn và đơn điệu, chỉ quanh quẩn trong một số những giáo điều và công thức cứng nhắc, cũ kỹ, hoàn toàn giả tạo.

Ngay thời kháng chiến chống Pháp, vào khoảng những năm 50, 51 tại Thanh hóa, luật sư Nguyễn Mạnh Tường đã lên tiếng phê phán gay gắt, cho đó chỉ là một cái chuồng chật chội mà người ta mưu toan đặt ra để giam nhốt giới văn nghệ sĩ (1).

Sau Nguyễn Mạnh Tường, đã nhiều lần, những người cầm bút chân chính dưới chế độ cộng sản vùng dậy đấu tranh đòi hỏi tự

do. Cuộc đấu tranh được nhiều người biết nhất là cuộc đấu tranh của nhóm Nhân văn – Giai phẩm vào những năm 56, 57 ở miền Bắc. Cuộc đấu tranh, cuối cùng, đã bị đàn áp khốc liệt: Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo và Thụy An bị kết án mười lăm năm tù giam (2); tất cả những người còn lại đều bị trục xuất ra khỏi hội nghề nghiệp của mình và bị tước đoạt quyền sáng tác suốt mấy chục năm liền.

Những biện pháp trấn áp độc đoán và thô bạo của cộng sản khiến cho giới cầm bút kinh hãi. Nhiều người lại ngoan ngoãn cúi đầu phục tùng đảng và cam phận quanh quẩn trong cái chuồng tù túng, thiếu dưỡng khí của cái gọi là văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa. Lâu lâu lại có người giãy giụa phản kháng. Lâu lâu lại nổ ra một vụ án văn học. Theo Từ Sơn, trên tạp chí Cộng Sản số tháng Năm 1988, từ 1960 đến năm 1988, tại Việt nam, dưới chế độ cộng sản, đã có tới bảy mươi ba vụ án như vậy, ở đó, hầu hết nạn nhân đều là những kẻ thành thật, muốn nói lên tiếng nói tâm huyết của mình thay vì chỉ làm một cái ống loa rè khuếch âm sự dối trá của đảng. Có điều, những nỗ lực vùng vẫy tháo cũi sổ lồng ấy đều có tính chất cá nhân, lẻ tẻ, rời rạc và rất dễ bị vùi dập.

Chỉ đến những năm gần đây, cụ thể là từ năm 1986, trước luồng gió dân chủ đang thổi rạt rào trên thế giới, những người cầm bút Việt nam mới thực sự đứng dậy, đồng loạt và dữ dội gào thét đòi hỏi dân chủ. Chưa bao giờ, tại Việt nam, dưới chế độ cộng sản, sinh hoạt văn học lại xôn xao, sôi nổi đến như vậy. Ngỡ như các nhà văn, các nhà thơ đang xuống đường, bằng giấy, bằng bút, sôi sục lên án cái chế độ suốt bao nhiêu năm đã vùi dập mình. Họ cũng đòi đọc cả lời ai điếu cho nền văn học mà chính họ đã ra sức xây dựng trong quá khứ, cái nền văn học "minh họa" đường lối và chính sách của đảng.

Bắt đầu là một nỗ lực "đổi mới" văn học, giới cầm bút đã nhanh chóng trở thành những kẻ phản kháng. Có thấy sự chuyển biến này, người ta mới hiểu được tại sao, cuối năm 1988,

nhà cầm quyền Hà nội đột ngột thay đổi thái độ, đóng sầm cánh cửa đổi mới lại, quay qua kết tội và đàn áp những người thực hiện đến cùng quan điểm đổi mới.

*

Ở trong nước cũng như ở ngoài nước, người ta thường lầm lẫn khi nhận định chính đảng cộng sản là kẻ khai sinh ra phong trào đổi mới trong văn học. Đó chỉ là một sự ngộ nhận, một ngộ nhận do vô tình và một phần nào, do cố ý nữa. Vô tình mà ngộ nhận là giới cầm bút ở hải ngoại: thiếu tài liệu, thiếu thông tin, người ta chỉ thấy được những dấu mốc lớn là các chỉ thị, các nghị quyết của trung ương đảng cộng sản mà không thấy được những nỗ lực tranh đấu âm thầm nhưng vô cùng gay gắt và dũng cảm của một số văn nghệ sĩ dù sống dưới chế độ cộng sản và dù, có khi là đảng viên đảng cộng sản, vẫn giữ được chút "thiên lương", nói theo chữ của Tản Đà, để biết đau đớn, tủi nhục về cái thân phận cá chậu chim lồng của mình, để biết hướng tới cái khát vọng dùng ngòi bút gửi gấm cho đời không phải những bọt bong bóng xà phòng hư ảo mà là những điều tâm huyết nhất trước những sự thật tối tăm, cùng quẫn và nhức nhối nhất... Cố ý mà ngộ nhận là giới cầm bút trong nước: khôn ngoan, người ta lùi lại phía sau, nhường cho trung ương đảng cầm lá cờ đổi mới, nép đằng sau các bản nghị quyết của bộ chính trị để tránh né những đòn tấn công phũ và ác của bọn *"lính gác trên trận địa văn học"*, nói như Mai Ngữ trong bài *Về một thời kỳ đã qua* (3), hay *"những tên lính đánh thuê", "những kẻ ngụy trá văn nghệ sĩ và trí thức, thực chất là lớp công chức thuộc địa"*, nói như Dương Thư Hương trong bài *Đôi điều suy nghĩ về nhân cách của người trí thức* (4).

Khó nói được đâu là tác phẩm đầu tiên đánh dấu quá trình đổi mới trong nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa Việt nam. Dư luận thường ghi công cho hai tác phẩm: *Thời Xa Vắng* (1986) của Lê Lựu và *Bên Kia Bờ Ảo Vọng* (1987) của Dương Thu Hương. Thật ra, cùng chiều hướng sáng tác với *Thời Xa Vắng*

và *Bên Kia Bờ Ảo Vọng*, đã có quyển tiểu thuyết *Mùa Lá Rụng Trong Vườn* của Ma văn Kháng xuất bản năm 1985 và được hội Nhà văn phát tặng thưởng loại A cùng năm. Trước *Mùa Lá Rụng Trong Vườn*, nhiều truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu, nhiều bài thơ của Nguyễn Duy, từ đầu thập niên 80, đã có đầy đủ những tính chất gọi là đổi mới sau này.

Đi xa hơn nữa, có thể coi bài báo *Viết Về Chiến Tranh* của Nguyễn Minh Châu đăng trên tạp chí Văn Nghệ Quân Đội số tháng Mười Một 1978 và đặc biệt, bài báo *Về Một Đặc Điểm Của Văn học Nghệ Thuật Ở Ta Trong Giai Đoạn Vừa Qua* của Hoàng Ngọc Hiến đăng trên tuần báo Văn Nghệ tại Hà nội số ra ngày 9 tháng Sáu 1979 là những mầm mống đầu tiên của quá trình đổi mới văn học ở Việt nam.

Qua hai bài viết trên, cả Nguyễn Minh Châu lẫn Hoàng Ngọc Hiến đều bày tỏ một thái độ: thái độ phản kháng trước những đường lối hẹp hòi, thô thiển và thô bạo của cộng sản đối với văn học; đều bày tỏ một quan niệm: quan niệm phủ nhận những giá trị hư huyễn mà cộng sản cố sức vẽ vời lên trên nền văn học "minh họa" và "phải đạo" của họ; đều bày tỏ một ước mơ: ước mơ được phản ánh chân thực cuộc đời, thể hiện chân thực những gì mình ấp ủ.

Thời ấy, tất cả những cán bộ lãnh đạo đảng và lãnh đạo văn hóa, văn nghệ của đảng đều lên tiếng phê phán gay gắt quan điểm của Nguyễn Minh Châu, của Hoàng Ngọc Hiến cũng như của những người đồng tình và ủng hộ họ (5).

Những tiếng nói chính trực có thể bị dập tắt, tuy nhiên, dư âm của nó thì cứ ngân vang mãi trong lòng giới cầm bút, trở thành những bất mãn, những suy tư, những trăn trở của cả một lớp người đông đảo, để rồi, gần mười năm sau, như Nguyễn văn Bổng nhận định trong bài *Nghĩ Về Cái Mới Trong Tiểu Thuyết Của Ta Hiện Nay* đăng trên báo Nhân Dân số ra ngày 22 tháng Năm 1987, chính những bất mãn, những suy tư, những trăn trở

ấy đã "*thúc đẩy sự ra đời của nghị quyết của bộ chính trị về văn nghệ, nay là chỗ dựa đáng yên tâm cho họ*".

Nghị quyết về văn nghệ mà Nguyễn văn Bổng vừa nhắc là nghị quyết số 05 được công bố vào đầu tháng Mười Hai 1987 mang tựa đề "*Đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật và văn hóa, phát huy khả năng sáng tạo, đưa văn học, nghệ thuật và văn hóa phát triển lên một bước mới*".

Nội dung chính của nghị quyết 05 tập trung chủ yếu vào đoạn dưới đây:

"*Tự do sáng tác là điều kiện sống còn để tạo nên giá trị đích thực trong văn hóa, văn nghệ để phát triển tài năng... Tác phẩm văn nghệ không vi phạm pháp luật, không phản động (chống lại dân tộc, chống lại chủ nghĩa xã hội, phá hoại hòa bình) và không đồi trụy (truyền bá tội ác, sự sa đọa, phá hoại nhân phẩm) đều có quyền được lưu hành và đặt dưới sự đánh giá, phán xét của công luận và sự phê bình. Đảng và Nhà nước khuyến khích thảo luận, tranh luận công khai để tìm chân lý. Cần tạo một không khí hồ hởi trong sáng tác, khêu gợi nhiều cảm hứng sáng tạo nghệ thuật, trong việc phát triển các loại hình và thể loại nghệ thuật, các hình thức biểu hiện*"(6).

Trước khi bản nghị quyết trên ra đời, trong cuộc gặp gỡ hơn một trăm văn nghệ sĩ tại Hà nội vào hai ngày 6 và 7 tháng Mười 1987, Nguyễn văn Linh, Tổng bí thư đảng cộng sản Việt nam, đã tuyên bố chính sách đổi mới của đảng trong lãnh vực văn học nghệ thuật, bằng cách, một mặt, thừa nhận trong mấy chục năm qua, đảng đã vấp phải nhiều sai lầm nghiêm trọng, chủ yếu là "*đánh giá thấp vai trò, vị trí của văn học nghệ thuật*", sự lãnh đạo "*thiếu dân chủ, trói buộc văn nghệ sĩ, nhiều khi độc đoán, sát phạt*", đảng đã có một "*cơ chế quản lý không đúng, nhiều chính sách bất công*"; mặt khác, tuyên bố "cởi trói" giới văn nghệ sĩ, kêu gọi văn nghệ sĩ "*phải nói lên sự thật, dù là sự thật*

phũ phàng", "dù thế nào, các đồng chí cũng không nên uốn cong ngòi bút của mình" (7).

So sánh thời điểm xuất hiện của những tác phẩm có nội dung đổi mới và các văn kiện nói về sự đổi mới như trên, chúng ta thấy ngay, giữ vai trò tiên phong trong việc đổi mới văn học nghệ thuật tại Việt nam trong mấy năm vừa qua là các văn nghệ sĩ chứ không phải là đảng cộng sản.

Vai trò của đảng cộng sản, ở đây, chỉ dừng lại trong việc thừa nhận sự đổi mới rồi sau đó ít lâu, vào cuối năm 1988, nhất là vào đầu năm 1989, khai tử sự đổi mới, trù dập những người nói thẳng, nói thật.

*

Cuộc vận động đổi mới diễn ra trên cả ba lãnh vực: sáng tác, phê bình và lý luận.

Cuộc vận động đổi mới trong lãnh vực sáng tác khởi sự khá sớm và kéo dài khá lâu. Tuy nhiên, số cây bút tham gia và thực sự thành công tương đối ít. Cũng dễ hiểu. Đổi mới trong sáng tác có nghĩa là đổi mới cả một nếp cảm xúc trong con người. Nhiều nhà văn, nhà thơ ở Việt nam tự ví mình như những con gà công nghiệp, sau một thời gian dài bị nhốt trong chuồng, nay được thả ra giữa sân, mắt lóa nắng, đi đứng lạng quạng, gặp cái gì cũng ngỡ ngàng, không biết bới rác và không biết về đâu đến đâu.

Với những mức độ khác nhau, có thể coi những tên tuổi sau đây ít nhiều đổi mới sáng tác của mình. Về văn xuôi, có Nguyễn Minh Châu, Dương Thu Hương, Lê Lựu, Xuân Cang, Phạm thị Hoài, Nguyễn Huy Thiệp, Phùng Gia Lộc... Về thơ, có Nguyễn Duy, Ý Nhi, Xuân Quỳnh, Trần Vàng Sao, Trần Mạnh Hảo...

Có thể tóm gọn sự đổi mới của họ vào bốn điểm:

Thứ nhất, họ chấp nhận có mâu thuẫn trong nội bộ giai cấp vô sản và trong bản thân xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, vì chấp nhận có mâu thuẫn nên họ cũng chấp nhận có bi kịch.

Thứ ba, họ chấp nhận, trong văn học, có một khu vực khá rộng rãi dành cho cái "tôi", cái riêng của con người, những con người bình thường, tầm thường.

Và thứ tư, họ chấp nhận sự hiện diện của những yếu tố "vô hại" trong nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa.

Bốn điểm gọi là mới trên, so với lịch sử văn học dân tộc nói chung, là những cái cũ mèm, tuy nhiên, so với lịch sử văn học cộng sản, từ năm 1945 đến nay, là những canh tân độc đáo và cực kỳ quan trọng.

Suốt mấy chục năm, nghiệt ngã vô cùng, cộng sản chỉ cho phép ấn hành những tác phẩm trực tiếp có ích cho cuộc chiến đấu. Văn học là vũ khí. Cái câu thơ "*Nay ở trong thơ nên có thép. Nhà thơ cũng phải biết xung phong*" của Hồ Chí Minh được coi là cương lĩnh sáng tác của mọi người. Tất cả những gì không phải là vũ khí đều bị vất bỏ. Thơ Tố Hữu: "*Dẫu một cây chông trừ giặc Mỹ. Hơn nghìn trang giấy luận văn chương*". Cái có ích được đề cao, đè bẹp cái đẹp, vốn là bản chất của văn học. Xuân Quỳnh: "*Em đang tập làm thơ có ích*". Chính cái quan điểm này làm cho cộng sản cấm đoán và mạt sát thơ tiền chiến không tiếc lời. Hoài Thanh, người có công nhất trong việc giới thiệu thơ Mới trước đây quay lại chửi bới thơ Mới thậm tệ. Chế Lan Viên thì coi thời mình sáng tác tập *Điêu Tàn* là một điều đáng ân hận: *Thơ xuôi tay như nước chảy xuôi dòng*. Vô số những tác phẩm văn học cổ điển không được in lại chỉ vì quan điểm này. Vô số những tác phẩm văn học hiện tại bị kết án cũng chỉ vì quan điểm này.

Từ năm 1986, người ta bắt đầu rón rén phục hồi giá trị cho nhiều cây bút tài hoa và nhân bản, trong đó có cả những người trong nhóm Tự lực Văn đoàn và thơ Mới. Điều này có nghĩa là biên giới của cái lãnh thổ văn học mà cộng sản quản lý được nới

rộng hơn: bên cạnh những yếu tố có ích, đã có sự hiện diện của những yếu tố vô hại đối với cộng sản.

Ba sự thay đổi đầu có ý nghĩa quan trọng hơn. Trước, có một luận điệu được coi là nguyên tắc: chế độ xã hội chủ nghĩa là chế độ của dân, vì dân, do nhân dân làm chủ. Trong chế độ ấy không có mâu thuẫn đối kháng. Mọi người cùng chung một lý tưởng, một tư tưởng, một quyền lợi. Tất cả những gì xấu xa đều bị lùa hết sang phía... địch. Chỉ có địch mới biết tham ô, mới biết ngoại tình, mới biết ức hiếp nhân dân. Chỉ có địch mới bán nước, mới giết người, mới làm những chuyện bỉ ổi, nhố nhăng.

Thế giới bị cắt làm đôi: một bên là cách mạng và một bên là phản cách mạng.

Nhân vật trong thơ, trong truyện, theo đó, cũng bị chia thành hai tuyến: tuyến nhân vật tiến bộ và tuyến nhân vật phản động. Kết cấu của mọi truyện ngắn, truyện dài, mọi vở kịch, mọi bài thơ tự sự dưới chế độ cộng sản trước đây được xây dựng trên căn bản sự đối nghịch giữa hai tuyến nhân vật này.

Những sáng tác thuộc xu hướng đổi mới đã cố gắng phá vỡ cái nhìn đơn giản, chật chội cũ để tập trung khai thác những mâu thuẫn trong nội bộ giai cấp vô sản và chủ nghĩa xã hội. Giang Minh Sài, trong quyển tiểu thuyết *Thời Xa Vắng* của Lê Lựu, chẳng hạn, không phải chỉ đối đầu với "địch" trên chiến trường mà còn phải thường xuyên đối đầu với đồng bào, đồng chí của anh ta. Giữa những người được coi là cùng chung một lý tưởng xã hội chủ nghĩa, có biết bao là khoảng cách dẫn đến những xung khắc trầm trọng. Ngay trong cuộc sống gia đình, Giang Minh Sài cũng gặp cơ man những mâu thuẫn: anh ta có hai đời vợ; người vợ đầu do bố mẹ ép lấy, anh ta không yêu nhưng cũng không dám bỏ; người vợ sau anh ta rất yêu nhưng tính tình lại đỏng đảnh, hư hỏng nên cuối cùng cũng không có hạnh phúc.

Những mâu thuẫn được khai thác triệt để trong *Mảnh Đất Tình Yêu*, tiểu thuyết của Nguyễn Minh Châu, xuất bản năm 1987, cũng là những mâu thuẫn trong lòng "cách mạng", những

mâu thuẫn giữa "*cái bọn vừa dốt nát, tham lam, vừa lắm quỷ kế, lắm thủ đoạn có quyền nhân danh cách mạng*", "*vu khống, dọa dẫm khiến người ta sợ phải són đái ra, từ đó mà khuất phục, mua chuộc*" với những người dân hiền lành, chất phác, suốt đời chỉ biết lui cui lao động, giống như những con dã tràng "*lúc nào cũng mắt trước mắt sau, nhớn nhác, hốt hoảng chực chạy*".

Sự mâu thuẫn gắn liền với sự tồn tại của cái xấu. Trước đây, trong văn học cộng sản, không ai dám mô tả cái xấu của những "con người mới xã hội chủ nghĩa". Sự thoái hóa, sự lạc hậu, nếu có, chỉ tập trung vào thành phần địa chủ, tư sản, tiểu tư sản chưa chịu học tập cải tạo. Đảng viên và cán bộ, càng cao cấp bao nhiêu, càng tốt lành và sáng suốt bấy nhiêu. Họ có khả năng hóa giải được mọi mâu thuẫn, mọi khó khăn. Trả lời cuộc phỏng vấn đăng trên báo Văn Nghệ số ra ngày 3 tháng Mười Hai 1988, Nguyễn Minh Châu thú nhận: "*Là những nhà văn hiền lành, vô sự, chỉ biết ca ngợi, cả đời chúng ta không làm hại ai, không làm điều ác với ai. Nhưng cái lỗi lầm lớn nhất của mỗi người chúng ta là đã khiếp hãi trước cái xấu và cái ác. Và lâu dần dường như không làm gì được thì chúng ta coi như không có nó – cuộc đời không có cái xấu và cái ác đang hoành hành, đang chi phối số phận con người, coi như cuộc đời không còn oan khiên, oan khuất*".

Hiện nay, ngược lại, một số cây bút đã thẳng thắn vạch trần những cái xấu xa dơ dáy và độc ác trong xã hội. Trong quyển tiểu thuyết *Ngày Thứ Bảy U Ám* của Trần văn Tuấn, người ta thấy cả những con người gọi là cách mạng nhưng bản chất rất đỗi xấu xa và hung bạo, thế mà, cuối cùng, cũng ngoi lên tới chức... thứ trưởng. Những văn nhân tài tử trong quyển tiểu thuyết *Bên Kia Bờ Ảo Vọng* của Dương Thu Hương chỉ là những "*kẻ dối trá ti tiện*" (tr.6), những kẻ "*hèn mọn và thảm hại*" (tr.335). Không có ai là thần thánh. "*Thần thánh chỉ sống trong trí tưởng của loài người thuở sơ khai. Bây giờ, con người đã đủ khôn để hiểu rằng vĩ nhân nào cũng có ba mươi phần trăm sự siêu phàm còn bảy mươi phần trăm kia dành cho kiếp sống trần*

tục. Bởi lẽ đó, họ cũng giật mình khi gió đông sấm sét, sẽ đau đớn dày vò khi mất mát quyền lợi riêng, sẽ có những ngộ nhận và lầm lẫn" (tr.8). Cùng chiều hướng này, Nguyễn Huy Thiệp còn đi xa hơn Dương Thu Hương nhiều. Phần lớn nhân vật trong các truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp, nói như Mai Ngữ trong bài *Cái tâm và cái tài của người viết* đăng trên báo Quân Đội Nhân Dân số ra ngày 27 tháng Tám 1988, chỉ là *"những con người trần trụi, lõa thể trong tư duy cũng như trong hình hài"*, những con người hiện hữu như những đống rác trôi lênh bềnh trên mặt nước đục ngầu là cái xã hội xã hội chủ nghĩa khốn khó. Đặc biệt, gây ồn ào trong dư luận nhất là truyện ngắn *Vàng Lửa, Kiếm Sắc* và *Phẩm Tiết*. Ở cả ba truyện này, Nguyễn Huy Thiệp đụng đến ba nhân vật thuộc loại lớn nhất trong lịch sử Việt nam: Quang Trung, Nguyễn Du và Gia Long.

Quang Trung, trong truyện *Phẩm Tiết* chỉ là một kẻ yếu đuối về tình cảm, *"nhà vua thấy Vinh Hoa, thốt nhiên rùng mình, hoa mắt, đánh rơi cốc rượu quý cầm tay"*, hơn nữa còn là một người cục cằn: *"Thằng Khải kia... Ta cho mày ăn cứt, xem mày có chê lợm không". Nói rồi nhà vua cầm phất trần quất ngang miệng Khải, quát tả hữu nọc ra đánh nhét cứt vào mồm, lột truồng đuổi Khải về nhà"*.

Nguyễn Du, trong truyện *Vàng Lửa* chỉ là người *"mặt nhàu nát vì đau khổ... Ông hơn người khác ở nhân cách nhưng nhân cách ấy có giá trị gì khi cuộc đời thực ông xúi xó, túng kiết?"*, *"lòng tốt của ông là thứ lòng tốt nhỏ, không cứu được ai"*.

Ngược hẳn với quan điểm chính thống của cộng sản, Nguyễn Huy Thiệp, trong truyện *Vàng Lửa*, qua lời nhân vật Phăng, khen ngợi vua Gia Long là một *"khối nguyên liệu vô giá"*, *"ông làm cho lịch sử sinh động hẳn lên. Đấy là lòng tốt lớn của nhà chính trị. Lòng tốt lớn của nhà chính trị không chỉ làm việc thiện với một bộ phận đơn lẻ mà còn là sức đẩy của ông ta đối với cộng đồng... Không có một sức đẩy mạnh, cả cộng đồng sẽ mọc rêu, mủn nát"*.

Dĩ nhiên, chủ tâm của Nguyễn Huy Thiệp không cốt hạ bệ Nguyễn Du và Quang Trung để thần thánh hóa Gia Long. Chủ tâm của ông có lẽ nhắm tới hai điều: thứ nhất là phá đổ mọi thần tượng. Quang Trung là một thần tượng. Nguyễn Du là một thần tượng. Mọi thần tượng đều giả dối. Lời của Gia Long: "*Vinh quang nào chẳng xây trên điếm nhục*" (Vàng Lửa). Thứ hai là cổ xúy cho một quan điểm đạo đức mới: đề cao những hành động chính trị có hiệu quả lớn đối với dân tộc. Trong *Vàng Lửa*, nhân vật Phăng phát biểu: "*Những hoạt động kinh tế cù lần chỉ đủ sức cho một dân tộc sống khắc khoải. Vấn đề ở chỗ phải đứng lên vươn mình thành một cường quốc. Làm điều đó, phải có gan chịu đựng sự va xiết trong quan hệ với cộng đồng nhân loại. Thói hủ nho và thủ đâm chính trị sẽ không bao giờ tạo được những quan hệ trong sáng, lành mạnh. Sẽ đến lúc nền chính trị thế giới giống như món nộm suồng sã, khái niệm thanh khiết ở đây vô nghĩa*".

Những người công kích Nguyễn Huy Thiệp tại Việt nam chỉ tập trung vào luận điểm cho là Nguyễn Huy Thiệp xúc phạm đến những bậc anh hùng dân tộc. Những người bênh vực Nguyễn Huy Thiệp vin cớ là văn khác với sử: viết sử thì phải trung thực, phải chính xác; viết văn thì có thể bịa đặt, có thể hư cấu.

Cả những người chê lẫn những người khen đều né tránh một điều:

khi chủ trương phá đổ mọi thần tượng, dĩ nhiên Nguyễn Huy Thiệp không hề có ý chừa lại Hồ Chí Minh, nếu không muốn nói, vì muốn phá vỡ thần tượng Hồ Chí Minh nên ông mới viết *Vàng Lửa*, *Kiếm Sắc* và *Phẩm Tiết*.

So với quan niệm về một nền "đạo đức lớn" của Nguyễn Huy Thiệp thì những mớ son phấn người ta trét lên hình ảnh Hồ Chí Minh như cần, kiệm, liêm, chính, như giữa khuya thức dậy đi dém chăn cho từng người du kích, như mỗi bữa ăn dành lại nửa

lon gạo cho... đồng bào, chỉ là những sự lố bịch. Đó chỉ là biểu hiện của "thói hủ nho và thủ dâm chính trị".

Hồ Chí Minh đã không đáp ứng được hai yêu cầu tiên quyết của một nhà chính trị lớn, theo ý của Nguyễn Huy Thiệp: một là trở thành một "sức đẩy" đối với cộng đồng; hai là biến đất nước "thành một cường quốc".

Cho dù Nguyễn Huy Thiệp không hề có ý định nhắm vào Hồ Chí Minh thì nỗ lực phá đổ thần tượng nói chung của ông cũng là một cú đấm khủng khiếp giáng vào những nguyên tắc căn bản trong việc xây dựng chế độ cộng sản, một chế độ có tham vọng trở thành một tôn giáo mà thần thánh là những lãnh tụ, những Lênin, những Mao Trạch Đông, những Hồ Chí Minh...

Một Nguyễn Huy Thiệp trong lãnh vực thơ ca: Nguyễn Duy.

Nguyễn Duy làm thơ khá sớm, từ đầu thập niên 70, đã có thơ đăng trên báo chí miền Bắc, từng đoạt giải nhất trong cuộc thi thơ của báo Văn Nghệ tại Hà nội năm 1972 – 1973, nhưng chỉ từ đầu thập niên 80 trở đi mới định hình thành một phong cách độc đáo, hừng hực, dữ dội. Nhiều bài thơ của ông đã bị cấm phổ biến (8). Bài *Nhìn Từ Xa... Tổ Quốc* đăng trên tạp chí Sông Hương số 37 ra tháng Tư và Năm 1989 là tột đỉnh của sự bất mãn và phản kháng của Nguyễn Duy. Mai Quốc Liên, trên báo Nhân Dân số ra ngày 11 tháng Chín 1989, kết tội Nguyễn Duy, qua bài thơ này, "*thóa mạ Tổ quốc không tiếc lời, chửi bới hung hăn đến nỗi nói về chiến đấu chống Mỹ bằng những lời mỉa mai cay độc*".

Thật ra, Nguyễn Duy không hề "thóa mạ Tổ quốc". Nguyễn Duy chỉ thóa mạ những anh hùng, những lãnh tụ được đảng đánh bóng, đặt lên bàn thờ:

Thần tượng giả xèo xèo phi hành mỡ
Ợ lên thum thủm cả tim gan

Nguyễn Duy chỉ thóa mạ những lời lẽ tự hào huênh hoang về tính chất ưu việt không có thật của chủ nghĩa xã hội:

Thời hậu chiến ta vẫn người trong cuộc
xử sở phì nhiêu sao thật lắm ăn mày?

Nguyễn Duy chỉ thóa mạ những mưu toan ngụy biện đòi hỏi đổi mới cơ chế, đòi hỏi đổi mới tư duy để né tránh một sự đổi mới cần thiết và bức bách nhất: đổi mới chế độ:

Chả lẽ bốc thang cỏ khô nhai lại
lạy ông – cơ – chế, lạy bà – tư – duy
xin đừng hót những lời chim chóc mãi

Nguyễn Duy chỉ thóa mạ cái nền văn học minh họa của bọn "công chức thuộc địa", nói theo chữ của Dương Thu Hương, đầy dẫy ở Việt nam, dưới chế độ cộng sản:

Ngày càng hiếm câu thơ tuẫn tiết
ta là gì?
ta cần thiết cho ai?

Thóa mạ. Rồi hoài nghi. Hai câu thơ này của Nguyễn Duy như hai lời tiên tri:

Đổi mới thật chăng hay giả vờ đổi mới?
máu nhiễm trùng ta có thể thay chăng?

Thóa mạ. Hoài nghi. Và nghẹn ngào. Hình ảnh Tổ quốc thông qua hình ảnh lương tâm của nhà thơ chập chờn trong suốt bài thơ, não nề biết mấy, lúc thì như cái "*bóng máu bầm đen sóng soài nền nhà*", lúc thì như "*vết bầm đen đấm ngực*", lúc thì như "*vết bầm đen quều quào giơ tay*", lúc thì như "*vết bầm đen còng còng dấu hỏi*". Động tác thay đổi, nhưng bản chất là một: một vết máu bầm đen.

Thử so sánh với hình ảnh Hà nội trong bài thơ *Nhất Định Thắng* của Trần Dần thời Nhân văn – Giai phẩm "*không thấy phố, không thấy nhà; chỉ thấy mưa sa trên mầu cờ đỏ*" người ta càng thấy tính chất phản kháng dữ dội toát lên từ bài thơ trên của Nguyễn Duy.

Sự tồn tại của những cái xấu, cái ác tất yếu dẫn đến sự tồn tại của những bi kịch. Văn học cộng sản trước đây hoàn toàn

loại trừ tiếng khóc. Ngay trong chiến tranh khốc liệt, nước mắt cũng không thấm được vào trang sách. "*Xa nhau không hề rơi nước mắt. Nước mắt để dành cho ngày gặp mặt*" (Nam Hà). Trong bài *Tạ Lỗi Cánh Đồng*, Trần Nam Hương, một nhà thơ trẻ, nhìn lại:

Đã có một thời nỗi đau ta phải dấu
Ta đánh mất ta trong nửa con người
Bài thơ phải cất đi phần thật nhất
Trang báo ta cầm chỉ đọc những niềm vui

Thơ văn chỉ viết về chiến thắng, chỉ nhằm ca ngợi chiến thắng. Huy Cận: "*Vai mang súng lòng mang tiếng hát*". Chế Lan Viên: "*Mỗi câu thơ đều dội tiếng ta cười*". Xuân Diệu: "*Chặt cái bùi ngùi, dẫm nó dưới chân*". Cứ thế, cứ thế. Văn thơ cộng sản hoàn toàn hờ hững quay lưng lại với những đau thương chất ngất của con người.

Chỉ với phong trào đổi mới văn học bộc phát mạnh mẽ từ năm 1986, đặc biệt từ năm 1987 trở đi, các nhà văn, các nhà thơ cộng sản mới bắt đầu thảng thốt nhận ra, ngay bên cạnh mình, hình ảnh của một nàng Kiều, một mẹ Lê, một anh Pha, một thằng Chí Phèo đau khổ, đầm đìa nước mắt.

Ngoài những bi kịch có tính chất nhân loại như những bi kịch trong tình yêu, trong chiến tranh, trong những biến động dữ dằn của thiên nhiên, giới cầm bút tại Việt nam thời gian gần đây còn chú ý đến hai loại bi kịch đầy tính chất thời sự: bi kịch trước sự nghèo đói và bi kịch trước những bất công của xã hội.

Bao nhiêu hình ảnh người nghèo, người đói đột nhiên xuất hiện nhan nhản trong thơ, trong truyện Việt nam, đặc biệt trong năm 1988. Lê Đình Cảnh viết về người "*cất lời nước mắt lần đầu ăn xin*". Đỗ Trung Quân viết về người thầy giáo ngồi bán thuốc lá lẻ dọc đường, "*vành nón sụp che mắt nhìn mỏi mệt*", chối từ tất cả, chối từ những lời chào hỏi của học trò, "*chối từ những bài giảng dạy con người đứng thẳng*". Trần Vàng Sao viết về đứa bé đói quá phải lén ra nghĩa trang ăn trộm cơm cúng, "*ăn*

cả tàn hương vào bụng", viết về người đàn ông bốn mươi ba tuổi *"thường không có một đồng trong túi"*, *"chân tay rã rời / đầu óc đau nhức / không muốn làm gì hết"*, và những bạn bè của anh, những con người cùng cảnh ngộ như anh:

...đứa không có được một cái áo lành
đứa đi kinh tế mới ba bảy tám năm trở về
xách một cái bị lát mặt cắt không có một hột máu
đứa đạp xe thồ ngồi vắt chân ăn củ sắn
chờ khách ở bến xe
đứa vô tích sự ở nhà không có việc chi làm
đứa có râu tóc dài che kín mặt
có đứa tàng không nhớ mình tên chi
có đứa chịu không nổi dắt vợ con vào Nam
ăn đường ngủ chợ
mỗi lần gặp nhau mở to mắt cười
hút một điếu thuốc lá lắc đầu
hết chuyện nói...

Sự xuất hiện của những cái xấu, cái ác và của những nỗi đau trong văn học Việt nam gần đây gắn liền với sự xuất hiện của một thể loại văn học từ lâu bị khai tử dưới chế độ cộng sản: thể phóng sự.

Những bài viết mạnh mẽ nhất, gây nhiều xôn xao nhất có lẽ là những bài phóng sự. Chính qua những bài phóng sự, các nhà văn đã vạch trần những tội ác man rợ của cộng sản đối với dân chúng, bất kể từ ai, từ nông dân đến công nhân, đến giới trí thức và văn nghệ sĩ. Mỗi bài phóng sự như một bản cáo trạng: *Lời Khai Của Bị Can* của Trần Huy Quang (Văn Nghệ số 37 ngày 12 tháng Chín 1987), *Cái Đêm hôm Ấy... Đêm Gì?* của Phùng Gia Lộc (Văn Nghệ số 4 – 5 – 6 tháng Tám 1988), *Tiếng Đất* của Hoàng Hữu Các (Văn Nghệ ngày 11 tháng Sáu 1988), *Sự Nghiệt Ngã Của Nghề Nghiệp* của Hà văn Thùy (Văn Nghệ ngày 2 tháng Tám 1988), *Chuyện Như Đùa* của Mai Ngữ (Văn Nghệ ngày 21 tháng Mười Một 1987)...

Cuộc sống của người dân dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, trong

những bài phóng sự này, như một địa ngục, chỉ biết đói, khổ, bị hành hạ, bị dập vùi.

Một số người, như Dương Thu Hương trong quyển truyện vừa *Những Thiên Đường Mù* (1989) và Ninh Đức Định trong bút ký *Ôi, Cam Mà Sao Đắng* (Văn Nghệ 18 tháng Hai 1989) quay trở lại quá khứ với những cuộc đấu tố, giết người một cách man rợ trong phong trào cải cách ruộng đất vào những năm giữa thập niên 50 ở miền Bắc.

Lịch sử đảng cộng sản Việt nam, dưới ngòi bút họ, trở thành lịch sử của một tội ác.

Từ việc tố cáo tội ác đến việc thể hiện những bi kịch trong cuộc sống, giới cầm bút Việt nam dần dần tiếp cận một lãnh vực từ lâu họ bị cắt lìa: lãnh vực của cái "tôi", cái riêng tư và bình thường của mọi người. Đối tượng của văn học không phải là những anh hùng hay những thần thánh nữa, mà là những con người với những niềm vui và những nỗi buồn rất người.

Trước đây, trong quan niệm chính thống của cộng sản, văn học là để phản ánh cái chung. Cái "tôi", cái riêng tư bị coi như một cái gì bất hợp pháp. Chế Lan Viên: "*Khi đứng riêng tây ta thấy mình xấu hổ*". Nguyễn Đăng Mạnh: "*Ở ta, phong kiến kéo dài rất ghét cái tôi*" (9). Hà Minh Đức: "*Thơ không nhằm mục đích tự biểu hiện thế giới riêng tư của các nhà thơ vốn được xem như nội dung chủ yếu của sáng tác thơ ca thời trước cách mạng*" (10). Thơ văn chỉ lổn nhổn các sự kiện, các tên người, tên đất, tên chiến công mà hoàn toàn vắng bặt những nỗi niềm xao động của con người. Những người cầm bút rán sức giấu nhẹm cái "tôi" của mình vì "*thành thật tin một cách ngây thơ là nó nhỏ bé, vô nghĩa, không đáng thể hiện*" (11).

Từ năm 1986, tình hình đổi khác. Vẫn có nhiều người tiếp tục đi theo con đường cũ, con đường cụt, tuy nhiên, bên cạnh đó, ở những người cầm bút nhiều nhiệt tâm, khao khát sáng tạo, tính chất chung chung, công thức ồn ào và khoa trương đã giảm đi nhiều. Từ giã những chiến trường, những nông trường, những

công trường, người ta quay về cuộc đời thường nhật với những đề tài tình yêu đầy xôn xao, đầy hạnh phúc hoặc đầy thất vọng muôn thuở của con người. Nếu trước kia, Tố Hữu đã từng nghiêm khắc phê phán tình yêu mê muội của Mỵ Châu đối với Trọng Thủy:

Anh kể em nghe chuyện Mỵ Châu
Trái tim lầm chỗ để trên đầu

thì hiện nay, Vương Trọng lại "triết lý":

Đã yêu thì yêu như Tiên Dung
Đẳng cấp sang hèn không tính đến
Đã yêu thì yêu như Mỵ Châu
Dù đầu rơi vẫn không sai hẹn
Đã yêu thì yêu như Trương Chi
Thân dù tan hồn lặn vào đáy chén

(Triết Lý Khi Yêu)

Và tình yêu cũng không phải chỉ là chút hương thầm cứ bay dịu nhẹ như trong thơ Phan thị Thanh Nhàn ngày nào. Tình yêu bây giờ, dưới ngòi bút của những tác giả đổi mới là một cái gì thật cụ thể, đôi khi trần tục. Như trong bài *Tan Vỡ* của Dư thị Hoài, một nhà thơ trẻ mới được chú ý từ một hai năm nay:

Mở ngăn kéo rồi anh bỏ ngỏ
Bút viết xong không đậy nắp bao giờ
Ôi anh yêu lơ đễnh đến là
Con nai rừng của em

Tất cả rồi dễ qua đi qua đi
Chúng mình sẽ thành chồng thành vợ
Nếu không có một lần...
Một lần như đêm nay
Sau phút giây
Êm đềm trên ghế đá
Anh không cài lại khuy áo ngực cho em...

(Văn Nghệ 7 tháng Năm 1988)

Theo Tô Hà, trên báo Văn Nghệ số 10 ra ngày 11 tháng Ba 1989, *"Tám mươi phần trăm số thơ gửi tòa soạn báo "Người Hà nội" gần đây mà tôi được đọc toàn là những bài anh anh em em"*.

Ở phương diện này, phương diện khai thác tính chất trữ tình cá nhân, cho đến nay, ở Việt nam, chưa có ai đạt được thành công nào lớn lao. Có lẽ, nói như ai đó, quá quen hát hùng ca, người ta đâm ra bỡ ngỡ và vụng về khi trở lại những bản tình ca êm ái. Dù vậy, đây cũng là một xu hướng đúng: nó giúp người ta thoát ra khỏi những khuôn mẫu tiền chế cứng nhắc để càng lúc càng cận nhân tình hơn.

*

So với lãnh vực sáng tác, sự đổi mới trên lãnh vực phê bình và lý luận văn học sôi nổi hơn, gây nhiều sóng gió hơn, khiến cho giới lãnh đạo cũng như giới bảo thủ căm hận hơn và sau đó, phản công kịch liệt.

Bùng nổ, thực sự là một sự bùng nổ của những nỗi công phẫn từ lâu dồn nén trong lòng giới văn nghệ sĩ vào năm 1987 lúc Nguyễn văn Linh tuyên bố chính sách "cởi trói". Chưa bao giờ, trong nền văn học cộng sản, người ta viết phê bình và viết lý luận một cách hậm hực, cay đắng và dữ dội đến như vậy. Phê bình như một sự nổi giận. Phê bình trở thành phê phán.

Mất cả thói quen e dè thường lệ, lúc Nguyễn văn Linh hỏi có phải nền văn học cộng sản từ sau năm 1975 nghèo nàn đi không, phần lớn những người cầm bút đều đáp: *"Vâng"*. Vâng, văn học rất nghèo nàn. Vâng, văn học đã nghèo, càng lúc càng nghèo nàn hơn nữa (7). Không còn ai dám phồng mang trợn mắt huênh hoang là văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa là đỉnh cao của nền thi thư văn hiến Việt nam như trước. Mọi người đều đồng loạt nhìn lại cái tài sản văn học ốm o mình gầy dựng dưới sự lãnh đạo của đảng suốt gần nửa thế kỷ.

Trên báo Văn Nghệ số ra ngày 16 tháng Bảy 1988, Lê Ngọc Trà "vui vẻ" ghi nhận:

"Thế là rốt cuộc sau nhiều do dự, thì thầm, lần đầu tiên chúng ta đã có can đảm nói to lên, nói công khai một sự thật: văn học cách mạng của chúng ta còn nghèo nàn".

Nghèo. Còn đỡ. Nó còn chẳng có chút gì gọi là văn học nữa. Theo Mai Quốc Liên, trong bài *Đôi Điều Bàn Lại* đăng trên báo Nhân Dân số ra ngày 9 và 11 tháng Chín 1989, nhiều người đã gọi nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa bằng nhiều tên khác nhau và tên nào cũng thể hiện một sự căm ghét, khinh bỉ sâu sắc: nào là *"văn học minh họa"*, *"văn học thông tấn"*, nào là *"văn học xướng ca"*, *"văn học tụng ca"*, nào là *"văn học xi rô"*, *"văn học cung đình"*, thậm chí, gay gắt hơn, nhiều người còn gọi đó là nền *"văn học tiểu ngữ"*, *"văn học xú ngữ"*. Mai Quốc Liên không nêu tên những người phát biểu, tuy nhiên, nên nhớ: tất cả đều là những nhà văn, nhà thơ chính thống của cộng sản, những người suốt mấy chục năm qua đã trực tiếp góp phần gầy dựng nên nền văn học cộng sản.

Người ta đua nhau đọc lời ai điếu, đòi đào huyệt chôn lấp cho vĩnh viễn khuất mắt cái thời kỳ văn học điếm nhục ở đó họ chỉ là những con vẹt lải nhải lập lại những lời nói dối trá, ngu muội của đảng, của nhà nước.

Nguyên nhân làm cho nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa nghèo nàn, chỉ toàn "tiểu ngữ" và "xú ngữ" dĩ nhiên không phải do giới cầm bút. Dù đứng ở bất cứ quan điểm nào mà xét, không ai có thể chối cãi được những tên tuổi như Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng, Nguyễn Công Hoan... không phải là những tài năng lớn. Ngay từ trước năm 1945, lúc còn rất trẻ tuổi, họ đã khẳng định được tài năng một cách xuất sắc. Trong số những tên tuổi mới xuất hiện sau này, dưới chế độ cộng sản, cũng không phải chỉ là một đám cỏ lau hèn mọn. Thế mà, suốt mấy chục năm, không có ai làm được một cái gì thật đẹp, có giá trị thực sự và lâu dài. Tại sao?

Trả lời câu hỏi này, người ta đụng đến một vấn đề căn bản và cực kỳ gai góc: sự lãnh đạo của đảng.

Theo Nguyễn Khắc Viện, sự lãnh đạo của đảng đối với văn nghệ "*nhiều lúc còn thô sơ, tỉa cành bắt sâu trong một vườn hoa quý mà lại dùng dao búa làm rừng khai hoang*" Theo Lưu Quang Vũ, đó là một sự lãnh đạo độc tài: "*chỉ cần một người suy nghĩ cho mọi người, một cái đầu tối cao suy nghĩ cho mọi cái đầu*". Rồi ông nhấn mạnh: "*Một tình trạng độc đoán về tư tưởng như vậy tất yếu bóp chết mọi sáng tạo, làm khô kiệt văn học nghệ thuật*". Nhà biên kịch Tất Đạt, nữ đạo diễn Phạm thị Thành, hai nghệ sĩ Ái Vân và Xuân Thanh đều cho là: "*Vấn đề tự do sáng tạo bị cản trở, thậm chí có khi bị chà đạp vì những quan niệm lãnh đạo ấu trĩ, thô bạo, sai trái*" (7).

Chua chát và đau xót nhất là lời phát biểu của nhà phê bình văn học Nguyễn Đăng Mạnh: "*Lãnh đạo khinh bỉ sâu sắc văn nghệ sĩ*" (7).

Ý kiến này, trước đó, Nguyễn Đăng Mạnh đã phát biểu hai lần. Một lần, trong bài viết *Phê bình văn học trong tình hình mới: "Người ta thích nói một cách chung chung, nền văn học của ta đã trưởng thành, văn nghệ sĩ của ta là những chiến sĩ, những anh hùng, nhưng đối với văn nghệ sĩ thì coi như con nít"*. Lần khác, trong một cuộc hội thảo bàn tròn do báo Văn Nghệ tổ chức cũng được tường thuật trên số báo vừa dẫn: "*Nhà văn cũng bị coi là con nít: sợ họ hư nên người ta thích bật đèn đỏ, đèn vàng, chứ ít khi bật đèn xanh cho văn nghệ phát triển*".

Ý kiến của Nguyễn Đăng Mạnh được nhà văn Mai văn Tạo đồng tình: "*Chưa bao giờ văn nghệ sĩ bị rẻ rúng như bây giờ*" (12)

Nhà văn Nguyễn Minh Châu, trong bài *Hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn văn nghệ minh họa* đăng trên báo Văn Nghệ số kép 49 – 50 ra ngày 5 tháng Mười Hai 1987 có lẽ cũng nghĩ tương tự, mặc dù ông không dùng chữ "*khinh bỉ*" hay "*rẻ rúng*", khi cho là, sự lãnh đạo hẹp hòi và thô bạo của đảng đã khiến cho

người cầm bút phải chấp nhận một tình trạng *"rất thảm đối với nhân cách của một người văn nghệ sĩ": "hễ cầm bút là phải nghĩ đến né tránh, che chắn, rào đón, đối phó"*. Nguyễn Minh Châu viết tiếp, uất hận và nghẹn ngào: *"Văn chương gì mà muốn viết một câu trung thì phải viết một câu nịnh? Hèn, hèn chứ? Nhà văn nước mình tận trong tâm can ai mà chẳng thấy mình hèn? Cái sợ nó làm mình hèn"*.

Cảm giác đau nhục ấy khiến Nguyễn Minh Châu, một nhà văn mang quân hàm đại tá trong quân đội, đâm ra ghen tị với Nam Cao, một nhà văn bần cùng, nhếch nhác, lam lũ sống và viết chủ yếu trước năm 45, lúc Việt nam còn là một thuộc địa của Pháp:

"Có lúc tôi lại đem công việc của chúng ta so sánh với công việc của các nhà văn tiền chiến cầm bút trước cách mạng, gọi là các nhà văn hiện thực phê phán, ví dụ như ông Nam Cao chẳng hạn, có lần ông ấy la lối, hô hoán ầm lên rằng thiên hạ vít hết lối của ngòi bút ông ấy, viết cây chuối hay con chó hoặc kẻ say rượu đều phạm húy, đều có kẻ đe đánh, đe đốt nhà. Bị o ép đến vậy tưởng không viết được gì, thế mà cuối cùng, cả một đời cầm bút của Nam Cao trước cách mạng số năm có là bao nhiêu đâu, vậy mà đủ để lại khá nhiều, nhất là có thể có cái quyền viết rất thực, bao nhiêu lẽ đời, sự đời, bao nhiêu khuôn mặt người thực đến thế, Chí Phèo thực đến thế. Thật là vừa được viết vừa được nói".

Chế độ thực dân luôn luôn bị lịch sử lên án là một tội ác. Thế nhưng, theo ý Nguyễn Minh Châu, ít nhất trong lãnh vực văn học nghệ thuật, chế độ thực dân dù sao cũng dễ thở hơn chế độ cộng sản vì ở đó, người ta *"có thể có cái quyền viết rất thực", "vừa được viết vừa được nói"*, còn chế độ cộng sản thì không. Nguyễn Minh Châu tiếp:

"Mấy chục năm qua, tự do sáng tác chỉ có đối với lối viết minh họa, văn học minh họa, với những cây bút chỉ quen với công việc cài hoa kết lá, vờn mây cho những khuôn khổ có sẵn, cho chữ

nghĩa những văn bản vốn đã có sẵn mà chúng ta quy cho đấy đã là tất cả hiện thực đời sống đa dạng và rộng lớn. Nhà văn chỉ được giao phó công việc như một cán bộ tuyên huấn truyền đạt đường lối, chính sách bằng hình tượng văn học sinh động".

Hậu quả là gì? Một là biến nhà văn, nhà thơ thành những kẻ hèn nhát và hèn hạ như đã dẫn ở trên. Hai là biến nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa dưới chế độ cộng sản trở thành "công thức và sơ lược", "nó nhạt, và càng ngày người đọc càng thấy rõ ở những tác phẩm minh họa và ca ngợi một chiều một sự giả dối không thể nào bào chữa nổi, đắp đậy nổi, so với cuộc đời thực bên ngoài".

Những lời phê phán bốc lửa của các nhà văn, nhà phê bình ở trên gợi ra hai vấn đề thuộc phạm vi lý luận văn học: thứ nhất, chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa có phải là một phương pháp sáng tác có giá trị ưu việt như đảng đã nói? Thứ hai, thực chất mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị là gì?

Ngay từ năm 1943, trong bản *Đề cương văn hóa* và đặc biệt từ năm 1948, trong bản báo cáo *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt nam* do Trường Chinh soạn và đọc tại Đại hội văn hóa lần thứ hai, đảng cộng sản đã chủ trương đề cao phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa. Đến những năm cuối cùng của thập niên 50, ở miền Bắc, cộng sản đi xa hơn, coi phương pháp sáng tác này như một phương pháp sáng tác độc nhất được phép sử dụng.

Nội dung chủ yếu của phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa có thể tóm gọn vào hai điểm: một là, văn học phải "phản ánh hiện thực"; hai là, mục đích của việc phản ánh ấy không phải nhằm tới sự phê phán như là chủ nghĩa hiện thực (phê phán) trước đây, mà cốt để ca ngợi, để biểu dương, để khẳng định vai trò của đảng cộng sản, xu thế tất yếu của lịch sử dân tộc và lịch sử nhân loại là tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Theo Lê Ngọc Trà, trong bài *Về vấn đề văn học phản ánh hiện thực* đăng trên báo Văn Nghệ số ngày 16 tháng Bảy 1988,

chính cái quan niệm nông cạn và sai lầm về chức năng của văn học được trình bày trong khái niệm hiện thực xã hội chủ nghĩa là một trong những nguyên nhân *"dẫn đến tình trạng suy tư tưởng của khá nhiều tác phẩm văn học trong mấy chục năm vừa qua"* Lê Ngọc Trà viết:

"Lâu nay nhiệm vụ đặt ra đối với người sáng tác chủ yếu là phản ánh đời sống cho chân thực và phù hợp với quan điểm của đảng. Về sau này đối với phần lớn nhà văn đã thành quen thuộc, nên cũng không khó lắm. Còn lại chỉ là làm sao tránh được ba điều: mô tả có tính chất "tô hồng", "bôi đen" hoặc "tự nhiên chủ nghĩa". Nhưng cái đó đối với người khôn ngoan sau đôi lần vấp ngã đã trở nên "có kinh nghiệm" thì cũng dễ tránh thôi. Rốt cuộc, người sáng tác – cố ý hoặc không cố ý – phần đông đều chọn cách viết an toàn nhất, mà lại "đúng" nữa, là tập trung ghi chép, mô tả, kể cho thật nhiều về đời sống miễn sao đừng phạm vào mấy điểm kể trên, còn cái quan trọng là bản thân anh, chính anh, riêng anh nghĩ gì, đau gì thì hoặc là lờ đi, giấu biến đi, hoặc thành thật tin một cách ngây thơ là nó nhỏ bé, không đáng thể hiện. Hình như đảng nghĩ là đủ, đảng nói rồi thì nói lại. Cứ thế nhà văn thì được "an toàn", còn văn học thì lại nghèo đi".

Lê Ngọc Trà tiếp:

"Trên bình diện lý luận nghệ thuật (khác với trên bình diện lý luận phản ánh), văn học trước hết không phải là phản ánh hiện thực mà là sự nghiền ngẫm về hiện thực. Tác phẩm nghệ thuật thể hiện cách nhìn của nhà văn về sự sống, sự khao khát công lý xã hội; nó là lời tâm sự hay sám hối, là tiếng nói của tình yêu, cái đẹp không đạt được, là gánh nặng ưu tư với lẽ đời, lẽ còn mất của nhân sinh và vũ trụ. Văn học chủ yếu không phải là ghi chép, mô tả hiện thực mà là hành động tự nhận thức của nhà văn, nhờ đó tác phẩm nghệ thuật trở thành mảnh đất nuôi dưỡng tình cảm con người, thành khu vườn nơi tâm hồn con

người đơm hoa kết trái, như hình thức tồn tại và phát triển độc đáo của đời sống tinh thần nhân loại".

Hoàng Ngọc Hiến còn mạnh bạo hơn Lê Ngọc Trà. Ông không thèm cãi vã về những điều đối với nhân loại – trừ cộng sản – đã thành hiển nhiên. Ông chỉ tuyên bố thẳng thừng:

"Hiện thực xã hội chủ nghĩa... là một khái niệm giả đã gây đau khổ kéo dài cho cả nghệ sĩ, cả nhà nghiên cứu, lãnh đạo. Nó lúc ban đầu được nêu lên như một ngọn cờ và đã có tác dụng tập hợp vẫy gọi. Nhưng tai hại là ở chỗ từ ngọn cờ người ta lại định biến nó thành một khái niệm học thuật để làm sang cho nó, chứng minh nó là phương pháp sáng tác, biến nó thành vạn năng. Sự luận chứng này là vô bổ" (13).

Trong bài *Hiện thực xã hội chủ nghĩa có phải là của giả không?* đăng trên báo Nhân Dân số ra ngày 5tháng Năm 1989, Đỗ văn Khang có nhắc lại ý kiến của ai đó, ông không nêu tên, cho rằng: *"Khái niệm hiện thực xã hội chủ nghĩa chỉ là sự bày đặt của một số nghệ sĩ, một số nhà lý luận".*

Những quan điểm phủ nhận chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa xuất hiện mạnh mẽ và chiếm được sự đồng tình của đông đảo giới cầm bút tại Việt nam đến nỗi Viện Văn Học tại Hà nội phải triệu tập một cuộc hội nghị về vấn đề này vào tháng Bảy 1988, sau đó, tường thuật trên tạp chí Văn Học số 1. 1989. Cuộc hội nghị, cuối cùng, không dẫn đến một kết luận nào chung quyết và chính thức cả.

Dù sao, vấn đề đánh giá phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa cũng ít nguy hiểm cho cộng sản hơn là vấn đề xét lại mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị.

Có thể nói, nền tảng của lý thuyết cũng như của mọi chính sách của cộng sản đối với văn học nghệ thuật là đồng nhất văn nghệ và chính trị, coi văn nghệ là một phương tiện truyền bá chính trị, bắt văn nghệ phải phục tùng và phục vụ chính trị. Quan điểm này là cơ sở từ đó đảng cộng sản duy trì quyền lực lãnh đạo, quản lý văn nghệ sĩ.

Từ năm 55, 56 ở miền Bắc, nhóm Nhân văn – Giai phẩm, khởi đầu là Trần Dần và Hoàng Cầm, đã đặt lại vấn đề này và đã đòi hỏi văn nghệ phải được độc lập với chính trị. Yêu sách đúng đắn của họ đã bị cộng sản vùi dập, hơn nữa, trả thù một cách man rợ.

Trong cuộc đổi mới văn học từ năm 1986, một lần nữa, giới văn nghệ sĩ Việt nam lại lên tiếng đòi hỏi sự độc lập và sự tự do, trước hết là độc lập và tự do đối với chính trị. Trong cuộc họp tại Hà nội vào tháng Mười 1987, trước mặt Nguyễn văn Linh, nhiều người lên tiếng khẳng định: *"Văn nghệ có tính độc lập với chính trị"* (7).

Nhà phê bình văn học Lã Nguyên phân biệt: *"Chính trị là vị lợi trước mắt, văn nghệ lại vô tư", "chính trị là pháp quyền, là cả một cơ chế quan phương, chính thống, trong khi đó nghệ thuật lại là ý thức phi quan phương, là sự tự ý thức của nhân dân"* (14). Ý thức chính trị và ý thức nghệ thuật, do đó, không thể đồng nhất, thậm chí, khó có thể song hành với nhau.

Nhà phê bình văn học Lại Nguyên Ân, trên báo Văn Nghệ số 9 ra ngày 27 tháng Hai 1988 và trên tạp chí Sông Hương số 31 ra tháng Năm và Sáu 1988 cũng quan niệm tương tự. Ông viết, chế độ cộng sản *"đã biến văn nghệ sĩ thành cán bộ nhà nước, thành viên chức ăn lương để làm văn nghệ – một tình trạng na ná "tao đàn" của văn nghệ quan phương"*. Theo Lại Nguyên Ân, mục tiêu của văn nghệ quan phương *"bao giờ cũng phục tùng, phục vụ những nền tảng, những yêu cầu của việc xây dựng và củng cố chế độ"*, do đó, nó *"khó mà có giá trị cao, vì nó gắn liền với cảm hứng nhà nước. Trong khi đó, nghệ thuật chân chính phải phát ngôn ý thức nhân dân, ý thức thời đại. Những nghệ sĩ trung bình có thể sống yên ổn trong ý thức quan phương, còn những nghệ sĩ lớn bao giờ cũng "bung ra" khỏi ý thức ấy"*.

Trên báo Văn Nghệ số ra ngày 29 tháng Tám 1987, nhà phê bình văn học Nguyễn Đăng Mạnh nhận định: suốt mấy chục năm qua, *"xu hướng đồng nhất văn nghệ với chính trị là xu*

hướng chủ đạo, bao trùm. Chính trị cần tuyên truyền thì đẻ ra văn nghệ minh họa. Văn nghệ do làm cái việc tình cảm hóa những nội dung chính trị nên không có văn nghệ lớn".

Nói như vậy cũng có nghĩa là gián tiếp nói, đảng hãy trả lại quyền lãnh đạo văn nghệ cho văn nghệ sĩ, như cái điều mà Trần Dần, Hoàng Cầm, Phan Khôi, Trương Tửu... đã yêu cầu trước đây trên Nhân văn và trên Giai phẩm.

*

Ở trên, tôi đã cố gắng trình bày diễn tiến cũng như nội dung quá trình đổi mới của nền văn học cộng sản tại Việt nam 1986 đến nay, đặc biệt là trong hai năm 1987 và 1988.

Có thể đánh giá cuộc vận động đổi mới này trên hai khía cạnh: khía cạnh văn học và khía cạnh chính trị, xã hội.

Từ khía cạnh văn học, cuộc vận động đổi mới, thật ra, chỉ là một cuộc vận động để trở về với những cái cũ, những cái bình thường và sơ đẳng nhất của văn học. Nó chỉ mới đối với cộng sản chứ tuyệt đối không có chút gì gọi là mới so với lịch sử phát triển của nền văn học dân tộc.

Trở về với cái cũ mà gọi là đổi mới? Sự nghịch lý ấy xuất phát từ nguyên nhân: suốt mấy chục năm qua, cộng sản đã đi quá xa vào sự lạc hậu, sự thoái hóa. Không phải chỉ ở lãnh vực văn học, tất cả những lãnh vực khác trong xã hội cộng sản cũng đều ở trong tình trạng tương tự. Quyền tư hữu, kinh tế thị trường, chế độ đa đảng và pháp trị, những mục tiêu mà nhiều quốc gia Đông Âu đang ra sức thực hiện như là một tột đỉnh của cái gọi là đổi mới, chỉ là những nguyên tắc xây dựng xã hội từ nhiều thế kỷ trước!

Năm 1988, trong một chuyến đi thăm Pháp, Lech Walessa, chủ tịch Công đoàn Đoàn kết tại Ba lan nêu lên một nhận định rất hay: "Chủ nghĩa cộng sản là con đường dài nhất đi từ tư bản đến tư bản".

Dài vì phải đi vòng quanh. Một khúc quanh đẫm máu, gập ghềnh kéo dài hơn nửa thế kỷ một cách vô ích.

Văn học nghệ thuật, rốt cuộc, cũng chịu chung số phận đi vòng quanh bi thảm ấy. Văn học truyền bá chính trị của cộng sản thực chất chỉ là biến thái của quan niệm "văn dĩ tải đạo" đã có từ đời Hán, đời Đường bên Trung quốc. Văn học gắn liền với chính trị, phục vụ chính trị của nhà cầm quyền là một đặc điểm của thời kỳ phong kiến, nói như Lại Nguyên Ân, là của nền văn học quan phương, văn học cung đình. Cái gọi là phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa thực chất chỉ là sự kết hợp khiên cưỡng giữa chủ nghĩa cổ điển và chủ nghĩa hiện thực ở phương Tây hồi thế kỷ 18 và 19.

Trong bài *Văn học Việt nam trong bước ngoặt chuyển mình* đăng trên báo Văn Nghệ số 45 ra ngày 5 tháng Mười Một 1988, Lã Nguyên nhận định:

"Trong nhiều trường hợp, tư duy nghệ thuật của nhà văn Việt nam... đành dừng lại ở tư duy của thế kỷ 19, thậm chí có cả khuynh hướng quay ngược trở về kiểu tư duy của thế kỷ 17".

Do tình trạng lạc hậu như vậy cho nên có nhiều luận điểm rất cũ vẫn được giới cầm bút Việt nam xem như là một dấu hiệu của sự đổi mới đầy táo bạo, chẳng hạn, luận điểm "văn học là sự nghiền ngẫm về hiện thực", "là hành động tự nhận thức của nhà văn" mà Lê Ngọc Trà nêu ra, được dẫn ở trên, từng làm xôn xao dư luận trong giới nghiên cứu Việt nam, chỉ là một luận điểm bình thường, hầu như hiển nhiên, ngay từ xưa, cha ông ta đã từng biết: văn học chủ yếu là để nói cái "chí", cái "tình", cái "điều đau đớn lòng" trong "cõi người ta". Lê Ngọc Trà cũng biết điều này khi ông dẫn lại một câu viết của Lê Quý Đôn hai trăm năm trước: *"Ta thường cho làm thơ có ba điều chính: một là tình, hai là cảnh, ba là sự... lấy tình tham cảnh, lấy cảnh hội việc, gặp việc thì nói ra lời, thành tiếng"*. Rồi Lê Ngọc Trà bình luận: quan điểm đề cao chức năng phản ánh hiện thực của cộng sản *"là một bước thụt lùi so với cách nghĩ của cha ông ta xưa"*.

Trong lãnh vực sáng tác văn học, trừ Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Huy Thiệp và Phạm thị Hoài ít nhiều có cố gắng cách tân bằng cách tiếp nhận một số thủ pháp nghệ thuật của phương Tây, còn lại hầu hết những người khác, kể cả Dương Thu Hương, Lê Lựu, Ma văn Kháng... đều chưa vượt được Nguyên Hồng, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao hồi thập niên 30 về phương diện kỹ thuật dựng truyện, kể chuyện. Yếu tố tạo nên sự hấp dẫn trong sáng tác của họ không phải là bút pháp hay kỹ thuật hay tư tưởng mà chính là cái hiện thực ê chề rớm máu lần đầu tiên được phanh phui trong xã hội xã hội chủ nghĩa.

Ý nghĩa lớn nhất của cuộc vận động đổi mới văn học tại Việt nam trong mấy năm qua là ở khía cạnh chính trị, xã hội.

Nhờ ngọn gió dân chủ đang trở thành bão táp trên thế giới, đặc biệt trong các nước cộng sản Đông Âu, nhiều nhà văn, nhà thơ Việt nam giật mình nhìn lại mình, đâm ra xót xa phẫn nộ trước thân phận bị kiềm tỏa ngặt nghèo của mình. Người ta bắt đầu tự phản tỉnh. Thoát ra ngoài quỹ đạo tuyên truyền dối trá của nhà cầm quyền để đối diện với thực chất cuộc đời họ, sự nghiệp họ. *"Hèn? hèn chứ? Nhà văn nước mình tận trong tâm can ai mà chẳng thấy mình hèn?"*. Còn gì bẽ bàng hơn? Mà đâu phải chỉ một mình Nguyễn Minh Châu thú nhận điều này. Nhiều, thật nhiều, trên báo chí Việt nam, những lời thú nhận đầy cay đắng, đầy thương tủi như vậy.

Nếu trước kia, lúc đang say sưa ăn miếng bánh vẽ do đảng ban phát, người ta ngây ngất tự hào bao nhiêu thì sau này, khi đã phản tỉnh, tự nhìn lại mình bằng con mắt thật của mình, người ta lại thẹn thùng, nghẹn ngào bấy nhiêu. Những giọt nước mắt tuôn rơi lã chã của một nhà văn đàn anh nào đó, nhiều người đoán là Nguyễn Tuân, mà Nguyễn Minh Châu kể trong bài *Hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn văn nghệ minh họa* cũng là những giọt nước mắt chung cho cả một thế hệ nhiệt tâm và tài hoa bị lừa dối.

Sự phản tỉnh ấy tất nhiên dẫn đến sự phản kháng.

Không nên đòi hỏi những người cầm bút tại Việt nam, những kẻ đang đứng trước cánh cửa ngục tù rộmg mở, đứng trước họng súng AK đen ngòm, đứng trước bao nhiêu nguy hiểm trùng trùng vây quanh, phải thẳng thắn tuyên bố chống cộng như những người cầm bút tự do ở hải ngoại. Dù muốn hay không, trong hoàn cảnh thường trực bị đe dọa, người ta phải chọn những cách nói quanh co, vừa có tác dụng đập phá lại vừa có một chút kín đáo để ẩn nấp. Đó là chuyện đương nhiên.

Điều đáng ghi nhận là, cho dẫu buộc lòng viết vài câu nịnh giữa những câu trung, theo cách nói của Nguyễn Minh Châu, những người cầm bút thuộc khuynh hướng đổi mới vẫn thể hiện được rõ rệt thái độ của mình: phản kháng bạo quyền. Chưa bao giờ, tại Việt nam, ngay cả thời Nhân văn – Giai phẩm, người cầm bút lên tiếng tố cáo những cảnh bất công, thối nát, độc địa và dơ dáy trong xã hội cộng sản một cách nghiêm khắc và dữ dội đến như thế. Những tội ác ấy không giới hạn trong một vài cá nhân lẻ tẻ mà là một hiện thực phổ biến, gắn liền với chế độ, từ lúc chế độ ấy được hình thành cho đến lúc nó phát triển và hoàn bị. Những thế lực gây ra đau khổ tột cùng cho người dân được miêu tả trong *Tiếng Đất*, trong *Cái Đêm Hôm Ấy... Đêm Gì*, trong *Sự Nghiệt Ngã Của Nghề Nghiệp*, trong *Chuyện Thật ở Thanh Hóa*... là cả một hệ thống cán bộ, đảng viên nhiều cấp, nhiều bậc, trùng trùng điệp điệp trong xã hội. Chúng không phải chỉ là một đám cường hào ác bá lau nhau, lố nhố. Chúng chính là đảng.

Không phải ngẫu nhiên mà trong truyện vừa *Những Thiên Đường Mù*, một quyển tiểu thuyết khá mỏng, Dương Thu Hương lại cho nhân vật hoạt động trong một môi trường thời gian rất rộng, từ thời cải cách ruộng đất đến tận bây giờ. Chỉ có một lý do duy nhất cắt nghĩa sự chọn lựa này: chứng minh tội ác của cộng sản là một cái gì có tính chất truyền thống. Nó không phải chỉ là biểu hiện của một giai đoạn khủng hoảng nhất

thời. Nó gắn liền với bản chất của một chế độ được xây dựng trên những tiền đề phi lý và phi nhân.

Trong buổi nói chuyện tại Huế vào chiều ngày 15 tháng Tư 1989, được tường thuật trên tạp chí Sông Hương số 37 ra tháng Tư và Năm cùng năm, nhà văn Nguyên Ngọc, sau khi bị cách chức tổng biên tập báo Văn Nghệ của hội Nhà văn đã thẳng thắn tuyên bố: cái chủ nghĩa xã hội ở Việt nam cũng như ở Liên sô, đã *"không chứng minh được tính ưu việt đối với chế độ nó thay thế"* (trang 82).

Trước đây mấy năm, người ta có thể cho những lời phát biểu như trên chỉ là một sự vờ vĩnh, hoặc chỉ nhắm tới lý tưởng hoàn thiện chủ nghĩa xã hội, tuy nhiên, từ năm 1989 đến nay, trước những sự sụp đổ nhanh chóng của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, sự nghi ngờ ấy rõ ràng không còn đứng vững được nữa. Kinh nghiệm tại các nước Đông Âu cho ta thấy: không có khát vọng dân chủ nào không dẫn đến thái độ đập phá toàn bộ nền móng của chủ nghĩa xã hội, của chế độ cộng sản.

Chú Thích:

(1) Theo Hoàng Trung Thông trong "cách mạng kháng chiến và đời sống văn học" tập I, nxb Văn Học, Hà nội 1978 trang 187
(2) Báo Nhân Dân số ra ngày 21 tháng Một 1960
(3) Đăng trên tạp chí Văn Nghệ Quân Đội số tháng Bảy 1988
(4) Từ Việt nam, Dương Thu Hương gửi đăng trên tạp chí Đất Nước (Tây Đức) số 54 tháng Mười Một 1978
(5) Xem thêm bài của Nguyễn Mộng Giác trong phần II Tuyển tập này
(6) Sàigòn Giải Phóng số ra ngày 6 tháng Mười Hai 1987
(7) Văn Nghệ số ra ngày 17 tháng Sáu 1987
(8) Theo Nguyễn Quang Sáng trong lời Bạt tập "Mẹ và Em" của Nguyễn Duy, nxb Thanh hóa 1987, trang 95
(9) Văn Nghệ số ra ngày 27 tháng Hai 1988
(10) Hà Minh Đức "Nhà văn Việt nam" tập I, Hànội... trang 175
(11) Văn Nghệ số ra ngày 16 tháng Bảy 1988
(12) Dẫn theo Nguyễn Trọng Tín, Văn Nghệ số ra ngày 30 tháng Bảy 1988
(13) Văn Nghệ số ra ngày 5 tháng Ba 1988
(14) dẫn theo Lê Xuân Vũ trên tạp chí Cộng Sản số 11.1988

NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH

tinh phi, chiêu nghi, lễ sư, diệu huyền nguyễn thị du vị nữ trạng nguyên độc nhất của ta sinh năm nào?

●

Vị nữ Trạng nguyên có một không hai của nước ta vốn tên là Nguyễn thị Du, song Vũ Phương Đề, người đầu tiên viết về bà, từ thế kỷ thứ XVIII, chỉ cho biết bà họ Nguyễn; *Đại Nam Nhất Thống Chí* và Trần Lê Sáng chép bà tên Nguyễn thị Duệ (1); Bùi Hạnh Cẩn đưa ra tên Nguyễn thị Niên (2); Đông Châu ngoài tên Nguyễn thị Du còn ghi thêm tên Nguyễn Ngọc Toàn (3).

I. Thân thế: "Nhất Kính Chiếu Tam Vương".

Bà sinh quán ở làng Kiệt đặc, huyện Chí linh, tỉnh Hải dương (Bùi Hạnh Cẩn chép bà người "xứ Đông").

Năm mười tuổi (Đồ Nam Tử Nguyễn Trọng Thuật, ghi là "năm hai mươi tuổi") bà theo cha tỵ loạn lên Cao bằng, lúc ấy tuy họ Trịnh đánh bại họ Mạc, chiếm lại kinh đô, nhưng lòng dân theo họ Mạc còn đông.

Bà là người tuyệt sắc, lại rất thông minh, mười tuổi đã biết làm văn bài. Ông thân bà tiếc tài con gái, cho cải nam trang đi học. Năm mười bảy tuổi, chúa Mạc mở khoa thi, sĩ tử tham dự rất đông, bà đỗ thủ khoa (4), còn chính thầy học của bà chỉ đỗ thứ hai. Có lẽ vì thiếu tài liệu, không thấy Phan Huy Chú ghi chép những khoa thi cuối của nhà Mạc ở Cao bằng, nên không rõ đích xác bà đỗ năm nào.

Khi dự yến đãi các tân khoa, chúa Mạc thấy nhan sắc và phong cách của bà sinh lòng ngờ vực, gạn hỏi và khám phá ra bà là gái giả trai, bèn nạp cung phong làm Tinh Phi (Sao Sa) ngụ ý bà vừa xinh đẹp vừa sáng láng như một vì sao. Thời xưa phụ nữ không được phép đi thi, thậm chí dự một buổi bình văn ở nhà Giám (Quốc Tử Giám) cũng không được (Phạm Đình Hổ, *Vũ Trung Tùy Bút*), bà cải trang đi thi như thế là phạm tội khi quân, nhưng chúa Mạc không những không trừng phạt mà còn nạp cung, phong tước phi, tỏ ra rất quý trọng tài sắc bà.

Nhà Mạc mất, bà vào rừng ẩn náu, bị quân Trịnh bắt được. Bà chống gươm xuống đất nói: "Các người bắt được ta thì phải đưa ta đến nộp chúa của các người, nếu vô lễ thì với lưỡi gươm này ta sẽ tự tử". Quân Trịnh bèn giải bà về nộp chúa Nghị Vương, chúa rất sủng ái.

Về già bà xuất gia đi tu ở chùa Vu nông, hạt Gia lâm, lấy hiệu Diệu Huyền.

Nghị Vương Trịnh Tráng mất, con là Dương Vương Trịnh Tạc lên nối ngôi, triệu bà ra giữ chức Lễ sư dậy cung nhân, nên người ta cũng gọi bà là Lễ Phi (Lễ là danh hiệu, tước hiệu là Chiêu Nghi, bậc cao nhất trong chín bậc cung tần, dưới loại phi) (5).

Bà thường viện dẫn nghĩa lý kinh sử, sự tích cổ kim rành mạch, cả hai chúa Trịnh đều khen ngợi, trọng vọng. Các biểu sớ, văn bài thi Đại khoa chúa đều nhờ bà khảo duyệt lại. Khoa Tân Mùi (1631) em họ ngoại bà là Nguyễn Minh Triết, sau đổi tên là Nguyễn Thọ Xuân, ứng chế xong bảo với bạn hữu: "Bài của tôi viết, cả triều chưa dễ mấy ai hiểu, có chăng chỉ bà chị tôi là bà Lễ Phi hiểu được mà thôi". Quả nhiên, bài đưa ra nhiều điển lạ, quan trường không hiểu hết, chúa hỏi thì bà chú giải cặn kẽ, chúa cho Xuân đỗ đầu. (Năm 1647, Xuân làm đến chức Tả Thị lang bộ Hộ).

Tương truyền nhà bà có ngôi tiên phần ở núi Trì ngư, thuộc kiểu đất "nhất kính chiếu tam vương" (một gương soi ba vương) bà thờ ba đời chúa thích ứng vào điều này.

Năm bảy mươi tuổi bà xin về làng, dựng am "Đàm Hoa" để ở, lại được cấp các thuế trong làng làm ngũ lộc.

Bà mất năm tám mươi, táng ở núi Trì ngôi (Ngủ?) làng Kiệt đặc. Ngọn tháp xây trên mộ gọi là "Tinh Phi cổ tháp", được liệt vào hạng "Chí linh bát cổ". Trong bia "Chí linh bát cổ" cũng ghi lại bài thơ đề tên "Tinh Phi cổ tháp":

Ngọc thủ chiết cao chi,
Kính nhan lưu cổ thấp;
Tùng cổ thử giang sơn,
Chí kim kỷ minh giáp;
Hoa thảo tự khai tạ,
Ngư tiều tương vấn đáp;
Sơn sắc chính thanh thương,
Thu thanh hà tiêu táp.

Đại ý: "Một cái tay ngọc ngà vin bẻ cành đan quế thứ nhất khi xưa kia, nay thì trên cái kiểu đất "hình mặt gương" này còn lưu lại với đời một tòa tháp cổ. Giang sơn này từ bấy lâu nay trải bao năm tháng mà đổi với cảnh cổ tháp này, chỉ có hoa kia tự khai khai tạ tạ cùng ông ngư phủ, chú tiều phu khi qua tới mà cùng nhau trò chuyện mà thôi. Đang khi ta viết cảnh nhớ người, núi non xanh ngắt một màu, bỗng đâu xào xạc tiếng gió thu, giục lòng khách thương kim tư tích".

Bài thơ này do Nguyễn Trọng Thuật sao chép lại (*Nam Phong* số 161 – 1931) khi ấy cổ tháp không còn dấu vết, duy chỉ có một ngôi chùa nhỏ (am?) làng Kiệt đặc còn thờ tượng bà. Trên ban có bức hoành đề hai chữ "Hoa Am" và một đôi câu đối:

Giáp khoa tiên chiếm Cao bình bảng
Đại bút do truyền Bát cổ bi

Lại có một cái bia do chúa Trịnh (Dương Vương?) tặng phong là "Chính vương phủ thị nội cung tần đức lão Lễ sư". Chúa cấp ruộng hương hỏa để thờ bà.

Sự tích bà còn ghi trong "Chí linh phong thổ ký". Làng Kiệt đặc thờ bà làm thần.

II. Sự Nghiệp Văn Chương:

Bà giỏi cả Hán lẫn Quốc âm, sáng tác nhiều, tiếc rằng ngay từ thế kỷ XVIII đã bị thất lạc gần hết (theo Vũ Phương Đề). Văn thơ bà có tiếng là hay, song những câu còn được lưu truyền lại không mấy xuất sắc, nhưng cũng xin chép ra để khỏi thất lạc:

Bà có soạn một tập "Gia ký" (6) bằng Quốc âm, văn vần, ghi chép việc riêng của mình. Đây là cảm nghĩ ở dọc đường khi lánh nạn lên Cao bằng:

Đành thay là kẻ có mình
Che trên đã có trời xanh phù trì.

Bà lại tự ví mình với Bạc thị, vợ Hán Cao Tổ, có tiếng là người hiền đức:

Hiềm vì một chút đảo điên
Song le Bạc thị vốn duyên Hán hoàng (7)

Bà xưng là người hiền cũng không ngoa: trong làng có người làm hại anh bà, nhưng khi vinh hiển, bà không thèm cậy quyền thế để trả thù, ai cũng khen phục bà là người độ lượng. Người ấy sau hết lòng phụng sự bà.

Tự xét về văn tài mình, bà viết:

Nữ nhi dù đặng có thi (8)
Ắt là tay thiếp kém gì Trạng nguyên?

Nếu quả bà thi đỗ năm mười bảy tuổi, thì hai câu này chắc viết khi còn trẻ lắm, vì một khi chính mình đã đỗ Trạng nguyên rồi thì còn lý do gì để so sánh "kém gì trạng nguyên" nữa.

Trong làng có cậu ấm chọc ghẹo, bà ghét:

Sá gì vàng đá hỗn hào,
Thoảng đem cánh phượng bay cao thạch thành (9).

Bà còn lập cho học trò Chí linh một Văn hội, ngày rằm, mồng một, họp tại nhà thờ họ bà ở làng Kiệt đặc, đợi đầu bài của bà ở kinh cho chạy ngựa trạm đem về. Riêng sự kiện này cũng chứng tỏ chúa Trịnh quý trọng bà lắm mới cho dùng ngựa trạm là của

công để phục vụ riêng cho học trò của bà ở huyện Chí linh. Bài làm xong đóng hòm gửi về kinh, bà chấm rồi gửi trả. Bà lại xuất tiền cho người trưởng họ chu biện cơm nước cho sĩ tử hôm làm bài. Văn học Chí linh thịnh là nhờ công không nhỏ của bà.

III. Hai Bài Tính Đố: Bà sinh năm nào và lấy chúa Mạc nào?

Sử sách của ta vốn ít quan tâm đến tiểu sử các tác giả, riêng đối với phụ nữ lại càng tỏ ra mơ hồ đến nỗi một vị nữ Trạng nguyên có một không hai của ta mà sinh năm nào, mất năm nào, lấy chúa Mạc nào cũng không ai hay, đành phải phỏng đoán. Những sự kiện khiến ta có thể dựa vào để ước tính là:

Năm mười, hai mươi tuổi bà lên Cao bằng lánh nạn rồi cải trang đi học. Năm mười bảy tuổi thi đỗ Trạng nguyên, lấy chúa Mạc, sau lại thờ hai chúa Trịnh Nghị Vương (1623 – 57) và Trịnh Dương Vương (1657 – 82). Năm Tân Mùi (1631) bà chấm thi cho Nguyễn Xuân Thọ đỗ đầu. Bảy mươi tuổi về làng dựng am "Đàm Hoa". mất năm tám mươi tuổi.

Tất cả những chi tiết này chỉ có chuyện Nguyễn Xuân Thọ đỗ đầu năm 1631 là được xác nhận trong *Lịch Triều Hiến Chương, Khoa Mục Chí.*

– Để tiện việc phỏng tính, chúng ta cần phải ôn lại sơ quãng lịch sử cuối thời nhà Mạc:

1529: – Mạc Mậu Hợp thua quân Trịnh, chạy trốn ở huyện Kim thành (Hải dương), rồi bị bắt và bị chém ở Thăng long.

– Lúc ấy lòng dân vùng Đông Bắc (Hải dương, Kinh bắc...) còn quy phụ nhà Mạc. Dư đảng nhà Mạc nổi lên khắp nơi, từ sông Nhị hà trở lên miền Bắc khói lửa liên miên, giặc cướp không yên, dân mất mùa, đói kém.

– Mạc Kính Chỉ chiếm Đông triều, Thanh lâm, xưng hiệu Bảo Định rồi Khánh Hựu ở Chí linh. 1953 Mạc Kính Chỉ bị chém ở ban Thảo tân (Bến Cỏ, Thăng long).

– Mạc Kính Dung, con Kính Chỉ, giữa Thái nguyên xưng Uy Vương, 1658 bị thắt cổ ở chợ Cửa Đông (Thăng long).

– Mạc Kính Chương chiếm Thiên thi. 1596 bị giết...

1593 – Mạc Kính Cung xưng đế hiệu Càn Thống, giữ châu Yên bắc ở Lạng sơn.

– Nhà Lê khôi phục Thăng long, vua Lê Thế Tông về kinh sư.

1598 – Tháng Mười Hai, Mạc Kính Cung thua chạy sang Tàu từ 1594, được nhà Minh giúp ép Trịnh Tùng cho Kính Cung trấn ở Cao bằng.

1600 – Bọn Phan Ngạn, Bùi văn Khuê làm phản theo về nhà Mạc, vua phải lánh đi Thanh hoa.

– Mạc Kính Cung, được Bùi thị, mẹ Mạc Mậu Hợp đón về chiếm Đông kinh (Thăng long), dân theo vài vạn. Tháng Mười Hai, thua quân Trịnh Tùng, chạy sang Kim thành.

1601 – Mạc Kính Cung lại thua, bỏ Kim thành, trốn lên Lạng sơn

– Vùng Hải dương, Sơn nam, Sơn tây, Kinh bắc bình định.

1609– Mạc Kính Cung chiếm Lạng sơn rồi quấy rối Thái nguyên, sau thua quân Trịnh phải chạy vào hang động ẩn náu.

1613 – Trịnh Tráng dẹp xong Yên quảng, đi kinh lý vùng này.

1616 – Mạc Kính Cung nhường ngôi cho Mạc Kính Khoan (*Biên Niên Lịch Sử Cổ Trung Đại*) (Theo Lê Quý Đôn thì mãi đến 1621 – 23 Mạc Kính Khoan mới tiếm ngôi).

1618 – Mạc Kính Khoan chiếm Thái nguyên, Cao bằng, thua quân Trịnh Tráng, chạy trốn.

1621–23 – Mạc Kính Khoan xưng Khánh Vương, hiệu Long Thái, cùng Kính Cung chiếm giữ Cao bằng, nhưng biệt lập (theo Lê Quý Đôn).

1623 – Trịnh Tráng lên ngôi, phải dẹp dư đảng của em là Trịnh Xuân, về đóng ở Thanh hoa.

– Mạc Kính Khoan thừa cơ kéo quân đến Gia lâm, dòm dỏ kinh sư, người theo hàng vạn, bị Trịnh Tráng đánh tan phải chạy về Cao bằng.

1625 – Mạc Kính Cung bị giết. Mạc Kính Khoan xin làm phiên trấn, triều đình thuận nhưng bắt bỏ đế hiệu.

1638 – Mạc Kính Khoan mất, con là Kính Vũ lên ngôi, lại xưng đế hiệu Thuận Đức

1657 – Trịnh Tráng mất, được truy phong Nghị Vương. Con là Trịnh Tạc (Dương Vương) lên nối ngôi.

1667 – Mạc Kính Vũ thua quân Trịnh Tạc, chạy trốn sang Tiểu Trần Yên của nhà Thanh.

1669 – Nhà Thanh bắt Trịnh Tạc trả lại bốn châu ở Cao bằng cho Mạc Kính Vũ.

1677 – Mạc Kính Vũ theo Ngô Tam Quế chống lại nhà Thanh. Quế mất, triều đình gửi thư cho nhà Thanh kể tội Kính Vũ. Khi Kính Vũ thua quân Đinh văn Tả chạy sang Long châu, nhà Thanh bắt giao trả họ Trịnh. Nhà Mạc đến đây mới dứt.

A. Câu hỏi thứ nhất: Bà sinh năm nào?

a. Sớm nhất vào năm 1589

Mãi đến tháng Mười Hai 1598, Mạc Kính Cung mới dựa thế nhà Minh, được về trấn đóng ở Cao bằng. Gia đình bà chỉ có thể di cư lên Cao bằng sớm nhất vào năm sau 1599, khi ấy bà mới mười tuổi, vậy bà sinh sớm nhất vào năm:

1599 – 10 = 1589

b. Muộn nhất vào năm 1591

– Bà chỉ phò hai chúa Trịnh thì muộn nhất phải mất cùng năm với Trịnh Tạc (1657 – 82), nếu mất sau 1682 thì thành "nhất kính chiếu tứ vương" chứ không phải "tam vương" nữa. Nếu bà mất năm 1682, thọ tám mươi, thì bà sinh muộn nhất vào năm:

1682 – 80 = 1602

Mười tuổi theo cha lên Cao bằng tức là vào năm:

1602 + 10 = 1612

Khi ấy, Hải dương, quê bà, đã bình định từ 1601, thì gia đình bà còn chạy lên Cao bằng làm gì? Tất nhiên không phải bà sinh năm 1602.

– Gia đình bà chạy lên Cao bằng muộn nhất phải đầu năm 1601, ngay trước khi Hải dương bình yên, như vậy bà sinh muộn nhất vào năm:

1601 – 10 = 1591

c. Bà sinh năm 1590

Nguyễn Trọng Thuật viết: "Năm hai mươi tuổi, nhà Lê khôi phục Thăng long, bà theo cha lên Cao bằng...". Từ cuối thế kỷ thứ XVI đến đầu thế kỷ thứ XVII, nhà Lê "khôi phục" Thăng long ba lần:

1. Năm 1593, sau khi Mạc Mậu Hợp chết, lúc ấy Mạc Kính Cung chưa trấn đóng Cao bằng, tất nhiên gia đình bà không chạy lên Cao bằng, lên với ai?

2. Năm 1623, Dương Vương Trịnh Tạc mới lên ngôi, đang lo diệt dư đảng Trịnh Xuân, kinh thành rối loạn, phải bỏ về Thanh hoa. Mạc Kính Khoan nhân cơ hội tiến quân đến Gia lâm, dòm dỏ kinh sư, nhưng một tháng sau bại trận, bỏ chạy về Cao bằng, quân Trịnh chiếm lại Thăng long. Nếu khi ấy bà hai mươi tuổi thì bà sinh:

1623 – 20 = 1603

Thọ tám mươi tuổi, tức là bà mất năm 1683, sau Dương Vương một năm, trường hợp này lại rơi vào cảnh "nhất kính chiếu tứ vương", không ổn.

3. Năm 1600, bọn Phan Ngạn, Bùi văn Khuê làm phản, theo nhà Mạc, vua Lê phải lánh về Thanh hoa, Mạc Kính Cung toan chiếm giữ Thăng long, nhưng thua quân Trịnh, phải chạy đến Kim thành, rồi lên Lạng sơn. Nếu năm ấy bà hai mươi tuổi thì bà sinh:

1600 – 20 = 1580

Cho là bà lấy Nghị Vương ngay khi mới lên làm chúa (1623) thì lúc ấy bà đã:

1623 – 1580 = 43 tuổi, e già quá, chắc chúa Trịnh không nạp cung. Có lẽ Nguyễn Trọng Luật sơ ý viết nhầm mười tuổi thành hai mươi tuổi, vì các sách khác đều ghi bà lên Cao bằng năm mười tuổi thì bà sinh năm:

1600 – 10 = 1590

Kiểm chứng lại:

Nếu quả bà sinh năm 1590 thì trước hết không phản với thuết trình bầy trên đây cho bà sinh sớm nhất năm 1589, muộn nhất năm 1591. Những chi thiết khác cũng đều phù hợp:

1600 bà mười tuổi, lên Cao bằng, khi ấy nhà Lê vừa khôi phục Thăng long, Hải dương chưa bình định, mà Mạc Kính Cung thì đã trấn đóng Cao bằng được hơn một năm, lại có thế lực nhà Minh đằng sau, đủ thì giờ ổn định Cao bằng. Lòng dân còn quy phụ nhà Mạc, gia đình bà chạy lên Cao bằng là phải.

1607 bà mười bảy tuổi, đã lên Cao bằng và cải trang đi học được bảy năm, đủ sức đi thi. Mạc Kính Cung chiếm giữ Cao bằng được chín năm, đủ thì giờ tổ chức khoa cử.

1609 Mạc Kính Cung thua trận Trịnh phải chạy vào hang động ẩn náu, tất bà cũng chạy theo, cho nên quân Trịnh mới bắt được bà ở trong rừng, nhưng không rõ vào năm nào. Trịnh Tráng mãi đến năm 1623 mới chính thức làm chúa, và đến khi chết (1657) mới được truy phong làm Nghị Vương. Câu "quân đem bà về nộp chúa Trịnh Nghị Vương..." rất tối nghĩa. Nếu quả bà bị bắt khi Trịnh Tráng mới lên làm chúa (1623) thì lúc ấy bà vừa ba mươi ba tuổi, kể ra cũng còn trẻ, có thể được nạp cung. Chỉ sợ bà bị bắt từ trước, quân đem về nộp không phải cho chúa Trịnh Tùng, mà là nộp cho Trịnh Tráng, lúc ấy là Thanh quận công, tuy chưa làm chúa nhưng từ năm 1612 đã thống lãnh quân đội đi dẹp họ Mạc mấy lần, Tráng là người *sau này* sẽ làm chúa và được phong tước Nghị Vương.

1631 bà bốn mươi mốt tuổi, đủ già dặn để khảo duyệt lại các văn bài thi Đại khoa, Nguyễn Thọ Xuân nhờ bà được đỗ đầu.

1670 bà mất năm tám mươi tuổi, trước Dương Vương Trịnh Trạc mười hai năm, hợp câu "nhất kính chiếu tam vương".

B. Câu hỏi thứ hai: bà lấy chúa Mạc nào?

Bà chỉ có thể lấy một trong ba chúa Mạc đã chiếm giữ Cao bằng là:

– Mạc Kính Cung, con Kính Điển, là cháu gọi Mạc Đăng Dung bằng ông.

– Mạc Kính Khoan, cháu gọi Kính Cung bằng chú, và là cha của Kính Vũ.

– Mạc Kính Vũ, cũng gọi là Kính Hoàn, là con của Kính Khoan.

a. Bà không thể lấy Mạc Kính Vũ (1638 – 77)

Mãi đến 1638 Kính Vũ mới lên ngôi mà 1631 bà đã theo về chúa Trịnh và chấm thi ở Thăng long, tất nhiên không phải Vũ cho bà đỗ Trạng, và bà không lấy Vũ.

b. Bà cũng không thể lấy Mạc Kính Khoan (1616 – 21 – 23 – 38)

– Cho bà lấy Kính Khoan từ khi Khoan mới lên Cao bằng (1616) và tổ chức thi cử ngay, thì năm ấy bà đã:

1616 – 1590 = 26 tuổi

Hai mươi sáu tuổi mới thi đỗ thì không lấy gì làm sớm đối với một người nổi tiếng là thông minh xuất chúng; hai mươi sáu tuổi mới xuất giá lại càng không sớm đối với một phụ nữ thời xưa, thứ nhất, là một người rất đẹp, càng vô lý.

– Nếu mười bảy tuổi bà thi đỗ và lấy chúa Mạc, tất phải vào năm:

1590 + 17 = 1607

Khi ấy Mạc Kính Khoan chưa lên Cao bằng và có thể cũng chưa chính thức lên ngôi. Theo Lê Quý Đôn, sau khi Mạc Mậu Hợp chết, Kính Khoan còn lẩn quất trên hai mươi năm ở vùng Đại từ, Vũ nhai, rồi mới lên Cao bằng. *Biên NIên Lịch Sử Cổ Trung Đại* chép: "Năm 1616 Kính Cung nhường ngôi cho con là Kính Khoan" tính ra cũng trên hai mươi năm sau khi Mạc Mậu Hợp bị chém ở Thăng long. Nếu 1616 Khoan mới lên Cao bằng thì tất nhiên Khoan không phải là người cho bà đỗ Trạng, và bà cũng không lấy Khoan.

c. Bà chỉ có thể lấy Mạc Kính Cung

Nếu bà thi đỗ và lấy chúa Mạc ở Cao bằng năm 1607, khi ấy Kính Khoan chưa lên Cao bằng, và Kính Vũ chưa lên ngôi.

Câu "nhà Mạc mất, bà theo về chúa Trịnh Nghị Vương" không đúng, phải sửa lại là: "Mạc Kính Cung bại trận, bà trốn theo vào rừng, bị quân Trịnh bắt, nộp cho Trịnh Tráng (sau này làm Chúa và khi chết được phong tước Nghị Vương) Nhà Mạc chỉ "mất" với Mạc Kính Vũ.

Sau đây là bảng tóm tắt những năm đáng ghi nhớ trong đời bà (nếu có lầm, chắc cũng không xê dịch quá mười năm):

1590 sinh ở làng Kiệt đặc

1600 mười tuổi, lên Cao bằng tỵ loạn

1607 mười bảy tuổi, thi đỗ, lấy Mạc Kính Cung (có thể thi đỗ và lấy Kính Cung muộn hơn mấy năm)

1623 ba mươi ba tuổi, lấy Trịnh Tráng (có thể lấy từ trước)

1631 bốn mươi mốt tuổi, chấm thi ở Thăng long, cho Nguyễn Xuân Thọ đỗ đầu

1660 bảy mươi tuổi, về làng, dựng am "Đàm Hoa" để ở

1670 mất năm tám mươi tuổi, táng ở núi Trì ngư, làng Kiệt đặc

Chú thích:

(1) Trần Lê Sáng, *Phùng Khắc Khoan* trang 30

(2) Bùi Hạnh Cẩn, *Lê Quý Đôn* trang 159

Sử sách chỉ thấy chép Nguyễn thị Niên là vợ Bùi văn Khuê

(3) Đông Châu, *Nam Phong* số 24. Có thể tên này do chúa Trịnh đặt cho, vì các cung tần của vua Lê, chúa Trịnh đều đệm hữ "Ngọc"

(4) Các sách đều chép bà đỗ thủ khoa, một vài chỗ nói bà đỗ Trạng nguyên, không rõ đó là sự thực hay thấy nói đỗ thủ khoa vội cho ngay là phải đỗ Trạng? Nhà Nguyễn có lệ không cho ai đỗ Trạng nguyên, song nhà Mạc hầu như khoa nào cũng lấy người đỗ Trạng, nên tôi cũng để bà đỗ Trạng cho thích hợp với truyền thống nhà Mạc.

(5) *Đại Nam Nhất Thống Chí* chép: "Vua Lê triệu vào dậy cung nữ, phong cho tước hiệu là Nghi Ái quan".

(6) Theo Vũ Phương Đề thì đến thế kỷ XVIII, văn thơ bà đã thất lạc gần hết. Nguyễn Trọng Thuật viết trong *Nam Phong* số 161: "Sách này (Gia ký) còn

truyền đến gần đây mới "mất", không rõ tác giả có bằng chứng hay chỉ chép theo họ Vũ mà quên rằng với họ Vũ thì "gần đây" có nghĩa là thế kỷ thứ XVIII, còn với họ Nguyễn thì "gần đây" có nghĩa là đầu thế kỷ thứ XX?

(7) Có bản chép:

Kém vì một chút đảo điên,
Song le Bạc thị vốn duyên Hán thần.

(8) Có bản chép:

Nữ nhi dù dặng có rầy,

(9) Có bản chép:

Giận loài vàng đá hỗn hào,

Nguyễn Trọng Luật kể là "một ông quan trong làng đến hỏi, bà giận, viết câu này". Thiết tưởng nếu ông quan đến hỏi là có đủ nghi lễ, nếu bà không thuận thì thôi, cớ sao lại ghép cho người ta tội hỗn hào? Thuyết "cậu ấm chọc ghẹo" hợp lý hơn.

Sách tham khảo

- *Biên Niên Lịch Sử Cổ Trung Đại*, Hànội: Khoa học Xã hội, 1987
- Bùi Hạnh Cẩn, *Lê Quý Đôn*, Hànội: Văn hóa, 1985
- *Đại Nam Nhất Thống Chí*, III, trang 437, Hànội: Khoa học xã hội, 1971
- Đồ Nam, (Nguyễn Trọng Thuật), "Bà Sao Sa Nữ Trạng Nguyên", *Nam Phong* số 161, 9–1931 trang 342–4
- Đông Châu, (Nguyễn Hữu Tiến), "Bà Lễ Phi Nguyễn Thị", *Nam Phong* số 24, 6–1919 trang 501–2
- *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*, XV & XVI, Hànội: Văn Sử Địa, 1957
- Lê Quý Đôn, *Đại Việt Thông Sử*, Hànội: Khoa học Xã hội, 1978
- Ngô Sĩ Liên, *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, IV, Hànội: Khoa học Xã hội, 1968
- Nguyễn Bá Trác, *Hoàng Việt Giáp Tý Niên Biểu*, Sàigòn: bộ Quốc gia Giáo dục, 1963
- Phan Huy Chú, *Lịch Triều Hiến Chương, Khoa Mục Chí*, Hànội: S học, 1961
- Quỳnh Cư, Mai Quốc Liên, Văn Phác, *Chuyện Hay Sử Cũ*, Hànội: Thanh niên, trang 24–6 1989
- Trần Lê Sáng, *Phùng Khắc Khoan*, Hànội, 1985
- Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*, Sàigòn: Tân Việt, 1953
- Vũ Phương Đề, *Công Dư Tiệp Ký*, Sàigòn: bộ Quốc gia Giáo dục, Tập III, trang 118–22 1962. Dịch giả Nguyễn Đình Diệm.

NGUYỄN Ý THUẦN

hạt giống thui mầm

●

Tôi không hiểu bốn chữ "Thung Lũng Hoa Vàng" bắt nguồn từ đâu và những cánh hoa vàng cho người Việt tỵ nạn tại San Jose cái đẹp hoặc sự xúc động nào? Với tôi, những cánh hoa vàng bé xíu chỉ cho nỗi buồn mỗi khi nhìn thấy. Đã nhiều lần tôi cố tìm riêng cho mình một điều rung động nào đó *na ná* như mọi người chung quanh đã tìm được. Nhưng vô ích! Những cánh hoa của một loại cải làn hoang chỉ đem ý nghĩ quay về quá khứ. Tại đó có em tôi với không gian ủ xám màu mưa, với từng quyện bùn đỏ lầy lội, với tháng ngày Bảo Lộc đầy đen tối để bắt đầu cho tương lai của một cô bé vừa lớn. Đứa con gái út của gia đình tôi bước vào đời năm mười tám tuổi, giữa vùng đất cũng tràn hoa vàng của loài cải làn hoang.

Rực rỡ màu sắc bên một trại tù, những cánh hoa vàng tại đó như mơ ước vào đời của một cô gái nhú lên cạnh sự bi thảm của người thân. Một thứ mơ ước bị thui chột và biến thành vô nghĩa bởi thực chất của cuộc đời trước mặt, hệt như loài hoa cải hoang không được đặt tên đã bị từ chối bởi những người yêu hoa. Em tôi lạc lõng như một người già giữa những phong trào thanh niên của chế độ mới. Tuổi thanh xuân đặt bước đầu tiên tại trại tù cải tạo, bên cạnh người cha tàn phế, bằng những lo toan trước tuổi. Tôi đã thấy và bất lực trước hoàn cảnh của đứa em mình.

*

Từ An là con út đúng nghĩa của gia đình tôi. Nhỏ tuổi nhất

và là con út của dì Út. Từ thủa bé, nó đã là đứa được cưng chiều nhiều hơn đám anh em trong nhà. Luôn luôn con bé dành được sự ưu tiên trong tất cả mọi chuyện. Ba mươi ba anh chị em còn lại đều tỏ thái độ nhường nhịn. Muốn là được, thích là cho... chẳng đợi đến lúc con bé phải vòi vĩnh hay năn nỉ. Ngay cả tôi, "cậu Út" trong gia đình cũng phải lép vế trước Từ An. Không! Nói như thế là sai. Với tôi, chữ "phải" không dành trong trường hợp này. Tự tôi muốn thế thì đúng hơn. Nghĩa là trong thâm tâm một đứa con được cưng chiều *cỡ* tôi cũng tự nguyện nhường nhịn con bé. Làm sao mà không tự nguyện được khi con bé quá dễ thương? Thật tình là dễ thương. Không phải chỉ người trong nhà thấy điểm đó mà hầu như tất cả những ai gặp con bé cũng đều công nhận. Vậy, còn chi phải thắc mắc về việc được cưng nhiều hay ít cho thêm phiền. Cứ thế, Từ An lớn lên giữa tình thương trọn vẹn của gia đình.

Không giống những đứa trẻ được cưng chiều khác thường bị hư hỏng và khó dạy, trái lại em tôi rất ngoan. Đó là một trong những điểm nổi bật của Từ An giữa đám con ba mươi bốn đứa. Nhưng không chỉ thế, con bé còn những điểm đáng nhắc khác. Như hiền hậu, lành tính, lễ phép, thương người... để tạo thành một đứa con gái có *căn tu* như lời bố tôi vẫn nói trong những lần về phép.

– Cái nghiệp của tao được con bé này làm vơi bớt. Trong muôn vàn điều ác đã làm, tao cũng có được một điều thiện là có nó...

Quả đúng như lời bố tôi nói, Từ An có đủ tính chất để thành một người nữ tu cho cả hai tôn giáo của gia đình. Theo Chúa như bố tôi cũng được hay niệm Phật như mẹ tôi vẫn tốt. Em tôi *dư sức* để thành một ni cô hoặc bà sơ mà chẳng cần gì thêm ngoài những câu kinh phải đọc và các nghi thức tôn giáo phải làm. Từ An mang tấm lòng trong sáng đến với mọi người. Như một thiên thần lạc vào gia đình họ Nguyễn, ngoài việc *gỡ tội* cho ông bố đa tình vẫn coi chuyện tình ái như pha, em tôi là đầu mối làm lành các vụ xích mích trong nhà. Chỉ cần nhìn thấy ánh mắt

trong veo, cánh môi rạng rỡ của nó là đủ thấy lòng mình dịu lại. Ai cũng thấy và nhận được điều đó. Từ An đem đến gia đình một thứ tình cảm tròn nhưng rộng.

Năm Từ An lên mười tuổi nhà tôi dọn về Sàigòn. Mẹ tôi tiếp tục nghề cũ là mở tiệm vàng tại Bảy Hiền. Căn nhà bốn từng nằm quay lưng ra chợ Tân Việt là nơi buôn bán và để cả gia đình ở. Tại đây, anh em chúng tôi đã gặp rất nhiều loại người. Từ một thương gia buôn bán bạc triệu, khách của mẹ tôi, đến một người ăn xin nghèo khổ ở chợ Tân Việt. Và với số tuổi còn ham chơi của bọn tôi thì chẳng có ai đáng để ý. Ai cũng như ai mà, bọn tôi còn quá nhiều điều để *quan tâm* như chuyện học hành, tình yêu, rong chơi, một mốt quần áo mới nào đó... Nhưng với Từ An thì không, hình ảnh được ghi nhận bởi nó khác hẳn.

Đó là một đêm mưa, cả nhà vừa xong bữa cơm tối và ngồi tại phòng khách. Sáu bà mẹ, ba mươi mấy đứa con, quây quần bên một ông bố đa tình là biểu tượng rõ nét nhất của hạnh phúc gia đình tôi. Từ An ngồi cạnh cửa sổ, con bé lên mười như không nhập chung vào không khí đó, ngẩn ngơ nhìn ra cảnh mưa gió bên ngoài. Thái độ đó làm mẹ tôi chú ý. Bà buông đôi kim đan xuống, tiến về phía cửa sổ.

– Nhìn gì thế An?

– Mưa lớn quá mẹ ơi.

– Con sợ hả?

Từ An lắc đầu.

– Không mẹ ạ. Chẳng biết...

– Sao con?

Con bé ngập ngừng một thoáng rồi nói.

– Không biết hai mẹ con thím Xẩm hôm nay thế nào... Mọi bữa giờ này thím ấy đã đến. Mẹ ơi, tội nghiệp họ quá.

Mẹ tôi ôm lấy Từ An. Con bé rúc đầu vào lòng mẹ tôi như tránh cảnh mưa gió trong ý nghĩ lo sợ cho mẹ con thím Xẩm – người đàn bà Trung Hoa nghèo khổ – vẫn đến nhà tôi xin bữa

chiều. Lời nói và cử chỉ của hai người tình cờ tôi nghe được. Tôi xen vào.

– Việc gì bé con phải lo.

Em tôi ngước lên. Đôi mắt thật xinh và thật thân quen với tôi đột nhiên có tia ngỡ ngàng. Tôi cảm thấy xấu hổ trước cái nhìn đó.

Hai hôm sau mẹ con thím Xẩm vẫn không thấy đến. Cả nhà chẳng ai nhớ đến việc này trừ ba người: mẹ tôi, Từ An và tôi. Mẹ và em tôi chia sẻ sự âu lo dành cho người xa lạ với nhau. Còn tôi thì để ý thái độ hai người từ ánh mắt của em tôi.

Dù có sự an ủi của mẹ tôi nhưng Từ An vẫn buồn. Đi học về con bé thơ thẩn phía trước cửa nhà như chờ đợi mẹ con thím Xẩm. Em tôi ngơ ngác như đánh mất một cái gì quí lắm. Đêm thứ hai sau cơn mưa tôi hỏi Từ An, dù biết trước nỗi buồn của nó.

– Bé con, hai hôm nay sao kỳ vậy?

Từ An nói đúng những điều tôi nghĩ. Sau những câu an ủi được sắp sẵn, tôi hỏi thêm.

– Nếu mẹ con thím Xẩm không đến nữa thì sao?

Sau câu hỏi của tôi, khuôn mặt con bé hiện lên nét sợ hãi.

– Anh đừng nói vậy... thế nào mẹ con thím ấy cũng trở lại. Em biết chắc.

Ba tiếng cuối cùng được nói ra rõ ràng khác hẳn với phần đầu bị ấp úng của câu nói. Tôi vỗ nhẹ lên vai Từ An.

– Anh nói đùa thế thôi. Thế nào mẹ con thím ấy cũng quay lại. Bé con này, nếu họ quay lại em sẽ cho họ cái gì?

– Em cho hết.

Lại thêm ba tiếng mạnh và rõ ràng từ môi Từ An. Tình thương đã làm em tôi mạnh dạn hơn số tuổi đang có. Bất giác tôi thấy con bé *lớn* hơn tôi nghĩ rất nhiều.

Trước ngày tôi về đơn vị hai mẹ con thím Xẩm quay lại. Từ An vui vẻ hẳn. Và đúng như lời đã nói, em tôi cho đứa bé con

người ăn mày tất cả đồ chơi của nó. Thêm lần nữa tôi lại im lặng trước hành động *cho hết* thật ngây thơ nhưng đầy tình người của em tôi.

Lần phép kế, tôi về nhà đúng dịp sinh nhật lần thứ mười một của Từ An. Cả nhà đều có quà cho con bé. Đủ hết. Từ ông anh đang đóng quân tại đơn vị cho đến ông bố vô tâm, chẳng ai bỏ quên đứa con út dễ thương này. Và quà của tôi là một con sáo đen do chính Từ An chọn lúc hai anh em lên Sàigòn chơi.

Tất nhiên là em tôi rất thích con sáo nhỏ. Suốt khoảng thời gian nghỉ phép tôi thường xuyên gặp Từ An quanh quẩn bên lồng sáo. Chăm chút như một bà mẹ lo cho con. Từ một miếng chuối cho đến chén nước nhỏ. Từ một vệt cứt bám trên lông cho đến cơn gió lạnh thổi qua cửa sổ. Tất cả được em tôi làm trong tình thương dành cho con sáo. Tưởng như con sáo và Từ An không bao giờ tách rời được.

Tôi thích thú theo dõi và tưởng tượng đến cảnh xảy ra trong truyện ngắn "con sáo của em tôi" do Duyên Anh viết. Tình thương của hai đứa trẻ thật giống nhau. Hẳn nếu tôi làm hành động như người anh trong truyện thì Từ An sẽ cũng hệt như đứa em gái. Cũng khóc lóc, cũng giận hờn để rồi lại thương anh mình hơn. Tôi tin chắc thế. Bởi bất cứ lúc nào, tại đâu tình thương của những đứa trẻ cũng là thứ tình thương thuần nhất. Và trong sự tưởng tượng của một người lính, tôi cảm thấy được an ủi rất nhiều khi gần em tôi.

Nhưng đó chỉ là tưởng tượng. Gia đình tôi tương đối khá giả để không phải đưa hai anh em vào cảnh làm thịt con sáo để giỗ bố. Chỉ có niềm vui và hạnh phúc tìm được từ con sáo và Từ An. Bằng hình ảnh đó, tôi an tâm trở về đơn vị với ý nghĩ *tụi nó* sẽ không bao giờ xa nhau.

Nhưng chỉ có bấy nhiêu thì chưa nói đủ về em tôi. Từ An còn thêm một điều độc đáo nữa. Đó là trí thông minh. Trong những chữ: dị kỳ, lạ lùng, đặc biệt... hay gì gì đó để diễn tả một điều khó tưởng tượng nổi, tôi không biết chọn chữ nào để đi kèm sau

hai chữ thông minh của em tôi cho hợp lý. Chỉ có thể nói đến bằng những điều Từ An làm từ tấm bé.

Hãy tưởng tượng đến một con bé chín tuổi làm được những bài tính đố luyện thi đệ thất khó nhất; hoặc thuộc lòng và có thể đọc ngược một bài tập đọc sau khi xem qua lần thứ hai; hay cũng chính con bé đó, vào năm mười bốn tuổi, đọc vanh vách cuốn thánh kinh dày gần ba ngàn trang với những hàng chữ li ti do linh mục Nguyễn Thế Thuấn soạn. Trí nhớ của con bé thật đáng phục bởi đó không phải là một hình thức của loại bịnh *mémoire eidétique*. Em tôi vẫn bình thường sống trong cách thế chung của mọi người. Và càng ngày nó càng tỏ ra thông minh một cách đáng sợ. "Đáng sợ"? Đúng! Hai tiếng này không phải bây giờ tôi mới nghĩ đến mà, cách đây hơn hai mươi năm, bác tôi đã dùng khi thấy những điều em tôi có thể làm được.

Mẩu đối thoại xảy ra tại phòng khách giữa bố tôi và ông bác, sau khi dì Út khoe một bài toán Từ An vừa làm.

– Phải công nhận con bé này thông minh.

– Tôi chỉ sợ...

– Có gì thế anh?

– Nó thông minh quá.

– Tốt chứ đâu có sao?

Bác tôi im lặng một lúc rồi tiếp bằng giọng nói nhỏ hơn.

– Chẳng biết có nên nói không... Hà! Có nói ra chưa chắc chú đã tin.

– !!!

– Có bao nhiêu nét tinh ba đều lộ ra ngoài quá sớm... e... không tốt.

– !!!

– Nó sinh năm nào?

Bố tôi nói ngày tháng năm sinh của em tôi. Ông bác sau một lúc tính toán, hỏi lại.

– Chú nhớ giờ sinh của nó chứ?

Dì Út nói giờ. Bác tôi lại tính toán thêm một lúc. Cuối cùng ông gật gù.

– Nếu đúng như chú thím nói thì tốt lắm. Cháu nó sinh vào giờ...

Tiếp theo là một loạt sao, cung... được bác tôi kể ra mà tôi không thể nhớ nổi. Nhưng điều kết luận của ông thì tôi vẫn nhớ. Em tôi không sao hết và tốt lắm. Tốt chứ sao không? Con bé như vậy làm sao mà xấu được? Nó đâu có thể hại ai và hẳn cũng chẳng ai muốn hại nó. Điều này đâu cần đợi đến tử vi nói mới biết. Em tôi chắc chắn có một tương lai rạng rỡ. Tôi đã nghĩ thế trước khi đứng dậy.

Và câu chuyện không được bố tôi để tâm cho lắm. Nói chỉ để mà nói, xong rồi quên ngay. Ông còn quá nhiều chuyện để *lo*. Gần hơn hết là lối cư xử với sáu bà vợ sao cho phải đạo đủ chiếm hết thời gian của ông rồi, nói chi đến chuyện tử vi với tướng số cho mệt.

Còn dì Út, qua lối giải đoán đầy lạc quan cho số phận Từ An, tất nhiên phải là người vui và tin vào ông bác nhiều nhất.

*

Mười hai tuổi em tôi đã chịu chung số phận *không may* cùng gia đình. Cơn bão lịch sử ào đến và đổ ập xuống cuộc sống của Từ An những điều không đáng dành cho một đứa bé thật bất ngờ. Em tôi đã biết khóc vào lúc tuổi còn thơ. Trong buổi tối cuối cùng sum họp của gia đình, tôi bỏ ra phía sau nhà với những suy nghĩ hoang mang thì gặp Từ An ra theo. Tôi cúi xuống ôm con bé vào lòng tại khoảng sân sau nhà, phía sát cạnh chợ Tân Việt.

– Bé con ra đây làm gì?

– Mấy mẹ khóc hoài làm em sợ quá.

– Khóc?

– Vâng. Cả sáu mẹ cùng khóc, bố cũng khóc nữa.

Tôi nhìn thấy có giọt nước mắt đang đọng tại đôi mắt con bé.

Đôi mắt đẹp và ngây thơ như mắt nai. Sự lo âu và sợ hãi đã lan đến đứa em nhỏ nhất nhà. Mới ngần ấy tuổi đầu Từ An đã cùng cha anh chia chung sự đe dọa. Đất nước tôi bắt đầu đi vào giai đoạn mới bằng sự trưởng thành của những đứa trẻ vừa bước vào trung học. Lòng tôi chùng lại bởi tình thương ruột thịt qua sự thật tàn nhẫn vừa nhận thấy.

– Bé con, nín đi đừng khóc.

– Em sợ lắm.

– Sợ gì?

– Mấy mẹ nói ai cũng đi hết à... cả anh nữa, anh cũng đi.

– Rồi anh cũng về mà.

– Anh Út, anh đừng đi nghe...

Rất hiền lành và ngây thơ, em tôi nói lời xin như những lần vòi vĩnh đã làm, nhưng hôm ấy sao mà thảm não. Hình như con bé cũng biết đó chỉ là lời nói để mà nói. Bởi trong tia nhìn của Từ An, chỉ thấy sự sợ hãi hiển hiện. Không một nét nũng nịu, cũng không một tia lạc quan... như vẫn hiểu trong các lần xin là được ngày trước. Tôi chợt thấy cay cay tại mắt khi bế con bé lên. Cuộc chiến này đã dạy những đứa trẻ cách thế bi quan quá sớm. Dù đó là đứa trẻ vẫn được cưng chiều và chưa một lần bị ngược đãi. Nước mắt tôi ứa ra khi hình dung đến ngày mai của gia đình.

– Anh sẽ về mà.

– Thật nghe anh Út.

– Thật, bé con phải chăm học...

Từ An dụi đầu vào vai tôi. Những sợi tóc mềm của con bé quấn vào hơi thở, tôi lại nhận được cảm giác thân quen vẫn có từ hành động này trong tâm trạng rất lạ lùng. Nửa bồi hồi, nửa xót xa. Và cầu mong em tôi sẽ được bình an tại trường lớp bằng tính thiện và sự thông minh sẵn có.

*

Hai năm sau tôi trốn về được Sàigòn. Tất nhiên là tôi không

dám về nhà. Bởi dù có ngu cách mấy đi nữa tôi cũng không muốn mình bị bắt lại sau chuyến tìm về đây khó khăn. Tôi lang thang ở đường Hồng Thập Tự với những cô gái buôn hương và bọn bụi đời để tìm cách liên lạc với gia đình. Thành phố rộng thênh thang mỗi khi căng biểu ngữ nhưng quá chật hẹp để tìm một chỗ trú thân. Lại càng chật hơn nữa khi đó là một thằng tù trốn trại. Tôi chỉ còn cách *gia nhập* vào thành phần thấp nhất. Đó là nơi an toàn và đầy tình nghĩa dành cho những con người đã bị mất hết.

Trong thế giới *nhầy nhụa* – nói theo kiểu một số người là thế – tôi gặp lại Từ An. Con bé lớn như thổi và nhận ra tôi trong lớp quần áo bẩn thỉu.

– Anh Út!

Tôi khựng lại và đánh rơi chiếc bơm xe đạp.

– Bé con...

– Mẹ cả nhận được tin anh và bảo em đến.

Thái độ bình tĩnh của con bé làm tôi bớt xúc động. Tôi cúi xuống nhặt chiếc bơm xe đạp lên, gác vào thành cột điện. Từ An nắm lấy tay tôi.

– Mình vào đây anh.

Hai anh em tôi đến một quán nước mía gần đó. Phía sau lưng tôi những người bạn của hè đường nhìn theo. Tất nhiên sẽ có tia nhìn ngạc nhiên bởi hành động thân mật của một cô bé đẹp như thiên thần vừa làm với tôi.

– Gia đình vẫn khỏe chứ?

Tôi hỏi khi kéo ghế ngồi xuống. Em tôi gật đầu.

– Khỏe hết anh ạ!

– Việc buôn bán thế nào?

Từ An ngập ngừng một thoáng rồi nói nhanh.

– Dạ vẫn thường... nhờ bọn em đã lớn nên các mẹ cũng đỡ hơn.

Tôi khuấy ly nước cho Từ An, trong mắt em tôi có tia cảm

động hệt như ngày xưa, mỗi lúc nhận được sự săn sóc trong gia đình. Con bé bưng ly nước lên môi và bắt đầu kể chuyện từng người. Tôi ngồi nghe, thỉnh thoảng thêm vào một câu hỏi. Và nhận thấy Từ An thay đổi quá nhiều. Sự chững chạc trong thái độ, cử chỉ, lời nói làm tôi ngạc nhiên khi nhớ đến số tuổi mười bốn của nó. Lần thay đổi chung của cả nước đã làm chết mất tuổi thơ của những đứa trẻ ngoan hiền và thay vào đó là sự khôn ngoan một cách tàn nhẫn để sống. Sự khôn ngoan không cần thiết để bước vào đời nếu được sống trong một xã hội tử tế.

Suốt câu chuyện em tôi hoàn toàn không nhắc về mình. Tôi bồi hồi theo dõi từng diễn biến trên khuôn mặt Từ An, chờ một lần nó kể chuyện riêng tư. Nhưng không! Cho đến lúc chấm dứt câu chuyện, em tôi vẫn bỏ quên mình. Tôi nắm tay Từ An.

– Còn em, việc học hành thế nào?

– Dạ ẫn đều.

Tôi gật đầu và cảm thấy được an ủi. Dù sao trí thông minh của Từ An cũng không đến nỗi thừa thãi. Tôi mỉm cười thả tay em tôi ra.

– Con sáo hẳn dạo này nói được nhiều rồi phải không?

Con bé ngập ngừng một thoáng rồi nói nhanh.

– Em đã thả nó đi rồi anh ạ!

– Sao thế?

Trước sự ngạc nhiên của tôi, Từ An vẫn nói bằng giọng bình thường như mỗi câu nói đều được suy nghĩ kỹ càng.

– Em nghĩ đến bố và các anh...

Tôi chợt hiểu Từ An đã đánh rơi tuổi thơ bằng sự chọn lựa riêng trong cái chung của đất nước. Em tôi đã lớn hơn số tuổi đang mang. Trong cuộc sống tối tăm bên những con người tưởng chừng mất hết, tôi thấy rõ mình còn hạnh phúc hơn con bé. Tôi thở dài lái câu chuyện sang hướng khác để tránh ý nghĩ xót xa trong lần gặp lại.

Sau lần đó, hơn bốn năm sau anh em tôi mới gặp tại trại giam Bảo Lộc, ngày tôi sắp ra đi và Từ An vừa mười tám tuổi.

Mười tám tuổi em tôi đã mang trách nhiệm thay cho gia đình. Cả nhà mấy chục người phải bằng lòng cho đứa con út đi nuôi bố. Lời thuyết phục của nó quả là hợp lý. Sáu bà mẹ đã *tan hàng* chỉ còn ba người trong gia đình mà ai cũng phải lo buôn bán. Đám anh chị em trong nhà cũng đã lớn, người bận công việc, người bận bịu chồng con, người thì đi xa... chỉ còn mình Từ An là đủ điều kiện. Và em tôi quyết định bỏ học đi nuôi bố. Đứa con gái mười tám tuổi, thông minh, hiền lành, đẹp đẽ rời trường lớp để bắt đầu tháng ngày tại vùng đất đầy loài hoa vàng dại.

Trong nắng của buổi chiều Bảo Lộc, tôi lại tìm thấy những điều thay đổi của Từ An. Từ khuôn mặt, dáng vẻ đến thái độ, cử chỉ và ngay cả sự suy nghĩ. Bốn năm trời xa nhau mà tưởng như đã lâu lắm. Con bé Từ An của gia đình ngày nào đã thành cô gái mười tám tuổi với cuộc sống vây quanh. Nét hồn nhiên, thánh thiện như cách rời đời và người được thay bằng sự toan tính, thực tế của một con người bị đối mặt với cách thế làm người quá sớm. Mái tóc dài xõa vai không mang vẻ thơ ngây của các cô gái vừa lớn, mà ngược lại như đang đè nặng lên vai em tôi. Nỗi buồn vây kín con bé với nụ cười như mếu. Tôi xót xa nhìn cô gái mười tám tuổi được gọi là Từ An đang ngồi trên một thân cây khô.

– Bé con vẫn khỏe chứ?

– Bố ngủ rồi hả anh?

Tôi gật đầu ngồi xuống cạnh em tôi. Cố nén sự xúc động, tôi nói với Từ An những câu chuyện vẩn vơ về gia đình bằng giọng nói bình thường. Có nét vui hiện lên trong tia nhìn của con bé. Hình như mỗi câu nhắc đến người thân ở nhà là một niềm vui cho Từ An. Trong các nụ cười nhỏ nhoi của em tôi, tự nhiên tôi cảm thấy chung quanh nó là sự cô đơn thật rộng. Và các mẩu chuyện vừa nói như một niềm an ủi rất cần thiết của một con người bị tách rời cuộc sống chung. Như một kẻ bị đi đày giữa tuổi mộng. Bất giác tôi xấu hổ vì quyết định ra đi của mình và

ngại ngùng không biết sẽ báo tin bắt đầu thế nào. Nhưng cuối cùng điều đó cũng được nói ra. Và hệt như lúc nói với bố tôi, tôi cũng đợi nét buồn bã trên mặt Từ An. Nhưng không, thái độ của em tôi cũng hệt như bố tôi, chẳng buồn rầu mà chỉ là một khoảng im lặng trước câu nói.

– Bao giờ hả anh Út?

– Hẳn chỉ vài tuần nữa...

– Viết thư cho em nhiều nhiều nghe anh.

Tôi gật đầu, nói vài câu hứa hẹn như đã nói với bố tôi. Từ An mỉm cười buông những tiếng "vâng" đầy cam chịu. Một lần nữa tôi lại thấy xấu hổ trước thái độ của con bé. Những ý tưởng thật đẹp cho một lần bỏ nước ra đi mà tôi đã nghĩ đột nhiên biến thành lần tháo chạy, phủi tay trước gánh nặng của gia đình. Tôi châm một điếu thuốc trước khi bắt sang chuyện khác. Ánh lửa từ đầu que diêm lóe lên một vừng sáng nhỏ nhoi trong cảnh đêm đang xuống. Rồi tắt thật nhanh sau một hơi thở mạnh của tôi. Như cuộc đời em tôi trong vận nước đầy đắng cay và tủi nhục. Tôi đã có sự liên tưởng này từ hôm ấy.

★

Hệt như tất cả những người tỵ nạn, tôi sang Mỹ với hình ảnh gia đình trong trí. Tình cảm gia đình đã cho tôi nhiều lần... ươm mơ thật đẹp. Như một thứ hành trang cho những con người bỏ nước ra đi, những điều vẽ vời tương lai đã cho tôi sự *can đảm* khi chạm mặt cuộc sống. Và cũng như tất cả những người tỵ nạn Việt Nam, tôi cũng có các lần ngủ mơ thấy mình trở về quê hương. Đủ loại trở về. Từ lần trở về sum họp với gia đình trong hạnh phúc để có nụ cười trong giấc ngủ. Hay lần trở về bị công an bắt để hốt hoảng tỉnh dậy, ngỡ ngàng nhìn quanh căn phòng xa lạ và mừng rỡ vì mình đang ở Mỹ... Nhưng hầu như không có Từ An trong các giấc mơ đó, dù lúc tỉnh nó là đứa tôi nghĩ đến nhiều nhất. Điều này thật vô lý và ngược hẳn với các suy luận về giấc mơ và thực tại được ghi trong sách vở, nhưng lại là điều thật trong cuộc sống của tôi. Tôi không thể giải thích được và

cũng rất nhiều người cũng tỏ ra không tin điều này khi nghe tôi nhắc đến. Quả là khó tin với các điều sắp sẵn của loài người cũng như quả là khó tin khi nhìn vào tuổi thơ của em tôi và lá số tử vi để nghe kể về đoạn đời sau này của chính nó.

Bắt đầu từ lúc bố tôi chết tại trại tù Bảo Lộc. Từ An trở về với cái tang và thay vì được đi học lại, nó đã bước tiếp vào đời. Đứa con gái thông minh nhất nhà lại ghé vai gánh phụ gia đình một phần cuộc sống. Đó là những hàng chữ tôi đã được đọc trong lá thư đầu tiên của em tôi viết từ Sàigòn. Kèm theo đó là một tấm ảnh chụp hình đám táng bố tôi. Nước ảnh nhợt nhạt làm cảnh những con người đang phủ quanh quan tài trông không rõ. Tôi cố gắng nhận diện từng người và tìm thấy Từ An đứng khuất sau quan tài. Thân hình nó bị che khuất, chỉ có khuôn mặt với mái tóc dài là thấy được. Tôi chăm chăm nhìn vào hình đứa em út với những hình ảnh chắp nối đang về trong trí. Nhưng đành chịu. Tất cả chỉ là Từ An của buổi chiều Bảo Lộc hôm nào. Và đó chính là hình ảnh đầu tiên trở về mỗi khi tôi nhớ đến nó.

Bỏ tấm ảnh xuống mặt bàn, tôi đọc lại những hàng chữ Từ An đã viết. Lá thư ngắn và gọn ghẽ nhưng chứa nhiều điều đau lòng trong đó. Gia đình tôi *suy sụp* đã nhiều. Điều này ảnh hưởng đến cuộc sống của mọi người. Từ An là một. Sự quyết định của nó làm tôi nhớ đến lời hứa ngày nào. Nhưng chẳng làm gì được. Ba năm trời đi học ở Mỹ với một việc làm phụ chỉ đủ cho tôi viết những lá thư an ủi gia đình. Tôi đành trông cậy vào các anh chị em khác.

Rồi đến quyết định bỏ học, chọn con đường riêng sau cơn *sốc* có từ cái chết của bố tôi, tôi đã biến thành một thứ người không giống ai trong cái nhìn của anh em và họ hàng. Ít nhất tôi cũng là đứa con bất hiếu với gia đình trong hoàn cảnh này. Tôi cô đơn trong vòng tròn tình cảm. Sự thông cảm có từ những người ruột thịt chỉ vỏn vẹn còn hai người: Kim Chi và Từ An. Những cú phone của Chi và những lá thư của Từ An đã làm tôi được an ủi

rất nhiều. Tôi sống sát cạnh cuộc đời hai đứa em gái qua cách đó.

Thời gian trôi qua cuộc sống làm sự suy nghĩ của ba anh em ngày thêm già. Tôi đã thấy điều này qua các lá thư của Từ An. Em tôi báo tin về nó đều đặn hàng tháng. Ngay cả thời gian tôi lang thang qua các tiểu bang của xứ Mỹ. Denver, Wichita, Santa Ana... Lúc nào tôi cũng nhận được tin của Việt Nam qua thư Từ An. Những điều tâm sự giữa hai anh em đã vượt qua tình cảm gia đình, đã thành thứ tình cảm của một người bạn dành cho một người bạn. Năm năm trời ở Mỹ của tôi là năm năm sống vì gia đình của em tôi. Từ An không giấu một điều gì cả. Kể hết, kể hết qua giọng văn thật tự nhiên của một con người đã sống và biết sống. Rất bình thản và trưởng thành Từ An kể lại các giai đoạn kiếm sống. Từ một sạp thuốc lá bên đường em tôi đã có một gian hàng tại chợ trời Tân Bình. Từ một lần buôn hàng đầu tiên cho đến những mánh khóe nghề nghiệp... Trí thông minh ngày nào của nó đã được xài kiểu đó.

Tất nhiên là tôi mừng vì cuộc sống của Từ An tương đối khá hơn nhưng niềm vui đó rất ngắn và nhỏ. Bởi lần nào gấp thư lại tôi cũng bị rơi vào tâm trạng xót xa. Xã hội với những cái mới kỳ quái đã biến em tôi thành một con buôn đầy thủ đoạn. Và mầm mống *thiên tài* qua biểu hiện thông minh của tuổi thơ chỉ đủ phát triển để làm tròn những mánh khóe con buôn. Cũng có nhiều lần tôi cảm thấy đắng miệng khi nghĩ đến tính thiện của em tôi. Quả là thiên thần cũng biết lường gạt khi lọt vào vòng quay xã hội kiểu này.

Nhưng chỉ nghĩ thôi! Hơn ai hết tôi hiểu sự bất lực của chính mình. Những gói quà thưa thớt và muộn màng của tôi không thể kéo lại những gì Từ An đã đánh mất. Nếu không muốn bảo đó là sự *giúp vốn* cho em tôi rơi sâu thêm vào cái vòng quay kỳ quái ấy. Tôi hiểu thế, nhưng biết làm sao hơn? Tất cả đã thành cái nếp cho em tôi như đã là cái nếp chung cho đa số những con người sống dưới chế độ đó. Nên tôi im lặng cho đến ngày Từ An

lấy chồng. Và tự an ủi bằng cách đánh lừa mình khi cho đó chính là cái số của em tôi. Một cái số không dính gì đến lá số tử vi của ông bác đã bốc hệt như một cuộc đời cũng không dính gì đến con bé Từ An thông minh và lành như một thiên thần của gia đình ngày nào.

*

Tôi gặp lại những cánh hoa vàng tại San Jose sau một thời gian lang thang. Những cánh hoa bé li ti của loài cải làn hoang lại đến trong đời với lần dị ứng. Trong sự khó chịu chen lẫn với khoái cảm của những cái nhảy mũi tôi lại nhớ Từ An nhiều hơn. Dù đã nghĩ đời nó coi như xong nhưng tâm trạng xót xa vẫn có khi nghĩ về quá khứ. Tôi đã đánh mất một đứa em vì vòng tay quá ngắn, và sự cam chịu chỉ là lần lừa dối chính mình. Điều này dần dà biến thành dằn vặt. Trong đêm, tôi thường nằm trăn trở khi trở về ấu thời. Những hình ảnh quá khứ làm tôi rơi vào tâm trạng nửa hạnh phúc, nửa tiếc nuối và đau đớn khi chợt nghĩ đến hiện tại. Thời gian đi quá nhanh và lần tìm về tuổi thơ như lần tìm về nơi ẩn náu tạm thời giữa cuộc sống mà mình không chấp nhận. Những ý nghĩ này cho tôi hiểu mình bắt đầu già. Rồi nhìn quanh, rồi âu lo khi nhìn thấy sự thay đổi của một số người trước thời cuộc để ngạc nhiên sao thấy họ còn quá trẻ trong tuổi già đang đến.

Thật tình là tôi quá mệt mỏi khi nghĩ đến một lần thay đổi cho chính mình. Đó cũng là một khuyết điểm cho một con người chưa được bốn mươi. Tôi hiểu thế! Nhưng biết sao khi hiểu lòng mình không xem sự chọn lựa cuối cùng của mình là một trò chơi có tính cách thời thượng. Tôi *an phận* không muốn từ bỏ con đường đang đi như từ bỏ một lớp áo cũ, khoác lên người một lớp áo mới cho đúng mốt để cố quên những vết thẹo đã hằn trên lưng. Dù sao tôi cũng nhớ đâu là nguồn gốc, là nơi nuôi dưỡng để tôi lớn lên, là nơi đã cho tôi thành người ngày hôm nay – dù là thứ người mang thẹo trên lưng – thì làm sao tôi quên được cái nhục đã cùng mang với mọi người, để chấp nhận rơi vào vòng

quay kỳ quái dưới sự điều khiển của bàn tay phi nhân. Mà gần hơn hết là vòng quay đó đã làm thui chột biết bao hạt mầm trong sáng. Trong đó có Từ An, đứa em út hiền lành và đầy tính thiện của tôi. Bởi thế tuổi gần bốn mươi của tôi biến thành già nua, lạc hậu trước sự *tiến bộ và trẻ trung* của một số người lớn tuổi hơn mình.

Trong ý nghĩ đó, tôi đã cô đơn lại càng cô đơn hơn trong những ngày đầu năm 1990. Từ lần trở về của Hiếu – một đứa em trong gia đình –, từ sự thay đổi của một số bạn bè – những người bạn cùng đường và hằng khuyên nhủ tôi hãy cố gắng theo con đường đang đi – làm tôi ngộp thở và lúng túng. Nhưng nhìn lại chung quanh, tôi cảm thấy xấu hổ vì những ý nghĩ vừa chớm. Bởi vẫn còn những con người sống với con đường đã chọn chứ không phải tất cả đều cho đó là một cái *game* thời thượng như Hiếu, như một số người từ bỏ quá khứ mà tôi đã gặp. Và ít nhất, trong lần chọn lựa cuối đời này tôi cũng hiểu mình đang đứng tại đâu. Hơn thế nữa, đây là sự chọn lựa của chính tôi để sống chứ không phải sự chọn lựa đầy ép buộc như Từ An đã bị.

Thế đấy, tôi đã sống tại San Jose bằng tình cảm như vậy. Cho đến chiều hôm qua tôi nhận được thư Từ An. Lá thư định kỳ mỗi tháng mà em tôi vẫn viết. Tôi cầm lấy cái phong bì trắng có viền những vệt xanh đỏ lên ngắm nghía. Hẳn vẫn là những hàng chữ tâm sự, những lời thăm hỏi như các thư trước. Vẫn biết thế nhưng trong tôi vẫn có cảm giác nao nao. Tôi xé phong bì để thấy những hàng chữ thân quen đó.

Không như các lần trước, lá thư dài hơn, được viết kín hai mặt của ba tờ giấy. Tôi vừa đọc vừa hình dung đến cảnh tại quê nhà. Đến cuối trang đầu tôi khựng lại và niềm vui oà vỡ trong tôi. Em tôi đã viết những điều tôi thường thêu dệt trong trí khi cảm thấy cô đơn.

"... Em biết, anh rất buồn khi thấy sự thay đổi của em. Nhưng mãi đến hôm nay em mới dám viết sự thật. Dù sao cuộc sống gia đình đã ổn định và em không còn phải tiếp tục cái nghề dễ

ghét đó nữa. Mấy năm trời buôn bán mà tưởng như lâu lắm. Em như sống ở thế giới khác, không thuộc về mình. Nghĩa là không thuộc về con bé con của anh những ngày cũ. Buôn bán, chèo kéo, tính toán... Tất cả những việc mà ngày xưa em tưởng không bao giờ làm được vậy mà đã thành dễ dàng và quen thuộc trong một thời gian ngắn. Không chừng lại nghề hơn cả những người buôn bán chuyên nghiệp nữa. Đời sống thật là tàn nhẫn, đã biến em thành một con buôn, điều này làm mọi người chung quanh không ngờ được và ngay cả em cũng không ngờ được chính mình lại thế. Thủa bé nào em có muốn thế, chỉ muốn được đi học thuốc để được làm bác sĩ như chị Chi nhưng... Em đã khóc rất nhiều những lúc một mình vì chẳng có ai để chia sẻ nỗi buồn đó. Chung quanh em dù là gia đình nhưng các mẹ thì ở một thế hệ khác, còn anh chị thì đâu ai giống ai trong nếp suy nghĩ? Chỉ còn mình anh là người gần gũi và hiểu em nhất thì lại ở quá xa. Hơn thế nữa, em còn biết nói sao khi đang tiếp tục sống trong cái nghề mình không thích.

Suốt khoảng thời gian đó em như người mang mặt nạ. Ngày ngày ra chợ Tân Bình tìm đủ mọi cách để có số lời nhanh nhất và nhiều nhất, bất chấp mọi điều chung quanh. Em quên hẳn em lúc đó. Cuộc sống mới đã dạy cho em những điều tàn nhẫn – có thể chỉ là tàn nhẫn với em – để làm, để sống như tất cả mọi người. Nhưng đau đớn hơn hết là em nhập vào cuộc sống đó mạnh mẽ và phũ phàng hơn cả những kẻ sinh ra để sống kiểu đó. Đến độ dân buôn bán tại chợ Tân Bình đã gọi em là chị Út mánh mung. *Một thứ tên gọi chẳng bao giờ em nghĩ mình có thể chấp nhận. Nhưng đã có và em nhận một cách tự nhiên. Như một người sinh ra đã được đặt bởi tên ấy. Thật tình lúc đó em cũng muốn được gọi như thế bởi đó chính là một trong những thứ* uy tín *cần thiết để làm cuộc sống tại chợ Tân Bình.*

Nhưng đó chỉ là buổi sáng. Đêm về đối diện với chính mình, em có cảm tưởng như vừa tham dự một trò chơi mà tất cả mọi người đều đeo mặt nạ. Điều này em nhìn thấy từ một số người chung quanh. Họ, và ngay cả em đều như đang trong một cơn

mê. Rõ hơn nữa là đang khoác một lớp vỏ, trong một buổi dạ vũ hóa trang, cố gắng quên con người thật của mình cho phù hợp với mọi người chung quanh. Điều này đã làm em khổ sở rất nhiều và mơ ước đến ngày thoát khỏi cuộc sống đó. Và hôm nay, con bé con của anh hy vọng sẽ được trở về với chính mình. Vợ chồng em đang chuẩn bị về Long An. Bố chồng em vừa mất, ruộng vườn sẽ để lại cho bọn em coi sóc. Dù đời sống tại Long An có hơi xa lạ nhưng rồi cũng quen phải không anh? Điều quan trọng nhất là em được bước ra khỏi cái vũng đáng sợ mà mình bị đắm chìm trong đó từ mấy năm nay. Thật ra, có một số người kể lại đời sống dưới ruộng vườn cũng có những điều phức tạp khác từ chung quanh nhưng chưa sống thì làm sao kết luận được? Con bé con của anh bây giờ cũng đã lớn và hiểu mình sẽ phải làm gì... Anh Út đừng lo, em sẽ cố giữ những điều có sẵn của mình để sống và không để bị thay đổi như thời gian vừa qua..."

Lá thư còn rất dài, nhưng đọc đến đây tôi ngưng lại và hình dung đến một cảnh ruộng vườn tại Long An. Nơi đó sẽ có hai con người hy vọng được trở lại với cuộc sống bình dị và hiền lành đúng như bản chất đầy tính thiện của mình, dù chung quanh họ còn đầy rẫy những bất công, đè nén, lừa lọc theo kiểu thôn quê. Tôi tin rằng vòng quay kỳ quái của chế độ đó tuy dư khả năng làm thui chột tài năng, nhưng vẫn không đủ sức bóp chết lòng nhân của con người bằng bàn tay phi nhân. Nhất là lòng nhân của những con người đã hiểu rõ bộ mặt thật của xã hội đó.

Tôi đặt lá thư xuống mặt bàn. Rất tình cờ, lá thư được đặt cạnh một bản tin về nhóm trí thức *đổi mới* tại hải ngoại, đăng trên một tờ báo trong vùng. Màu xanh của những hàng chữ trong lá thư nổi bật và trái ngược với màu mực đen trên mặt báo. Bất giác tôi hình dung đến hai cảnh trái ngược. Em tôi, đứa con út của gia đình vừa cởi mặt nạ, bước ra ngoài với nụ cười hạnh phúc và những con người trí thức – cũng có nụ cười hạnh phúc – đang chuẩn bị đeo mặt nạ để trở về tham dự buổi dạ vũ hóa trang. Như tất cả những kẻ bị và phải từ chối khuôn mặt

của mình để được sống trong vòng quay kỳ quái. Nhưng một hạt mầm có bị đốt thành than cũng còn chất than để được phân biệt đó là loại cây nào. Và những cái mặt nạ chỉ có giá trị với chính những kẻ xin được đeo nhưng hoàn toàn vô nghĩa với cái máy đã làm ra nó. Nên sự bất hạnh không hẳn chỉ dành cho các hạt giống bị thui mầm.

Tôi yêu sự cô đơn của tôi.

San Jose 19 tháng 5 năm 1990.

TRÂN SA

hẹn chiêm bao

●

Chiêm bao tất tả tôi về
thấy không còn ai ở đó
mảnh sân xưa đã hẹn thề
trăng tôi đìu hiu một bóng

Không cả vài lời chia biệt
đời quá ngắn để chờ nhau
ly loạn dành phấn tất cả
chừa tôi chiếc lá thay màu

Dĩ vãng không còn trở lại
mùa thu nặng xuống hai vai
bốn bề hoang tàn cỏ dại
làm chi còn một dấu hài

Chiêm bao tôi đành lỗi hẹn
tỉnh ra nắng trắng khung trời
giọt lệ vừa khô trên gối
ngoài kia một chiếc mây trôi

CAO HOÀNG

cancion triste
khúc nhạc dưới trăng

●

Khi tới đường Pine, tôi cho xe quẹo vào một cái chợ nhỏ bên đường để mua một bao thuốc lá. Lúc trở ra, tôi không thể nào để lại máy xe được vì ổ khóa bị kẹt. Loay hoay đến nửa tiếng đồng hồ để tìm một thế thích hợp cho chìa khóa, ngón tay cái của bàn tay phải đã đỏ ửng và bắt đầu đau, tôi đành bỏ xe tại đây. Lần đầu tiên trong chuyến đi dài hơn hai ngàn dặm, tôi không thể điều khiển chiếc xe nhỏ xíu này mà trong xe không có một dụng cụ sửa chữa nào.

Khi đi bộ tới đường Mười Lăm, chợt nhớ tôi có một người bạn ở đường này, khu Capitol Hill. Tôi rẽ trái vào đường Mười Lăm và không khó nhọc lắm, tôi đã tìm ra nhà người bạn. Đó là một căn nhà mầu trắng, kiểu rất xưa, tường vôi đã ngả màu, bụi bậm với dây trường xuân phủ kín. Lần theo lối mòn viền bởi hai hàng trúc đào xơ xác, tôi bước lên tam cấp và gõ cửa. Không có ai trả lời, tôi gõ lần nữa. Bỗng nhiên cánh cửa kêu lên răng rắc và từ từ mở. Một người nằm trên ghế dài nơi phòng khách, mền phủ kín từ đầu đến chân.

Tôi ngồi xuống một cái ghế dựa và bắt đầu đọc báo. Chừng một giờ sau, người nằm trên ghế dài cựa quậy, nhưng lại quay người vào trong ngủ tiếp. Tôi thôi đọc báo, dạo quanh phòng và lặng ngắm các đồ vật.

Tôi không lầm nhà vì đã thấy một tấm hình nhỏ trên tường;

hình chụp nhiều người trong đó có bóng quen thuộc của bạn tôi: một gã to con, râu quai nón vàng, mắt xanh đứng giữa. Bên trái là hai người lớn tuổi, bên phải là hai cô gái trẻ. Phòng khách có treo la liệt những chậu cây cảnh xanh tươi, trái hẳn với cây cỏ ngoài vườn – vàng úa héo hon. Trên một cái kệ thật cổ, có tượng một vũ nữ Bali trong điệu múa cổ truyền. Tôi còn tìm thấy một hộp gỗ nhỏ của Nhật bản có tám vị tiên nhỏ xíu như ngón tay, nét khắc tinh xảo và áo quần đẹp đẽ. Nhưng kìa, tôi đã tìm thấy kỷ niệm của tôi để ở trong bếp thông với phòng khách, một con búp bê – một gã nhà quê người Indonésia đầu đội nón rơm, đang ôm trên tay một lục huyền cầm; đôi mắt lớn sáng long lanh với bộ râu rậm rạp, yên lặng nhìn tôi trân trối. Gã tên là Sikabayan, tôi đã tốn không biết bao nhiêu công lao để hoàn thành nó, chỉ với một lưỡi dao và ít sơn màu. Một người bạn gái đã may quần áo cho, và giờ đây y vẫn ngồi trên cái ghế đẩu, dáng thật linh động, gảy khúc đàn câm trong căn nhà vắng lặng này.

Khi quay trở ra phòng khách tôi bỗng giật bắn người vì một gã Sikabayan khác bằng xương bằng thịt đang đứng chặn nơi cửa bếp. Gã có hàm râu đen rậm, đôi mắt sáng long lanh, nhìn tôi soi mói. Tôi lắp bắp tự giới thiệu và lấy hết can đảm hỏi hắn xem bao giờ bạn tôi về. Gã không đáp, đưa tay phác một cử chỉ mà tôi hiểu được: rằng hắn cũng không biết, rằng bạn tôi là một tên không có thời khắc biểu nhất định. Hắn quày quả bỏ ra vườn, còn tôi ngồi lại chỗ cũ đếm thời gian chầm chậm trôi qua.

Đến gần tối, bạn tôi cũng chưa về. Lát sau gã thanh niên trở vào ngoắc tôi đi. Tôi theo hắn ra khu chợ gần nhà. Gã đi uyển chuyển, nhẹ nhàng như một con sâu. Chúng tôi tìm thấy một quán vắng vẻ nghèo nàn. Khi mỗi người có một ly cà phê nhỏ và ít bánh ngọt, thì bên ngoài thành phố đang lên đèn. Gió rung nhẹ trên những cành lá Maple và người người vội vã qua lại.

Tối hôm ấy, bạn tôi cũng không về, tôi ở lại ngôi nhà trắng với gã thanh niên xa lạ và câm nín. Đó là một đêm hè ôn đới, nhưng thời tiết nóng nực không thua gì đêm nhiệt đới. Không

gian yên lặng đến rợn người, tôi nghe tiếng từng lá trúc đào rơi trên lối mòn. Thỉnh thoảng có tiếng xe vọng mơ hồ từ xa, tiếng côn trùng rên rỉ trong vườn...

Nửa đêm tôi bị đánh thức bởi ánh trăng chiếu qua cửa sổ. Một mặt trăng vàng rực và lớn lạ thường đang từ từ vươn lên ở chân trời. Đã nhiều năm qua, tôi chưa nhìn kỹ lại cái mặt trăng rực rỡ đó. Nó đang trôi trên các đám mây, nhà cửa dinh thự, gió mát, sông hồ. Càng lên cao, mặt trăng càng bớt chất vàng và trở nên sáng hơn. Giờ này nó như một cái dĩa nhạc yêu kiều, treo lơ lửng trong bầu trời thăm thẳm.

Đêm hè yên lặng, bỗng chuyển mình rực sáng. Côn trùng im bặt tiếng kêu, và những lá cỏ, cành cây trong vườn cùng bật sáng lên với cái ánh sáng tuyệt vời đó.

Những tiếng lục huyền cầm cất lên thanh tao và đầm ấm làm rung động cả bầu không khí yên tĩnh, hòa tan với ánh trăng, với không gian tiếng nhạc huy hoàng. Tôi nằm yên lặng đến sững sờ, thưởng thức cùng một lúc vừa ánh trăng vàng trải rộng không gian, vừa cái âm thanh tuyệt diệu của loài người. Trăng càng lên cao, tiếng đàn càng trong vắt, càng huyền ảo với những biến khúc kỳ lạ. Tới khi trăng lẩn vào trong mây thì tiếng đàn như tan loãng đi, như xa xôi mơ hồ. Có khi trăng bị che khuất bởi một tòa nhà khổng lồ, cả khu vườn tối sầm lại. Tiếng đàn bỗng chát chúa với những hợp âm quái gở, đệm bởi những âm thanh rất trầm, nện liên hồi như giục giã, như hối thúc.

Cứ như thế tiếng đàn ẩn hiện theo trăng và càng lúc càng xiết chặt lấy tôi, bắt tôi chăm chú, bắt tôi dõi theo, làm tôi không cử động được, không vùng thoát ra được trong một niềm kỳ diệu, vừa sảng khoái vừa day dứt xót sa...

Cuối cùng tôi tìm được một thế nằm thật êm. Không cưỡng chống lại các âm thanh nữa. Dần dần tôi bớt sợ hãi và một cảm giác bình an từ từ xâm nhập. Tôi vẫn còn thấy trăng vàng đẹp rực rỡ, tôi vẫn còn nghe tiếng đàn đầm ấm quấn quít theo trăng, tôi cũng nhận thực được sự hiện diện của thân xác này, nhưng

hình như tất cả hòa làm một trong một niềm hoan lạc triền miên.

Sáng hôm sau tôi dậy muộn. Mặt trời chiếu chênh chếch qua những cành trúc đào. Tiếng xe cộ rì rầm ngoài lộ, đánh thức tôi một lần nữa cho tan đi cái cảm giác đêm qua, mà tưởng còn văng vẳng đâu đây trong không gian tiếng nhạc huy hoàng đó.

Tôi không còn ý định ở lại đây đợi bạn tôi về nữa. Tôi sửa soạn ra đi. Đúng hơn là tôi không sửa soạn gì cả, vì vốn tôi chẳng bao giờ có hành lý mang theo. Tôi với tay lượm bao thuốc lá trên bàn bỏ vào túi. Tôi cũng thấy một bao diêm quẹt kiểu xưa, làm bằng gỗ mỏng mà từ nhiều năm nay tôi không hề dùng tới. Tôi quơ lấy ri đi ra ngoài.

Nơi phòng khách, gã thanh niên vẫn còn ngủ trên ghế dài. Đôi mắt nửa nhắm nửa mở. cái miệng trẻ thơ có gắn hàm râu đen bóng. Một cây lục huyền cầm nằm vắt ngang người gã, mà đôi tay với những ngón dài thanh tú còn như níu kéo, còn như ôm ấp. Tôi mở cửa bước đi...

Tới chỗ đậu xe hôm qua, chiếc xe vẫn còn đó. Tôi bỗng nảy ra một ý kiến. Tôi vào chợ mua hai cái *crewdriver* và trở ra tháo tung bộ ổ khóa tay lái. Mọi chuyện dễ dàng hơn tôi tưởng. Chỉ một lát sau, tôi đã làm cho máy nổ lại được. Tay lái không còn bị khóa nữa, tuy nhiên tôi không thể dùng được cái ổ khóa cũ. Nó treo tòn ten bên cạnh bằng hai sợi dây điện. Khi xe sắp sửa chuyển bánh, tôi thấy gã thanh niên kỳ lạ đi ở bên kia đường. Gã giơ tay vẫy chào tôi. Tôi cũng chào lại gã bằng tay. Tôi rút một điếu thuốc đưa lên môi và tìm một cây diêm trong hộp quẹt. Nhưng không có một cây diêm nào cả, chỉ có một con dế – một con dế rỗng ruột đang xòe cánh gáy miên man.

Tìm đọc:

CÁNH CỬA

tập truyện của Nhật Tiến

KHOA HỮU

đời hoang

●

lò cừ nung nấu sự đời
bức tranh vân cẩu vẽ người tang thương

ngt

1.
Ta đến thăm người đêm cuối năm
đèn phố khuya tắt nỗi kinh hoàng
đi tìm trong bước chân tìm kiếm
vẫn thấy đời Do thái lang thang.

Con đường đã đổi tên đường ấy
lòng ta ai biết được đá vàng
sống sót mười năm hơn - cũng vậy
nhớ gì, nhức buốt đến tâm can.

Thèm quê hương như thèm bếp lửa
chờ nồi khoai chờ đến bạc đầu
khói rạ xanh mù trong trí nhớ
để bây giờ trắng mắt đêm sâu.

Lòng ngổn ngang những hòn đá sắc
đường sắt xuyên dĩ vãng lại về
chuyến tàu chở đời qua thầm lặng
ghé đờ ta khoảnh khắc rồi đi.

Mười ba năm ta đau rụng tóc
ngày tháng quên vuốt mặt chẳng nhìn
nắng sáng mưa chiều như ngộ độc
chết đến đầu làng vẫn chưa tin..

Ta đến thăm người ta chẳng hẹn
người không chờ, chờ tỉnh cơn say
tỉnh xót sa, say vùi số phận
tỉnh, say, đã lỡ cuộc lưu đầy.

2.
Đời hoang, nhà niêm phong vô chủ
cửa thản nhiên mở hết tháng ngày
vẽ một mặt người như mặt thú
đôi mắt mù sót nét ngây thơ.

Nhà hoang, nhện giăng sầu chạm trán
vách tường loang lở vết thương người
gạch ngói ngậm ngùi cơn nhiễu loạn
chảy máu mình đất đẫm mồ hôi.

nhà hoang, chung cổng người thiên hạ
bốn hướng nằm nam bắc đông tây
mảnh chăn đắp mảnh đời thiên cổ
giấc mơ, oan trái giấc mơ này.

mỗi năm mỗi lần ta thăm bạn
người già bên gật tiếng chào quen
ông lão ngồi ngây như chiếc bóng
hắt hiu chờ gió tắt ngọn đèn.

Năm nay, chỗ ngồi xưa để trống
chiếc ghế còn một chỗ tang thương
ông lão ấy về đâu chiếc bóng
về đâu? sao thắp lại ngọn đèn.

3.
Nhà bạn ở chung loài nghiệt súc
ta chờ như đợi kiếp đầu thai
con dế kêu van cái chuột rúc
nắm xương da thôi cũng lạc loài.
Mùa hạ chôn con mèo có tật
cái dơi già treo cổ mùa đông
cóc nghiến răng thạch sùng kêu nấc
cõi âm dương ngỡ gặp linh hồn.

Ngõ sâu thẳm, đường hoang lối cụt
mỗi bước lòng ta mỗi gập ghềnh
con chó đen về từ kiếp khác
cắn rách đời sâu một miếng đêm.

Nỗi ám ảnh làm sao giải thích
có một người thắt cổ trong ta
ta sống, sống giả hình như kịch
ngó u minh ma quỷ ngồi chờ.

4.
Ai đốt ngoài kia tràng pháo tết
tiếng pháo nào nổ xác không tan
bật ngọn lửa môi châm điếu thuốc
gợi nhớ thêm một thoáng năm tàn.

Ta nghe dội trong lòng tiếng thét
kẻ nào rơi từ đỉnh cao xanh
muôn nỗi chết về chung cái chết
trả thế gian giọt lệ tan tành.

5.
Trong trí nhớ ta bầy ngựa chiến
vượt đường như vượt thuở hồng hoang
không yên cương dựng bờm thay kiếm
bốn vó tung lớp bụi suy tàn.

Trong trái tim ta thời phế đế
lửa tin đốt trụi quả địa cầu
dắt dìu nhau bỏ rừng xuống bể
trắng xương người xót nước biển sâu.

Trong cuộc đời ta kẻ phản bội
mỗi lời là một nhát dao đâm
máu tra khảo thịt da xưng tội
hạn lưu đầy chưa hết trăm năm.

Ôi, những số phận kia người vẽ
nét đau thương không đủ họa mình
cuộc thế dựng bức tranh phù thế
hỏa thiêu đời trước mỗi bình minh.

Miếng quê hương ngậm nhai trong miệng
cầm hơi lòng nhẫn nhục qua ngày
bán rao sạch đến tình đến tội
cởi áo cầm bán nốt cơn say...
Sàigòn 1988

NGÔ NGUYÊN DŨNG

nở muộn

●

1. Eo Biển Cá Voi

Từ nhiều năm nay, ba chị em Bạch, Duyên và Ngà sống bên nhau với ba mảnh đời riêng biệt trong một ngôi nhà vùng ngoại ô thành phố. Căn nhà trệt có hai phòng ngủ, một phòng khách và nhà bếp. Phòng vệ sinh nằm ngoài hành lang. Không có nhà tắm. Đó là lý do mỗi khi nhắc tới, Duyên lại cằn nhằn chị:

– Nhà gì không có phòng tắm, bực mình quá. Lúc tới xem nhà, em đã bảo chị thôi đừng mướn, mà chị và con Ngà cứ nằng nặc đòi lấy cho bằng được.

Bạch liếc em gái, nói như rít:

– Mới qua, chân ướt chân ráo, người ta giới thiệu chỗ nào thì ở chỗ đó cho rồi, biết gì mà chọn lựa. Mày chỉ hay xạo sự với chị em trong nhà, có giỏi thì đi tìm chỗ khác mà ở.

Ngà từ tốn xen vào câu chuyện:

– Thôi mà, cho em can.

Nàng biết Bạch và Duyên không thuận thảo với nhau, Bạch thì thẳng thắn, Duyên lại bướng bỉnh. Thêm vào đó là hoàn cảnh bất hạnh mà Duyên gặp phải trong chuyến vượt biển. Ngà rùng mình nhớ lại cảnh tượng bầy cá heo, cá voi uốn mình bơi lội trên mặt đại dương. Thỉnh thoảng trong căn phòng ngủ chia chung với Duyên, Ngà lại giật mình thức giấc bởi một chuỗi âm thanh

quái dị. Tiếng kêu có độ cao đặc biệt giống cá heo lẫn với tiếng ù... ùm ù... ùm trầm đục của lũ cá voi. Nàng tưởng mình vừa rơi vào giấc mộng khiếp đảm của đại dương, ngồi bật dậy. Tiếng động ấy vẫn còn vang dội trong căn phòng kín lặng. Ngà quay nhìn sang giường Duyên. Mắt nàng quen dần với bóng tối, thấy lờ mờ hai bàn tay Duyên quơ quào che lấy mặt. Dưới mười ngón tay chấp chới, Ngà tưởng tượng cặp môi chị méo xệch lệch lạc, hai hàm răng nghiến vào nhau, tạo ra những âm thanh khác thường. "Oe... ét e... ét, u... ùm u... ùm". Ngà thốc mền, chạy sang lay mạnh vai Duyên, nắm chặt hai tay nàng. "Chị Duyên, chị Duyên". Người con gái hét lên một tiếng hốt hoảng, giơ tay cấu vào bóng đêm trước mặt. Ngà dùng hết sức, kẹp cổ tay chị lại. Lát sau Duyên tỉnh mộng, ôm chầm lấy Ngà. Hai chị em ghì siết nhau, rấm rức khóc.

Bạch không có nhiều kiên nhẫn như Ngà. Ngay từ ngày đầu dọn tới đây, nàng đã đề nghị:

– Tao ngủ một mình trong căn phòng nhỏ. Phòng ngủ lớn dành cho hai đứa bây, muốn làm gì thì làm!

Ngà thấy chị Bạch hơi ích kỷ, nhưng như vậy cũng tốt, vì Bạch và Duyên sẽ không có nhiều dịp để gây sự. Ngà lại quá thương Duyên. Hai chị em sinh năm một, dù tính tình không giống nhau, nhưng cả hai có nhiều kỷ niệm chung thời thơ ấu và thuở còn đi học. Từ khi tâm hồn Duyên không còn lành lặn, Ngà càng để ý chăm nom Duyên nhiều hơn. Nàng thường dịu dàng gỡ tay Duyên xuống khi thấy nàng thất thần giơ lên che mặt trong cơn khủng hoảng. Nàng ân cần đến bên cạnh, trò chuyện cùng Duyên khi thấy nàng âu sầu ngồi ngắm vạt nắng tàn trên vườn cỏ sau nhà.

Nơi này đẹp, thanh tịnh và buồn bã. Nằm ven con đường uốn lượn quanh co dưới lũng thấp. Bên cạnh là dòng suối cạn. Xa xa là đồi thông chập chùng. Chủ nhà là một bà cụ tốt bụng. Khi biết được ba chị em nàng là dân boat people, vượt biển sang đây tỵ nạn, bà ái ngại thăm hỏi và sốt sắng giúp đỡ trong khoảng

thời gian đầu lạ lắm. Bà liên lạc với các cơ quan từ thiện xin thêm vật dụng trong nhà. Bếp điện, tủ lạnh, sa lông, chén dĩa... Cuộc sống của Bạch, Duyên và Ngà từ từ đi vào khuôn nếp, với những mẫu mực bên ngoài, nhưng đầy sóng gió nội tâm. Mỗi người là một cõi ưu tư, là ba giọt nước giống nhau y hệt nhưng đựng đầy bão tố đại dương bên trong. Bạch với tâm trạng cuống quít lo sợ lứa tuổi lỡ thì. Duyên với những ám ảnh gớm ghiếc trên biển. Ngà với những hướng tương lai mờ mịt.

Đôi khi, lúc ngồi nhổ tóc bạc, tóc sâu cho Duyên trong phòng khách, Ngà dịu dàng hỏi chị:

– Chị nằm chiêm bao thấy gì mà kêu nghe ghê quá vậy?

Duyên ngơ ngác chất vấn:

– Ủa, tao ngủ mớ à? Hồi nào? Cái gì?

Ngà vẫn dịu dàng:

– Cách vài đêm, chị lại nằm mê, kêu hét ầm lên, nghe như tiếng cá heo, cá voi gọi bầy trên biển.

Ngà hơi ngạc nhiên khi thấy Duyên bật cười giòn:

– Vậy à? ...Mà thôi, đừng nhắc tới mấy chuyện đó nữa, tội nghiệp lắm.

Ngà thầm nhủ, không biết Duyên tội nghiệp cho chính nàng hay tội nghiệp cho những con cá voi, cá heo? Nhưng nàng không hỏi, sợ vô tình cứa lên vết thương chưa lành trong tâm hồn Duyên. Ngà biết lắm chứ, nàng là một trong những nhân chứng có mặt trong lúc đám hải tặc kéo lê Duyên sang ghe chúng. Trong ba chị em, chỉ có Duyên gặp phải cảnh huống bi thảm đó. Bạch đã nhanh trí, hóa trang già nua xấu xí bằng cách bôi dầu mỡ lên mặt. Ngà thì trông còn bé quá nên thoát nạn. Khi chúng trả Duyên trở về, nàng chỉ còn là một mớ quần áo rúm ró, tóc tai rã rượi, thần sắc tiêu tán. Ba chị em chỉ biết ôm nhau mà khóc. Khóc nguyện cầu khi bão dậy. Khóc thèm thuồng trong cơn đói. Khóc vui mừng khi thấy bầy chim nhàn léo nhéo bám theo ghe. Khóc khi loạng choạng nghiêng vẹo bước xuống đất

liền. Và khóc trong những đêm trăng tha hương, thao thức nhìn bóng mình héo mòn dần những đóa xuân xanh.

Thật sự, Duyên đã nói dối Ngà. Từ hôm lưu xứ tới nay, những giấc mơ của nàng không còn bình an nữa. Chúng trộn lẫn, chồng chất lên nhau như bức tranh của người loạn trí. Nàng nằm mộng thấy nhiều mặt người. Xa lạ, đen đúa, hung tợn... Cùng những cánh én biển liệng mệt mỏi trên vùng biển u ám. Và từng bầy cá heo, cá voi quẫy đuôi nhào lộn trên mặt đại dương. Duyên yêu vô cùng loài thú thông minh, nhiều tình đồng loại đó. Nàng mơ thấy những con cá voi xanh, cá nhà táng quấn quít nhau trửng giỡn, phát ra những âm thanh trầm đục. Mùa hè, chúng từ vùng biển Bắc băng sơn tìm về vịnh Mễ tây cơ ấm áp để yêu nhau và sinh nở. Duyên mơ thấy cặp cá voi đang âu yếm làm tình. Bộ phận sinh dục của con cá voi đực nhú dài, lắc lư tìm kiếm bụng dưới của con cá voi cái. Cử động chậm chạp như ngại ngùng. Cả thân mình, cõi tâm linh của Duyên run lên như phơi giữa mưa bão. Nàng thấy mình chờn vờn hai cánh tay theo điệu múa nhịp nhàng của cặp cá voi trong cơn hành lạc. Mặt biển sôi sùng sục như hỏa sơn phun lửa. Rồi, giữa trời nước mênh mông, chiếc tàu săn cá voi hiện ra, sừng sững man rợ. Đôi mắt người thợ săn đỏ ngầu xoay giàn máy phóng lao hướng về hai con thú. Một tiếng "bụp" khô khan bật ra. Ngọn lao đuôi én bay thoăn thoắt, lôi theo sợi dây thừng uốn khúc ngoằn ngoèo trong không khí. Một cái quẫy cực mạnh, phun ra dòng máu đỏ ngầu. Duyên đưa hai bàn tay che mắt, thấy lại những thân hình đàn ông chập chờn trước mặt.

Mỗi năm, nơi vùng biển Na uy, theo tục lệ cổ xưa, dân chúng hân hoan đợi bầy cá voi trở về theo luồng nước ấm, chèo thuyền ra biển lùa chúng vào bờ, rồi túa ra chém giết. Cả eo biển vấy máu đỏ lừ. Thảm thiết tiếng kêu tuyệt vọng của bầy cá voi trước khi chết. Những lưỡi dao cứa sắc lẻm lên cổ con thú mắc cạn. Cả khối thịt đềnh dàng giẫy tê tê, bắn máu tung tóe. Duyên điếng người chứng kiến cảnh thảm sát dã man. Những mặt người say máu, vung tay đâm bừa lên bầy thú vô tội. Mười ngón

tay Duyên che kín mặt, cảm thấy bụng dưới trào ra một dòng sinh lực như bật khóc. Nỗi đau đớn ê chề của nàng trong vòng tay quỷ đói. Và niềm thống khổ không thể giải thích bằng ngôn ngữ loài người của bầy cá voi. Nàng lùng bùng nghe mình lắp bắp tiếng nói của loài cá trong cơn mê. "O...ét e...ét u... ùm u... ùm".

*

Phương thú thật với Bạch, chàng đã lập gia đình. Hai vợ chồng vượt biển. Định mệnh đưa đẩy, chỉ có mình chàng tới nơi bình yên. Bạch muốn biết rõ hơn về số phận người vợ. Phương đáp cộc lốc: "Chết". Bạch nghiêng mặt, buồn rầu ngó chậu hoa quỳnh Phương mang tặng nàng đặt trên kệ gỗ. Những nhánh lá dài, đầy đặn, những búp xanh mũm mĩm như nhú mầm hạnh phúc.

– Xem vậy chứ cũng còn khá lâu hoa mới nở.

– Bao lâu nữa anh?

– Một hai tháng.

– Nghe nói hoa quỳnh chỉ nở vào ban đêm, hương thơm ngào ngạt và mau tàn lắm.

– Ừ, loại hoa quỳnh thuần giống là như vậy. Nhưng bây giờ người ta cho cấy giống, tạo ra lắm loại lắm màu, nở hoa không chờ đêm tới, lâu úa, nhiều mùi thơm khác nhau, có khi còn bốc mùi không mấy thanh lịch.

Bạch cười rúc rích. Trong bàn ăn gia đình, Duyên vẫn loay hoay với những cuốn nem nướng. Ngà vừa nhấm nháp chén chè sen, vừa xem truyền hình.

Duyên đưa mắt ngắm đĩa rau sống xanh mởn, quấn quít cạnh những lát dưa leo xắt khoanh và khế thái mỏng. Cõi lòng nàng lạnh tanh như những nhánh sà lách đựng trong tô sứ. Hôm nay là bữa ăn tối tiễn Phương đi tỉnh khác làm việc vào tuần tới. Bạch đã cho Ngà và Duyên biết như thế vài hôm trước. Duyên chợt cảm nhận mơ hồ, sẽ có ngày ba chị em nàng tan tác rời xa

như những cánh ó biển toang toác chia nhau phần đại dương bao la. Mỗi người là một thế giới riêng rẽ. Chỉ có thế giới của Bạch và của Phương đang xoắn xuýt chuyển động vào nhau. Như vầng nguyệt đang co mình lăn vào vòng tay thái dương rực lửa.

Bạch và Phương quen nhau tại nhà một người bạn của Bạch. Phương không đẹp trai, nhưng ánh mắt nồng nàn, nụ cười tươi tắn của chàng đã mang lại nét trẻ trung trên khuôn mặt đã hằn nhiều vết nhăn.

Chợt Duyên bật lên lời phê bình:

– Có ai tặng cho nhân tình hoa quỳnh bao giờ?

Ngà xoay nhìn Duyên, rồi liếc qua ngó Bạch và Phương. Nụ cười Bạch mắc nghẹn nơi cổ, hai mép môi cong lại, gằn giọng:

– Ai cấm?

Duyên nói chậm rãi như rải chữ lên mặt bàn:

– Hoa quỳnh chỉ nở vào ban đêm, một ẩn ý không đẹp, lại chóng tàn, thêm một điềm gở nữa. Em nói không đúng sao anh Phương?

Mặt mày Phương sượng ngắt, chai cứng như ổ bánh mì để lâu ngày. Chàng cười gượng, chống chế:

– Cũng chính vì vậy mà hiếm và quý, Duyên à.

– Em không nghĩ thế. Người xưa đợi trăng lên, chờ hoa quỳnh nở để ngậm kẹo sỏi, uống trà ngâm thơ, chứ em chưa thấy tài tử giai nhân nào tặng nhau hoa quỳnh cả.

Ngà cười khẽ vì lối so sánh đầy châm biếm của Duyên. Bạch gắt:

– Ở đây không có ai là tài tử, cũng không có người nào là giai nhân, mày đừng có ví von hồ đồ.

Khuôn mặt Duyên đột ngột đanh lại, phẫn nộ hỏi:

– Chị miệt thị ai hồ đồ?

Rồi Duyên bật dậy, hai tay vịn thành bàn, dằn cơn thịnh nộ. Ngà hốt hoảng chạy lại ôm chặt lấy Duyên, van xin:

– Chị Duyên, thôi mà, đâu có gì...

Duyên lớn tiếng phân trần:

– Mày coi nó nói tao như vậy đó, nó mới là thứ con gái ăn nói hồ đồ...

Bạch cũng đứng dậy, cao giọng:

– Mày có im miệng không?

Phương giữ chặt tay Bạch:

– Em! Bình tĩnh lại, chuyện đâu còn có đó.

Rồi chàng kéo Bạch ra ghế sa lông, ấn nàng ngồi xuống. Duyên cũng đã thả người xuống ghế, gục đầu xuống bàn khóc tức tưởi:

– Trời ơi, sao tôi khổ thế này!

Ngà biết cơn giao động trong Duyên đang bùng vỡ. Bờ đê mỏng manh đã bị dòng nước tâm thần soi thủng. Nàng vuốt nhẹ vai chị, giọng mơn trớn:

– Chị Duyên, cho em xin! Chị em trong nhà hết à!

Bạch thấy bầu không khí quá nặng nề, vội kéo tay Phương dẫn ra hiên nhà. Trăng phết màu tái ngoét lên mảnh vườn đêm. Hai người ngồi sát bên nhau trên băng gỗ, trong một góc tối. Phương rón rén đặt tay lên đùi Bạch. Nàng ngả đầu vào vai chàng. Không hiểu tại sao, trong giây phút đối diện với cảm xúc này, Bạch sực nhớ lại câu nói của Phương: "Sao em và Duyên giống nhau như hai chị em sinh đôi mà tính tình lại xung khắc nhau quá!". Bạch đã giải thích: "Con Duyên chỉ đổi tính sau chuyến vượt biển, chớ lúc trước nó đâu có kỳ cục vậy". Rồi Bạch kể hết cho Phương nghe về tai nạn đã xảy đến cho Duyên. Tự nhiên, kể từ đó, mỗi lần gần gụi Phương, nàng có cảm tưởng như chàng đang xoi mói dò xét nàng bằng hai tay mầy mò. Phương hỏi: "Chỉ có mình Duyên bị hải tặc hiếp sao?" Bạch gật đầu. Nhưng trong những nụ hôn, dường như Phương đã thắc mắc tìm kiếm những vết tích nghi ngờ. Dưới bàn tay luồn vào sống áo Bạch, dường như chàng đang sục sạo khơi quật nấm mồ dĩ vãng. Bạch tì người sát vào Phương. Nàng không bị những cảm

giác cưỡng dâm kinh tởm ám ảnh, nhưng những tiếng kêu cứu, tiếng than khóc từ thuyền hải tặc vọng sang vào một khuya nào trên biển mênh mông vẫn còn đọng giọt rưng rưng trên phiến gương hồi ức trong tâm hồn nàng.

– Anh Phương.

Phương ngừng tay ve vuốt, thở ra:

– Gì?

– Em vẫn nguyên vẹn anh à!

Hai vòm mắt Phương mở lớn. Toát ra một thứ lửa kỳ lạ, rạo rực hoan lạc. Bạch nhớ tới những ánh mắt hải tặc.

– Ừ.

– Anh không tin em sao?

– Đã bảo ừ rồi mà.

Bạch liên tưởng tới lưỡi dao loáng sắc thép của bầy dã thú. Chúng lôi xềnh xệch những cô gái trên sàn ghe. Tiếng van xin réo khóc lẫn với tiếng nạt nộ hăm dọa.

Rồi Bạch nắm tay Phương đặt lên bụng mình, nói như nài nỉ:

– Anh! ...Em vẫn còn con gái...

Phương rút tay về, ôm chầm lấy Bạch. Nàng dúi mặt vào vai chàng, khóc. Phương vỗ nhẹ vai Bạch, run giọng:

– Anh tin! Anh tin! Có gì đâu mà khóc.

Và chàng nhận ra vầng trăng sáng như một chiếc đĩa sứ treo chơ vơ trên đỉnh thông nhọn hoắt. Đêm lưu xứ mềm mại phẳng lì, không một nếp gấp.

*

Bạch và Duyên có dáng dấp bên ngoài rất giống nhau. Tóc dài ngang lưng. Mắt lớn và đôi chân mày rậm. Chiếc mũi nhỏ. Cặp môi dầy, khi cười để lộ hàm răng trắng muốt. Ngắm kỹ, Duyên có phần xinh xắn hơn Bạch. Dù vậy, hồi nào tới giờ Duyên chưa hề để ý tới chuyện tìm một người bạn khác phái. Nàng cảm thấy như có một tấm gương trong suốt ngăn nàng lại khi đứng trước

một người đàn ông. Không mảy may xúc động, nếu không muốn nói là ghê sợ và kinh tởm. Nàng nhờn gớm khi vì lịch sự, phải chìa tay ra bắt những bàn tay giống đực. Đôi lúc, không biết vì vô tình hay cố ý, có người nắm tay Duyên thật lâu, để sau đó nàng hậm hực kể lại cho Bạch và Ngà nghe cái "biến cố" khiếp đảm vừa qua. Nàng mắng chửi đàn ông không tiếc lời. Rồi than văn những điều vô nghĩa.

Ngà chỉ biết nhỏ nhẹ khuyên chị:

– Nếu chị không thích thì lần sau đừng để họ đụng tới nữa.

Bạch xen vào:

– Một cái bắt tay thì có mất mát gì đâu!

Duyên chồm lên, lồng lộn như con thú hóa dại, xỉa xói:

– Chị mà biết gì? Có chứ sao không? Đâu phải họ muốn làm gì tôi thì làm? Lũ đàn ông khốn nạn...

Mỗi lần Duyên nổi cơn thịnh nộ, chỉ có Ngà chạy lại vỗ về, còn Bạch lẳng lặng tránh mặt nơi khác. Nàng lẩn vào phòng ngủ, khép chặt. Hay vào nhà bếp ngồi xuống bàn ăn, xoãi tay, nghiêng đầu úp lên mặt gỗ mát lạnh, lắng nghe tiếng gào khóc của Duyên vọng lại nho nhỏ với cõi lòng vụn vỡ như bị dao băm. "Em gái của tôi đã bị quỷ nhập sau khi bị lũ hải tặc thay phiên nhau hãm hiếp trong chuyến vượt biển... Ác quỷ... Hải tặc... Biển man rợ...". Bạch lảm nhảm không đầu không đuôi, đắp vá những chỗ rách trên tấm áo định mệnh bằng những miếng vải màu mè khác nhau. Cuộc đời của Duyên sờn lủng nhiều chỗ quá. Hai dòng nước mắt Bạch chảy thành hàng trên gương mặt úp nghiêng. Căn bếp không đủ sáng. Ô cửa nhỏ chiếu một đường nắng nhạt màu, phất phơ đầy bụi. Luồng nắng rọi xiên lên hai hàng kệ gỗ bày chai lọ linh kinh. Chiếc ấm trà và sáu cái tách con bằng sứ Nhật bản ánh lên một màu kỳ lạ. Hình đôi bướm trắng có những chấm, những đường vân màu da trời sáng ngời như đang hồi sinh. Cái cảm giác lạ lùng ấy lại dấy lên trong lòng Bạch, như một sáng nọ, khi đứng trên sân ga, nhìn xuống lòng đường sắt chợt thấy một mảnh kim khí hắt tia mặt trời chói lọi.

Cơn bệnh đang bình phục. Cái chết vừa phục sinh. Bạch nhấc đầu dậy, lau nước mắt. Tiếng khóc của Duyên, giọng van lơn của Ngà đã ngưng bặt. Căn nhà vắng lặng trở lại. Bạch biết trước sau gì mọi chuyện cũng sẽ trôi qua. Mối xung khắc giữa nàng và Duyên sẽ ít có dịp bột phát, vì trong tương lai gần nàng sẽ dọn đi tỉnh khác, chung sống cùng Phương. Nàng đã biên thư về thưa chuyện cùng cha mẹ bên nhà. Chỉ có Duyên và Ngà là chưa biết ý định của nàng.

Bạch chậm chạp vén tóc, mở ngăn kéo lấy sợi dây thun cột lại. Nàng bắt đầu sửa soạn bữa cơm chiều, đầu óc nghĩ ngợi vẩn vơ. "Mình phải rời chốn này càng sớm càng tốt". Bạch nhủ thầm, bâng quơ mỉm cười với vạt nắng muộn.

Trong phòng ngủ của Duyên và Ngà, cửa sổ nhìn về hướng đông, tối lờ mờ bóng chiều. Duyên nằm cong người trên giường, tay quấn đầu gối, tóc xõa bung trên mặt nệm nhăn nhúm. Ngà thu chân ngồi bên cạnh, tay bó gối, đầu ngửa về phía sau dựa vào tường. Không gian tịch mịch nặng nề. Không nghe tiếng chim rừng líu ríu gọi hoàng hôn. Không nghe tiếng thở dài của những đụn mây mệt mỏi rơi thành sương đọng trên cỏ. Không nghe tiếng thiên nga quạt cánh lạch xạch trong ráng chiều, lâu lâu lại oác kêu như tiếc nuối. Hay tất cả những tiếng động ấy đã bị những xung đột nội tâm của ba người con gái nuốt trửng? Chỉ còn lại một vùng không khí bềnh bồng, lặng lẽ như ánh mắt thiên nhiên hé nhìn mặt trời lặn.

– Ngà.

Duyên khẽ gọi. Ngà xoay mặt nhìn chị. Hai vòm mắt mở lớn của Duyên khiến nàng sợ hãi vu vơ.

– Chị vẫn nằm chiêm bao đó chứ? Toàn những cơn ác mộng.

Ngà khép mi lại. Hai tai nàng lùng bùng như vừa từ trên cao rơi xuống vực. Nàng cúi mặt, kê trên đầu gối, hai bàn tay quàng ra sau gáy. Giọng nói Duyên nhỏ đều đặn những giọt cường toan lên từng trang ký ức Ngà. Từng giọt, lại từng giọt. Xâm thực, bào mòn, bốc khói.

– Đã có lần em hỏi chị, nằm mơ thấy gì mà mớ la dữ vậy, em còn nhớ chứ? Chị đã giả vờ ngơ ngác, làm như không biết. Đâu phải vậy. Chị biết chứ em, còn nhớ rất rõ nữa kìa, mặc dù những giấc mơ rối loạn ghê lắm. Đúng hơn, không phải chỉ một giấc mơ duy nhất, mà chị thấy nhiều giấc mơ cùng một lúc. Chúng xô đẩy lẫn lộn, có lúc hình ảnh này đậm nét, bôi mờ cảnh tượng kia, và ngược lại. Cũng có lúc tất cả cùng hiện ra như nhiều tấm phim dương bản chồng chất lên nhau. Chị thấy những con cá heo bơi múa trên mặt biển cẩm thạch. Chị thấy từng đoàn cá voi quấn quít châu đầu vào nhau bàn chuyện đại dương. Rồi những mặt người khoái lạc cùng cực khi dùng dao dài xẻ đôi bụng cá. Máu tuôn xối xả. Bộ đồ lòng xổ ra thành đống. Máu đỏ hòa với nước biển xanh rì, nhấp nhô điệu múa man di mọi rợ. Và những hình người trần truồng nhảy nhót trước mặt chị. Đen đúa và hôi hám. Đứa cầm dao, đứa lăm le khẩu súng. Chị thấy bộ phận sinh dục của con cá voi đực lắc lư trườn lên bụng con cái. Chị nghe tiếng nước vỗ lách tách. Cảm giác đau đớn ghê tởm bắt chị mửa thốc mửa tháo, thấu mật xanh. Một khuôn mặt cúi xuống, rồi nhiều khuôn mặt dị dạng khác nữa. Ngà ơi, làm sao lôi chị ra khỏi những giấc mộng kinh hoàng nơi eo biển cá voi ấy!

Ngà lúc lắc đầu như món đồ chơi được vặn giây thiều. Tới một lúc nào không rõ, nàng chới với chụp lấy chiếc gối phủ quanh đầu. Nàng cảm thấy yên ổn đôi chút trong một thế giới che tai bịt mắt. Khi buông gối xuống, Ngà thấy Duyên đã thiếp ngủ từ lúc nào. Một cánh tay nàng bung ra, xòe năm ngón chổng chơ méo mó, trông thật kỳ cục. Ngà giơ tay mình lên ngắm nghía. Nàng nhếch môi cười khi thấy chúng vẫn cử động bình thường.

2. Thiếu Nữ Trông Hoa Nở

Nụ hoa quỳnh bắt đầu nhú to. Mỗi lần sững người đứng ngắm búp hoa bụ bẫm trắng muốt, Bạch lại nhớ tới Phương, lòng hoan hỉ khó tả. Nàng gọi điện thoại hỏi chàng, bao giờ thì hoa thật sự nở. Phương trả lời cặn kẽ, từ khi nhú mầm tới nay đã hơn tháng

rồi, chắc sắp rồi đấy, thời kỳ khai hoa lâu lắc vậy mà khi nở nhụy, phân phát mùi hương chỉ có vài ngày rồi tàn, ông tạo hóa bất công biết bao! Ngoài ra, Phương còn cho hay, cuối tuần chàng sẽ về thăm ba chị em Bạch, nhân tiện đợi hoa nở luôn thể. Bạch mừng rỡ, nàng ra hiệu thực phẩm Á đông mua một hộp kẹo mè xửng để khi Phương về, đêm đêm cả nhà ăn kẹo uống trà chờ xem hoa.

Ngày Phương về thăm, buổi trưa Bạch và Ngà khuân thau quần áo mới giặt ra phơi ngoài sân. Nắng trải thảm trên cỏ. Bạch yêu hương nắng lẫn trong mùi thuốc giặt nồng nàn. Hai chị em vui vẻ giũ áo máng trên sợi dây dài móc giữa hai cây lê đang trổ trái.

– Chị Bạch ơi, có con bọ rầy bám trên cành cúc trắng.

– Vậy à? Bọ rầy đem lại điềm lành.

– Bọ rầy ăn cái gì để sống chị Bạch nhỉ?

Bạch cười to:

– Hỏi ngộ chưa? Nó uống sương mai, ăn lá hoa chứ ăn cái gì bây giờ?

– Chị có tin là giống côn trùng cũng có linh hồn, có đầy đủ những cảm giác như loài người không?

Bạch chép miệng:

– Cái con nhỏ này! Hôm nay mày hỏi toàn những câu lạ đời. Có người cho rằng loài động vật hạ đẳng có đủ ngũ giác, nhưng thiếu những xúc động tâm lý như yêu giận, ganh ghét... Riêng tao lại nghĩ khác. Nếu mình chấp nhận chuyện chúng có linh hồn, thì cũng phải tin là chúng có đủ các trạng thái tâm lý đó chứ.

Ngà reo lên:

– A, em và chị lại hợp nhau trên một điểm nữa.

Bạch cười giòn:

– Thì ra mày cũng nghĩ giống như tao!

– Không hiểu chị Duyên có thường suy tư như chị em mình không nhỉ?

Bạch khẽ lắc đầu:

– Chắc không có đời sống tâm linh của con bọ rầy nào lại rắc rối như nội tâm con Duyên.

Ngà thêm vào:

– Nếu đã nghĩ một thì phải nghĩ hai. Một động vật có linh hồn, tất phải có những linh hồn lành lặn và những linh hồn tật nguyền. Biết đâu chừng trên thế gian này cũng có những con ruồi điên, những con ve vướng bệnh tâm thần hay những con bọ rầy hóa cuồng.

Bạch ngừng tay phơi áo, xoay nhìn Ngà, bật cười rũ rượi. Ngà cười họa theo. Nàng vui miệng thố lộ cùng Bạch:

– Đầu thu em sẽ về Heidelberg trọ học.

Bạch sững người ngó thẳng vào mắt Ngà. Hai người con gái trơ trơ bất động một hồi lâu giữa nắng. Bạch nói kèm theo tiếng thở dài:

– Tao thì sao cũng được, chỉ không biết con Duyên nghĩ sao?

Ngà cúi đầu, phủi phất phơ tấm khăn lông:

– Thế nào cũng có lúc chị em mình phải ra riêng, đâu thể sống chung hoài được.

Bạch ngần ngừ:

– Có lẽ như vậy mà hay, cũng là có dịp để con Duyên sống đời tự lập, một mình quyết định mọi chuyện.

Ngà ngẩng lên nhìn chị:

– Chị cũng có ý dọn ra à?

Bạch vui tươi đáp:

– Tao sẽ cho tụi bay hay chuyện tao và anh Phương trong bữa cơm trưa nay.

Bữa cơm trưa có sườn ram, canh rau dền tây nấu với tôm khô. Ba chị em ngồi ăn trong nhà bếp, giữa luồng ánh sáng xế trưa

xuyên qua cửa kính. Mỗi người đắm chìm trong nội giới riêng rẽ. Bạch với một tương lai tràn đầy hạnh phúc bên cạnh Phương. Ngà với con đường khoa bảng mở lối thênh thang. Duyên rối loạn với vùng biển eo óc tiếng kêu của bầy cá voi và những khuôn mặt hung tợn chợt ẩn chợt hiện. Nàng im lặng lắng nghe ý định dọn về thành phố khác để tiếp tục chuyện học vấn của Ngà. Khi Bạch kể chuyện nàng và Phương sẽ chính thức kết hôn, nàng sẽ về sống chung với Phương trong một tương lai gần thì Duyên ngừng đũa, đặt chén cơm vơi lên bàn, hết nhìn Ngà rồi xoay qua ngó Bạch. Nắng soi gương mặt nàng lạnh lẽo.

– Còn em?

Bạch và Ngà rối rít nhìn nhau. Ánh mắt Duyên ngơ ngác vô tội, đầy sợ sệt như cặp mắt người tử tù trước giờ hành quyết. Bạch nhẹ nhàng giải thích:

– Mày nên nhớ là mày không thể sống nương tựa vào tao hay con Ngà mãi được. Tao sắp lập gia đình, con Ngà đi học ở tỉnh khác. Còn mày cũng nên tìm một chỗ làm để tự lo thân, không lẽ sống vất vưởng vào số tiền trợ cấp xã hội hoài sao?

Ngà nói thêm:

– Chỗ em học cũng gần đây thôi, em sẽ cố gắng về thăm chị thường xuyên.

Tuy ngoài miệng khuyên lơn dịu dàng, thâm tâm Bạch và Ngà đều lo sợ phản ứng khác thường của Duyên. Nhưng Duyên vẫn cúi đầu lặng lẽ, nhìn chén cơm như muốn thôi miên. Một vạt tóc vãi ra bàn. Rồi nàng vén tóc, nâng chén đũa, tiếp tục bữa cơm bỏ dở.

Từ đó tới chiều, sau khi Bạch đón Phương từ ga về, Duyên vẫn thẫn thờ như người lạc mất hồn phách. Nàng chỉ đáp khi được hỏi tới. Suốt bữa cơm tối, chỉ có Bạch, Ngà và Phương ríu rít chuyện trò. Xong, Duyên lãnh phần rửa chén đĩa. Bạch ra ngồi giữa Phương và Ngà, xem truyền hình trong phòng khách. Lâu lâu Bạch lại len lén ngước nhìn chậu hoa quỳnh đặt trên kệ gỗ. Búp hoa nhú trương ra, ngồn ngộn. Nàng mong mỏi sao, đêm

nay hoa sẽ nở, như nụ hoa tình cảm giữa nàng và Phương đã trổ cánh trọn vẹn. Nàng se sẽ tìm tay Phương, siết chặt.

Mười giờ đêm, Bạch lui vào nhà bếp nấu nước pha trà. Nàng nâng niu đặt bộ ấm tách tráng men Nhật bản lên khay, vốc một nhúm trà sen bỏ vào ấm. Trong khi chờ nước sôi, Bạch bày kẹo mè xửng ra đĩa. Tâm hồn nàng thảnh thơi tinh khiết như vũng nước con đọng trên lá sen sau một đêm mù sương. Đêm nay, lòng nàng reo lên, búp hoa quỳnh sẽ nở, kết thúc một quãng đời thiếu nữ muộn màng. Đời sống nàng sẽ thật sự mãn hkai, sẽ đón nhận những ân sủng của tạo hóa như mười ngón tay của người gieo hạt, nôn nao đợi mùa kết trái.

Phương cùng ba chị em xúm xít ăn kẹo, uống trà và nói chuyện lan man tới nửa đêm, chậu hoa quỳnh vẫn không tỏa hương. Bạch che miệng ngáp dài:

– Chắc đêm mai hoa mới nở.

Duyên và Ngà uể oải đẩy ghế đứng dậy, dọn dẹp khay tách. Bạch vào phòng lấy chăn mền cho Phương. Chiếc ghế dài lót nệm ngoài phòng khách là chỗ ngủ quen thuộc của chàng trong ngôi nhà này. Chỉ cần gập ghế lại rồi kéo ra là Phương đã có một chiếc giường ngủ thoải mái. Chờ cho Duyên và Ngà khép cửa phòng riêng, Phương mới kéo Bạch tới gần. Chàng để tay lên ngực áo ngủ vải hoa của Bạch. Người con gái rùng mình, cong người lại, xô nhẹ Phương ra:

– Thôi anh.

Phương vẫn cố trì níu, lướt môi lên gáy tóc Bạch rồi mon men hôn ngấn cổ. Bạch đáp lại bằng cách ngửa đầu ra sau. Phương cắn nhẹ lớp da thịt mềm mại. Bạch kêu khẽ, đẩy chàng ngã sõng ra nệm, vuốt lại manh áo, thì thầm:

– Đã bảo thôi mà. Tụi nhỏ thấy được, kỳ chết.

Rồi nàng hôn nhẹ môi Phương, chúc chàng ngủ ngon và tắt đèn, bước vào phòng ngủ. Còn lại một mình Phương trong bóng đêm dày đặc hang sâu. Chàng vào phòng vệ sinh đánh răng, rửa mặt, rồi trở ra, chậm rãi cởi quần áo, leo lên giường với chiếc

quần lót và áo thun ba lỗ trên người. Mỗi lần uống trà, Phương lại mất ngủ. Chàng nằm thao thức trong đêm tối. Ánh nguyệt rắc tràn lan một luồng bàng bạc. Phương nhận ra hình dạng chậu hoa quỳnh. Nụ hoa trắng lóe lên một thứ ánh sáng lạ lùng, như ngân nhũ. Chàng miên man nghĩ tới Bạch, khuôn mặt đầy thất vọng của nàng, chờ mãi mà hoa không chịu nở. Chàng nhớ cả hơi ấm da thịt của Bạch cọ xát dưới lòng tay. Láng mượt như nhung, Phương run rẩy co người lại. Chàng đang bơi lội trong biển sóng dậy tình. Dường như bầu không khí trong căn phòng nhỏ cũng vừa lật bật run lên, cộng hưởng cùng mặt đất. Cơn thiên tai xúc cảm lôi Phương vào giấc ngủ đầy mộng mị, hâm hấp dục tình.

Giữa đêm, Phương choàng tỉnh bởi vài tiếng động nhẹ. Chàng ngầy ngật choáng váng bắt được một mùi hương lạ. Hương trăng hay hương hoa quỳnh? Cùng lúc là cảm giác có mười ngón tay ai đang mơn trớn thân thể chàng. Trong bóng tối đồng lõa, chàng lờ mờ nhận ra mái tóc xõa dài của Bạch. Nàng quỳ trên người chàng, hai bàn tay vuốt chợn vợn lên ngực, lên bụng chàng như hai mái chèo nồng nàn khoắng vào mảnh không gian đựng đầy hương thơm. Trần truồng. Phương vừa cất tiếng gọi khẽ:

– Bạch!

Thì người con gái đã cúi mặt xoắn lấy môi chàng. Phương ghì lấy vai nàng, lần tay xuống sống lưng, dừng lại ở đốt xương cụt. Chàng hình dung ra hai trũng cạn gợi cảm nằm trên cặp mông đầy. Chàng hình dung ra một bóng liêu trai hóa thân. Chàng hình dung ra một búp hoa quỳnh nở muộn ẩn khuất đâu đó. Nụ hoa trong trí chàng theo những va chạm xác thịt lớn dần, tách búp, bung cành toát ra một búp trắng ngần. Phương rên ri nho nhỏ.

Người con gái không hình dung thấy hoa, mà tưởng mình là con cá voi cái đang cong bụng đón lấy bộ phận của con cá voi đực. Đêm dĩ vãng hung bạo phủ trùm lấy nàng. Tiếng dọa nạt,

tiếng van xin, tiếng kim khí va chạm, tiếng kêu rên khoái lạc khua động ầm ĩ trong trí nàng. Khi tỉnh giấc vì một mùi hương lạ, nàng rón rén bước xuống. Giường bên cạnh, Ngà vẫn ngủ say, mặt hướng vào tường. Nàng xoay nhẹ chốt cửa, bước ra căn phòng đầy ắp hương thơm. Hoa nở mà chẳng ai hay. Đóa hoa của chị Bạch. Nàng từ từ trút bỏ quần áo, tiến tới chỗ nằm của người đàn ông. Nàng nhoẻn miệng cười, nhủ thầm, mình đang chiếm giữ được con cá voi đực cứ đeo đuổi quấy rầy bấy lâu nay.

19.04.90

HÀ TRUNG

bệnh

●

Lá nhìn không thấy cội
run run.
Chua rơi rụng
là sẽ mất tăm,
có ngày!
Cối thuốc: lạt!
Chén trà: ôi!
Trống trơn từ chỗ một mai lìa đời
Sách nằm trên kệ đắng cay
Nhện giăng lớp trước, bụi đầy lớp sau.
Inh tai những mảng sắc màu:
trong tươi thắm, có ồn ào rống lên.
Té ra sân khấu bật đèn
mới đánh răng, mặc áo quần, cạo râu...
Ta nằm nghĩ lại bấy lâu
phóng tay, không tiếc những điều thiết tha.
Lạnh run, rớt chuỗi bồ đề
Em đâu, sao vẫn chưa về với anh?

TRẦN THIỆN HIỆP

chia em ngần ấy điều ta có

Em hỡi! Buồn ta cũng thế thôi
Lỡ yêu mấy kiếp trước luân hồi
Sá chi chén ấm hồn ta lạnh
Cõi tạm còn nhau hạnh phúc rồi

Rót thêm ta rượu cho mềm môi
Rồi ru ta ngủ những bồi hồi
Để men rượu thấm vào xương tủy
Cùng với lời thơ của nổi trôi

Sáng mai ta hứng hạt sương rơi
Tự đóa trà mi đọng nắng trời
Thấm vết lệ hoen đôi mắt ấy
Dỗi hờn em có sẽ dần vơi

Ta sẽ chia em nửa đất trời
Nửa rừng thu quạnh. Nửa trùng khơi
Riêng ta một nửa vùng trăng lạnh
Ủ trọn vào thơ của nửa đời

Ta sẽ chia em những hạt mưa
Ru em vào mộng giấc rèm thưa
Bình minh chia nửa em hong tóc
Còn nửa tan vào lá đong đưa

Chia em một nửa hồ mây vương
Nửa đàn bạch hạc giữa chiêu sương
Và chia em cả ngàn hoa thắm
Với bướm vờn bay trong sắc hương

Chia em ngần ấy điều ta có
Để đổi men cay chén rượu mời
Còn gì chia nữa? - Đời hư ảo
Xin nhận cho đành trọn cuộc chơi

CHÂN PHƯƠNG

những tấm ảnh mới nhất của mùa xuân

●

1.
chìa hai bàn tay đã xóa sạch chứng tích
mùa xuân trộm đạo lại quay về

nỗi đau lớn ngày càng nhỏ đi
trong trí nhớ đầy quảng cáo

các niềm hy vọng bị mất cắp
thì thầm với nhau lời tâm sự hư hao

giữa đám thực khách cô đơn
chúng ta lặng lẽ cúi xuống

nhai thời gian
rồi nuốt

2.
chim giăng hàng bay ngang
giới thiệu thái hòa trên trái đất

ngày lập xuân trồng cây si
trước tiệm bán đại hạ giá đồ lót đàn bà

mấy hôm nay không còn ai mưu tính
ám sát đức giáo hoàng cùng tổng thống

tôi ngồi quán cà phê nghe lóm
bọn đầu cơ bàn chuyện kinh doanh

những mảnh vỡ thật và giả
của mọi thứ trường thành

3.
không thông báo trước với các nhà thơ
trái đất bất ngờ chuyển bụng đẻ

từng đợt sóng thần dâng
lên tận mặt trăng

những bộ xương hóa thạch rùng mình
bay theo ba nàng kim tự tháp

các thuyền không gian chở ra ngoài vũ trụ
mớ tín hiệu của mua xuân tâm thần

trái đất hạ sinh các mảnh vỡ
của vòng tròn đẫm máu

THÁI TÚ HẠP

ảo giác

●

buổi sáng ta lên non
non cao nhìn trượng
ta lùa mây trong áo
tìm suối tóc em

buổi chiều về đá phủ
khe suối nẩy mầm lan
ta hoài ôm mộng
thời xưa xuân chưa già với tuổi
ta cùng em hái đóa phù vân
trong khu rừng
thiên thu trầm mặc
đưa nhau dạo suốt giữa ngàn trăng
bỏ quên đời u muội

đêm còn lại tiếng dế mèn
tiếng nhựa căng trong từng hơi thở lá
đêm ngọt ngào viễn mơ
em gối đầu lên cánh tay
vỡ đất phù sa tình tứ
chan hòa những giọt lệ lấp lánh sao
đèn nhiệm mầu câm nín
ngàn năm tuyệt diệu như thơ
con sư tử già vươn vai đứng dậy
vồ lấy bóng trăng xanh
chết lặng trong hồ tiềm thức
hoang vu

NGUYỄN TẤN HƯNG

đổi đời

●

Mỗi bận ta đi xa về
Xóm giềng chẳng ai thèm ngó
Cửa đóng kín khắp mọi bề
Nhắc thầm quê hương ta đó

Mỗi khi ta đi họp về
Vẳng bên tai tuồng cãi cọ
Trò quyền thế rõ ê chề
Lũ giặc mồm đầy một giỏ

Mỗi chiều ta đi làm về
Bạn thân một thằng không có
Nói gì bát phố bằng xe
Chỉ như thả diều không gió

Mỗi lúc ta đi nhậu về
Em quên dần tánh chịu khó
Bàn tay nào thôi vuốt ve
Nửa đời say thôi kể bỏ

Chán mớ đời vạn người mê
Tấm thân cày như trâu chó
Ruộng ai chống cuốc chửi thề
Ruộng ta bỏ hoang vàng võ

TRỊNH Y THƯ

câu chuyện ở tiệm ăn

●

1.

Ánh sáng trong tiệm vừa phải. Thực khách ngồi gần kín mấy dãy bàn kê một cách mỹ thuật, gọn ghẽ giữa những chậu kiểng lớn. Tiếng nhạc nhè nhẹ làm phông cho tiếng nói chuyện râm ran. Tiệm ăn vào tối thứ bảy tấp nập người, không khí nhộn nhịp.

Sau một lúc lóng ngóng, chúng tôi mới được người tiếp đón đưa vào cái bàn nhỏ gần lối đi xuống bếp. Ngồi đối diện, tôi bây giờ mới có dịp quan sát Thi kỹ hơn. Thi không nói năng gì cả, khác hẳn lúc nãy trên điện thoại cô nói nhiều đến nỗi tôi không sao hiểu được cô muốn tôi giúp cô điều gì. Cô ngồi bất động, mắt nhìn xuống, tay mân mê chiếc khăn ăn màu huyết dụ. Mặt cô không son phấn, trông tái xanh mặc dù ngọn đèn chụp treo trên chỗ chúng tôi ngồi đang phả xuống luồng ánh sáng vàng dịu mắt. Hình như cô mất ngủ nhiều vì hai mắt cô thâm quầng và lần đầu tiên tôi bắt gặp một vài nếp nhăn trên khuôn mặt cô. Dễ chừng có đến hơn năm trời chúng tôi không gặp lại nhau. Tôi tưởng đời sống Thi đã yên ổn, đã trở lại bình thường sau những tai ương bất hạnh đổ chụp lên đầu cô từ năm cô mười sáu tuổi. Năm nay Thi hai mươi tám. Tức là đã mười hai năm. Mười hai năm sống trong khổ ải, đớn đau chưa đủ để Thi trả hết gánh nợ đời cô sao? Một món nợ vô cùng mơ hồ, vô cùng trừu tượng. "Thi ơi, đến bao giờ em mới thoát ra khỏi những bất hạnh của đời em?" Tôi tự nói với mình như vậy khi cô gái hầu bàn mặc chiếc váy hoa sặc sỡ đến cạnh bàn chào hỏi ân cần, mắt lăm lăm nhìn chúng tôi chờ đợi. Tôi gọi *clam chowder* và bánh mì tỏi

nướng cho Thi, còn tôi vì đã ăn tối ở nhà nên chỉ gọi một tách cà phê.

Cô gái hầu bàn đi khỏi, tôi cất tiếng hỏi Thi:

"Có chuyện gì mà đang đêm tối em lái xe trên trăm dặm đường đến tìm anh vậy Thi?"

Vẫn im lặng. Đột nhiên Thi đổi thế ngồi, hai mắt cô bây giờ mới ngước lên nhìn tôi:

"Em không thể sống thêm một ngày nào với Vinh được nữa. Em đã quyết định. Đồ đạc tư trang em chất đầy trong xe. Em lên S. sống với người bạn gái. Em sẽ hết điên. Em sẽ quên được anh. Em sẽ quên quãng đời vừa qua của em...". Thi nói liên tục không để tôi ngắt lời đến lúc như đã trút bỏ được phần nào nỗi chán chường ứ đọng trong tâm tư từ nhiều ngày tháng qua cô ngừng lại một giây rồi nói tiếp, giọng nhỏ dần: "Em vẫn yêu anh, Quân ạ. Đêm nay anh cho em ngủ ở nhà anh. Em muốn làm tình với anh một lần cuối trước khi tụi mình chia tay vĩnh viễn".

2.

Clam chowder và bánh mì tỏi nướng. Lạ thực. Tôi gặp Thi lần đầu cũng ở tiệm này và lúc đó Thi cũng đang ăn món *clam chowder* và bánh mì tỏi nướng. Nếu đêm nay là hồi kết thúc câu chuyện giữa tôi và Thi thì đây phải là cấu trúc đối xứng của một quyển tiểu thuyết loại khá rẻ tiền và nhàm chán. Thi và tôi đang là diễn viên trong vở bi hài kịch có đạo diễn tuồng tích đàng hoàng, có gút có mở, có tiền có hậu, hay tất cả những gì xảy ra trong quá khứ cũng như hiện tại đều là kết quả của hàng trăm, hàng ngàn chuyện tình cờ, ngẫu nhiên?

Tôi không thích lắm các món ăn ướp tỏi nhưng lại thích ngửi mùi tỏi nướng. Mỗi lần chúng tôi vào đây ăn, bao giờ Thi cũng khai vị bằng một tô súp *clam chowder* nhỏ và bánh mì tỏi nướng. Lúc về nhà hay ở chỗ nào tối tăm vắng vẻ sau đó, tôi tha hồ tận hưởng mùi tỏi nướng trong miệng cô như thể nụ hôn trở nên ngọt hơn, ngon hơn nếu nó được ướp bằng tỏi nướng. Tôi thích

mùi tỏi nướng nhưng không thích ăn tỏi và Thi thích các món ăn ướp tỏi. Một sự ngẫu nhiên? Nhưng cũng không thể vội vàng kết luận ngay tình yêu tôi có cho Thi dựa trên căn bản một người thích ăn tỏi và một người chỉ thích ngửi mùi tỏi trong miệng người kia.

3.

Sau khi ly dị người vợ cũ, tôi tưởng mình không còn khả năng yêu thương được ai. Cuộc ly dị cướp đi của tôi tất cả những lý tưởng trong đời sống. Tôi sống như cái máy sau đó, ngày ngày vùi đầu vào công việc, cuối tuần lại nhà người vợ cũ đón hai đứa con rồi dẫn chúng đi lang thang trong các khu buôn bán, tiệm ăn hay công viên thành phố. Buổi chiều, sau khi đưa chúng về, tôi chui vào rạp xi nê ngồi xem hết phim này sang phim khác cho đến lúc rạp đóng cửa mới lảo đảo ra về, đầu óc hoang mang như người đi xa về được tin nhà mình đã cháy.

Cuộc sống hủy hoại tôi thấy rõ. Đang từ một người đàn ông hiền hòa, dễ mến tôi trở nên cộc cằn, thô lỗ. Tôi hay nổi giận vô cớ. Bạn bè không chịu nổi tính khí mới này của tôi dần dần xa lánh. Tôi đã cô đơn lại càng cô đơn cùng cực. Tôi ăn mặc bê bối, ra đường không bao giờ chải tóc, ăn uống thất thường, thuốc lá hút liên miên.

Tại sao tôi phải làm như vậy? Có phải tôi đang muốn trả thù cái gì không? Và có phải người duy nhất tôi có khả năng trả thù lại là chính tôi? Chính tôi đồng lõa với tôi để trả thù tôi. Sự trả thù âm ỉ nhưng cũng vô cùng mãnh liệt và khốc hại.

Thi tình cờ đến với tôi và đã giúp tôi vượt qua những phi lý của đời sống mà tưởng chừng đã gắn liền vào số phận tôi suốt đời.

Lúc tôi không hề có ý định đi tìm tình yêu thì tình yêu tìm đến tôi. Cô gái ngồi đó, mái tóc dài óng như tơ, đôi mắt mơ màng nhìn vào quyển sách bên cạnh, miệng nhai từng miếng bánh mì nho nhỏ, tay lơ đãng gõ nhẹ lên thành ly nước. Tin êm ăn chật

cứng người, hầu hết là sinh viên lớp tối bên trường đại học cộng đồng của thành phố. Họ vào ăn bữa tối trước khi vào lớp học vì tiệm nổi tiếng vừa rẻ vừa ngon. Chiếc ghế trống duy nhất còn lại trong tiệm là chiếc đối diện cô gái. Tôi tiến đến gần, đặt khay ăn xuống bàn rồi nói với cô bằng tiếng Anh mặc dù tôi đoán cô gái phải là người Việt: "Xin lỗi, tôi ngồi đây được chứ? Tiệm hôm nay đông quá!" Cô gái ngước mắt lên nhìn tôi, không nói gì. Tôi chạm phải khuôn mặt trắng xanh không son phấn, đôi mắt đen và sâu nhìn tôi như không hiểu tôi nói gì. Nhìn tôi độ ba giây, cô gái tiếp tục cúi xuống nhìn vào quyển sách, không màng gì đến tôi.

Tôi gặp lại cô gái vài lần nữa trong hành lang lớp học. Để giết những giờ khắc buồn tẻ, chán ngắt trước cái màn ảnh truyền hình mỗi tối, tôi ghi danh học lớp nhiếp ảnh tại trường đại học cộng đồng. Cô gái có lẽ học trong lớp Anh ngữ dành cho những người ngoại quốc chưa có căn bản. Dần dà tôi bắt chuyện được với cô và mỗi tuần ba tối chúng tôi ăn chung ở tiệm ăn trước khi mạnh người nào vào lớp học người nấy.

4.

Những gì xảy ra sau đó chỉ là những chi tiết dư thừa. Chúng tôi yêu nhau thực dễ dàng. Lần hẹn hò đi chơi đầu tiên, cô đã nằm gọn trong vòng tay tôi. Một tuần lễ sau, cô từ giã người bạn cùng phòng xách va li về ở luôn với tôi.

Thi về được ba tháng mà tôi chỉ biết một cách rất mù mờ về gia cảnh thân thế cô. Mỗi lần tôi gặng hỏi cô đều tìm cách lảng tránh hoặc trả lời rất mơ hồ. Hình như cô ở đây một mình. Một cô gái mười tám tuổi không một thân nhân trên cái đất nước bao la này? Tôi thắc mắc hoài nhưng vẫn không sao tìm hiểu thêm được. Tôi đoán cô phải có tâm sự gì u uất lắm vì thỉnh thoảng tôi bắt gặp cô ngồi một mình tư lự như người sầu thảm không tìm được cho mình con đường tương lai.

Nhưng tôi biết tình yêu cô dành cho tôi thì có thực. Lúc đó

mặc dù đã ngoài ba mươi nhưng tôi rất kém cỏi về tâm lý đàn bà. Nhiều lúc muốn an ủi cô mà tôi không biết phải mở miệng nói gì. Thi hình như không quan tâm đến chuyện đó. Cô chiều chuộng tôi hết mực. Cuối tuần tôi đưa hai đứa con tôi về ở chung, cô săn sóc chúng tận tình như người chị hiền gương mẫu. Hai đứa bé tỏ ra cũng rất mến thương cô và những khi chúng tôi dẫn hai đứa bé đi dạo phố, tôi có cảm tưởng ít nhất mình cũng đang có một mái gia đình đầm ấm nho nhỏ nào đó.

5.

Một thời gian sau, những gì Thi cố gắng che giấu vào ban ngày vỡ tung ra trong giấc ngủ và cứ thế cô tuột dần theo những cơn ác mộng hãi hùng tái diễn gần như hằng đêm. Nửa đêm tôi hay bị đánh thức bởi tiếng ú ớ Thi kêu trong giấc mơ. Thường cô ngủ thiếp đi ngay sau đó nhưng cũng có hôm cô choàng dậy kêu la thất thanh như thể ma quỷ đang chạy theo hãm hại cô vậy. Có lần, cô hét lên những tiếng gần như vô nghĩa và nỗi sợ hãi làm mặt cô thất thần như người vừa về từ mười tám tầng địa ngục. Tôi chạy đi bật hết các ngọn đèn trong phòng ngủ rồi dí mặt mình sát vào mặt cô, hét lên thật to để trấn át tiếng hét của cô: "Thi! Anh đây! Anh là Quân đây! Em tỉnh dậy đi!" Những lúc như vậy, Thi có để lóe lên vài đốm sáng cho tôi thấy phần nào thân thế cô nhưng tôi cũng chỉ biết một cách hết sức mơ hồ là hình như trên đường vượt biên cô bị hải tặc hãm hiếp và tất cả mọi người trong gia đình, trừ cô, đều chết mất xác trên biển. Sau khi tỉnh táo lại đôi chút, cô ngồi thu lu trong chăn, miệng nói nhiều câu vô nghĩa nhưng tôi vẫn nghe lõm bõm chữ được chữ mất như: "Trời ơi, anh Hai! Tụi nó chém anh Hai đổ ruột trông ghê quá má ơi... Mà ba má đâu rồi Thanh? Bộ tụi nó quăng ba má xuống biển rồi à?" Rồi cô cứ thế nấc lên từng hồi. Tôi ôm chặt cô vào lòng vỗ về nhưng hỏi gì cô cũng không nói và chỉ nhắm mắt ngủ tiếp khi nào đã mệt lả.

Điều lạ là ban ngày cô vẫn tỉnh táo như thường, vẫn đùa giỡn

với tôi như con mèo con và lúc nào cũng thật nồng nàn. Tôi như sống trong hai thế giới: một ngày và một đêm. Hai thế giới đối chọi nhau tưởng chừng như bất tận và kẹp cứng tôi vào giữa. Tôi đưa cô đi khám bệnh tâm lý nhưng sau khi thử đến ba bác sĩ khác nhau, tình trạng cô vẫn không mấy thuyên giảm. Có vẻ các bác sĩ tâm thần Mỹ đành bó tay, không sao hiểu nổi câu chuyện xảy ra ở miền đất hoàn toàn xa lạ với họ, miền đất có tên gọi đồng nghĩa với những nỗi thống khổ tột cùng. Dù thắc mắc tôi vẫn cố gắng đưa Thi đi chữa trị bằng nhiều cách thức khác nhau, từ tâm thần Tây y cho đến châm cứu Đông y. Định mệnh xô đẩy Thi vào tôi và hình như nó đang đứng ngoài xa xoa tay đắc chí xem tôi xoay xở cách nào để chống trả với nỗi oan nghiệt nó gieo vào tôi.

6.

Có dạo Thi đột nhiên khá hẳn ra. Liên tiếp mấy tuần cô chỉ bị một hai lần mê hoảng, và mỗi lần cũng không đến nỗi trầm trọng. Tôi mừng lắm thu xếp ngày nghỉ mua vé máy bay xuống Mexico nghỉ hè. Tôi được người bạn cùng sở cho thuê lại trong vòng hai tuần căn *condo* anh ta mua theo kiểu *time-sharing* ở bờ biển Acapulco. Khu nhà khá lớn gồm khoảng trên chục căn *condo*, xây theo kiểu Y pha nho, nằm thoai thoải dưới rặng dừa lả ngọn trông ra bờ biển cát trắng. Trong nhà đầy đủ giường nệm, bếp núc lý tưởng cho một cặp vợ chồng đi nghỉ mát hay hưởng tuần trăng mật.

Hôm đầu tiên đến đây Thi vui sướng như gặp lại cố tri. Cô gốc người Nha trang nên yêu biển như yêu người tình. Nước biển ở đây xanh như ngọc bích, màu xanh đặc biệt của miền Trung Mỹ và ấm áp chứ không lạnh buốt như trên phía bắc. Tôi không phải là người bơi giỏi nên chỉ biết ngồi trên bãi cát nhìn Thi tung tăng với ngọn sóng bạc đầu. Cô bơi giỏi như rái cá, có lúc ngụp xuống làn nước xanh một lúc rất lâu rồi trồi lên ở tuốt ngoài xa, đưa tay vẫy vẫy như có ý muốn trêu chọc tôi.

Bãi biển vắng ngắt vì là bãi riêng. Ngoài chúng tôi chỉ còn hai ba cặp khác nằm tắm nắng ở xa xa. Tôi như quên hết thực tại và một ngày ở đây quả là một ngày ở thiên đường. Thi bơi xong lên cát nằm phơi nắng. Da dẻ cô bắt đầu ăn nắng, đã thấy hồng hồng. Thi nằm đó dưới ánh mặt trời nhiệt đới, kính đen, *bikini* hai mảnh nhỏ xíu. Tôi nhìn cô không chán mắt. Da thịt con gái hai mươi của Thi trông ngon như chùm nho mọng nước. Thi khá cao so với đàn bà con gái Việt nam. Hai vai cô hơi gầy nhưng cặp đùi thon dài, rắn chắc. Hai đứa nằm bên nhau trên cát. Tôi đan tay làm gối ngửa mặt nhìn lên bầu trời xanh trong vắt không một gợn mây. Tôi đang nghĩ đến điều gì nhỉ? Đời sống? Quê hương tôi? Thế giới này? Không đâu, những thứ đó cách biệt với tôi lắm. Tôi chỉ muốn được như Vũ Hoàng Chương khẩn khoản với con thuyền, *thuyền ơi thuyền theo gió hãy đi xa*, đi thực xa để tìm cho mình một đời sống bình thường, một đời sống nhẹ như lông chim, trong đó tôi và Thi mãi mãi nhập vào nhau.

Ngày thứ ba ở đây, buổi chiều tôi ra phố thuê xe để ngày mai đi thăm đồng quê làng mạc Mexico. Trước khi đi Thi dặn với theo: "Anh về ăn cơm nhé! Tối nay thôi đừng đi ăn tiệm. Em nấu tụi mình ăn ở nhà thích hơn". Tôi thuê xong chiếc xe *jeep* rồi tạt vào tiệm mua chai rượu vang trước khi về. Thi đã nấu xong bữa cơm tối. Bàn trải khăn trắng tinh, trên bàn Thi cắm một bình hoa hồng nhung đỏ. Cô mặc chiếc áo kiểu Y pha nho hở vai may bằng vải gai trắng tôi mua tặng cô hôm qua lúc hai đứa đi dạo phố. Tóc cô dài phủ lên bờ vai trần rám nắng. Cô trang điểm rất nhẹ, đôi mắt long lanh ướt và tôi bỗng thấy cô quyến rũ đáng yêu vô cùng.

Tôi ngồi vào bàn ăn. Thi bưng lên cho tôi một tô súp hến. Ở đây đồ biển chúng tôi được dịp ăn thả cửa. Tôi bụng đói nên ngồi xuống là cầm thìa ăn ngay. Thi ngồi xuống húp một thìa rồi ngước mắt lên nhìn tôi:

"Em nấu cháo thịt người cho anh ăn đấy. Ngon lắm, anh ăn đi".

Tôi như bị ném vào thùng nước đá lạnh, hai mắt ngó sững vào Thi. Đôi mắt cô long lanh nhìn tôi mà như nhìn vào cõi mộng xa xăm nào. Bây giờ tôi mới sực nhớ là từ chiều Thi bỗng có thái độ là lạ. Tôi buông thìa nhìn cô dò xét. Thi vẫn bình thản húp thêm một thìa súp nữa. "Anh ăn cháo đi kẻo nguội, anh. Thịt thằng cu Nam coi vậy mà thơm ghê". Đến đây thì tôi không sao chịu đựng nổi nữa. Tôi xô ghế đứng dậy, lùi lại như thủ thế rồi nói như hét: "Em nói cái gì vậy Thi?" Thi im lặng rồi như đập nước bị cơn địa chấn khủng khiếp phá hủy vỡ toang, cô bưng mặt khóc nức nở. Tôi chưa kịp có phản ứng gì thì cô đột nhiên hất tung tô súp trước mặt xuống đất, vùng lên chạy ào ra cửa. Tôi lao theo với tất cả sức lực của tôi. Thi chạy về phía bờ biển. Chiếc váy trắng bằng vải gai tung bay theo gió dưới ánh hoàng hôn rực đỏ đến man rợ của biển chiều Trung Mỹ. Thi chạy đến chỗ có nước thì chậm lại và tôi cũng vừa đuổi kịp. Tôi quàng hai tay ôm chặt lấy cô nhưng cô vùng vẫy dữ lắm và cuối cùng cả hai ngã ùm xuống nước. Một đợt sóng bổ tới nhồi chúng tôi lên. Tôi chới với gượng đứng dậy, một tay vuốt mặt tay kia nắm chặt lấy tay Thi. Tôi bế xốc cô lên rồi bước những bước nghiêng ngả đi trở lại phía khu nhà.

Suốt đêm Thi như lên cơn sốt, run lên bần bật từng hồi, miệng không ngớt nói những lời vô nghĩa. Cái gì như chiếc búa tạ đã đập mạnh vào tiềm thức cô khiến chiếc hòm chứa đựng những bí mật cô khóa kín bấy lâu nay giờ như bị vỡ toang? Cái gì? Cái gì đang hầm hè trong đầu cô và lúc nào cũng như muốn xông ra để hủy diệt, để tàn phá? Tôi thấy mình bất lực hết sức. Suốt đêm tôi chỉ biết quỳ bên giường, nhìn Thi chập chờn trong cơn mê sảng, hai tay ôm lấy đầu mình và kêu lên: "Thượng đế ơi! Hãy cứu giúp chúng con".

Sáng sớm hôm sau, tôi đưa Thi ra phi trường. Chúng tôi đáp chuyến bay sớm nhất về lại Bắc Mỹ. Về đến nhà, tình trạng Thi suy yếu dần và cuối cùng tôi đành đưa cô vào bệnh viện tâm thần để chữa chạy. Mỗi tuần ba lần tôi lên thăm và ngày thứ bảy tôi ở lại với cô trọn ngày.

7.

Bộ óc con người có lẽ là tác phẩm vĩ đại nhất của Thượng đế. Ngày nay con người đang tìm cách mô phỏng bộ óc của chính mình mong chế ra những chiếc máy tinh vi để làm công việc của bộ óc. Nhưng có lẽ con người sẽ không bao giờ, dù cố gắng đến đâu chăng nữa, chế được giàn máy có đầy đủ khả năng phong phú như bộ óc. Những giàn máy tính tối tân dư sức làm những công việc phức tạp mà con người không sao làm được như phóng phi thuyền lên không gian, như tiên đoán thời tiết, như điều khiển phi đạn trên quỹ đạo, vân vân. Nhưng thử hỏi đã có chiếc máy nào có được cảm xúc chưa? Đã có chiếc máy nào khi thấy máy khác đột nhiên lên cơn bồi hồi xúc động, giây nhợ cuống quít giật lia lịa, đèn xanh đèn đỏ chớp nháy lung tung chưa? Vậy thì, chúng ta đừng nên xem thường bộ óc con người. Nó ảnh hưởng đến toàn bộ đời sống của chúng ta mà vì không để ý nên chúng ta không biết đấy thôi. Cái khối lượng một ký lô rưỡi chất xám trông như đậu hũ nát ấy ghê gớm lắm. Chúng ta yên sống hay không tùy thuộc vào nó cả.

Thi vào bệnh viện được sáu tháng. Cô thuyên giảm trông thấy. Nhờ vào phương pháp trị liệu tân tiến và như viên bác sĩ trưởng nói với tôi hôm đầu tiên tôi đưa cô lên "Cô ấy thuyên giảm hay không là tùy vào tình thương của ông", Thi bây giờ khác với Thi sáu tháng trước. Tôi chỉ phải đưa cô lên khám tổng quát một tháng một lần. Những giấc mơ quái quỷ hằng đêm của cô giảm dần rồi mất hẳn. Cô trở lại trường học và sinh nhật thứ hai mươi mốt của cô chúng tôi có mặt ở Âu châu.

8.

Thi chìm ngập trong hạnh phúc. Cô vui sướng như con chim nhỏ. Cô vui với cả những cơn giận của tôi và rất ít khi tôi giận được cô. Thi rất thông minh, cái thông minh của người đàn bà nhiều mẫn tính. Ở cô là cô bé tinh khôn và người đàn bà ngây thơ kết hợp lại. Cô còn khoe tôi cô biết chơi đàn tranh và nhiều

lúc nằm thủ thỉ bên tôi cô còn cao hứng hò cho tôi nghe những điệu hò mà cả đời tôi chưa từng nghe qua, giọng cô ngọt và trong vắt. Rõ ràng, Thi là người vợ đảm (dù chúng tôi chưa làm hôn thú) và tôi là người chồng may mắn. Nhưng tôi cứ thấp thỏm băn khoăn hoài về mối liên hệ này giữa tôi và Thi.

Cả tôi lẫn Thi đều không muốn nhắc đến quá khứ. Quá khứ cô đau buồn quá, nhắc lại có ích lợi gì đâu? Nhưng cả tương lai chúng tôi cũng không dám nói đến. Tương lai gì? Tương lai tôi quên được quá khứ của Thi để sống với hiện tại ư? Tại sao chôn vùi quá khứ lại là điều khó khăn như vậy? Người mắc bệnh tâm thần bây giờ là tôi chứ không phải Thi.

Không chôn vùi được quá khứ nhưng chúng ta có thể khóa kín nó trong tủ rồi giả vờ quên đi. Tạm cho vậy là ổn nhưng tương lai thì không thế. Nó lừng lững đi vào, to lớn như ông hộ pháp và không ai chụp bắt nó được. Ông triết gia José Ortéga Y Gasset chả nói là "Quá khứ và tương lai không thể là cuộc chiến đấu tay đôi. Tương lai phải nuốt chửng quá khứ, nuốt hết, không để sót lại gì thì mới khỏi thua trận" đấy ư? Nhưng ông Ortéga Y Gasset ơi! Làm sao tôi nuốt chửng được cái quá khứ kinh khủng của Thi như Thi đã nuốt chửng cục thịt người trên chuyến tàu định mệnh khốc liệt kia?

Người không sợ hãi tương lai là người vui sống với hiện tại. Cả Thi lẫn tôi đều đang run sợ tương lai. Cô không bao giờ hé môi nói về một dự tính tương lai nào giữa tôi và cô. Cô sợ cái tương lai đó sẽ cướp đi của cô những ngày tháng hiện tại quý giá mà cô đang nâng niu gìn giữ. Cô linh cảm được cuộc tình kỳ lạ giữa cô và tôi chỉ là cuộc tình tạm bợ, phù du. Cô sợ hãi ngay cả trong những giây phút ân ái nồng nàn.

9.

Tôi không biết phải quyết định ra sao trong khi thời gian cứ vùn vụt trôi qua. Tôi chỉ biết là càng ngày tôi càng trở nên bẳn gắt và thỉnh thoảng tôi bắt gặp Thi ngồi khóc thầm một mình.

Cho đến một hôm Thi cho tôi biết cô trễ kinh đã gần mười ngày và thấy có nhiều triệu chứng khác lạ trong người. Cô có vẻ lo sợ lắm. Còn tôi thì điếng cả người khi nghe chuyện. Tôi biết cô đã có thai.

Thi nửa mừng nửa sợ nhưng đã ôm mặt khóc tức tưởi suốt đêm khi biết ý định của tôi không muốn đứa con ra đời. Ngoài miệng tôi dỗ dành khuyên bảo cô nhưng trong bụng tôi khinh bỉ tôi vô cùng.

Nhưng rồi Thi chiều theo ý tôi chấp nhận chuyện phá thai. Phải chăng Thi là người sinh ra để chịu đựng mọi nỗi bất hạnh trên đời? Điều đáng kinh tởm là lần này chính tôi là nguyên nhân gây bất hạnh cho cô. Tôi không được quyền đổ lỗi cho định mệnh nữa! Định mệnh là cái chó gì mà cứ động tí là mang ra đổ lỗi? Tôi nổi giận với chính tôi nhưng tôi vẫn không làm được điều gì để hàn gắn vết thương mới nhất này của Thi. Tôi vẫn không sao vượt thoát ra được những giằng xé mỗi ngày mỗi lớn trong lòng tôi. Tôi bẳn gắt nhiều hơn nữa. Thi khóc thầm nhiều hơn nữa. Không khí giữa hai người nhiều khi như địa ngục. Nhưng Thi có tội tình gì đâu? Cô có làm gì sai quấy đâu? Chỉ có sự vô lý rất lớn, lớn đến tàn nhẫn ở tôi mà thôi.

Tôi trở lại với tính nết cộc cằn, thô lỗ của thời kỳ trước khi gặp Thi. Tôi lên cơn giận vung tay đập bát đĩa đồ đạc trong nhà chỉ vì một lý do rất tầm thường. Chỉ cần Thi nói câu gì hơi trái ý cũng đủ để tôi nổi giận với cô. Nhưng lần nào cũng thế, khi cơn giận lắng xuống (thường là giận vô cớ), tôi lại thấy thương Thi vô hạn. Rồi tôi lại cúi xuống hôn lên khuôn mặt đầm đìa nước mắt của cô, rồi tôi lại bế xốc cô vào giường và hai người lại làm tình với nhau cho đến lúc mê mệt.

10.

Tình trạng này kéo dài cho đến lúc Thi bỏ tôi đi không một lời từ giã. Một hôm tôi ở sở về và không thấy Thi đứng đón tôi

sau cánh cửa. Tôi biết tôi mất cô từ hôm đó. Thi bỏ đi thật dễ dàng, dễ dàng như lúc cô đến với tôi.

Tôi trở về đời sống cô độc. Tôi hủy hoại đời sống tôi dữ dội hơn lần ly dị người vợ cũ. Trông tôi bệ rạc như một gã không nhà. Tôi đâm ra nghiện rượu và cả ma túy. Tôi ở tình trạng khốn cùng nhất của cuộc sống và chỉ còn cái chết đón chờ tôi mà thôi. Tôi điên khùng hết sức: có Thi ở bên cạnh thì tôi hành hạ, đẩy ải cô; cô đi rồi thì tôi dở sống dở chết. Tôi không hiểu được tôi nữa. Tôi thường trực nghĩ đến cái chết. Chắc bạn đang bĩu môi chê bai tôi là thằng đàn ông hèn yếu, chết vì tình yêu. Nhưng bạn ơi, đời người ai cũng chết một lần, được chết vì tình yêu là một ân sủng vô cùng diễm lệ đấy. Tôi thấy tôi hèn kém vì không đủ cam đảm kết liễu đời mình trong những phút giây khốn cùng, điêu đứng nhất này.

Thực ra, có lẽ tôi đã chết nếu không có tiếng gọi của Thi một ngày vang đến tai tôi. Vang đến thực sự vì cô gọi giây nói cho tôi từ thành phố nơi cô sinh sống sau khi bỏ đi. Hình như có người quen nào đó tình cờ gặp Thi (cuộc sống tôi sao toàn những tình cờ, may rủi) và cho cô biết tình cảnh tôi lúc đó. Khỏi cần nói nhiều, tôi như điên lên và đòi gặp cô ngay tức khắc. Lúc đầu cô không chịu nhưng sau thấy tôi làm dữ quá nên đành lái xe tới nhà gặp tôi. Tôi đòi làm tình với cô nhưng cô nhất định cự tuyệt. Cô nói cô đã có chồng.

11.

Thi đã có đời sống ổn định, đã có việc làm, đã có gia đình và chồng cô thương yêu cô hết mực. Hai năm trời không có tôi, đời sống cô khá hẳn ra. Cô đã quên được quá khứ và đang vui sống với hiện tại. Nhưng định mệnh hình như chưa chịu thua, nó vẫn cứ hung hăn tìm hết cách này cách nọ xô đẩy cô vào tôi.

Thi lén chồng đến nhà chăm sóc tôi, giúp tôi đi bệnh viện để cai rượu và ma túy. Mỗi lần đến với tôi Thi vẫn đằm thắm như cũ nhưng không bao giờ cô để tôi vượt quá giới hạn. Lúc đầu tôi

điên lên được nhưng dần dần cũng quen đi với trò chơi mới mẻ này. Sau một thời gian, khi tôi đã trở về đời sống bình thường, chúng tôi gặp nhau thưa dần đi.

Tôi cứu Thi một lần thoát chết và ngược lại Thi cũng giúp tôi một lần ra khỏi nỗi khốn cùng của đời sống. Vậy là chúng tôi huề nhau. Đến đây bạn lại chê bai câu chuyện của tôi sao đối xứng tiền hậu một cách rẻ tiền đến thế. Ồ, không đâu bạn ạ. Nó chẳng rẻ tiền chút nào đâu. Nó đắt lắm và tôi đã suýt phải trả bằng sinh mạng của chính tôi đấy! Bạn đừng nghĩ tình yêu rẻ tiền. Không tình yêu nào rẻ tiền cả nhất là những mối tình trong đó người ta sẵn sàng liều mạng.

Nhưng bây giờ bạn hãy để tôi về với Thi. Thi ngồi đối diện tôi trong tiệm ăn cách đây đúng mười năm tôi gặp cô lần đầu. Chiếc bàn cô ngồi lúc đó nay đã không còn vì chủ tiệm đã cho sắm sửa lại bàn ghế mới, nhưng tôi vẫn mường tượng được dáng cô ngồi: đầu hơi nghiêng, tóc dài xõa trước mặt, mắt nhìn vào trang sách, tay nhè nhẹ gõ lên thành ly nước.

Chúng tôi nói chuyện nhiều lắm như thể ngày mai một trong hai người sẽ phải đi xa. Hình như chỉ có cách đến gặp mặt tôi Thi mới lấy lại được thăng bằng trong cuộc sống.

"Đời sống anh bây giờ ra sao hả Quân?" Thi chợt hỏi.

"Vẫn vậy thôi... Anh như viên sỏi nằm lại đầu dòng suối cạn khô. Anh sống khép kín với dăm ba việc làm nhạt nhẽo, chán chường. Anh luôn luôn là người cô độc..." Ngập ngừng một hai giây tôi nói tiếp, giọng đều đặn: "Anh thấy hình như định mệnh đã đắc thắng trong trò chơi gắn liền hai đứa mình vào nhau. Bây giờ dù đã xa nhau nhưng tụi mình vẫn cần nhau trong cuộc sống, Thi ạ. Anh biết em vẫn cần anh để chia sẻ những điều em không sao chia sẻ được với ai. Em không bao giờ xa anh vĩnh viễn được đâu. Và anh cũng vậy. Có thể tụi mình sẽ sống như vầy suốt đời. Em về với Vinh hay lấy một người đàn ông nào khác không là vấn đề với anh. Còn anh? Anh thấy mình quá mệt mỏi để đôn đáo chạy đi tìm kiếm một tình yêu nào khác. Anh sợ hãi

hệ lụy. Anh thèm muốn khao khát một cuộc sống bình thường. Các con anh đã lớn khôn. Đứa lớn sang năm vào đại học. Bây giờ anh chỉ cầu xin được sống đời sống bình lặng, phẳng phiu cho đến hết đời mình mà thôi..."

Thi bâng khuâng ngồi nghe tôi nói. Tiếng động trong tiệm ăn đã bớt. Tôi đứng dậy ra quầy trả tiền rồi đưa Thi ra xe. Đêm nay có thể Thi sẽ ngủ lại nhà tôi, có thể chúng tôi sẽ làm tình, có thể chúng tôi sẽ sống lại thời gian năm năm về trước nhưng tôi biết tôi không có quyền làm khổ Thi thêm lần nữa. Thi không phải là người sinh ra để gánh chịu mọi nỗi đớn đau. Chỉ có con người, vốn tham lam, ích kỷ và tàn nhẫn, mới gieo rắc đủ mọi nỗi khổ cho con người.

Tôi leo lên xe lái về nhà, Thi theo sau. Chạy được một chặp, lúc qua khu phố đông đúc, xe Thi bỗng biến mất trong kiếng chiếu hậu. Về đến nhà tôi rót một ly rượu chát đỏ, ngồi ở phòng khách, mở một dĩa nhạc, châm thuốc hút, đợi Thi gõ cửa. Gần tiếng đồng hồ sau, dĩa nhạc vừa hết, Thi vẫn không đến. Tôi đứng dậy thay quần áo, chiêu một viên thuốc ngủ, tắt đèn rồi lên giường nằm chờ giấc ngủ mệt nhọc đang chậm chạp kéo đến.

THẠCH MIÊN

mưa

●

Hạt mưa gõ xuống hồn ai
Hiên sau chớm giọt tình hoài nối không
Vọng lên từ chốn mông lung
Lời yêu dấu cũ lòng trùng hoang mê
Bặt tăm ở chốn ta về
Mùi hương lá thắm hẹn thề ngày xưa

THƯỜNG QUÁN

trăng đầu

●

Những buổi sáng mây về tản mạn
Và trăng như viền ngực mông lung
Trời nằm xoãi cánh không bờ bến
Mây lan đi muôn dạng hình hài
Lan man đồi nương hoa cỏ
Không trí nhớ không là ai
Màu xanh nhạt chìm đến không còn phai nhạt nữa
Mây trôi cồn cát tuổi thơ
Chưa dấu chân nào chạy qua ửa nước

Mà ngày vẫn vỡ dần vỡ dần ra
Loang loang không cầm được
Chân trời vô hạn cảm thương
Ngắn ngủi làm sao những ngõ đường
Chân người lần dò đi tới
Qua những đồng non, rừng già phố hội
Lũng thấp chiều hôm, triền dốc trưa vàng
Đêm bìa làng, sáng hồng thôn ổ
Chiều ngoài sa mạc hốn mang
Tối lắt lay khuya khoắt ngọn đèn
Dòng chữ vần thơ trơ khổ
Trời sao trên đầu lung linh chao đảo
Cánh đồng chưa gặt bao năm
Nặng trĩu mùa hoa không hái thả hoang
Tiếng chim vào khuya trùng lạnh

Kéo tấm chăn mền ngực mỏng nằm run bờ ngõ hạnh
Con đường vòng qua chân trời có gì cận thân sẽ hiện
Có gì ngoài những kiếp đời
Lầm lũi, bần hàn, hoang mang vọng tiếng
Sông mưa đồng lau sậy trắng ngả nghiêng
Có gì ngoài những vũng thù hiềm
Đóng cặn rêu đen mặt mày soi không mở miệng
Hiu hắt bóng đóng khăng, khảm liệm
Chiều dông xám đổ băng chìm
Trôi hốt phiêu bóng bóng chập chùng
Một đời ngã trên muôn đời trước đã
Lối mòn thăm thẳm đi qua
Đêm chao dợn mé sông kêu người chẳng hiện

Xin một buổi chuông hồng ngân xanh tiếng
Đáy sâu ràn vỡ hồn thiêng
Bước đi qua những cửa sơ sài
Rụng trên vai hoa buổi sớm
Mùa sương bay nắng trời trút cạn
Một lần ngã quỵ thềm mây
Được như trăng nhạt mềm bóng dáng
Khuyết hay tròn chẳng quản
Ngoài đêm dài tan

NGUYỄN TẤT NHIÊN

minh khúc chín

●

đong tình đong nghĩa cho nhau
trái tim nhân loại dù sao cũng còn
đâu đây, đâu đó, bên đường...
có thêm một tấm lòng thương tấm lòng

nợ đời, trả kiếp chưa xong
ai đem đổ biển đổ sông nợ tình?

cho nhau nhiều ít chân thành
cũng nghe hương lửa ba sinh hãy còn
sẻ chia khúc ruột đoạn trường
kẻo vua lê trách chàng trương phũ phàng!

nợ đời, trả chút văn chương
nợ tình, ừ, trả con đường em đi!

sông không trách nước không về
qua sao trách bậu lỗi nghì trúc mai
chỉ xin sợi vấn sợi dài
tóc mai nhắn gió thương hoài ngàn năm...

Bữa qua bỗng đau lòng
nhớ hôm bậu hát bài đừng xa nhau...

HOÀNG KHỞI PHONG

nắng chiều hải đảo

●

Trung úy "Hải Khều" ngừng xe ở chân đồi, ông quay lại bảo người lính ngồi băng sau:

– Mày chạy lên nói với ông "Hai Râu" là tao chờ ông ấy xuống đi chợ An Thới. Thơ mộng cái gì ở xứ này, toàn lính với tù, toàn là rừng cao su với rừng kẽm gai, làm nhà ở đỉnh đồi để chơi với rắn à. Nói ông ấy lẹ lên, bảy giờ tối rồi, chậm một chút nữa là không còn quán nào mở cửa. Tao nản mấy tô mì, tô bún của mấy mẹ khu gia binh tới cổ rồi.

Người lính nhẩy xuống xe, mới dợm chạy được vài bước thì tiếng còi xe jeep rú lên liên hồi. Trong ánh sáng nhờ nhờ của buổi chiều hải đảo, một bóng người lừng thừng đi xuống từ căn nhà lá trên đỉnh đồi. Người lính vừa nhảy xuống quay vội trở lại chỗ cũ, Trung úy "Hải Khều" trở đầu xe vừa xong thì người trên đồi cũng xuống vừa kịp, ông ta nhảy lên ghế trưởng xa để trống từ đầu. Băng sau xúm xít bốn năm người lính im thin thít trước cái quạu cọ của trung úy Hải.

– Mẹ kiếp ông làm gì mà rối lên, cứ như đi ăn cướp ấy.

– Ăn cướp có chậm cũng không đến nỗi chết. Nhưng đi ăn mà chậm thì chỉ còn rã họng ra. Cơm nhà binh không khá được.

– Này ông xếp mới gọi điện thoại nhắn tôi với ông tối lên nhà

Đại úy Đức nhậu. Có cô em vợ ông Đức mới ra chơi nghe nói đẹp mặn mòi lắm.

– Nhờ ông một chút, ăn một miếng cơm, nhậu vài ly rượu để phải nghe ba tiếng đồng hồ chuyện trên trời dưới nước, nghe chuyện Quân Cảnh nhà ông chán lắm.

– Thế bây giờ ông là cái gì?

Trung úy "Hải Khều" ưỡn người lên, cười khằng khặc, tay chỉ vào cái bằng dù trên túi áo trái.

– Nhẩy Dù, tao lúc nào cũng là Nhẩy Dù, mày có thấy bao giờ tao không đội nón đỏ không?

– Chứ không phải mày lết được về từ Đồng Xoài, rồi lạnh cẳng muốn mang hai khẩu súng bắn nước.

Mặt "Hải Khều" đanh lại:

– Tao không xin về binh chủng mày. Tao không lạnh cẳng, không một thằng Võ bị nào ra trường được chọn Nhẩy Dù mà lại lạnh cẳng trong vài ba năm. Ông bị tan Tiểu đoàn ở Đồng Xoài, về Tổng Y viện Cộng Hòa, mấy anh tu bíp nhà binh đòi cưa cánh tay của ông, nhân có thằng em tới thăm, ông mượn nó khẩu Colt, ông đe mấy anh tu bíp, hễ ông tỉnh dậy mà mất cánh tay là ông cứ mấy anh tu bíp ông nổ, ông nhớ mặt hết, có tránh ông cũng chỉ tránh được một thời gian, thế nào ông cũng tìm ra. Mấy anh tu bíp thấy vậy cũng ngán, chuyển tao ra Đệ Thất hạm đội, để có gì tao tìm... Mỹ mà bắn. Nào ngờ Mỹ nó giỏi thật. Nó đã không cưa cánh tay của ông nó còn vá cho mấy cái vết đạn trên mặt, mũi. Này, mày bây giờ trông tao bảnh hơn hồi đi học phải không?

– Mẹ kiếp, ông mà là mấy anh tu bíp ở Cộng Hòa. Ông cưa mẹ nó cả hai tay, xem mày lấy gì mà nổ.

*

(2) Ngọn đèn măng sông chao qua chao lại dưới những cơn gió thổi từ biển về. Sàn quán đầy những giấy vụn màu hồng lau chén đũa, to bằng nửa bàn tay. Mấy người lính ngồi nhậu nơi

một bàn góc quán, vỏ bia đầy gầm bàn, họ đứng dậy mời đon đả mấy người vừa bước vào quán.

– Mời hai trung úy lại nhậu với tụi em vài chai bia cho qua đoạn đường chiến binh tối nay.

– Nhậu cái gì, tụi mày tọng cho lắm bia vào, tối nào gác cũng có thằng ngủ. Sáng nào tao cũng bị không thằng đen *"Mút Cu"* hay thằng đỏ *"Lấp Lánh"* vất cả bó súng tịch thu được trên các pháo đài vào mặt.

Trung úy "Hải Khều" bỗng cười khằng khặc.

– Mẹ kiếp, gác như thế mà chưa có thằng nào bị tù bò ra cắt dế cũng lạ. Lính của tao hồi xưa gác mà ngủ sáng ra ông quần cho mờ người.

– Tụi em cũng biết lỗi của tụi em, bị mấy ông Thiếu úy Đại Đội Trưởng nhốt vào cũi cũng đâu có vui gì, nhưng mà cũng kỳ lắm, hễ cứ gác giấc hai, ba giờ sáng là y như mắt díu lại, ban ngày thì ngủ không được, tối lên trên pháo đài cao, gió thổi riu riu ngủ hồi nào cũng không cưỡng được. Cũng may hồi đó tới giờ chưa có vụ vượt ngục nào xảy ra.

– Chưa tới lúc đó thôi, cũng có ngày tụi bay đi An Ninh Quân Đội rồi ra quân lao nằm ép rệp.

– Anh Hai à, chỗ này góc biển chân trời mà có mấy em đẹp dữ, như cái cô con gái ông bán tạp hóa đó, chà cái cô Hoa này cặp lông mày dính vào nhau, da trắng phau, lông măng ở tay mịn như nhung. Chà cái đó rậm rạp lắm à nha anh Hai.

– Xì, cô Hoa đó mà đẹp gì, con gái mà cứng như cây gỗ, con Lý bán hạt sen ở cầu tàu đó mới đẹp ác, nó cười tươi như mấy cô tài tử Tàu Lâm Đại, Lý Lệ Hoa. Bữa trước nó không quấn cái khăn rằn trên đầu, tao nhìn thấy tóc nó đen như mun, cặp mắt thì hết chỗ chê. Cỡ này tao muốn dừng gót giang hồ ở đây cho rồi.

Người được gọi là anh Hai chậm rãi lên tiếng.

– Tụi bay đừng làm khổ con gái nhà người ta, vụ này không

phải là quân đội tao không cấm cản tụi bay được, nhưng tụi bay ra đây có một năm, hễ thương người ta thật tình hãy nhào vô, đừng có qua đường, xó này quá nhỏ, con gái vấp một cái là không gượng được, đến bỏ xứ mà đi bán bar thôi.

– Tao không ngờ mày chậm tiến thế, nói thật mày, tao mà đổi được địa vị từ "Hải Khều" thành "Hải Gấu" là tao nhào vô liền, mẹ kiếp, các cụ bảo con gái như hạt mưa sa ngoài chợ, có điều kẹt là hai cậu làm quan. Quan trên trông xuống, người ta trông vào. Không thể muối mặt được, mà có muối mặt cũng không đắt khách bằng các cậu "Hải Gấu", "Hán Đồng Hồ", "Bửu Chân Voi" hay "Hiệp Mù" được. Mày có chịu đi chầu nhà thờ mỗi buổi chiều không? Không đi chầu thì xê ra đừng có xán lại gần con Hoa với con Đào em ông trưởng ấp. Không đi nhà thờ là không có sờ được vào cạp quần hai em này. Mày có ca cải lương được như mấy thằng đàn em mày không? Không thì mày cũng xê ra, con Lý không ưa mày đâu.

– Sao mày biết kỹ thế?

– Tao là Nhẩy Dù, tán gái cũng giống như đánh giặc vậy thôi, phải biết mình biết người, mày mang thơ văn ra dọa là cả mấy con đó nó cười vãi đái ra, nó trông lên cổ mày thấy có hai hoa mai là nó đã muốn tránh rồi, còn mấy thằng cô hồn các đẳng mày muốn làm ăn thì nên cẩn thận, mình ra đây sau, xóm An Thới này là của Hải Quân, mấy ông nội Hải Thuyền ở đây cũng bị phạt như bọn mày mới ra đây, họ cũng không vừa gì, nói như anh Hai của chúng mày cũng đúng. Có thương lắm thì hẵng nhào vô. Đánh nhau thì tao không sợ, nhưng mà đánh nhau vì gái thì khó coi lắm.

– Thôi đi về, khuya rồi.

*

(3) – Hải à, mày sợ cái gì nhất ở đây?

– Tao đéo sợ cái gì cả.

– Tao hỏi mày có tính cách sinh tử đó, mày có nghĩ là Việt

cộng có thể tấn công mình không? Tao không nghĩ là bọn chúng làm chuyện đó, dẫu lính của mình là lính chuyên môn lại bị phạt đày ra ngoài này, khả năng tác chiến ít. Nhưng Việt cộng sẽ không tấn công vì chính chúng cũng không có khả năng điều quân ra ngoài này. Phòng Nhì bộ Tư lệnh Hải Quân cho tao một số tin tình báo, chúng có cỡ một đại đội ở mạn bắc đảo. Mày là Nhẩy Dù, nếu mày cầm một đại đội Việt cộng ở đây mày sẽ làm gì?

– Ông đéo đánh, ông làm cho chúng mày điên lên, lâu lâu ông mò về mấy ngọn núi gần đây, ông treo một lá đại kỳ, thế là bọn tù ở trong lên tinh thần, bọn chúng quần tụi mày đủ mờ người ra rồi, cần gì phải đánh. Đánh rồi phá vỡ được nhiều lắm là một khu giam để làm gì, đâu có dẫn tù chạy thoát được, dẫu lính của mình có dở thì mình vẫn có súng trong tay, có pháo đài kiên cố, ra thằng nào chết thằng đó. Quân Cảnh bắn không xuể đã có hải pháo của Hải Quân bắn chặn. Tao mà là Việt cộng ở đây, hôm nào ông thích máu thì ông bò về, đêm lính gác ngủ, ông tới bìa rừng bắn sẻ một thằng xong rồi dông. Ông mà là Việt cộng ở đây thì ông cho bọn mày mất ngủ thường trực.

– Mày có nghĩ là bọn chúng có thể lén mang vũ khí về chôn giấu ở gần đây, xong rồi dùng một tiểu đội đánh cảm tử giải thoát một khu giam cả ngàn tù, rồi tràn ngập các khu giam khác trên đảo không? Chúng mà tháo cũi được một khu giam ngàn thằng, có vũ khí trong tay thì bọn chúng đồn cả mấy tiểu đoàn lính ở đây xuống biển lắm. Mẹ kiếp, thế mà cũng là Nhẩy Dù. Ông mà là Việt cộng ở đây ông tính cú lớn, chứ không tính nhỏ như mày.

– Thế mày mới là trung úy Quân Cảnh. Đánh giặc cũng như tán gái vậy. Bộ mày tưởng tán gái dễ lắm sao? Nhiều thằng đẹp trai, học giỏi, con nhà giàu cứ tưởng quơ tay là có vợ. Mẹ kiếp, càng thế càng dễ ế. Lý thuyết và thực tế cách xa một trời một vực. Cứ giả dụ là mày dấu được vũ khí, súng ống đạn dược đầy đủ, cứ giả dụ là mày tấn công chiếm được cả cái đảo này, nhiều

lắm là mày giết được hơn ngàn người lính Quân Cảnh, Công Binh, Địa Phương Quân ở đây. Rồi mày làm gì? Chỉ ba tiếng đồng hồ sau, cả cái phần đất này thành bình địa, chết thêm mười ngàn tù nữa hải pháo của hạm đội 7 Mỹ, rồi máy bay của tụi Navy. Bộ tàu nó là tàu giấy, súng gỗ đó.

– Tao vẫn thấy không khí có cái gì rờn rợn. Mỗi lần nhận tù, tao đều có gài người của mình vào nằm trong tù để dò la động tĩnh. Bọn chúng không có ý định làm loạn, nhưng bọn chúng học tập thường xuyên. Có một số người không phải là Việt cộng, làm rừng làm rẫy, đánh cá ở những vùng xôi đậu, bị Mỹ hạ máy bay từ trên trời xuống, ngôn ngữ bất đồng, đến khi giải giao qua cho phòng Nhì của các Tiểu Khu thẩm vấn thì mười người đến bảy thành Việt cộng rồi. Những người tù bất đắc dĩ này có nhiều người muốn hồi chánh, nhưng mà lộ ra là chết như chơi. Ngoài ra, có một số du kích miền Nam mày có thả cũng không chịu về. Về thì một cổ đôi ba tròng, không đi lính Quốc gia thì cũng đến đi lính Việt cộng. Ở tù nhiều lúc sướng hơn, không còn sợ chết chóc, B52, pháo, không còn sợ đói mờ người. Nói tóm lại, nhiều lúc tao đéo hiểu nổi. Cả tao nữa, bó mình ở đây làm gì? Thế nhưng về Sàigòn, Cần thơ làm gì? Ông nản lính thành phố lắm rồi. Đơn giản như mày là sướng. Này, đơn từ về Nhẩy Dù của mày đến đâu rồi?

– Thì vẫn nhì nhằng chờ đợi.

Nắng chiều mỗi lúc mỗi nhạt. Những cánh hải âu lặng lờ chao trong gió. Trời, biển mênh mông vô tận. Còn đất, đất chỉ là một doi đất hẹp cuối cùng của hải đảo, với hai giải cát vàng rực rỡ dưới nắng chiều, những cây dương bị gió thổi rạp về một phía. Xa về phía bắc một gềnh đá chặn ngang, một bầy khỉ hàng trăm con ngồi rải rác trên những tảng đá ngổn ngang, bầy khỉ không chạy nhảy, leo trèo, không kêu gọi chí chóe, chúng ngồi yên ngắm hoàng hôn trên mặt biển. Chúng ngồi như những ông lão lặng ngắm những ráng mây vàng rực rỡ buổi chiều. Khi mặt trời khuất hẳn, nếu một người nào chợt đi tới, họ có thể ngộ nhận

có hai con khỉ thật to ngồi xa đàn vài trăm thước, râu ria tua tủa, người còn lại cao lêu khêu, khoác trên mình một cái áo nhà binh của binh chủng Nhẩy Dù, nón đỏ giắt ở cầu vai áo. Cả hai ngồi bó gối ngó mông ra khơi, biển chiều đã ngả sang màu tím xẫm, dường như cái đường chân trời tưởng tượng kia có thật, và đã rớt xuống rồi chìm trong lòng nước. Bỗng một người lên tiếng, tiếng anh ta mất hút giữa những tiếng động của biển chiều.

– Tự nhiên tao thấy già và cỗi như những gốc dương ở trên bãi biển này.

– Mày lại mở cái hũ văn chương ra rồi, yêu cầu đậy lại. Hai mươi lăm tuổi mới là lúc mở đầu của trai trẻ đó con ạ. Suy nghĩ làm gì, đến tán cái con nhỏ con gái ông chủ vựa nước mắm đi, là mày thấy trẻ lại ngay.

– Mấy tháng nay tao thấy cảnh biển lúc buổi chiều đẹp hơn lúc bình minh mày ạ. Đó là một triệu chứng của tuổi già.

– Thôi, mày cho tao xin cái mớ triết lý vụn mày lượm được ở trường Chu văn An, ở trong mấy quyển sách vở vẩn. Ông thì thấy buổi sáng, buổi chiều hay buổi gì cũng buồn bỏ mẹ. Hết vui rồi, ông về.

– Ừ thì về.

– Không, tao nói là về luôn đất liền đó. Ông chán ở đây lắm rồi.

– Này, mày có sợ chết không? Hồi Tiểu đoàn 7 Dù của mày bị nạn ở Đồng Xoài, mày cách cái chết có một sợi tóc thôi. Lúc đó mày có sợ không?

– Ngay lúc đó tao không sợ chết, tao chỉ sợ bị bắt thôi. Tao nhớ trận đánh bắt đầu vào buổi chiều, đâu lối ba, bốn giờ gì đó. Bọn chúng đông như kiến lại có bố trí phòng thủ sẵn. Vừa ra khỏi trực thăng là tao biết nặng liền. Tiểu đoàn tan thành nhiều mảnh, mỗi mảnh một sĩ quan dẫn đầu, từ xếp lớn tới xếp nhỏ, mọi người chiến đấu cá nhân hệt như những khinh binh. Có lúc tao nghe tiếng Việt cộng hô "hàng sống, chống chết" át cả tiếng

súng của đôi bên. Tao dẫn được một tiểu đội mở đường máu chạy thục mạng, bất kể phương hướng, vừa chạy vừa bắn trả, rồi tao trúng một tràng, may mà là Thompson, chứ AK thì nát mẹ nó mặt rồi, hai viên làm gẫy cánh tay trái, còn một viên trổ từ gò má lên tới sống mũi, mấy người lính chạy theo tao ngã la liệt, tao giả chết, mặt đầy máu, người đầy máu, tao nằm úp xấp xuống để thở. Lúc đó đâu gần sáu giờ, nhưng trong rừng cao su trời tối sớm, tao rất tỉnh, cố nằm im, chứ động đậy chúng phát giác được chúng đâu có tha. Tiếng súng thưa dần, bọn chúng đi thu dọn chiến trường, tao nghe tiếng rên la của các đồng đội chung quanh, những tiếng kêu con, gọi vợ, những tiếng nấc nghẹn ngào, cứ vậy, rồi những tiếng chân lại gần lạnh lùng ban một phát ân huệ ngay màng tang. Có nhiều người bị bắt sống, chúng hỏi hàng sống chống chết, tao nghe rất nhiều câu trả lời "hàng cái con c...", nhiều chữ c... chưa kịp thoát ra khỏi cổ đã bị chặn lại bởi một tiếng nổ chát chúa. Rồi tiếng chân tới dần chỗ tao, trời đã nhá nhem tối, tao nằm xấp nghiêng cái mặt đầy máu lên trên, cánh tay trúng đạn cũng được tao trình diễn đầy đủ, cố nín hơi chờ tới lượt mình lãnh một viên vào gáy, một thằng Việt cộng lại gần chỗ tao, nó la lên giọng Bắc đặc sệt vang động một góc rừng:

"Đéo mẹ thằng thiếu úy Ngụy này chết rồi". Nó cúi xuống lượm khẩu Colt tao cố tình để gần ngay cánh tay bị thương, rồi nó quay đi. Thế là tao thoát.

– Chắc con tôi kỳ đó sợ vãi đái.

– Sư mày, ông đã nói không sợ. Ông không sợ, chỉ buồn là đời mình chấm dứt ở nơi tăm tối quá, và ngắn ngủi quá. Nhưng khi bọn chúng rút lui hết rồi, bóng tối ập xuống, lúc đó tao sợ. Tao đéo biết là sợ cái gì, không phải chết. Cái chết thì đã qua nhưng mà tao biết rõ lúc đó tao sợ, từ tiếng côn trùng rỉ rả, tiếng một cành cây gẫy, một con thú ăn đêm. Nhưng mà tỉnh vô cùng, tao biết là phải rời khỏi vùng giao tranh ngay, nếu không thì ăn bom B52 bằng thích. Tao gượng đau, nhắm hướng quận Đôn Luân

mò mẫm trong rừng. Đến nửa đêm, máy bay B52 tới, ông xa khỏi đó cả năm, sáu cây số mà lúc nó trải những thảm bom xuống, ông đã chuẩn bị kỹ, ngồi xuống tựa vào một gốc cây bự, nhét vải vào lỗ tai, người tao như cái lò xo cứ nẩy lên từng hồi. Tao thiếp đi, rồi tỉnh dậy, đâu có dám đi đường, cứ băng rừng mà tiến. Cứ thiếp đi, rồi lại tỉnh dậy. Mãi hai ngày sau mới mò về được quận Đôn Luân. Vết thương làm độc, máu mủ, hôi thối nồng nặc. May mà không bị cưa tay, cưa tay trái thì ông lấy tay nào mà ôm đào. Tao thành danh "Hải Khều" vì bị tật từ đó. Thôi đi về mày, không lại đíu có cái gì tọng vô họng. Về tao chỉ cho chỗ này hay lắm.

*

(4) Chiếc jeep leo lên đỉnh dốc, vẽ lên nền trời tối một vùng sáng. Những hàng cây cao su ngay hàng thẳng lối cách vệ đường khá xa, sát ngay vệ đường những cây bị đốn ngã, bị ủi bứng gốc tạo thành những hình thù kỳ dị, "Hải Khều" quay sang nói với bạn.

– Mày đừng có rẽ vào bộ chỉ huy, rẽ vào con đường tuần tiễu xe chạy bọc bên ngoài đó, tao chỉ cho mày cái này hay lắm.

– Cái gì vậy?

– Một chỗ trú thật tốt. Hồi nãy mày hỏi tao sợ cái gì? Tao chỉ sợ lính mình gác lơ đãng để tù đi làm tạp dịch về được vài khẩu súng, gặp mấy thằng khùng không tiếc mạng nó chạy đi tìm thằng "Ngụy Nhẩy Dù" với thằng "Ngụy Hai Râu" là mày với tao bỏ mạng.

– Tới lúc đó đâu có thì giờ chạy trốn.

– Chỗ đó ngay ngoài hàng rào, đằng sau phòng tao. Tao trổ vách tôn cho có gió mát, nhưng không phải vậy. Nó bít hai đầu nhà, tao vọt qua vách tôn, tao có trổ một lỗ hổng chỗ hàng rào, dưới một bụi lau, khó thấy lắm. Có gì ông vọt ra ngoài này, ông thủ trong hang đá. Trong đó ông có cả thùng lựu đạn, ông chọi xuống, lựu đạn không nổ mà trúng đầu cũng chết.

– Có thế mà cũng khoe, cũng là trung úy Nhẩy Dù. Bộ ông làm nhà trên đồi khơi khơi để chơi đó? Ông không ở chung cũng có lý do. Mày không thấy là chỉ có một đường duy nhất lên nhà tao thôi sao. Ông làm nhà trên đồi, dựa lưng vào hai vách đá, hai vách còn lại ông lấy sắt phi trường về ông ghép lại, chung quanh chất đầy bao cát. Còn súng hở? Nhà tao có một khẩu M79 với hai khẩu M16 là thầy trò tao đủ chơi với một trung đội muốn tiến lên rồi. Nghe đây "Hải Khều", chỗ của mày là Đồng Xoài, là Toumorong, là Pleime, là Dakto... Chỗ này của tao, mày không hơn được đâu. Mai dọn lên tao ở vài ngày rồi xéo về Sàigòn cho khuất mắt.

– Sư mày, làm ông cụt cả hứng. Ông sắp về, lo cho mày ở lại một mình, tụi nó mà thí mạng cùi, nó đâu có đổi lấy mạng anh Ba Thử, anh Ba Vạng. Tao nghĩ bọn nó cũng chẳng thèm đổi mạng hai anh Tư đâu. Bọn nó chỉ cay có mày với tao thôi. Ở lại rán mà giữ nghe con. Ông chán ở đây rồi. Ông về Nhẩy Dù. Tan hàng! Cố Gắng!

– Mai mày có dọn lên ở với tao ít ngày không?

– Có gì mà dọn. Kê cho ông cái giường, ông lên ngủ trên đồi dăm bữa nửa tháng rồi ông dông.

*

(5) Suốt từ sáng tới giờ, cứ hơn một tiếng là một chiếc C130 đáp xuống. Phi đạo thật ngắn, nên những người phi công ngay khi chạm bánh xuống mặt đất là đã đạp vào thắng. Những tấm sắt PSB tạo thành mặt phi đạo dã chiến rít lên ghê rợn dưới sức nặng của chiếc máy bay chạy lướt qua. Tới cuối phi đạo, phi cơ lết vào sân đậu. Cánh quạt vẫn quay, cửa sau mở ra như họng một quái vật, từ cái họng đó nhả ra từng đoàn tù binh áo nâu, quần nâu, cứ hai người còng tay chung một cái còng. Lính, tù cúi rạp người dưới sức gió của các động cơ tống lại. Khi tù xuống hết, sàn phi cơ trống trải, những người lính giải giao của chuyến phi cơ trước ùa lên phi cơ. Một sĩ quan đại diện của trạm hàng không quân sự dẫn những binh sĩ tùng sự tại đảo được đi phép,

đi công tác tiến ra, loáng thoáng thấy vài người mặc thường phục. Chỉ năm phút sau phi cơ lại hướng về phi đạo, rồi động cơ rít lên, những tấm sắt oằn oại, chớp mắt phi cơ đã ở trên trời, bỏ lại cái phi đạo bây giờ đã đầy những người tù ngồi ngay hàng thẳng lối chờ xe GMC tới đưa về trại giam. "Hải Khều" quay qua nói với người Trung sĩ có bảng tên là Bình:

– Sáng tới giờ sáu chuyến rồi. Còn mấy chuyến nữa hả mày? Ông "Hai Râu" xếp của mày đâu?

– Mình mới nhận có hai chuyến của vùng 3, một chuyến của vùng 1 và ba chuyến của vùng 4. Còn nhiều lắm trung úy. Nghe anh Hai nói đâu tuần này mình sẽ nhận ba ngàn tù của cả bốn vùng chiến thuật. Nhốt chật hết khu 4 thì Công Binh sẽ hoàn tất khu 5, chừng đó nhận thêm một ngàn nữa. Nói tóm lại, tù binh của trại mình trong vòng một tháng sẽ lên tới mười hai ngàn người. Trung úy ăn cơm chưa. Để em ở ngoài này nhận hồ sơ được rồi.

– Tao về, nếu anh Hai của mày ra nói tao về nhà anh Tư Ngạc ở Hải Quân. Tối qua mấy thằng em anh ấy bắn được con nai chà. Mày nói tao chờ ở trong đó, nói với nó bà Ngạc có nấu cả cháo gà nữa. Vô chậm là hết. Bắn chậm là chết.

*

(6) Hai thiếu nữ ngồi xổm dưới đất, trông họ rất trẻ, nét mặt lạnh tanh, cả hai đều mặc áo nâu có chữ TB sơn trắng phía sau lưng, mỗi người có một túi vật dụng tùy thân trước mặt. Cả hai có vẻ tò mò hơn là sợ hãi. Một người lính Quân Cảnh mang súng đứng gác ngoài cửa, anh ta nhìn chằm chằm vào hai người nữ tù. Cả hai người tù và người lính cộng tuổi lại chắc cũng vừa 60. Nếu họ không mặc những bộ quần áo hiện tại chưa biết chừng họ có thể yêu nhau. Đằng sau bàn giấy, Trung úy "Hải Khều" đang đọc hồ sơ giải giao, ông nói với người Thiếu úy ngồi đối diện:

– Sao lại có hai mợ trẻ này? Hồ sơ tụi nó đâu?

– Đây là lệnh của bộ chỉ huy trong Sàigòn. Tụi tôi mang họ ra đây, nhưng ngày mai hay ngày mốt, khi có chuyến giải giao từ Quy Nhơn về thì cho họ tháp tùng về trại nữ tù binh Quy Nhơn.

– Còn hồ sơ tụi nó đâu?

– Tụi tôi chưa làm kịp, trung úy. Nhưng mà đằng nào cũng chuyển về Quy Nhơn, để ở đó làm cũng được.

– Họ bị bắt ở mặt trận nào?

– Thưa trung úy, họ hoạt động nội thành, bị bắt ở Đà nẵng.

"Hải Khều" bỏ tập hồ sơ xuống bàn, anh nhìn về phía hai người nữ tù binh. Một chút bất nhẫn, một chút thương xót. Ông quay lại nói với Trung sĩ Bình:

– Mày đem tụi nó vào chụp hình, lăn tay, ít nhất muốn giải giao đi đâu cũng phải có một cái phiếu lý lịch. Con người ta chứ có phải là dụng cụ đâu mà giải giao bằng miệng.

Hai thiếu nữ cùng đứng dậy nói như hai con vẹt:

– Tụi tôi không đi đâu cả. Không chụp hình, lăn tay cho lính Ngụy.

Trung úy "Hải Khều" xô ghế vụt đứng dậy. Mắt ông ta long lên:

– Chúng mày nói gì? Không được hỗn, nhẹ không ưa, ưa nặng phải không?

Hai cô gái hoảng sợ ngồi xuống.

– Nhắc lại tao coi bọn mày nói cái gì? Tao là Nhẩy Dù, không đánh người ngã ngựa. Nhưng mà hỗn là tao vặn họng.

Quay sang viên Thiếu úy, "Hải Khều" gằn giọng:

– Các ông làm ăn như vậy hả. Giải giao không có hồ sơ chỉ vì mấy câu nói bướng phải không? Bình đâu, mời anh Hai mày vào giải quyết vụ này.

– Ngu như thế thì đi theo Việt cộng là phải lắm. Đồ đầu bò, óc chó.

"Hải Khều" bước ra ngoài, gió từ biển thổi về xoa dịu những ý nghĩ điên cuồng trong đầu ông.

*

(7) Trung sĩ Bình đặt lên bàn hai cái phiếu lý lịch viết bằng tay chưa kịp đánh máy, người trung úy cầm lên bằng dáng điệu hờ hững.

– Ra dẫn họ vào gặp tôi.

Ông cúi xuống đọc hai cái phiếu lý lịch, dáng chừng như mệt mỏi, ông bật ngửa người ra phía sau, mấy lỗ đinh trên vách tôn tạo những luồng sáng thẳng tắp như những cây gậy. Có tiếng người bước vào rụt rè, viên trung úy lấy lại thế ngồi, những nét mệt mỏi vài phút trước biến mất. Ông nhìn thẳng vào mắt hai người nữ tù binh, họ còn trẻ, thật trẻ, nhan sắc trung bình, nếu không có hai bộ đồ tù, nếu có một chút trang điểm có lẽ trông họ sẽ đẹp hơn, đủ để làm một người lính nào đó, một thanh niên nào đó yêu mê đắm cái mái tóc thề giản dị, yêu mê đắm nước da hồng quân, yêu mê đắm cặp mắt dầu cố lạnh lùng cũng vẫn có đuôi tình tứ. Hai người nữ tù cúi xuống, dường như họ muốn tránh cái nhìn dữ dội, cũng như khuôn mặt râu ria lởm chởm của người trung úy. Ngoài sân nắng, lính và tù tấp nập điểm danh, những tiếng hô lớn khi trình diện vẳng vào phòng. Rồi một giọng nói đủ nghe và có uy vang lên:

– Hai cô từ chối làm thủ tục nhập trại phải không?

– Tụi tôi là tù binh và muốn được đối xử đúng với quy ước Genève về tù binh chiến tranh.

– Trước tiên, đã là tù thì không thể muốn. Kế đến để được đối xử như quy ước Genève về tù binh thì phải chụp hình lăn tay làm hồ sơ trên phiếu lý lịch tù binh. Đó là thủ tục, là quyền lợi của các cô. Ngộ nhỡ tụi tôi bạc đãi, tra tấn các cô rồi khi phái đoàn Hồng Thập Tự Quốc Tế đến thăm viếng, đòi gặp hai cô chẳng hạn, tụi tôi đưa người khác ra thế làm sao phái đoàn Hồng

Thập Tự biết được sự tráo trở này khi trong phiếu lý lịch không có hình?

– Xin trung úy cho chúng tôi chụp hình, lăn tay.

– Tốt. Các cô có biết trong trường hợp các cô ngoan cố không thi hành mệnh lệnh của nhân viên, các cô sẽ bị phạt ra sao không?

– Thì như ông trung úy hồi nãy nói.

– Nghĩa là làm sao?

– Ổng sẽ vặn cổ.

– Không phải, trung úy Hải nóng giận nên mới nói vậy, tôi không vặn cổ ai hết. Tôi chỉ coi cô là tù binh bình thường, tôi nhốt hai cô vào trong trại giam kia, ở đó mỗi khu có cả ngàn người đang đói phụ nữ. Vào trong đó liệu mà giữ thân.

Vẻ giao động hốt hoảng lộ rõ trên mặt hai người nữ tù trẻ tuổi. Cả hai cúi xuống, bẻ lóng tay, trong khi viên trung úy quan sát bằng cặp mắt soi bói.

– Trung sĩ Bình đâu, đưa hai người này qua phòng làm thủ tục nhập trại.

– Thưa trung úy, ở đây có khu giam phụ nữ không?

– Không.

– Vậy tối nay chúng tôi bị giam ở đâu?

– Ra xin lỗi trung úy Hải đi, ông ấy đã cho người dẹp bớt kho gạo lập một chỗ tạm giam riêng biệt cho hai cô rồi. Hai cô sẽ ở đây vài ngày rồi tôi chuyển về Quy Nhơn, đó là trại giam nữ tù binh của quân đội chúng tôi.

– Chúng em cảm ơn trung úy.

*

(8) "Hải Khều" quay sang nói với bạn:

– Vậy mà tao ở đây ba tháng. Quá đủ rồi, mẹ kiếp, có ba tháng mà như là ba năm. Tao về mày ở lại rán mà tán con nhỏ ở vựa

nước mắm. Em cũng sắp là sinh viên rồi đó. Ở đây buồn, nên có một chút tình còm cho vui.

– Ái tình ai mà không thích. Nhưng mà tao không thể cảm nổi mấy mợ ở đây. Con ông chủ vựa nước mắm thì giàu quá, nhưng mà chui vào cái xóm đó tao muốn ngộp. Ở trong trại đã ngộp rồi, ông muốn vào chỗ nào thoáng. Còn mấy mợ khác thì siêng đi nhà thờ quá. Nhà thờ nào mà chả trang nghiêm, cũng ngộp luôn. Tao đéo hạp chỗ trang nghiêm thờ phụng. Duy có con Lý bán hạt sen, phải chi tao là lính trơn, biết ca cải lương thì tao cũng có thể lại gần nó. Nhưng thôi, nói chuyện khác đi.

– Mấy giờ máy bay tới, mày?

– Theo công điện thì ba giờ, nhưng tao chưa bao giờ thấy máy bay ra đây đúng giờ. Này mày, trong đó bây giờ đánh nhau dữ, mày đã biết về tiểu đoàn nào chưa?

– Chưa, tao muốn về lại Tiểu đoàn 7, đơn vị cũ đó dẫu bây giờ toàn là mặt mới.

– Bộ mày thích chém giết lắm hả?

– Đằng nào thì cũng là lính. Đã là lính thì phải đánh trận. Đã đánh trận thì nên đi với những đơn vị thiện chiến.

– Sao mày chê tụi tao quá vậy?

– Tao biết tụi mày ở đây cũng nguy hiểm lắm chứ. Coi một đơn vị lúc nào lính cũng nghe lệnh mình còn mệt huống hồ phải coi một sư đoàn tù lúc nào cũng chỉ tìm cách đớp mình một quả. Cái phiền nhiễu khó khăn đeo đuổi suốt ngày, suốt năm không ngơi nghỉ. Ông khoái bắn nhau, hết bắn rồi về đi chơi, gác đơn vị thì đã có thường vụ. Lúc tao còn ở trại giam Biên Hoà còn rộng cẳng đi chơi, ra ngoài này thấy mày làm việc có lúc 24/24 đối phó với lính, với tù, với cố vấn Mỹ và với cả các... xếp. Này, cái đầu mày có lúc nào được nghỉ không?

– Có chứ, lúc tao ngủ.

– Đéo phải. Ông ngủ trên nhà mày mấy đêm nay, đêm nào ông cũng thấy mày mơ, mơ toàn chuyện điều hành, giám thị,

cơm nước của bọn nhà thầu. Có lúc ông còn nghe mày chửi mấy thằng đen Mút Cu, thằng đỏ Lấp Lánh. Này, mày nói tiếng Mỹ như con c... ấy. Chỗ này không phải của tao. Chỗ này đúng là của... mày. Đôi lúc tao muốn rủ rê mày về Nhẩy Dù. Nhưng nghĩ lại, ở đây cần mày. Rất cần người như mày.

– Này, mày làm cách nào mà bọn lính nó phục mày vậy?

– Chỉ huy là một nghệ thuật, đối với lính nên độ lượng, mày đừng nịnh trên nạt dưới là nó đủ nể rồi. Huống hồ tao lại chõi ở trên, đỡ ở dưới thì bảo gì lính chả nghe. Còn đối với tù hả. Bình tĩnh, trí mưu và nếu cần thủ đoạn cộng với một chút tiểu xảo.

Chỗ họ đậu xe là đầu phi đạo, phi trường vắng hoe, không một bóng người. Những con hải âu bay chờn vờn trong nắng, ngoài khơi một chiến hạm Mỹ neo đềnh dàng như một tòa building nổi trên mặt biển, loáng thoáng giữa khoảng trời và nước, những chiếc thuyền lưới cá đen đủi như những vết mực loang trên nền bức họa. Có tiếng động cơ máy bay vọng lại, ban đầu chỉ là một chấm lớn giữa nền trời xanh, mây trắng, cái chấm lớn dần, máy bay nghiêng cánh lượn một vòng phi trường, trông như một cánh đại bàng, rồi bất chợt nhào xuống, gió tung cát bụi về phía sau, tiếng động cơ gầm rú, chớp mắt chiếc máy bay đã chạy tới đầu phi đạo, rồi rẽ vào sân đậu, người phi công tắt các động cơ, trong lúc vài hành khách bước xuống từ cửa ở phía đuôi phi cơ.

"Hải Khều" chép miệng nói với bạn:

– Mẹ kiếp, lại chờ mấy thằng ông nội "thợ lái" này đi mua nước mắm với khô thiêu cả tiếng nữa.

– Nóng ruột làm gì, chiều nay mày có mặt ở Sàigòn rồi. Ghé bà già tao ngay, trong cái bị có vài chai nước mắm loại đặc biệt tao biếu bà già. Mấy bộ quân cờ bằng gỗ cẩm thì cho mấy ông anh tao. Có hai cái võng loại dây dù tết rất kỹ. Đó là phần ông già tao một cái và của mày một cái đó. Ông phải cho thằng tù 500$ để nó làm hai cái võng đặc biệt này, ông không cho mày biết sợ mày giẫu. Khi đi hành quân ngủ bờ, ngủ bụi có nó đỡ lắm

và nhớ nghe con, hễ mỗi lần nằm lên võng là phải nhớ đến ông. Rán mà giữ "ngọc thể" nghe Hải.

– Mày về đi, bịn rịn ở đây làm gì. Cả trăm việc đang chờ cậu "Hai Râu" ở trại đó con ạ.

– Tao ở đây với mày cho tới lúc mày lên phi cơ. Sư mày, đang ngon trớn thì về, đéo hiểu rồi đây tao trửng giỡn với ai trên cái đảo này?

– Mấy thằng "thợ lái" ra rồi. Mày về đi.

Đột nhiên cả hai đứng nghiêm, chào nhau theo kiểu nhà binh. "Hải Khều" xiết chặt tay bạn, cánh tay trái bị thương khuỳnh ra khỏi thân người, cái mũ đỏ giắt ở cầu vai bị gió hất rơi xuống đất. Cái mũ mà "Hải Khều" coi là vật bất ly thân của ông, làm nên con người "Nhẩy Dù", cái mũ nổi bật giữa màu xanh của lính và màu nâu xám của tù, cái mũ làm cho "Hải Khều" tách hẳn ra khỏi đám đông. Cả hai cúi xuống lượm cái mũ. "Hải Khều" đập cái mũ vào người phủi bụi, ông đưa cho bạn một cách trịnh trọng và nói lẹ:

– Mày giữ lấy, thỉnh thoảng đội vào nhớ tao.

Người bạn lặng im không nói. Bóng "Hải Khều" để đầu trần chui vào lòng phi cơ tối om. Lòng thương bạn dâng lên, anh trở về chiếc jeep ngồi bất động nhìn mấy người cơ khí viên "check" lại máy bay. Anh lái xe chạy tới cuối phi đạo. Biển trời mênh mông. Còn đất, đất chỉ là một doi đất hẹp với hai giải cát vàng rực rỡ dưới nắng chiều, với những cây dương ngã rạp về một phía. Anh ngừng xe lại, nhìn chiếc phi cơ từ từ ra khỏi sân đậu. Từ chót cùng của doi đất này, anh nhìn chiếc phi cơ mang bạn tuốt lên cao, rồi khuất lấp cuối chân trời. Bóng anh cô đơn, lầm lũi dưới nắng chiều mỗi lúc mỗi nhạt dần trên hải đảo.

SĨ LIÊM

gió lay bông sậy

●

Chớ nghe quân tử nói ôn
Mà rồi có lúc ấm con một mình
Gió ngoài vàm kinh rung rinh bông sậy
Cảm thương nàng ở vậy nuôi con

Ca Dao

Tại sao lại gọi là cô Hai Mèo mà không gọi là cô Hai Bông, cô Hai Hường, cô Hai Huệ... gì gì nữa đó. Thật là đơn giản, dễ hiểu quá đi thôi, cô sanh năm con mèo, thay vì ông bà Ba Cổ Cò, ba má của cô, gọi là con Ổi, con Cốc, con Xoài, con Mận ở trong nhà thì gọi là con Mèo vừa đúng năm tuổi của cô, vừa lạ, vừa vui tai đối với hai ông bà. Thì dĩ nhiên đó là tên gọi ở trong nhà, còn tên trong khai sanh cô tên là Nguyễn thị Nguyệt Hoa. Cái tên này ông Ba Cổ Cò đã suy nghĩ nát óc, bể đầu trọn chín tháng mười ngày chứ đâu phải ít ỏi gì. Nhưng chắc có lẽ ông bà Ba Cổ Cò trình độ học vấn chưa đến đâu nên mới đặt cho cô Hai Mèo cái tên như vậy. Ngày còn nhỏ cô Hai Mèo lấy làm hãnh diện với cái tên Nguyệt Hoa của mình lắm, vừa có trăng thật mơ mộng, sáng sủa, vừa có hoa rực rỡ và thơm ngát. Trong sách thường dùng cái câu "*đi thưởng nguyệt ngắm hoa*" của mấy người giàu sang, đài các đó chi. Nhưng khi lớn lên, phần nhờ đến trường, phần vì những chàng trai độc miệng, ác mồm trêu chọc, cô Hai Mèo mới tá hỏa tam tinh cái tên cúng cơm của mình có nghĩa bóng là tà dâm, đĩ thõa.

Đố ai nằm võng không đưa
Ru con không hát anh chừa Nguyệt Hoa

Hay là

Giận bậu ưa chuyện Nguyệt Hoa
Đi ngang về tắt người ta lột trường
Không đánh bậu để bậu luông tuồng
Cầm roi đánh bậu thêm buồn dạ anh

Chèn ơi! đọc mấy câu thơ như vậy cô Hai thẹn thuồng đỏ mặt tía tai y như bông mồng gà, bông bụp. Cô bất mãn trong lòng, tại sao ba má mình đặt tên của mình có ẩn ý tà dâm như vậy? Cô chỉ tự thán chớ không dám nói chi với cha mẹ của cô một lời trách móc nào. Cũng tại cha mẹ cô không biết chớ nào phải lỗi tại ai? Cô thấy mình oan ức Thị Màu biết bao, phải chi cô là một con người dâm đãng, lăng loàn, hư thúi thì mang tên Nguyệt Hoa cũng đáng đời đáng kiếp đi. Đằng này lòng cô trong như giấy kiếng, sạch như áo mới giặt, mát như dưa hấu, dưa gang, tươi như rau thơm, rau quế mới cắt. Người và tên chẳng có đi đôi chút nào. Cô Hai Mèo từ đó sanh ra cái mặc cảm với cái tên của mình. Có ai hỏi cô tên gì, cô thẹn đỏ mặt và ấp a ấp úng: "Dạ em tên là Nguyễn thị... thị... thị..." – "Thị gì?" – "Dạ thị... thị... thị... Mèo!" Cái tên Nguyệt Hoa được cô giấu kín như mèo giấu cái nhau sau khi đẻ.

Cô giấu kín như mèo giấu nhau thì làm sao mà tôi biết được cơ chớ? Nhưng nào có đơn giản vậy? Tình tiết có lẽ như vầy:

Năm 1968, hồi đó gia đình ông bà Ba Cổ Cò ở ấp Phước Kế, quận Cần Giuộc đối diện cái "Thanh Tịnh Am" của ông bà Bảy *"Đạo Đời Song Tu"* cất lên để giúp đỡ kẻ nghèo hèn túng quẫn. Nhà tôi thì ở sau lưng vườn xoài, vườn ổi xum xuê của ông bà Bảy *"Đạo Đời Song Tu"*. Có nghĩa là nhà tôi cách nhà cô Hai Mèo không phải cái dậu mồng tơi xanh rờn mà cách cái "Thanh Tịnh Am" thù lù. Từ nhà tôi muốn sang chơi nhà cô phải đi vòng một bờ đê uốn rồng lượn rắn cả trăm thước, chung quanh có ruộng lúa thẳng tắp, có cỏ, có bò kêu um bò, um bò, có gà gáy ò ó o từng chập, từng chập. Với những cánh đồng quê trù mật như vậy một người què đi còn thấy hồn thơ bay bổng, huống chi là

một người có chưn tay đầy đủ? Nhưng muốn đi gần hơn thì cũng có đường đi gần hơn vậy. Đâu coi, từ nhà tôi nhảy một cái phóc qua khu vườn ông bà Bảy *"Đạo Đời Song Tu"*, tôi sẽ gặp một cái ao bọc chung quanh vườn nuôi cá tra, tới đó tôi phải cởi hết quần áo, ở trần ở truồng lội qua bên kia bờ. Thở một chút rồi tôi bận quần áo vô đàng hoàng tử tế, xong xuôi băng qua vườn xoài, vườn ổi khoảng năm phút sẽ gặp khu vườn tầm ruột, khế, chuối...

Tôi mến khu vườn này biết bao! Từ Thanh Tịnh Am đến nhà ông bà Ba Cổ Cò rồi đến xóm trên, dân chúng đều ăn nên làm ra. Vườn thì có cây cao bóng mát, sân nhà đều trồng bông, trồng cây kiểng. Trời nắng, họ đem bánh tráng, bánh phồng, lúa, nếp, cá khô ra phơi. Ngày mùa, họ đem nếp ra rang thiệt thơm rồi bỏ vô cối để giã cốm dẹp. Ai chớ cô Hai Mèo mà làm món cốm dẹp trộn dừa nạo, đường mía thì ngon kinh khủng. Nhà cô khá giả, nên má cô dạy cô các món bánh xưa. Khi nào tôi qua thăm, chém chết họ nếu không đãi tôi một cái bánh ít gói lá chuối đầu nhọn lẽu thì cũng có bánh quy trắng ngồn ngộn hay vài cục kẹo dừa nhai thiệt béo. Ở nhà ông bà Ba Cổ Cò, tôi còn mê líp trồng huệ trắng, mấy bụi bông trang vàng, mấy cây điệp bông đỏ. Bà Ba thường cắt bông cho tôi đem về để má tôi cúng Phật, má tôi được phước mà bà cũng được phước theo.

Mỗi lần tôi đi viếng cô Hai Mèo, lòng phơi phới như mọc cánh. Băng qua hết khu vườn tầm ruộc, khế, chuối, tôi gặp một cái hàng rào, chống tay nhảy qua là đặt chưn vô khu vườn của ông bà Ba Cổ Cò rồi đó. Tuy là gần hơn con đường đi vòng ngoài đê, ngoài ruộng, nhưng gian nan cực khổ hơn nhiều. Nhưng mà thôi, đi bằng con đường ngoài đê cho nó rồi. Làm biếng, làm nhác lạng quạng bị cá tra nó rỉa nát cái "phao câu" là thấy bà thấy tổ. Còn cái vụ nhảy rào nữa chớ, nhảy mà không khéo kẽm gai móc văng mấy kí lô thịt hoặc là bị cây cột tre đâm lòi phèo, lòi ruột, lòi mỡ sa ra, chết không kịp ngáp. Với lại, mấy cái hàng rào đó có cô hồn. Mà thiệt à nghen, cái hàng rào xung quanh vườn của ông bà Bảy *"Đạo Đời Song Tu"* nổi tiếng ác ôn lắm.

Lâu lâu có mấy tên Việt cộng leo rào vô bị lính Quốc gia của mình bắn chết nằm vắt ngang phơi thây hà rầm. Bởi vậy thế nào cũng có cô hồn. Ông bà Bảy *"Đạo Đời Song Tu"* có cúng kiếng, làm ma chay, làm phù phép để cho cô hồn đừng có phảng phất, phá quấy. Nhưng cô hồn Việt cộng đâu phải như cô hồn thường đâu. Tụi nó nổi tiếng là lì dai như đỉa, sức mấy nó chịu đi! Thôi kệ tụi nó! Tụi nó không muốn đi đầu thai thì cứ ở đó khuấy phá thiên hạ mang thêm tội.

Lúc đó ba tôi là thầy giáo trường làng ở Thuận Thành, má tôi là một bà mụ đỡ đẻ cho cái vùng Cần Giuộc. Bàn tay của má tôi đỡ đẻ phải nói là mát tay như tay tiên. Người ta có câu:

Đàn ông đi biển có đôi
Đàn bà đi biển mồ côi một mình

Nhưng má tôi mà đỡ đẻ thì chẳng có bà nào đi biển một mình hết ráo. Má tôi chỉ cần vỗ nhè nhẹ lên cái bụng chang bang của bà mẹ là đứa nhỏ chạy te te ra ngoài một cái rột. Do đó người trong ấp Phước Kế nói rằng: "Trong người của bà mụ có chất đường, chất ngọt nên con nít nó mới phóng ra lẹ như vậy". Người ta gọi má tôi là "bà mụ mật ong". Một đồn trăm, trăm đồn ngàn, xóm trên xóm dưới, làng đông chuyền qua làng tây, má tôi trở thành một danh nhơn lúc nào cũng không hay! Danh nhơn ở đây không phải nhờ danh vọng hay quyền cao tước trọng mà là nhờ người thương, kẻ mến. Vậy mà ngặt một nỗi ngược đời mới chết chớ, má tôi đỡ cho ai cũng mẹ tròn con vuông, còn lúc má tôi mang thai tôi thì bị "chửa trâu". Muốn đẻ mà đẻ không ra giống như bị táo bón vậy đó. Mấy bà già trầu lão làng phải chỉ cho ba tôi cái cách là lấy cái cọc đóng vô chum cái cối giã gạo. Không biết là nhờ vào cái cách ấy hay là cái gì mà chỉ độ tuần sau là tôi ra đời với người ta. Hú hồn hú vía, nếu không là tôi "ở tù trong bụng mẹ" và chết theo mẹ hổng chừng. Cô Hai Mèo cũng là do má tôi đỡ ra đó chớ. Cô còn nhờ món thuốc Phù Nhi tế gia truyền của ông ngoại tôi mà tươi tốt hồng hào.

Ba má tôi chơi rất thân tình với ông bà Ba Cổ Cò. Ông bà sống

với cái nghề làm ruộng, làm rẫy. Ông Ba chơi cờ tướng rất cao, hoành xa, trực xa, bình phong mã, liệt thủ pháo... ông rành sáu câu vọng cổ. Ba tôi đánh cờ cũng cao nên thường kiếm ông Ba Cổ Cò tỷ thí cao thấp. Dĩ nhiên là không thiếu một chai rượu đế và một đĩa tầm ruộc dầm muối ớt kế bên. Còn má tôi và bà Ba Cổ Cò thì hễ gặp lúc rảnh rang là đi nói chuyện thiên hạ ở đâu đâu, nghe nhức cái đầu. Ba tôi thường chế nhạo:

Mười ông làm chẳng nên non
Hai bà chụm lại núi giòn bể hai

Còn tôi với cô Hai Mèo thì chỉ biết chơi nhà chòi, thói thường tụi tôi chơi cái màn "võng anh đi trước, võng nàng theo sau", lúc nào tôi cũng sắm vai cô dâu (tại tôi lùn hơn) cô Hai Mèo sắm vai chú rể và bắt dế, câu cá, phá phách bậy bạ. Vui thì cũng vui, nhưng gây lộn với nhau hà rầm. Cô Hai Mèo tuy lớn hơn tôi ba tuổi, nhưng bọn tôi hạp tánh nhau lắm. Chắc có lẽ cùng một bà mụ móc miếng, chôn nhau cắt rún mới sanh ra cớ sự như vậy.

À quên nữa, nãy giờ tôi quên nói tại sao lại gọi ông Ba là ông Ba Cổ Cò? Có gì đâu? Cái cổ của ông Ba không biết tại sao mà nó dài hơn những cái cổ bình thường. Tôi nhớ có một bữa nọ gia đình tôi sang nhà ông bà Ba Cổ Cò ăn cơm trưa. Bà Ba Cổ Cò nấu món canh chua cá bông lau và món tôm kho tộ ngon ác liệt. Sau khi cả nhà ăn hết nồi cơm, trong lúc trà dư tửu hậu ba tôi giễu cợt:

– Anh Ba à! Chắc hồi nắm anh ngóng, anh đợi chị Ba dữ lắm nên cái cổ của anh mới quá khổ như vậy chớ gì?

Má tôi thì ngứa ngáy nghề nghiệp:

– Chắc lúc bác Sáu đẻ anh, bà mụ ở ngoài lôi ra, ở trong anh ghị lại chớ gì?

Cả nhà đều cười rần rần như cái chợ. Ông Ba Cổ Cò lắc đầu:

– Đâu mà có! Tại vì hồi nắm tui đâu có chịu cưới bả. Bả ép duyên tui, tui sợ, tui chạy. Ai dè bả rượt theo bả nắm đầu của tui lại. Tui càng cố vùng vẫy, bả càng nắm đầu kéo riết. Cho nên cái cổ của tui mới giãn ra đó chớ.

Bà Ba Cổ Cò ngồi gần đó ăn trầu, nghe những lời như vậy, bà hả cái miệng trầu đỏ lòm như miệng ác quỷ Dracula, rít the thé:

– Xí! thằng cha già mắc dịch! Chớ không phải hồi nắm ông chạy theo tui sát rạt, nài nỉ nắm tay tui cho bằng được. Nghĩ lại cái mặt ông lúc đó sao mà tơi tả như cái bao bố tời, dớn dác như mặt con gà mắc nước. Biết ông mà nói câu như vậy, lúc đó tui cho ông thành "nửa đời hương phấn" luôn.

Cả nhà thêm một trận cười bò lăn bò càng. Tôi và cô Hai Mèo ngồi gần đó dựa nhau cười muốn xỉu luôn. Tưởng đã xong, má tôi lại đào bới lên:

– Ốốốối chị Ba ơi! Đờn ông là vậy đó chị ơi! Ngày nào chưa cưới mình thì họ ngọt như mía lùi. Tới chừng mình vào vòng chồng vợ rồi thì họ chua như dấm, như chanh. Họ coi mình như mấy cái hũ mắm thúi, hột vịt ung vậy đó.

Ông Ba Cổ Cò cũng đâu có vừa, cũng mồm miệng đối đáp lắm:

– Chớ hổng lẽ lúc mới gặp nói: "Ê! Đồ con đĩ ngựa! Tao yêu mày". Nếu nói vậy mấy bà có chịu không, hay là chạy tét ghèn, chạy vắt giò lên cổ?

Tôi và cô Hai Mèo khoái quá vỗ tay kêu đôm đốp. Ai nấy đều cười với lời nói của ông Ba Cổ Cò. Ba tôi vỗ đùi phành phạch:

– Chí lý! Chí lý!

Má tôi nhìn bà Ba Cổ Cò lắc đầu:

– Đó chị thấy chưa? Huyện binh huyện, phủ binh phủ đó

Hồi nào chưa cưới được mình
Mình ho khúc khắc, ảnh đồng tình ho theo...

Bà Ba Cổ Cò ngó chồng lườm lườm, ngắt lời má tôi:

– Chị nói đúng quá. Bởi vậy ông bà mình còn nói câu nữa là:

Mực bôi lên giấy khó chùi
Vào vòng chồng vợ, ảnh coi tui như cục ghèn

Đờn ông là như vậy đó. Phận đờn bà mà lấy chồng rồi như giấy dính mực, bôi cạo không được, nên bọn đờn ông mặc sức

mà húng hiếp mình... Đờn ông thôi vợ, cưới vợ khác dễ ợt. Còn đờn bà tụi mình rủi chồng chết đi, mình bước đi bước nữa cũng khó lắm... Tui nghĩ tui tủi lắm, chị à.

Ông Ba Cổ Cò rên rỉ:

– Khi không khi khổng, mấy bà đem đờn ông ra mà hài tội. May mà tui cưng tui quý bà. Rủi mà tui thất thố điều gì, chắc bà gài mìn ba râu, mìn cờ lây mo (claymore) giết tui, cho xác tui tanh banh như xác pháo.

Ai nấy nghe xong đều cười rũ rượi. Ba tôi chưởng thêm má tôi và bà Ba Cổ Cò:

– Đờn bà là phải chiều chồng. Có câu ca dao như vầy:

Tay tui vuốt lưng chồng, tay tui bưng chén rượu
Lấy một con vợ quèn, anh thấy đủ hay chưa?

Lúc đó, tôi không hiểu rành rọt mấy về câu chuyện người lớn cùng ý nghĩa mấy câu ca dao. Nhưng thấy vẻ mặt hí hửng của ba tôi, vẻ dúc dắc của ông Ba Cổ Cò nên tôi ngó cô Hai Mèo cười ha hả. Cô nguýt tôi thật bén ngót như lưỡi lam cạo râu, mặt mày cô chù ụ như cái cối xay lúa. Ông Ba Cổ Cò kéo tôi lại gần, vuốt tóc tôi, bảo:

– Thằng này lớn lên thì phải biết. Con nhà tông không giống lông cũng giống cánh.

Nói xong, ông quay qua nhìn cô Hai Mèo, đọc lớn:

Chớ nghe quân tử nói òn
Mà rồi có lúc ẵm con một mình

Nhớ câu đó nghen không con!

Cô Hai Mèo nhìn cha, ré lên: "Ba thiệt!" rồi đỏ mặt. Tôi chạy lại gần cô Hai Mèo, khều cô hỏi nhỏ:

– Ê, chị Mèo nè! Hai câu đó là nghĩa gì vậy?

Cô Hai Mèo nhìn tôi má đỏ ửng au au, mắt ướt rượt có vẻ thẹn thùa lắm. Cô lắc đầu:

– Tao đâu có biết!

– Vậy sao chị cự nự với bác Ba?

– Thì tao cự nự ẩu vậy mà.

– Vậy mà tui tưởng chị hiểu chớ!

Cô khẻ lên đầu tôi rất nhẹ, miệng nhiếc: "Đồ quỷ! Đồ yêu lồi gì đâu. Con trai mà tò mò không tốt".

*

Cuộc đời đúng là chuỗi sinh ly tử biệt. Ba tôi được thuyên chuyển lên Sàigòn dạy học. Trước ngày bỏ ấp Phước Kế lên Sàigòn. Tôi và cô Hai Mèo đứng ở ngoài hàng ba nhìn nhau rươm rướm nước mắt. Cô Hai Mèo hỏi tôi, cặp mắt buồn dàu dàu như chực khóc:

– Mầy đi chừng nào về vậy Trí?

Tôi lắc đầu, giọng tôi run rẩy, nếu tôi không kềm lòng, nó sẽ òa thành tiếng khóc:

– Tui đâu có biết!

– Mầy lên Sàigòn ở đâu vậy?

– Tui đâu có biết!

Cô Hai Mèo tỏ vẻ thất vọng:

– Sao cái gì mầy cũng hổng biết hết trơn hết trọi vậy?

– Tại tui có biết cái gì đâu. Chị hỏi tui chị hỏi cây cột còn sướng hơn.

Cô Hai Mèo nhìn tôi cười, ngập ngừng:

– Mầy đi mầy có... nhớ tao không?

Tôi mắc cỡ đỏ mặt:

– Sao lại không nhớ?

Khi có tâm sự buồn, mắt cô Hai Mèo trông thật đẹp, ướt rượt và có vẻ nghĩ ngợi xa xôi. Cô hỏi:

– Vậy mầy có dìa thăm tao không?

– Biết đường đâu mà dìa?

Cô Hai Mèo ký nhẹ lên đầu tôi:

– Mầy sao ngu quá. Nói chuyện với mầy mệt ghê!

Tôi gãi đầu rồi lôi trong lưng quần xà lỏn ra tấm hình của tôi gói trong tờ giấy nhựt trình đưa cho cô Hai Mèo:

– Tui cho chị nè. Chừng nào chị nhớ tui chị lấy ra coi.

Cô Hai Mèo cầm lấy tấm hình săm soi:

– Hình chụp hồi nào vậy nè?

– Hồi nẵm!

– Hồi nẵm là hồi nào?

– Hồi năm ngoái đó. Chị thấy đẹp hông?

– Thì cũng như mầy ở ngoài đời vậy thôi.

– Chị có hình, chị cho tui một tấm làm kỷ niệm đi.

– Mầy đợi tao một chút nghen!

Nói xong cô Hai Mèo chạy lẹ vào nhà. Tôi đứng lại một mình, thấy trái ổi gần đó, tôi hái rồi nhai nhóp nhép cho đỡ cơn sầu muộn. Chưa ăn hết nửa trái ổi thì cô Hai Mèo đã trở ra đưa cho tôi một tấm hình nhỏ như làm thẻ căn cước, mắt cô đỏ hoe, rõ ràng là cô vừa chùi nước mắt. Cô khóc vì sắp xa tôi hay vì tiếc tấm hình. Cô nói:

– Cho mầy đó. Nhớ giữ kỹ nghe chưa! Làm mất tao bắt đền đa.

Tôi đưa trái ổi cho cô Hai Mèo cầm giùm, tôi lấy ảnh bỏ vô tờ giấy nhựt trình gói lại cẩn thận.

Lúc tôi ngước lên thì thấy cô Hai Mèo vừa ăn phân nửa trái ổi của tôi vừa khóc, nước mắt chảy đầm đìa. Tôi bỗng mếu rồi khóc theo.

Buổi chia tay tôi chỉ còn nhớ tới đoạn đối thoại đó mà thôi. Chiều hôm ấy gia đình tôi đi miết lên Sàigòn. Thời gian đó tôi được mười ba tuổi, cô Hai Mèo đã mười sáu. Nhưng tôi biết tôi đã thầm yêu, trộm nhớ cô ta, mặc dầu tôi kêu cô ta bằng chị. Tình yêu đâu có phân biệt cái gì. Yêu mà phân biệt thì chưa phải là yêu. Và làm sao tôi quên được mùi lá bồ kết trong mái tóc mềm mại, óng ả của cô hôm đó? Và từ chiếc áo bà ba bằng lụa

tím của cô, mùi long não và mùi da thịt của cô tỏa ra, thấm sâu vào khứu giác tôi, một mùi thân mật, ấm áp, khó mà quên! Tôi thường lấy bốn câu thơ của TTKH mà sửa lại nỗi lòng của mình:

Tôi vẫn nghe bên cạnh cuộc đời
Mùi hương thiếu nữ xóm làng quê
Mà từng thu chết, từng thu chết
Mãi nhớ trong tim bóng một người

❦

Khủng khiếp! Cái Paris tuy nổi tiếng là một thủ đô có ánh sáng muôn màu chói chang, rực rỡ với Gare de Lyon đèn vàng, với Tour Eiffel cao nghều nghệu, nhưng cái thân phận đờn ông, con trai qua đây thật là nhỏ bé, đen thủi đen thùi, đen còn hơn cái mõm chó, hơn cột nhà cháy. Cụ Tản Đà có nói: "Văn chương hạ giới rẻ như bèo!" Sĩ Liêm tui thì nói: "Đờn ông hải ngoại rẻ như bèo!" Quần áo, tủ bàn bán "solde" thì bán chạy như tôm tươi, còn đờn ông "đại hạ giá" cho đến tận cùng hoặc bí quá cho luôn cũng chẳng có ma nào thèm lấy. Họ chỉ biết chổng mông mà gào lên: "Ế gì mà ế thui ế mốc nè trời?" Đây là một thảm cảnh "Ế" tàn khốc nhất lịch sử của thanh niên Việt nam tỵ nạn ở hải ngoại. Ai là người viết sử sau này phải dùng một chương dài để ghi lại thảm cảnh "*Ê sắc ê*" này. Nếu không đề cập đến là một điều thiếu sót to lớn. Đồng ý cái "ế" là chuyện thường tình xảy ra, mười người, ế ba bốn còn châm chế, chớ có đâu mười đã hết chín ế rồi. Chịu đời sao cho thấu?

Chương cũng là một phần tử ế trong một bầy "con trai ế" của Paris này. Hãy dùng một câu chính xác hơn cho hắn là "*Chương ế nửa chừng xuân*" thì đúng hơn. Tại sao gọi là "*Chương ế nửa chừng xuân*". Vì hắn là một thằng đờn ông có vợ và hai con. Vợ con hắn còn kẹt lại ở bên nhà. Đờn ông ai mà chung thủy bao giờ. Ông nào ông nấy đều mang một bầu nhiệt huyết "lăng loàn, trắc nết" ở trong huyết quản. Cứ có dịp xổng chuồng là họ chạy đi kiếm ổ mới để ấp. Cô nào mà không tìm rõ dĩ vãng của tên Chương mà trao thân gởi phận là trao trứng cho ác. Đưa cho hắn

ấp là cô ta đẻ, chửa thấy mẹ luôn. Sau đó vợ con hắn qua, hắn sẽ vỗ cánh khỏi ổ bay về với tình xưa lối cũ, cô ta chỉ còn có nước "ở giá nuôi con"...

Qua tới Pháp, chưa kịp xoay trở thì cô Hai Mèo đã rơi vào vòng tay đểu giả của tên Chương rồi. Âu đây cũng là số kiếp đen đủi mà cô Hai Mèo phải lãnh. Khó mà cưỡng lại được ý trời! Nếu cô cưỡng lại được thì sau này tôi đâu có đau khổ khóc thầm?

Câu chuyện xảy ra thật là bình thường. Nó bắt đầu bằng một chữ "Ế" to tướng ở trong đầu tên Chương. Hắn tìm đến trại tiếp cư người mới đến ở Créteil. Dĩ nhiên là hắn phải "ăn mặc bảnh bao, mày râu nhẵn nhụi", mướn một chiếc Toyota De Luxe bóng lưỡng để *"mà"* mất dân mới tới. Hắn là người có bằng cấp tiến sĩ thất nghiệp lâu đời, tiền trợ cấp chỉ đủ cho hắn ăn xài chớ đâu đủ cho hắn tậu xe sang, xe đạp với thiên hạ. Không lẽ đi cua gái mà vạch lưng lên nói: "Tui là thằng tiến sĩ thất nghiệp. Sáng mì gói, trưa phở gói, tối hủ tiếu gói?" Chương ta dẫu ngu cái gì ngu chớ cái vụ cua gái thì hắn khôn thấy mồ tổ. Đương nhiên hắn nói hắn là kỹ sư điện tử, lương một tháng mấy chục ngàn quan. Ai mà không tin cho được chớ, nhứt là những cô gái mới qua đâu có biết ất giáp gì đâu. Nhìn hắn kìa: Áo vest xanh đậm, chemise trắng thắt cà la hoách, tay cầm samsonite (bên trong toàn là giấy nợ!). Ôi chao! Đúng là một vị hoàng tử của Vương quốc Ba lê. Một ý trung nhân trong mộng của lòng các nàng! Mấy cô gái mới qua bu hắn như ruồi bu múi mít, hỏi han hắn đủ điều. Hắn tha hồ mà nói dóc sướng cái miệng. Hắn cảm thấy chưa bao giờ được nói dóc đã đời như hôm nay. Và từ ngày qua Tây tới bây giờ chưa có khi nào mà một bầy con gái xúm xa xúm xít bên cạnh mình. Hắn cố gắng dùng cái lỗ mũi hít thật mạnh những mùi thơm da thịt pha lẫn mùi khen khét của các cô, cái mùi nắng gắt những ngày các cô ở đảo tỵ nạn. Mùi đặc biệt ấy vô đầy buồng phổi của Chương vốn dĩ từ lâu chỉ chứa toàn mùi mì gói. Một hai cái mùi hôi nách thoang thoảng làm cho hắn rùng mình bợn dạ. Không nên tỏ vẻ khó chịu nơi đây khi mà các con bướm trắng vẫn còn ve vãn lượn chung quanh, Chương chỉ hỏi mấy cô

gái đứng đối diện, xấu xí có, tàm tạm có, lạt lẽo có, còn đẹp thì không:

– Cô qua đây với ai?

– Dạ em qua với ba má.

(*Qua với ba má, dẹp*!)

– Còn em này, em qua với ai?

– Dạ em qua với anh em.

(*Qua với anh em, dẹp*!)

– Em này qua với ai?

– Dạ em qua một mình

Hắn chồm tới:

– Có thân nhân gì bên này không?

– Dạ có! Anh chị của em bên này đông lắm!

(*Có thân nhân bên này, dẹp luôn*!)

– Còn em? Em mặc áo trắng đó...

– Dạ, em qua một mình ên!

– Có một mình?

– Dạ, có một mình. Phải chi được hai thì cũng lạy.

– Không có thân nhân?

– Dạ không. Em tứ cố vô thân, một mình trụi lủi, trụi lơ hà.

Hắn nhìn cô gái từ đầu đến chưn. *Xấu như Chung Vô Diệm, dẹp luôn!*

Vậy là hết ráo rồi! Còn con ma nào nữa để cua bây giờ? Không lẽ vác con Chung Vô Diệm này về. Ở với Chung Vô Diệm thà ở một mình còn hạnh phúc hơn. Cô ta lúc thức còn như vậy, huống chi là lúc ngủ đầu tóc bù xù chắc là không thua con ma đội mồ. Đồng ý là cái nết đánh chết cái đẹp, nhưng mình đi tìm đẹp chớ đâu có đi tìm nết. Không đẹp lắm thì cũng phải vừa vừa, phải phải chớ đâu có mà quá tệ như vầy. Biết rằng mình đang ế xơ, ế xác, nhưng không lẽ vì vậy mà mình túng thế quơ đại? Đâu để nhìn kỹ con bé lại một chút nữa coi: Con mắt bồ câu lé, mũi

dọc dừa phình ra hai bên, cái môi trên bị mẻ, cái môi dưới thù lù tím ngắt như cục thịt bò thiu, cái mặt thì dẹp lép như bị xe hủ lô cán, tóc tai bù xù như con mẹ điên. Ý thấy ghê quá! Rùng mình hết trơn, càng nhìn kỹ cô ta càng giống con "Bulldog" chớ chẳng có một nét đẹp nào phảng phất, chẳng có một cái gì đáng gọi là khêu gợi, vai u thịt bắp bằng chứng của một thời gánh nước mướn, bộ ngực ô mê ga như hai cái hột gà ốp la, từ trên xuống dưới suông đuột như cái thùng phuy, tay cục mịch như tay một người thợ sửa xe hơi. Còn cặp nách nữa chớ, cái mùi hôi nãy mình đánh hơi được chắc là từ hai cái "*ổ chuột chù*" đó phát xuất ra. Nằm gần cô ta, lỡ mà cặp nách đó gác lên đầu, tóc rụng không còn một sợi, có thể là bị lột da đầu cũng không chừng. Mấy cô kia coi bộ tạm được hơn, ngặt có thân nhân bà con, cha mẹ đi kèm thì làm sao mà "tìm đất cắm dùi". Thật là tiến thối lưỡng nan. Công trình mướn cái xe mấy trăm đồng bạc chứ ít ỏi gì. Về thì tiếc, ở lại chẳng liếm mắm, liếm muối được gì. Hay là mình đợi đợt sau sẽ có nhiều cái "múi mít" tươi rói hơn nhiều? Tên Chương vừa nghĩ đến đây thì cô Hai Mèo xuất hiện ngoài cửa. Cặp mắt của hắn đang ở tình trạng hoàng hôn ngả bóng dưới rèm mi bỗng chuyển sang hai ngọn đèn pha cực mạnh chiếu thẳng vào khuôn mặt rạng rỡ của cô Hai Mèo. Con tim của hắn đánh thình thịch. Lòng hắn như mở quạt, mở cờ. Con này khá nhất trong đám con gái lu câm, lu lét, lu mờ. Hai Mèo hôm đó mặc cái robe màu trắng, cái áo tay cụt màu "*đỏ boọc đô*", cái áo do ban tiếp tế trại tiếp cư Créteil phát cho. Lúc đó Paris vào mùa hạ. Cái áo cụt tay, cổ rộng bày màu da nâu hồng ấm áp của cô Hai Mèo làm tên Chương đặt thơ soạn nhạc thầm trong đầu. Hắn thay trong lời thơ, lời nhạc hai tiếng "*dẹp luôn*" bằng hai tiếng "*đẹp ghê*". Cô gái đứng bên bồn trồng bông hường màu gạch. Áo này, màu da nọ, màu bông kia, cái robe đó, đúng là cuộc chơi màu sắc hài hòa, *ton sur ton*. Nếu nói cô Hai đẹp "*như tiên*" thì hơi quá đáng, mà nói đẹp "*thua tiên*" cũng không đúng. Phải nói là cô Hai Mèo có một nhan sắc nằm ở chính giữa chữ "*thua*" và chữ "*như*". Tôi không biết phải tả như thế nào cho thật chính

xác, vậy quý bạn cứ tưởng tượng theo cái nhìn của quý bạn trước một người con gái có dung nhan ở giữa chữ "*thua*" và chữ "*như*" cho khỏi mất thì giờ của kẻ viết và người đọc. Người ta thường nói "*má hồng phận bạc*" thật đúng với cô Hai Mèo.

Chơn tui dậm xuống đất
Miệng tui cất tiếng kêu
Anh với tui thề thốt cũng nhiều
Giờ anh phụ rẫy, tui cũng liều thân tui
Gió ngược gió xuôi, gió chui đám sậy
Tủi cho nàng lấy bậy chửa hoang

Thúy Kiều vì muốn cứu cha mình mà phải bán mình cho Tú Bà rồi rơi vào tay Mã Giám Sinh. Cô Hai Mèo vì Cộng sản phải bỏ ông bà Ba Cổ Cò mà vượt biển tìm tự do để rồi rơi vào tay "*Mã Giám Chương*". Thúy Kiều với cô Hai Mèo, tuy là mỗi người ở một thời đại. Từ thời đại phong kiến cho tới thời đại bom nguyên tử, đờn ông, con trai lúc nào cũng muốn gạt gẫm đờn bà con gái. Nhưng Thúy Kiều vẫn còn sướng hơn cô Hai Mèo ở một điểm là Thúy Kiều còn quê hương xứ sở, còn cô Hai Mèo đã mất quê hương, cô đơn ở xứ lạ quê người.

Tên Chương sau khi gặp cô Hai Mèo ở Foyer Créteil, một người con gái đẹp như vậy hắn đâu có bỏ qua. Thế là hắn xúc cổ họng ca bài "*con cá sống vì nước, hắn sống vì tình*". Phần cô Hai Mèo mới qua Tây chưn ướt, chưn ráo, nhìn cảnh mây nước nhớ quê hương, nhớ ông bà Ba Cổ Cò, cô cảm thấy đời bơ vơ, bồng bềnh như lục bình trôi không biết nương tựa vào bến bờ nào. Phần tên Chương nói dóc hay quá, hắn ăn cả tấn đường phèn, cả tấn mật ong nên giọng nói thật là ngọt ngào tình cảm. Cô Hai Mèo từ nhỏ sống ở đồng ruộng thật thà chất phác đâu có biết lòng dạ của bọn đờn ông ở thị thành. Ở đời, ai mà không ham ngọt ghét chua? Vì vậy nên chỉ trong vòng một tuần lễ cô Hai Mèo "*lòng trong như đã mặt ngoài còn làm nghiêm*". Tên Chương là một thằng đờn ông có vợ hai con, nên tâm lý của đờn bà con gái hắn nắm trong tay chắc như bắp, nhìn sơ qua, hắn đã

biết cô Hai Mèo "*chịu đèn*" hắn quá rồi. Cô Hai Mèo "*chịu đèn*" hắn không phải vì cái mảnh bằng kỹ sư điện toán (dỏm) hay mấy chục ngàn lương tháng (dỏm) của hắn. Cuộc đời cô sống ở đồng quê đâu có biết kỹ sư điện toán là cái gì. Cô nghĩ kỹ sư điện toán chắc là hơn thằng chăn trâu ở Cần Giuộc một chút xíu thôi! Còn vấn đề tiền bạc cô đâu có để ý, ở dưới quê đâu có cần xài tiền nhiều. Cô "*chịu đèn*" hắn vì thấy hắn lịch sự, ăn nói dịu dàng, ngọt ngào, hắn nuông chiều cô đủ mọi thứ hơn hẳn mấy tên làm ruộng, chăn trâu ở Cần Giuộc ăn nói như dùi đục chấm mắm nêm, như dao phay chém xuống thớt. Còn tên Chương thì khôn ngoan đáo để có thừa, hắn dùng chiến thuật vết dầu loang, ăn chắc mặc bền, con dê trong người của hắn, hắn nới lỏng giây từ từ chớ không có thả cho nó chạy tùm lum bốc hốt ẩu tả. Hắn cố gắng tạo cho mình một lớp quân tử, anh hùng mã thượng. Hắn dẫn cô Hai Mèo đi "Tati", một cửa hàng bán đồ rẻ thúi, rẻ sình, sắm quần, sắm áo, sắm giày cho cô. Cô Hai Mèo thấy cửa hàng "Tati" rộng lớn tưởng là cửa hàng sang trọng đắt tiền nhứt nước Pháp. Còn ăn uống thì hắn không dẫn cô vô Mac Donald như tên Thiệu trong "Nước Đục" của nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn, hắn hay hơn nhiều, hắn dẫn cô đi ăn "*Restaurant du Coeur*" (tạm dịch là Nhà hàng Phước thiện) do cố nghệ sĩ Coluche sáng lập để giúp những người nghèo khổ, ăn mày, ăn xin... ăn miễn phí. Cô Hai Mèo đâu có biết, cô thấy sao mà những người vô nhà hàng này phần đông là khố rách áo ôm thì cô hỏi tên Chương:

– Sao mà nhà hàng này ăn mày đông quá vậy anh Chương?

Tên Chương trả lời ngon ơ:

– Đâu phải ăn mày, đó là những nhà nghệ sĩ giàu xụ, lâu lâu tìm không khí vui nhộn, chốn ăn chơi có vẻ văn học nghệ thuật vậy mà. Nhà hàng này văn nghệ hay nhứt ở Paris, sức mấy mà ăn mày vô đây được em. Vô đây là phải có thẻ, hoặc quen biết ông chủ nhà hàng như anh đây.

– Mèn ơi! Thiệt vậy hả anh! Phải rồi, chốn văn nghệ văn gừng thiên hạ đâu thèm khoe khoang cái mã bề ngoài.

– Ờ, em nói đúng đó. Anh cũng thường giả ăn mày để tìm không khí nghệ sĩ hoài. Chuyện như vậy bên đây là thường. Người Tây họ gọi là Déguiser (hóa trang).

– Vậy hả! vậy bữa nào anh đề... đề... đề...

– Déguiser!

– Ờ đề ghi dê cho em nghen!

– Được rồi! Bữa nào anh sẽ hóa trang cho em!

Cô Hai Mèo ngây thơ đến đỗi làm cho tên Chương sướng run. Vì cô càng ngây thơ bao nhiêu càng dễ dụ bấy nhiêu.

Hắn dẫn cô Hai Mèo đi chơi và chụp hình cho cô tứ tung. Cô Hai Mèo thấy Tour Eiffel cứ đứng nhìn sững hoài. Tên Chương chỉ cái tour nói với cô Hai Mèo:

– Cái Tour Eiffel này là anh xây đó!

Cô Hai Mèo ngó tên Chương kinh ngạc:

– Cái tháp đó anh xây đó hả?

– Ờ, em thấy tháp vĩ đại không?

– Sao mấy người ở trong "pho dê" (Foyer: trại tiếp cư) nói cái tháp này có lâu rồi mà?

– Em đừng có nghe mấy người đó. Họ mới qua, họ đâu có biết cái gì. Số là cái tháp này trước kia nhỏ xíu chỉ có một từng. Trong thời kỳ đệ nhị thế chiến, máy bay đồng minh oanh tạc nó, nên nó hư hao khá bộn. Cách đây bảy năm, chánh phủ Pháp tuyển chọn kiến trúc sư tu bổ cái tháp. Anh là kiến trúc sư thi ra trường đậu hạng ưu, nên được chọn vẽ kiểu tháp cho bự và thêm một từng nữa... Chuyện này em nên giữ bí mật. Cộng sản ở Paris mà biết anh giỏi tài kiến trúc, tụi nó dám bắt cóc anh đem về bên Việt nam để phục vụ cho tụi nó vẽ lại kiểu lăng tên Hồ Chí Minh lắm đa.

Rồi tên Chương nhìn lom lom vào khuôn mặt bơ ngơ báo ngáo của cô Hai Mèo, cất giọng vừa êm đềm vừa van lơn:

– Em hiểu chưa? Em thề cho anh yên tâm đi!

– Hiểu rồi! Ngộ quá hén anh? Em xin thề...

*

Tôi vỗ tay lên đùi đánh chát khi nghe xong câu chuyện:

– Hai bác tu nhơn tích đức, chị ăn ở hiền lành, vậy mà sao chị gặp thứ chó má gì đâu.

Cô Hai Mèo rưng rưng nước mắt:

– Chị đâu có biết ất giáp gì đâu. Bây giờ chuyện đã lỡ rồi, chị mới thấm thía câu *"Chớ nghe quân tử nói ôn. Mà rồi có lúc ẵm con một mình"* mà ba má chị nói hồi sáu bảy năm về trước là đúng. Ngày xưa Trí hỏi chị có hiểu câu đó không, bây giờ chị hiểu thì chị phải trả giá rất mắc.

Tôi nhớ lời người đã bảo tôi
Một mùa thu trước rất xa xôi
Đến nay tôi hiểu thì tôi đã
Làm lỡ tình duyên cũ mất rồi

Tôi thở dài thườn thượt:

– Rồi tại sao hắn bỏ chị vậy?

Cô Hai Mèo đưa tay quẹt nước mắt:

– Chị có bầu được ba tháng thì vợ con của hắn tới.

– Tổ mẹ cái thằng khốn nạn! Tui mà bắt được nó, tui đập cho nó biết tay.

– Cũng lỗi tại chị hết. Tại chị hốc tốc, không dè trong lóng đục nên mới chịu thiệt thòi. Chị hận ghê lắm, cho nên chị mới đặt tên cho nó là Trường Hận đó chớ!

Vừa lúc đó bé Trường Hận con của cô Hai Mèo khóc ré lên trong phòng. Cô Hai Mèo chạy vô dỗ con. Tôi ngồi ngoài phòng khách mà đau nhói trong lòng. Mấy năm dài tôi vẫn còn yêu cô Hai Mèo như hồi tôi mười ba tuổi khi rời ấp Phước Kế. Bây giờ biết phải làm sao đây? Không lẽ để cô Hai Mèo "ở giá nuôi con" cho đến suốt cuộc đời? Tôi muốn đổi mối hận cô Hai Mèo thành niềm quên lãng, bao dung và làm khai sanh lại cho bé Trường Hận, đổi tên nó là Hạnh Phước.

CHEO REO

chuyện tình viết lại

●

Đây là một câu chuyện tình. Tiếc là không phải một thiên tình sử ướt át hoặc thương đau gì hết. Dù sao đi nữa phần của câu chuyện có chút tình yêu đôi lứa. Hấn chiêm ngưỡng buổi sáng nắng ngợp trời ngoài khung cửa sổ và tự nhủ, tại sao không? Sao không viết cái gì đó có dính líu chút xíu tình cảm? Văn chương và con người hấn đã khô khan quá rồi. Trời thật xanh, mây trắng lửng lơ, cây lá xanh, hoa cỏ. Phải, tại sao không? Hấn quay trở lại ngồi trước bàn, hơi vội vã.

Bối cảnh sẽ không giống như quanh khu hấn ở với những căn nhà cổ xưa xinh xắn lợp mái ngói, đá rêu phong. Không, chuyện sẽ xảy ra ở một khu phố huyên náo hơn, giống như khung cảnh ngoài cửa sổ. Hấn cho máy computer lập lại đoạn tả cảnh. Trời thật xanh, mây trắng lửng lơ, cây lá xanh, hoa cỏ. Không được, có lẽ hấn phải làm cho đoạn này phong phú hơn. Dĩ nhiên là thật khó mà diễn tả cho hết được bầu trời cao trong trẻo, màu xanh sâu vô cùng, sâu đến nỗi làm hấn có cảm tưởng bị trùm ngợp ban sáng khi hấn bước từ xe vào văn phòng, gió ban mai rờn rợn da, chỉ đủ lạnh để cảm thấy ánh mặt trời ấm áp thật tuyệt. Nắng màu mật ong làm hấn say ngất ngây như con ong nhỏ bên những cây hoa mimosa nặng trĩu hoa vàng. (Chuyện con ong say có phải vì mimosa hay không thật chẳng quan trọng).

Nhân vật chính dĩ nhiên là Chàng và Nàng (viết hoa). Từ chỗ đang ngồi trong văn phòng lớn người ra vô không ngớt này, hấn có thể thấy Chàng đưa Nàng ra cửa. Hình như Chàng chỉ vừa tiếp chuyện Nàng khoảng năm mười phút gì đó. Hấn lầm, cách Nàng bước vội ra cửa và Chàng hấp tấp theo sau cách năm ba bước chỉ có nghĩa là Chàng đang đuổi theo Nàng khi Nàng đột ngột bỏ đi. Nàng khép cánh cửa kính lại sau lưng. Chàng bước

tới cửa, bàn tay trên nắm cửa hơi ngần ngừ rồi quyết định đuổi theo. Gót giày Chàng gõ trên hè hơi lớn tiếng. Được khoảng mươi bước, hình như Chàng có gọi nhỏ tên Nàng. Nàng đứng lại ngay. Từ chỗ hắn ngồi sau bàn giấy, hắn phải nghiêng người và rướn cổ thật dài mới nhìn thấy được hai người và không nghe được gì cả. Hắn phải thật cẩn thận mới được, nhân vật của hắn không thích bị quấy rầy.

Nàng dáng người đầy đặn cao ráo, có lẽ cao phải gần bằng Chàng, mặt trái soan thanh tú, tóc chải ngược hết ra sau, hơi quá vai. Nàng không đẹp lộng lẫy nhưng những nét còn sót lại của một thời son sắt đã qua chưa lâu lắm cũng đủ để đóng vai Nàng. Nàng chỉ chờ tiếng Chàng gọi nhỏ để dừng lại, đầu cúi nhìn vỉa hè, chờ đợi. Chàng hình như chẳng biết nói gì, Chàng ngập ngừng tìm lời, cảm thấy khó khăn, nhìn xuống đôi giày mình đang xoay ngang xoay dọc trên thềm xi măng, miệng tự nhiên thốt ra những lời vỡ vụn, vô nghĩa. Nàng cảm thấy không khí không có vẻ tình cảm lãng mạn lắm, sau mười lăm giây lại quay lưng bước đi. Lần này, Chàng không gọi nữa, hơi ngập ngừng nhưng lại bước vội theo níu tay áo Nàng. Thêm một lần nữa, hai nhân vật diễn xuất thật vụng về, không biết xử trí ra sao. Hình như Nàng khóc. Không, mắt Nàng chỉ hơi đỏ và ươn ướt nhưng Nàng quyết định bỏ đi. Chàng cũng quyết định không đuổi theo nữa. Bóng Nàng khuất nhanh trong dòng người trên đường phố...

Hắn nghĩ đây ắt hẳn phải là đoạn cuối của một chuyện tình. Chàng, sau nhiều phen do dự, đã quyết định phải chấm dứt mọi chuyện, quyết không để mối liên hệ giữa họ làm cho Chàng khổ nữa. Hắn có cảm tưởng rằng dù Nàng là người tìm tới gặp Chàng, thực ra Chàng mới là người đang đau khổ (nếu cả hai người đang đau khổ thì Chàng ắt phải đau khổ hơn), đang tìm mọi cách để thoát ra khỏi "móng vuốt của Nàng".

Dĩ nhiên hắn không biết được duyên cớ đưa đến sự đoạn tuyệt giữa Chàng và Nàng mà hắn cũng chẳng buồn thắc mắc tìm

hiểu, hoặc cố gắng tưởng tượng ra để chuyện tình thêm phần éo le. Hắn đã từng nghe chuyện một nhà văn nổi danh nọ dần dần bị bạn bè và người quen biết xa lánh vì họ nhận thấy chân dung của mình lồ lộ trong những tác phẩm của ông ta, những tình cảm, những ngóc ngách riêng tư thầm kín được phân tích thật sâu sắc, phơi bày trước công chúng một cách rõ ràng đến lố bịch. Hắn không e ngại việc mình có thể bị Chàng và Nàng tìm tới rầy rà vì một chuyện tương tự như vậy nhưng thiên hạ có thể có muôn ngàn lý do để xa nhau, thật là vô ích để đi sâu vào chi tiết. Dù cho Chàng và Nàng không giữ bản quyền cuộc đời mình, hắn cho rằng mình không nên phiêu lưu xa quá vào cái vùng bí mật nơi chất chứa những tình cảm sâu kín thiết tha nhất của họ chỉ vì sự nghiệp văn chương của chính hắn.

*

Hắn vào nhà kho tìm được chiếc máy cassette nhỏ cũ kỹ đã lâu không dùng bụi bám đầy. Hắn lau chùi thật cẩn thận. May quá, lại có cả pin nữa. Vốn là xe hắn chưa hề có radio cassette gì cả nhưng hôm nay hắn quyết định phải có một chút âm nhạc cho đỡ buồn trên đường đến sở nên đành phải mang theo chiếc máy này vậy. Chiếc máy vỡ đâu sứt tai như vầy có để luôn trên xe chắc cũng chẳng ai thèm lấy.

Chiều hôm qua cuối tuần vào tiệm sách, tình cờ hắn lần tới trước nguyên một kệ sách viết về những phương cách chống "depression" – gì nhỉ, chán nản, ngã lòng, buồn rầu, phiền muộn. Có cả ngàn lẻ một cách để khơi chán – nản – ngã – lòng – buồn – rầu – phiền – muộn. Thì ra không phải ít người thường lâm vào tình trạng như hắn. Cuối cùng rồi thì hắn cũng chẳng độc đáo được ngay cả trong lãnh vực này. Hắn tự hỏi tại sao trong xã hội văn minh này, thiên hạ lại có quá nhiều lý do để buồn hơn vui, tại sao có rất nhiều người cô đơn mà họ chẳng bao giờ gặp nhau, v.v...? Một vài người kiếm được chút tiền nhờ viết sách chỉ vẽ cho người khác cách tự học để chống lại buồn phiền. Có lẽ họ chẳng giúp được gì nhiều hoặc giả họ luôn giấu bí quyết

gì đó, không bao giờ chỉ vẽ tới nơi (e rằng sách ế), và dĩ nhiên số đông chẳng bao giờ chịu khó đọc sách để tự học những chuyện lẩm cẩm như vậy và họ tiếp tục chán – nản – ngã – lòng – buồn – rầu – phiền – muộn. Suy nghĩ luẩn quẩn như thế này cũng là một phương thức phát huy phiền muộn vì dù thế nào đi nữa, hắn cũng kiếm ra được đủ lý do để rầu rĩ.

Hắn quyết định không mua những cuốn sách loại này nhưng tự nhủ mình phải đổi mới cách sống chút đỉnh. Cho cuộn băng cassette vào máy, hắn nhẹ nhàng bấm nút. Ban nhạc Beatles. Hắn là loại người chẳng bao giờ theo kịp thời đại, ngoài ban nhạc Beatles mấy mươi năm về trước mà hắn vừa mới bắt đầu thích đây, hắn chẳng biết gì về âm nhạc "hiện đại". Thật ra, Beatles đâu đến nỗi gì, họ thật tuyệt và đã trở thành bất tử. Điệu nhạc rộn rã vang lên làm hắn cảm thấy phấn khích. Chắc chắn đây là một cách chống phiền muộn. Hai tay nhịp trên tay lái theo điệu nhạc, hắn ôm cua nhẹ nhàng, chân hắn gõ lộp cộp trên sàn xe, chân hắn mang giày da cứng mà hắn ít khi mang và sàn xe trơ thép vì thảm đã bị gỡ vứt đi từ lâu. Tiếng lộp cộp vui tai hòa với điệu nhạc. Chân trái thong thả gõ nhịp đã đành, chân phải bận đạp vào ga và thắng hắn cũng cố gắng gõ gót. Tâm hồn phơi phới, hắn xoay trở nhịp nhàng, bông lơn với tốc độ.

Nhạc Beatles không phải lúc nào cũng vui, đôi khi vẫn với nhịp điệu rộn rã nhưng lời nhạc không vui mấy. Bản nhạc hắn đang nghe chẳng hạn. Bản nhạc hắn đang nghe chẳng hạn, Girl – Nàng.

...When I think of all times I tried so hard to leave her, She will turn to me and start to cry, And she promises the earth to me and I believe her, After all this time I d'ont know why...

Tôi nhớ lại nhiều phen tôi gắng hết sức bình sinh để thoát khỏi tay Nàng, Nàng sẽ tìm đến tôi mà khóc lóc. Rồi Nàng hứa trời hứa đất với tôi mà tôi vẫn tin (mới chết chứ). Biết bao nhiêu lần rồi, tôi chẳng hiểu sao nữa...

Hắn cảm thấy tội nghiệp cho chuyện Chàng, nạn nhân của

Nàng, một người đàn bà quỷ quyệt, gian ác, tàn nhẫn, quyết làm cho Chàng điên đảo thật nhiều phen mới thôi. Nàng ắt hẳn phải là một kịch sĩ đại tài mới diễn được những màn khóc lóc xuất sắc như vậy để rồi sau đó lại dày vò con người Chàng cho hả một mối thù hận nào đó. Nhưng tại sao? Dĩ nhiên bài hát không quá cay đắng như vậy, chuyện tình Chàng và Nàng có nhiều khúc mắc tế nhị hơn, và có lẽ hắn vì quá thương cảm hoàn cảnh của Chàng mà đâm ra thiên vị, đổ hết tội lỗi lên đầu Nàng. Biết đâu Nàng ở trong tâm trạng không thể nào làm khác được? Biết đâu Nàng cũng là nạn nhân của một thứ Định Mệnh tàn nhẫn lạnh lùng nào đó? Biết đâu...?? Nếu quả vậy thì làm sao hắn có thể ở trong vị thế để có thể hiểu tâm trạng của cả hai người. Nếu quả vậy thì có lẽ hắn nên xé bản thảo vứt vào xọt rác và cúi đầu tạ lỗi cùng Chàng và Nàng. Hắn không có quyền làm cho câu chuyện tình giữa hai người trở thành một thiên tình sử bất hủ với những sự kiện sai lệch bởi thiên kiến và sự quan sát một chiều được. Và nếu quả vậy thì trên cuộc đời chẳng nên có đám văn sĩ nữa vì họ sẽ không bao giờ sống qua mọi kinh nghiệm để hiểu được tường tận và bởi vậy chẳng bao giờ nên viết văn để đối xử với nhân vật của mình một cách thiếu sự cảm thông và công bình.

Thật tình mà nói, kể từ mấy hôm trước, khi hắn khởi sự viết chuyện tình hai người, hình ảnh họ cứ ám ảnh làm hắn ăn ngủ không yên. Kìa, dáng Nàng lầm lũi bước ra khỏi cửa, một thoáng rất nhanh, mất Nàng rươm rướm ướt nhưng rồi Nàng cương quyết bước đi, khuất mất trên đường phố buổi sáng rộn rịp. Nàng chìm nhanh vào dòng người, vào dòng đời. Nàng trôi nhanh ra khỏi tầm tay Chàng, cuộc đời Chàng. Còn Chàng, Chàng lòng rối bời những tình cảm thương, giận, ghét, do dự lẫn lộn nhưng hơn hết cả là đau đớn. Phải, Chàng đau đớn vô cùng. Hắn hiểu lắm. Hắn đã từng rất mực đau đớn như Chàng. Hắn để cho mình trôi nổi theo cuộc hành trình của trí tưởng tượng. Phải, trí tưởng tượng nhưng không phải thuần lý trí vì hắn biết rằng hắn sẽ nhập vai rất dễ dàng, hắn sẽ đau đớn, hắn sẽ... Băng

nhạc Beatles vẫn tiếp tục, *Something in the way she moves*... Có cái gì đó nơi dáng dấp của Nàng...

*

Trời thật xanh, mây trắng lửng lơ, cây lá xanh, hoa cỏ... Tiếng xe lửa chạy rầm rộ qua lại phía bên kia đường đôi khi làm gián đoạn sự suy nghĩ của hắn. Những đường dây cáp chằng chịt treo phía trên đường rầy trông thật xấu xí. Mùa hoa mimosa, cây mimosa lá xám bạc ở góc đường trĩu hoa vàng ửng. Đang lúc hắn tự nhủ mình không thể để hình ảnh của Nàng quấy rầy mãi được, ít ra cũng vì hắn còn vô số công việc phải làm trước mắt, thì bóng Nàng thoáng qua ngoài cửa sổ.

Mấy tuần nay hắn thề không gặp Nàng và quyết định rằng mọi chuyện không còn gì nữa cả, hắn phải dứt khoát với Nàng sau bao nhiêu những đau đớn mà Nàng đã gây ra cho hắn. Nàng đến đây làm gì mới được chứ? Nàng phải biết rằng mọi người quanh đây sẽ biết ngay rằng Nàng không phải là thân chủ của hắn và không giống như những người ra vô rộn ràng khác. Hắn không muốn diễn tấn tuồng tình cảm cá nhân ở nơi công cộng. Hơn thế nữa, Nàng phải biết rằng hắn không thể chịu đựng được nữa, biết bao nhiêu lần rồi Nàng tìm lại với Hắn để khóc lóc chịu lỗi để rồi mọi chuyện lại xảy ra như lần trước không sai một mảy may. Hắn phần thương Nàng, phần thương hại (hắn biết rằng mình yếu đuối về mặt này), cứ mỗi lần lại bỏ qua hết mọi việc.

Kìa, sau mẩu chuyện mưa gió vẩn vơ như hai kẻ qua đường và nhận thấy thái độ lịch sự vừa phải như đối với một người khách lạ của hắn, Nàng đột ngột bỏ ra cửa. Hắn nghĩ thầm, lại thêm một lần nữa như bao nhiêu lần trước Nàng đột ngột chấm dứt cuộc gặp mặt hoặc một cuộc nói chuyện điện thoại cho hắn phải tìm gặp Nàng để mọi chuyện lại tái diễn. Hắn do dự nhưng vẫn đuổi theo Nàng. Kìa, Nàng chỉ chờ hắn gọi nhỏ để đứng lại. Hắn nói gì bây giờ? Nàng chờ đợi. Hắn không biết nói gì ngay lúc này. Hắn sượng sùng. Sự chờ đợi làm cho Nàng dần trở nên bối rối và mất tự nhiên hơn.

– Anh thật không biết nói gì với em bây giờ nữa?

Đừng nói như vậy, chán thật, hắn tự rủa thầm mình nhưng đã quá trễ. Hình như hắn có nói thêm một vài lời gì đó, hoàn toàn không có ý nghĩa gì cả Hắn cảm thấy khó chịu hơn vì một vài cặp mắt đang quan sát họ một cách không kín đáo gì mấy từ sau cánh cửa kính văn phòng. Bọn tò mò dị hợm! Kìa, Nàng rươm rướm nước mắt, vẫn không nói gì cả. Hắn chết được. Biết bao nhiêu lần rồi Nàng khóc với hắn, trên vai hắn, trong tay hắn, rất thành thật, rất dễ thương cảm. Hắn không biết mình đang nghĩ gì nữa. Lại tha thứ ư, không thể được, đã đến lúc hắn phải thương hại hắn hơn chứ, đã đến lúc hắn phải chứng tỏ một chút tự trọng vì những chuyện Nàng làm thật xúc phạm đến con người hắn. Kìa, hắn níu tay áo Nàng khi Nàng định bỏ đi để cả hai lại cảm thấy ngượng ngùng thêm một lần nữa. Mi là một thằng đàn ông, đã đến lúc mi phải quyết định dứt khoát, đừng dở trò ủy mị ra nữa. Hắn không thể hiểu nổi mình muốn gì. Ngay cả hắn còn không hiểu được con người mình thì làm sao hắn viết được, chuyện tình của chính mình một cách có tình có lý được. Hắn để cho Nàng bước đi. Dáng Nàng thật tội nghiệp. Hắn chết được.

Hắn có linh cảm rằng, không, hắn biết rằng mọi chuyện sẽ xảy ra ít nhất thêm một lần nữa. Làm sao hắn chịu đựng nổi kia chứ. Trông Nàng thật tội nghiệp. Hình như hắn đang bắt đầu tin vào Định Mệnh, Duyên Kiếp, những chữ tưởng chỉ có thể xuất hiện trên sân khấu cải lương hoặc trong tiểu thuyết diễm tình. Còn những chữ Gian Dối, Bội Bạc? Còn cái cảm giác đau ngang ngực hắn chịu đựng hằng bao nhiêu ngày đêm, cái đau do bao nhiêu thứ tình cảm lẫn lộn rối như tơ vò, kể cả ghen tuông, ăn mòn hắn như một chất cường toan tạo thành cơn đau thể chất?

Hắn không biết nữa. hắn phải làm gì đây? Có lẽ lần sau hắn sẽ đề nghị Nàng dùng hiệu nước hoa khác.

TRẦN VŨ

pháo thuyền trên dòng yang tsé

●

Một hôm, Toàn bất ngờ đến từ sau lưng, phủ một làn vải đen trùm xuống đầu tôi và nói:

– Nhiều khi người ta có thể nhìn xuyên qua màn đen.

Câu nói lửng lơ và Toàn rời ra. Tôi quay lại, trông thấy làn vải đen lúc nãy đang vung vẩy lên xuống trong tay Toàn, gần như một điệu múa.

– Cái gì không trông thấy mới thật kích thích.

Toàn lại nói, vẫn lửng lơ không rõ nghĩa. Mẩu vải đen cứ phất phơ, lùng phùng từng lúc tung xòe ra như cái nan quạt, khi chấp chới tựa một cánh dơi chập chờn rồi rũ xuống như một mình rắn. Loài rắn hổ. Có ý nghĩ cực mạnh chạy qua đầu tôi, là Toàn là một con rắn hổ chỉ chực mổ vào người mình, nhưng Toàn đã bước tới, phe phẩy mẩu vải như một tay *matador* thiện nghệ. Toàn xếp hẳn mẩu vải thành một giải băng và dùng nó để bịt mắt tôi.

– Chị trông thấy gì không?

Khuôn mặt Toàn xáp gần đến nỗi thổi phà từng cơn hơi thở nóng hực vào má tôi.

– Không thấy gì hết.

Tôi trả lời.

Toàn xiết thật mạnh băng vải rồi lại hỏi.

– Đã thấy gì chưa?

Tôi vẫn lắc đầu. Lần này Toàn xiết chặt hơn nữa làm tôi bỏng rát ở mắt.

– Người ta chỉ chịu khó suy nghĩ khi đau đớn.

Toàn nói với hai bàn tay ghịt chặt với hai đầu vải, không

trông thấy nhưng tôi hình dung ra bắp tay Toàn nổi lên gân guốc và mồ hôi ở cổ tay nó chạm vào mặt tôi rườn rượt, nhớp nhờn. Băng vải căng cứng đến đau hai bên thái dương. Tôi quát:

– Đủ rồi.

Tiếng thét của tôi, trong một giây, bức phá khoảng không khí nặng nề hơi ẩm của căn phòng. Toàn bỏ đi, tôi loay hoay gỡ dây vải. Mảnh vải đen rơi xuống, thõng thượt, nằm chết như cái xác rắn vắt vẻo lên thành phố. Tôi còn nhức ở mắt, Toàn đã ra góc nhà ngồi dạo bản đàn mà nó ưa thích. Tiếng đàn đại ví cầm trầm trầm, từng điệu, từng thanh, từng nhịp, từng cung, lên bổng rồi lại trầm trầm liên tục gần như bứt rứt.

Toàn ngồi hơi cúi, liếc nhìn tôi bằng đôi mắt vô hình. Cánh tay mặt của Toàn mải miết kéo mã vĩ, tay trái ôm lấy thùng đàn như một người đàn ông say mê ôm một người đàn bà. Năm ngón tay Toàn bấm xuống dây đàn, nhấc lên, rồi lại miết xuống. Thanh mã vĩ đưa tới, kéo lui, đưa tới, rồi lại kéo lui. Tiếng đàn cò cưa phừng phừng không điêu luyện, giống tiếng một lưỡi cưa cùn trên dây thép chùng nhão. Thứ âm thanh chùng nhão bò trườn, lê lết, oằn oại lấn dần trong phòng, nuốt từ cái bàn ăn qua tủ sách và đến tận chỗ tôi.

– Đủ rồi!

Tôi quát lên lần nữa, không chịu nổi sự lì lợm tai quái ở dáng nhìn trừng trừng nhưng vô hình dạng của nó. Tiếng đàn đột ngột đứt quãng. Thanh mã vĩ rời ra và cái thùng đàn tròn lẳn đầy đủ hình dạng một người đàn bà thôi nhúc nhích. Toàn cất tiếng:

– Cấm đàn hay cấm nhìn chị?

– Cả hai.

– Đúng rồi, cả hai đều là gỗ đá vô tri.

Toàn cười sực lên, đứng dậy và biến mất vào buồng riêng.

Tôi còn lại một mình, sợ.

Từ lâu Toàn đã sống trong sự bất thường của thế giới màu

đen vây lấy nó, nhưng buổi tối nay, sự bất thường đó đã trở thành nghiêm trọng. Nghiêm trọng hơn nữa là tôi hiểu căn do của sự bất thường ấy. Tôi quẹt tay lên má, chùi giọt mồ hôi nhờn nhờn lúc nãy như đã bám sâu vào da. Khi tôi trở vào buồng ngủ, những tiếng động của Toàn từ buồng bên vọng sang kêu lịch kịch. Tôi kéo chăn trùm kín đầu, trốn thứ tiếng động giẫy giụa của một thân mình dần vặt cô đơn. Nhưng dưới lớp chăn, trong bóng tối bao trùm, tôi lại bắt gặp cái màu đen mà Toàn đã muốn tôi đối diện, nhìn và trông thấy.

*

Ngày đến, tôi thức giấc muộn, bần thần vì cả đêm không nhắm mắt. Tôi nhớ đã nhìn thao láo suốt đêm vào tấm màn đen căng cứng, trong tư thế nằm ngửa với hai tay ôm lấy đầu trốn tránh. Buổi sáng chủ nhật xác xơ, hình ảnh Toàn hằn lên bên hông cửa sổ. Những tàn cây bên ngoài gầy guộc trơ xương, như đang đưa những cánh tay khẳng khiu lên trời van xin thượng đế một ân phước. Tôi đến bàn ăn lấy phần ăn sáng của mình, một ly cà phê đen với một viên đường vỡ duy nhất. Toàn là người lo điểm tâm trong nhà, mỗi buổi sáng nó đặt bên tách cà phê của tôi một viên đường vỡ, và tôi hiểu.

– Chị nói sang đây, sẽ không bỏ Toàn, chỉ sống cho Toàn và một mình Toàn. Nhớ không?

Toàn nói, khi nhận ra tôi đã hiện diện trong phòng.

– Chị nhớ.

Tôi đáp.

Nghe tôi nói "Chị nhớ", Toàn đứng phắt dậy.

– Nhớ sao không làm? Ai hy sinh cho chị?

– Toàn hy sinh cho chị.

Tôi trả lời, lập lại, không dám ngửng lên. Toàn bước đến chậm chạp, như hôm qua, từ sau lưng lùa hai bàn tay bịt lấy mắt tôi.

– Đừng!

Tôi cố gỡ tay Toàn với tách cà phê đang cầm, mười ngón tay

Toàn đè lấy mắt tôi đen tối. Hơi thở Toàn sau tóc chậm, nặng, đứt quãng.

– Đừng, cho chị xin...

Mười ngón tay Toàn nới lỏng dần dần, ôm lấy thái dương, ve vuốt lấy má, lần xuống cằm rồi đùa với ngấn cổ. Tôi rùng mình, hai bàn tay Toàn như hai gọng kềm kẹp cứng, không buông. Toàn tiếp tục động tác mạnh bạo, khi mơn trớn cho đến lúc tôi nổi gai phải hất tay nó ra.

– Thôi, đủ rồi.

– "Đủ rồi". Lúc nào cũng đủ rồi.

Toàn day tôi lại, lấy ngón trỏ lần theo sống mũi tôi xuống môi, và ngừng ở môi. Tôi thấy mình nhượng bộ và đáp ứng tất cả những trò chơi của Toàn. Để làm gì? Để Toàn đừng tuyệt vọng đi đến tự hủy?

– Chị biết hôn không?

Khuôn mặt Toàn bất ngờ rơi xà xuống, vết thẹo ăn sâu giữa môi hiện ra sâu hoắm. Tôi hốt hoảng chống hai tay đỡ lấy ngực Toàn, tách cà phê đổ xuống ghế bành ẩm ướt. Hai bàn tay Toàn đã chụp vội, nâng khuôn mặt tôi lên hôn.

– Chị xem phim thấy người ta hôn nhau thì phải biết hôn.

– Đủ rồi!

Cặp môi mang vết thẹo trờ tới, tôi nghiêng mặt tránh nên đôi môi Toàn rơi vào má, gai gai, cảm giác vừa mềm, vừa khô, vừa ướt. Cặp môi Toàn ở trên da mặt tôi, đầu Toàn gục trong khoảng cổ không chịu rời đi. Tôi thôi chống trả, để nguyên thân người ướt cà phê, vươn hai tay ôm lấy khuôn mặt đó. Tôi không thấy ghê sợ sự tiếp xúc của da thịt mình với cái khuôn mặt lồi lõm những chỗ thịt phồng trồi trũng không liền da. Tôi chỉ thấy thương Toàn.

– Đủ rồi, đi đánh đàn đi.

Toàn nhìn tôi lạnh lùng như tất cả bao lần tôi cự tuyệt, nhưng tia nhìn vô hình đã dịu đi. Tiếng đại vĩ cầm vọng lên, cũng giống

hôm qua, trầm trầm không điêu luyện và thất vọng. Toàn nghe thấy gì trong điệu nhạc dạo mãi từ ngày này qua tháng khác? Tôi không biết, nhưng tôi đã rõ cái hình ảnh mà Toàn muốn tôi trông thấy trong tấm màn đen.

– Toàn phải có một người bạn gái.

Tôi nói, lúc Toàn không ngờ nhất, đang cắm cúi với cây mã vĩ. Tiếng đàn vụt im, nhường cho ánh mắt nhìn không có hình dạng, hướng về chỗ tôi không mấy chính xác.

– Chị nói gì?

– Toàn phải có bạn gái.

– Ai dám yêu thằng này?

– Chị sẽ tìm cho Toàn.

Toàn im lặng một lúc rồi đứng lên mở cửa sổ. Hơi gió lạnh ùa vào, hai lớp màn cửa thổi tốc lên, rơi xuống rồi lại rung động dập dình như đôi cánh bướm bị nghẽn. Toàn quay lại, cố tình hướng mặt ra phía cửa, cho ánh sáng soi rõ những vết sẹo chằng chịt ngang dọc trên khuôn mặt. Những vết thẹo mà tôi đã chứng kiến, đã thấy chúng bầm dập vì khâu đối, đã thấy chúng chai nám vì nắng hải đảo cháy lửa. Khuôn mặt đầy sẹo của Toàn kỳ dị kinh khủng dưới ánh sáng ngày.

– Chị nhìn kỹ tôi, ai yêu được khuôn mặt này. Bộ chị tưởng Toàn không biết mặt mũi mình như thế nào hay sao? Chỉ cần sờ vào là biết!

Toàn đưa mười ngón tay lên rờ nắn lớp da tật nguyền, đột nhiên những móng tay cong lại cào mạnh như muốn lột tróc cái hình thù kinh tởm.

– Đừng, Toàn!

Tôi hét lên, chạy tới, giằng lấy những đầu móng đang cào cấu trầy trụa khuôn mặt nó. Thân hình Toàn giật lên, cả tấm lưng co giật vùng vẫy muốn chạy trốn. Toàn cất tiếng hú đau đớn, tôi ghì cứng lấy Toàn, áp mặt nó vào mặt tôi, vít lấy đầu, xoa xoa lớp da sần xùi, hôn vào từng chỗ sẹo vỗ về, an ủi.

– Đừng bao giờ làm vậy nữa nghe Toàn, đừng bao giờ, nghe chị, đừng bao giờ...

– Chị đâu có yêu Toàn.

– Chị không thể, không có quyền...

Toàn ôm lấy tôi, vòng hai tay ôm lấy lưng tôi. Đợi cho tất cả nguôi ngoai, bình tĩnh, tôi gỡ tay Toàn, nói trong hơi thở kiệt sức.

– Chị sẽ tìm cho Toàn một người bạn gái, chị hứa, chị hứa...

Toàn bỏ ra ngồi ở bàn ăn, cầm lấy cuốn sách cố quên sự xúc động quá mạnh vừa qua. Ngón tay Toàn sờ soạng những mặt chữ nổi, lần từng mẩu tự, cố tìm một ý nghĩa trên trang giấy. Cái hình dáng Toàn ngồi chịu đựng, mệt nhọc đè lên tôi. Không có gì đau đớn bằng phải chứng kiến một đời sống thân thuộc chết dần mòn, thoi thóp ở bên trong. Những khuôn mặt của chúng bạn gái lần lượt lướt qua, những dấu hỏi, phân vân, xét đoán, do dự, sợ hãi lẫn lộn không thành hình thể. Joelle, Kate, Florence, Isabelle? Ai cũng được, nhưng không thể là tôi, nhất định không thể là tôi.

*

Kate vào nhà, cởi áo dạ rồi mới tháo mũ. Mớ tóc đỏ tuôn ra từ chiếc nón nỉ rơi xuống thân áo đầm len có đính một hàng khuy nút. Kate nói để cô ta tự nhiên, rồi ngồi xuống sofa. Cô ta đưa mắt nhìn quanh quất, tôi biết Kate kiếm ai.

– Kate uống chút rượu?

Tôi hỏi vì Kate ít khi uống rượu. Quả nhiên cô ta lắc đầu, nhưng tôi mời thêm lần nữa, cố tình nài ép và Kate nhận lời. Tôi rót Vodka vào ly thủy tinh trao cho Kate. Tôi nhìn đăm đăm vào chất lỏng trong suốt lúc cô ta đưa lên môi uống, như thể tôi mong đó là phương thuốc nhiệm màu làm tăng can đảm cho Kate.

– Trời lạnh uống rượu nhiều khi cũng thú.

Kate đặt ly xuống bàn, xoa hai tay vào nhau dễ chịu. Kate còn trẻ, trạc tuổi Toàn, hiền lành và biết suy nghĩ. Nhìn cô ta thoải

mái, không có vẻ bồn chồn, tôi cảm thấy yên tâm. Tôi đã nói với Kate về Toàn, là Toàn gặp một tai nạn, phải sống cô độc nên rất buồn. Nếu Kate có thể đến chơi với Toàn vào cuối tuần...

Kate chuyện trò vu vơ với tôi về đời sống, hỏi có phải Toàn thích chơi đàn và đọc sách? Nhà có tủ sách lớn quá. Tôi trả lời là Toàn say mê vĩ cầm, còn tủ sách là của tôi vì Toàn chỉ đọc được một ít sách đặc biệt dành riêng cho những người như Toàn. Kate ngạc nhiên hỏi tại sao, tôi cố giải thích cho cô ta hiểu rằng Toàn rất yếu thị giác, bị thương ở mắt. Tôi muốn chuẩn bị cho Kate nhiều hơn nữa, nhưng cô ta tỏ vẻ tự tin và nói tôi không phải lo.

– Kate hiểu, Kate đã gặp những trường hợp như vậy. Chị đừng ngại, Kate tin mình sẽ trở thành bạn thân của Toàn.

Kate nắm tay tôi trấn an, khuôn mặt cô ta vẫn bình thường và điềm tĩnh.

– Kate đã gặp nhiều người thanh niên, Kate biết xử sự, Kate sẽ không để chị buồn. Chị cho Kate vào gặp Toàn đi.

Khi ấy tiếng đại vĩ cầm của Toàn từ buồng trong trổi lên. Tôi thấy mặt Kate có hơi thay đổi. Tôi hiểu vì sao, tiếng đàn chùng nhão rã rời gần như bệnh hoạn của Toàn, đối với tôi dù đã quen thuộc, nhưng mỗi khi tấu lên vẫn mang một thứ âm thanh lạnh lẽo kỳ quặc. Song Kate đã đứng lên, nói cho cô ta vào gặp Toàn. Tôi đưa Kate đến trước cửa buồng Toàn, gõ tay nói có khách. Toàn không trả lời, tiếng đàn vẫn cò cưa ở một điệu duy nhất. Tôi và Kate đẩy cửa vào, Toàn đang ngồi quay lưng, hai vai rung rung với thân đàn và thanh mã vĩ kéo qua lại. Tôi nghe Kate nói chào Toàn, cô ta bước hẳn vào buồng. Toàn dấu mặt mải miết kéo mã vĩ như không nghe thấy gì hết. Tôi nhìn Kate đứng sau lưng Toàn, với tiếng đại vĩ cầm xoáy tròn trong buồng. Tự nhiên tôi hối tiếc đã đưa Kate tới đây, thấy giận hờn ghen tuông trong lòng. Ý nghĩ sắp mất Toàn làm tôi hơi buồn, dù biết mâu thuẫn. Kate vừa đặt tay lên vai Toàn.

Những gì xảy ra kế tiếp ngoài dự đoán của tôi, của Toàn, của

Kate. Lúc Toàn quay đầu lại, khuôn mặt từ từ quay sang phơi bầy những thớ thịt nhăn nheo, trồi trũng ghê tởm với hai lỗ hổng ở mắt, một nửa cánh mũi không còn hình thể, và một rãnh thẹo chạy từ nhân trung ngang môi xuống quá cằm, thì Kate vụt rú lên. Khuôn mặt Kate khiếp hãi, sự điềm tĩnh biến thành kinh hoàng tột độ. Thứ tiếng rú của một người đàn bà sợ hãi quá mức là rũ liệt cả chân tay tôi, rồi Kate bỏ chạy. Cô ta vừa chạy vừa la thét gọi cầu cứu. Lúc Kate đã chạy ra khỏi nhà, những tiếng hú ác quỷ, quái vật hãy còn rớt lại trong hành lang. Cây đại vĩ cầm ngả xấp trên đất và tôi thấy từ hai hố mắt Toàn những giọt nước mắt ứa ra. Ở khối thịt ngày xưa là mặt mũi Toàn, toát ra vẻ đau đớn, tủi hổ. Những giọt nước tủi hổ lăn từng hột xuống bờ môi run run hằn thẹo. Toàn khóc không có tiếng, nhưng tôi thì bật khóc nức nở. Tôi ôm lấy Toàn, ghì xiết lấy mặt mũi tóc tai nó. Nước mắt tôi hòa vào những giọt nước ở hố mắt Toàn.

– Không ai có thể yêu Toàn, làm bạn gái của Toàn.

Toàn nói với tiếng rên đau đớn, tôi bịt môi nó nói tôi yêu Toàn, sẽ làm bạn gái của Toàn. Tôi nói tôi sẽ làm tất cả những gì Toàn muốn, để Toàn không cô đơn, để Toàn được sống bình thường như tất cả mọi người thanh niên. Tôi chấp nhận hết, chấp nhận tất cả. Toàn hỏi tôi tại sao tiếc, tại sao gìn giữ với Toàn. Tôi nói tôi không tiếc với Toàn nữa đâu, người ta cưỡng bức tôi trên biển, tôi còn gì để gìn giữ.

Hai chúng tôi ôm nhau trên thảm. Toàn úp mặt vào tóc tôi khóc thầm lặng. Tôi vỗ về trên lưng Toàn như ngày xưa, dạo nào tôi thường vỗ về nó. Cách đây đã lâu lắm. Những hình ảnh cũ, những thương yêu máu mủ của quá khứ hiện về, những kỷ niệm dịu dàng khiến tôi nghĩ tôi và Toàn là một. Tôi và Toàn đã thuộc về nhau từ dòng máu, đâu có khác biệt gì nếu tôi thuộc về Toàn hôm nay, lấy máu của hai chúng tôi trộn lại. Tôi không muốn thuộc về một người đàn ông nào khác nữa. Tất cả đàn ông làm tôi ghê sợ, trừ Toàn. Hai chúng tôi nhìn những đám mây trôi tịch mịch lặng lẽ qua ô cửa sổ. Tôi tả cho Toàn nghe màu sắc

của những cụm mây, của đường chân trời đuối lịm ngoài xa. Toàn không trông thấy và tôi bù đắp cho Toàn những thiếu xót của thân thể. Hai chúng tôi chia sẻ cái màn tối vây bọc lấy nhau. Nụ hôn của Toàn dài thăm thẳm như chiều sâu của bóng tối. Sau nụ hôn đó, tôi biết chúng tôi không còn thuộc về thế giới luân lý của loài người.

*

Hôm đầu tiên, hai chúng tôi ăn cơm trong yên lặng. Toàn ngồi đối diện tôi, đầu hơi cúi, chăm chú nhìn bát cơm. Chỉ có tiếng những hạt mưa rơi vỡ rả rích và ánh đèn trần vặn nhỏ, buông thứ ánh sáng mờ mờ loãng giãng lên bàn. Tôi nhìn ánh điện vỡ li ti trên da mặt Toàn, cố nghĩ đó không phải là những ngấn sẹo mà là thứ ánh sáng trổ hoa màu vàng. Toàn cắm cúi ăn với trận mưa mỗi lúc một lớn. Hai chúng tôi chờ nhau lên tiếng, nhưng rồi chỉ một bàn tay Toàn trườn tới, trên khăn trải bàn nắm lấy tay tôi, những ngón tay mở rộng, xòe đan vào nhau, ấp ủ xúc cảm và nhục cảm cho nhau. Toàn vẫn cúi đầu yên lặng, nhưng nói với tôi rất nhiều bằng cách tiếp xúc ấy. Sau bữa cơm, Toàn đứng lên kéo tôi vào buồng.

Hai chúng tôi đứng gần nhau trong bóng tối, chỉ có ánh sáng của những hạt mưa, phản chiếu từ trụ đèn đường, hắt dội vào buồng điểm lăn tăn lấm tấm từng hột nhỏ lóng lánh trên thân thể Toàn. Tôi để yên cho Toàn cởi quần áo, bàn tay Toàn khéo léo, giống như tất cả người mù đều có đôi bàn tay tinh tường. Toàn gỡ từng khuy cúc, hôn vào từng chỗ da thịt tôi vừa thôi hết giam hãm. Đến lúc Toàn lần tháo làn áo lót, thì đột nhiên bên ngoài có một tia chớp chói lòe, lóe đập vào buồng soi vừa một nửa khuôn mặt của Toàn. Tôi vụt gai người bắt gặp trong thứ ánh sáng xanh điện, một thứ ánh thép sắc lạnh của từng nhát mác chém bổ xuống. Những thanh mã tấu bầm xuống, xối xả, liền tay, từng nhát, từng nhát man rợ lên mặt mũi Toàn. Tôi cũng thấy giữa ánh chớp của cơn giông những hình ảnh tắt hiện, tắt hiện đớn đau điên dại của thân xác chính mình. Tất cả

những hình ảnh đó, gẫy vụn, rách nát, hiện lên trên khuôn mặt xần xùi của Toàn.

– Đừng,...

Tôi rụt người trong cơn sợ hãi.

Toàn nhận ra sự không tự nhiên, ôm lấy tôi cố truyền hơi nóng từ người nó sang. Toàn thì thầm bên tai tôi những câu nói yêu đương vô bờ bến nhất.

– Toàn yêu chị vô vàn, Toàn không hối hận gì hết. Đừng nhìn mặt Toàn, sẽ làm chị sợ.

Toàn bảo tôi quay lưng lại, nói đừng sợ, đừng nhớ, đừng nghĩ gì hết, sống cho hai chị em thôi. Tôi gật đầu, tôi sẽ không nhớ... Toàn bước tới, ôm tôi vào lòng, áp thân mình vào lưng tôi. Tiếng của những giọt mưa bắn lách tách trên mặt kính, tiếng Toàn nói thật nhỏ rằng Toàn muốn yêu tôi từ sau lưng, tiếng của chính tôi đáp lại là tôi cần Toàn và cho Toàn hết. Bây giờ trong nhà chỉ có hai chúng tôi với một tình yêu cật ruột.

Khi Toàn lấy băng vải đen hôm nọ buộc quanh mắt tôi, hơi ấm từ người Toàn cũng đã truyền hẳn sang tôi. Sức nóng tỏa lan, cuồn cuộn và tôi trông thấy xuyên qua tấm màn đen những hình ảnh thật rõ nét. Hai chúng tôi lõa thể nhập vào làm một, hai cánh tay Toàn ôm vòng quanh bụng tôi, một đôi môi hôn tôi ở cổ, lần xuống vai và cắn vào lưng. Một cảm giác chậm, rạt rào tình thương, từ sâu kín dâng lên dần. Những đau đớn từ vết thương quá khứ tan vào niềm sung sướng không ngờ, nhịp nhàng ở mỗi cử động của Toàn thận trọng, nhẹ nhàng, từng chút, từng chút, cho từng yêu thương máu mủ.

Tôi và Toàn yêu nhau trong bóng tối, gượng nhẹ, xoa dịu, giúp đỡ lẫn nhau xóa nhòa một vết thương không may mắn của cuộc đời. Rồi Toàn bồng tôi lên giường, rồi tôi úp mặt vào ngực Toàn khóc nức nở vì sung sướng, đã bù đắp, giải thoát được cho nhau. Những giọt nước mắt nhiều xuống chan hòa ngực Toàn nồng ấm. Rồi Toàn mơn man những sợi lông măng ở cằm tôi, hỏi tôi có yêu Toàn, có hạnh phúc hay là hối tiếc? Tôi đã trả lời là tôi

yêu Toàn, rất hạnh phúc và không hối tiếc. Có thể tôi đang phạm tội, nhưng ai hiểu cho rằng một giọt máu đào hơn ao nước lã, và tôi cần giọt máu đào của Toàn biết chừng nào.

Trăng lên, cơn mưa tạnh. Hai chúng tôi nằm kề nhau lắng nghe im ắng của đêm hoang vu như thuở loài người còn tiền sử. Thời hồng hoang, trong gia tộc chị em vẫn thường lấy nhau, tôi và Toàn chỉ lập lại cách sống của loài người ban sơ. Đêm thanh vắng che chở cho chúng tôi, không có con mắt của người ngoài, không có luân lý của cuộc đời, không có chi hết, chỉ có chị em chúng tôi yêu nhau.

*

Những ngày sau đó, những ngày tôi và Toàn chung sống với nhau thật tuyệt diệu. Tôi là chị, là em, là người yêu, vợ của Toàn. Toàn là em, là người tình, là chồng tôi. Thật tuyệt diệu khi tất cả những tình cảm ấy gộp lại làm một, thứ tình thương duy nhất gọi là tình yêu. Tôi không thể xa Toàn, những giờ làm việc trong hãng trở nên ray rứt nhớ nhung. Những phút hấp tấp bước như chạy vào nhà để bồi hồi lịm người trong tay nhau. Những nụ hôn trao vội vàng, những ghì xiết hối hả... Đêm nằm bên gối Toàn thường nhắc lại những kỷ niệm cũ.

– Chị còn nhớ những buổi chiều mình đi dạo ở bãi sau? Toàn nhớ mãi chiếc áo tím của chị in trên nền cát vàng chạy dài đến chân núi. Tóc chị lúc đó còn dài chấm lưng, gió biển thổi phất bay theo từng gợn mây trắng. Toàn yêu chị từ lúc đó, chị biết không?

Chị biết không? Toàn úp mặt vào tóc tôi thì thầm, sống mũi Toàn cọ đùa vào chân tóc. Những lúc ấy hai chúng tôi trở về với quá khứ, sống mũi Toàn hãy còn nguyên vẹn hình hài, chưa gẫy nát, tôi hãy còn mái tóc thề con gái chưa tủi nhục. Toàn còn kể nhiều kỷ niệm khác, làm như đôi mắt mù lòa không trông thấy được hiện tại và tương lai của Toàn chỉ còn thấy những hình ảnh xưa cũ lúc trước.

– Chị nhớ bắt đầu trang điểm lúc nào không? Buổi tối sinh

nhật anh Thuấn, chị Niệm đem phấn tới đánh cho chị, Toàn núp ngoài cửa buồng lén nhìn vào chắc chị không biết? Tối đó ba nhốt chị trong buồng cấm không cho đi, chị khóc suốt đêm làm Toàn cũng khóc theo, chị nhớ không?

Chị nhớ không? Tôi nhớ. Nhớ Toàn luôn lẽo đẽo theo sau vòi vĩnh, nhớ Toàn đeo lấy mình từng bước, không rời, không chịu ngủ giường riêng, giận hờn mỗi khi Thuấn đến đón đi chơi.

– Chị còn yêu anh Thuấn phải không?

Toàn thường hỏi tôi câu đó đầy ghen tuông, hờn mát.

– Anh Thuấn hôn chị rồi phải không? Nó đã làm gì chị?

Nếu tôi gật đầu thì Toàn trở nên hung dữ, ân ái mạnh bạo, lấy móng tay cào sướt lưng tôi như để trả thù, để rồi sau đó khóc lóc xin lỗi. Nếu tôi lắc đầu quả quyết Thuấn chỉ là bạn, Toàn có vẻ bằng lòng, không muốn tôi thuộc về ai khác.

– Chị hứa đi, đừng lấy ai khác ngoài Toàn, hứa đi.

– Chị hứa.

Tôi hứa. Tôi biết mình không thể nào bỏ rơi Toàn, không thể nào sống xa nó. Chúng tôi nằm áp người vào nhau cho hơi nóng của cả hai ủ trùm lên thân thể trốn mùa đông bên ngoài đầy đặc cơn mưa tuyết. Những hạt tuyết rơi lất phất chạm vào mặt kính, đọng rồi tan, tan rồi đọng. Suốt mùa đông, tôi và Toàn giam kín trong nhà không đi đâu, xa lánh mọi người. Tôi sợ người ta khám phá cuộc tình của mình, Toàn sợ tôi bỏ nó ra đi. Chúng tôi có thể ngủ vùi hàng giờ trong chăn ấm bên nhau. Giữa những cơn ân ái, khi trao thân cho Toàn, hai chữ loạn luân thường lởn vởn hiện trên trần nhà. Tôi rúc mặt vào ngực Toàn để không phải nhìn cái chữ loạn luân vô hình, nhưng rắn rỏi đậm nét viết thật rõ ràng ở trần buồng. Băng vải đen bịt quanh mắt là phương cách tốt nhất để tôi không thấy nó. Có khi cuối tuần, suốt ngày tôi giữ nguyên giải băng đen quanh mắt chia sẻ thế giới không ánh sáng của Toàn. Chúng tôi chơi trốn tìm nhau trong nhà. Núp sau cánh cửa, trốn trong tủ quần áo, nín thở,... Toàn dạy tôi những bài học vỡ lòng của người mù. Làm thế nào để đi

chuyển trong bóng tối? Từ phòng khách xuống bếp mất bao nhiêu bước chân? Từ bàn ăn đến đài truyền hình cách mấy sải tay? Làm thế nào để biết thức ăn vừa chín tới?

– Thì nếm thử!

Toàn cười ròn tan khi tôi hỏi nó điều đó.

– Chị muốn canh giờ giấc để biết ngày hay đêm thì phải tập kiểm soát cơn đói và sự bài tiết của cơ thể.

– Nhưng làm sao để mặc đúng kiểu áo mình muốn?

– Phải tập rờ nắn sợi vải, tẩm vào mỗi kiểu quần áo một mùi nước hoa riêng...

Dần dà tôi bước vào thế giới bóng tối của Toàn một cách lý thú. Mỗi khi tôi vấp ngã, Toàn cười thành tiếng. Mỗi khi Toàn lấy lộn bột mì với bột bắp tôi cười chế nhạo. Những niềm tin vui nhỏ bé mà chỉ từ khi trở thành vợ chồng, tôi mới biết cảm thông, chia sẻ với Toàn.

Chưa có bao giờ tôi hạnh phúc như vậy. Hạnh phúc được làm một người đàn bà bình thường, có cuộc sống lứa đôi, thứ hạnh phúc mà tôi tưởng đã mất từ sau tai nạn. Toàn đã chịu khó đến trường mù, chịu khó lãnh hàng từ trường tật nguyền về ráp nối ở nhà kiếm thêm tiền phụ tôi. Những đồng tiền rẻ mạt nhưng lại là niềm vui của chúng tôi. Toàn vui vì thấy có hữu ích. Tôi vui vì Toàn đã bớt bất bình thường, chăm chỉ tập luyện vĩ cầm, gắng sức học tiếng Pháp với mặt chữ nổi. Toàn bỏ hút thuốc lá, bỏ uống rượu. Tôi cảm động vì thấy Toàn cố gắng trở thành một người chồng gương mẫu. Nhiều lúc Toàn ngượng ngập một cách trẻ con, cố ý phát âm chữ "chị" thành "chi".

– Chi còn yêu Toàn không?

– Còn, với một điều kiện phải gọi bằng chị.

– Sao không cho Toàn gọi bằng tên?

– Chị yêu Toàn, và muốn được mãi mãi làm chị của Toàn, Toàn hiểu không?

Toàn gật đầu, yên lặng để cho tôi vuốt ve những sợi tóc lòa

xòa trước trán. Cũng có những buổi tối, sáng trăng, tôi và Toàn đi dạo bên ngoài. Mỗi khi ra đường, tôi luôn luôn cố gắng ăn vận, trang điểm sao cho Toàn biết rằng tôi làm đẹp vì Toàn, để Toàn được hãnh diện đi bên tôi. Toàn rất nhạy cảm, đứng chờ tôi thay quần áo, rồi với vẻ trịnh trọng khen tôi đẹp với dáng vẻ say mê ngấm nghía. Những lúc ấy Toàn thật tội nghiệp, khi đưa ngón tay mơn nhẹ qua môi tôi để đoán màu son, khi rờ nắn lớp vải để đoán kiểu áo.

– Đêm nay chị đẹp lắm, Toàn rất hài lòng.

Tôi muốn khóc khi đó, nhưng đè nén được cảm xúc, giữ cho buổi tối được trọn vẹn, thất lại cà vạt cho Toàn, rồi hai chúng tôi bát phố. Thường thường Toàn nắm tay tôi cho vào túi áo dạ của Toàn, chúng tôi chọn những con đường thật vắng, ít người qua lại, để Toàn không phải nghe những lời xầm xì hay tiếng kêu sợ hãi của các đứa bé đi ngang. Chúng tôi có một quán ăn quen, gần nhà, tôi và Toàn chỉ dám đi ăn tối thứ hai là tối thưa khách nhất. Người chủ quán già dành cho chúng tôi một bàn ăn khuất trong góc, có cắm đèn cầy và một bông hồng.

– Chị đừng kêu những món đắt tiền, Toàn chỉ muốn ngồi đây với chị, thức ăn không quan trọng đâu.

Tôi và Toàn dùng bữa dưới ánh bạch lạp êm đềm, có nụ hồng nở dịu dàng và những chăm sóc ân cần của người chủ quán già.

– Ông bà dùng bữa có ngon miệng?

– Vâng, tốt lắm.

Toàn mạnh dạn trả lời thay tôi. Nét mặt rạng rỡ sung sướng. Suốt bữa ăn đôi chân chúng tôi quấn lấy nhau, không rời.

*

Rồi mùa đông qua đi trong tình yêu lén lút của hai chúng tôi. Mùa xuân đến làm nẩy chồi những nụ non trên thân cây lật trước đường. Những cành khẳng khiu tỏa vươn như đôi tay thiếu nữ kết vòng hoa trái. Từng đọt xanh nhú mình tìm sự sống. Tôi đã tưởng, trong nắng sáng dờn dợn, cuộc sống mình

tái sinh cùng với thiên nhiên huyền nhiệm đó. Nhưng nào ngờ đột biến vùng thức giấc khi Toàn đòi hỏi tôi một đứa con.

Toàn nói nó chỉ tìm được cuộc sống bình thường nếu được chung sống với tôi như đôi vợ chồng đàng hoàng, sinh con đẻ cái...

Tôi sợ hãi từ chối. Ý tưởng có một đứa con với Toàn như mũi kim khều phọt giọt máu tội lỗi. Nó chọc thủng tấm màn đen đui mù mà tôi che dấu sự loạn luân. Những đứa trẻ kết tinh từ huyết thống loạn luân lại ít khi bình thường. Tôi nói với Toàn làm sao ăn nói với gia đình, với bố mẹ, với họ hàng? Không lẽ sống cô lập, trốn tránh gia tộc suốt đời? Tôi sợ. Run rẩy khi nghe Toàn thì thầm muốn một đứa bé.

– Đừng! Đừng nghĩ đến chuyện đó, chị sợ lắm!

Tôi hốt hoảng, giọng Toàn rên rỉ khẩn nài, vòng tay ôm mạnh chắc, nhưng ghì siết ôm tròn xót xa.

– Cho Toàn một đứa bé, một đứa, một đứa thôi. Nó sẽ gọi mình là ba mẹ. Mình sẽ cho nó thật nhiều tình thương.

Toàn van lơn mỗi đêm, thúc hối, ám ảnh, quên mất khía cạnh loạn luân của tình yêu cả hai. Tôi đã phá bỏ lý trí để yêu Toàn, nhưng không đủ can đảm tạo hình ra tội lỗi. Rồi làm sao giải thích cho đứa con về mối quan hệ bố mẹ nó?

– Không! Chị không muốn! Mình không phải là vợ chồng, hiểu cho chị, cho chị... Tôi khóc khi Toàn hôn vùi vào cổ.

– Nhưng Toàn muốn! Toàn muốn!

Toàn hất đầu, hất đầu, những cái hất đầu ích kỷ, những giọt nước mắt của tôi mặn đắng và không lối thoát.

– Thương giùm chị, giùm chị...

Nhưng Toàn không hiểu, không xem đó là lời năn nỉ của người chị đã đến ranh giới chót cùng của tình thương em. Toàn cho đó là một sự chống đối. Bắt đầu từ hôm đó Toàn thay đổi, trở về với trạng thái lầm lì, hung bạo trước đây. Toàn biến dạng, từ từ, chậm chạp, đến dần cực điểm của hung dữ, đàn áp, sai

khiến. Toàn cấm tôi uống thuốc ngừa thai, lục lọi khám phá từng chỗ dấu thuốc với một ý nghĩ duy nhất là bắt tôi có con. Ban đêm tôi không dám ngủ chung với Toàn. Ban ngày vùi đầu vào máy truyền hình để tránh trò chuyện. Tôi sống trong sự kháng cự, bị rình mò, chờ đợi sự tấn công.

Hôm đó, tôi ngồi trước máy truyền hình xem một cuốn phim quay lại. Những hình ảnh thoáng qua, rời rạc, hiện lên, biến mất. Tiếng đàn vĩ cầm của Toàn đã từ lâu vọng lên trở lại cái điệp khúc chùng nhão, vô hồn, vô tính. Tiếng đàn cuốn từng vòng dây thép gai, xoáy từng chốt đi ba chấu trong đầu tôi. Thứ âm thanh sắc nhọn, thủy tinh, cứa vào từng thớ thịt trong lúc trên màn ảnh là một chuyện phim đầy biến động. Tôi chỉ nhớ cuốn phim có cái tên lạ là *Pháo Thuyền Trên Dòng Yang-Tsé*, có Steve Mc Queen đóng. Chuyện một người thủy thủ phục vụ trên một chiến thuyền Hoa kỳ nối liền Hàn châu và Hán khẩu. Có những xáo trộn tâm tính con người thật dữ dội. Có những phản ứng bản năng bất thường. Tôi chỉ nhớ được chừng ấy, còn bao nhiêu hình ảnh khác không phải là của cuốn phim mà là cảnh một bào thai đẻ non đương sinh nở trong lòng người mẹ. Trên màn ảnh tôi thấy một bọc nước vỡ, một cuống nhau lòng thòng, những mũi thuốc giục, những cơn rặn tím bầm thân thể, những tia máu phọt ra theo từng cái quẫy mình. Những tia máu cứ bắn ra, bắn ra, cái đầu hài nhi thậm thụt trồi ra thụt vào. Một kềm gắp, một máy hút, một dạ con toang hoác! Và ở giữa cái dạ con toang hoác đỏ lòm đó là cái đầu của hài nhi mang khuôn mặt của Steve Mc Queen bậm môi trợn mắt khúc cuối đoạn phim bị bắn té ngồi lảo đảo gượng dậy bò bơi trườn lênh bềnh trong túi nước. Ánh mắt người lính thủy lạc đi, thất thần khi thấy ở bụng mình một lỗ thủng máu huyết cứ trào ra, trào ra. Tôi nghe được câu nói của người lính sắp chết: *mais bon sang! Qu'est ce qui m'est arrivé? J'étais encore chez moi hier!* Đứa trẻ vùng vẫy. Mười ngón tay cào cấu. Mười ngón chân giẫy đạp. Bụng người mẹ rách bươm và tiếng đàn của Toàn cuồng loạn liên tục một điệu chà xát mải miết trên dây thần kinh tôi

căng cứng. Đầu tôi rối chằng với những hình ảnh xếp chồng trong thứ âm thanh ép chặt. Tôi không hiểu nổi câu nói sau cùng của người lính thủy bị bắn trên màn ảnh. Tôi muốn hiểu và muốn trông thấy khuôn mặt thật của hài nhi nhưng tiếng đàn đã đổ ào đứt ngang. Không còn là tiếng đàn nhưng là ly bể chai vỡ, cửa đóng máu ngừng, tim thôi đập phổi trút hơi và dạ con khép chặt. Toàn đến đứng sau lưng im lìm.

– Cho Toàn một đứa bé.

– Không! Chị không thể!

Toàn không nghe tôi nói, hươi chiếc lưỡi lam xanh biếc ngời chiếu lên sát mặt tôi. Rồi Toàn vụt cắt mạnh dây đàn đứa phựt. Một. Toàn gầm gừ rồi hươi tiếp lưỡi lam lên cao trở lại, vung lên múa xuống. Toàn hoa ánh lam xanh ngời như khi múa làn vải đen chấp chới chập chờn rờn rợn. Hình ảnh cái xác rắn chết thõng thượt hôm nào sống dậy, ngoằn ngoèo trườn trườn quấn lấy yết hầu tôi lúc Toàn kề lưỡi lam vào cổ tôi gạch nhẹ. Máu chảy ứa ra bỏng xót. Tôi căng người sợ hãi, hai tay chới với tìm sự chống đỡ.

– Đừng!

– Chị đâu yêu Toàn?

– Chị thương Toàn.

– Không đúng! Thương sao không muốn có con với Toàn!

Toàn hét lên và cắt đứt thêm một sợi dây đàn. Hai rồi.

– Không! Đừng ép chị!

Tôi đẩy Toàn, xô hất bỏ chạy. Toàn rượt theo, tủ sách bàn ăn ghế đẩu đâm sầm vào người tôi ngã xấp té ngửa. Tôi đứng lên, té ngã, chậu cây níu chân, cửa buồng chấn lối, hành lang dài thẳm. Phòng tắm, phòng tắm, chốt khóa, tên bố, tên mẹ, tôi thét gọi với tiếng động của Toàn đập phá.

– Trời ơi! Tha cho chị!

Toàn không nghe, phá cửa, chụp lấy tôi xé áo.

– Đừng! Buông chị!

Tôi ngã xuống sàn gạch, Toàn ngã đè lên người. *Thằng này tật nguyền, lúc điên lúc tỉnh, phải chị sợ vậy không? Phải chị sợ vậy không? Sợ đứa trẻ giống thằng này phải không? Phải không? Nói!* Toàn tát tôi, lột áo, hai bàn tay mạnh bạo, mười ngón tay hung dữ bẻ quặt tay tôi, bấp đùi đè ngang chân, hơi thở, tiếng la, men gạch, lát tường, đèn trần, khăn tắm, thân thể, trần truồng nhễ nhại, bả vai, bắp thịt, sức lực, môi cắn, tay cào, móng nhọn, mũi, mắt, nhấn sẹo, tinh trùng, bào thai, đứa bé, tôi hét gọi mẹ bị Toàn bịt miệng.

– Nói yêu Toàn! Nói muốn có con với Toàn! Nói! Nói!

Toàn hãm tôi tàn bạo trên mặt đất. Nói thèm muốn thịt da tôi thơm mát, thèm ngực tôi tròn trịa, đùi tôi tươi trắng, con chúng tôi kháu khỉnh. Toàn nói, nói thật nhiều không ngừng trong lúc tôi giẫy giụa la khóc thét kêu van nài đau đớn.

Tôi nằm trần truồng trên đất. Phòng tắm tan hoang. Thần kinh xơ xác. Tôi nghĩ đến một điều gì đó mà không nghĩ ra. Một vài giọt máu dập ở môi trong mằn mặn. Từ đầu cuốn phim lúc nãy quay lại, chậm chạp mà rõ ràng. Tôi nằm đó xem lại cuộn phim trong trí nhớ. Cảnh người lính thủy xung đột vi thủy thủ đoàn, ý niệm danh dự giằng co trong đầu viên thuyền trưởng. Những người Trung hoa quá khích. Những pha bạo động. Người phụ máy bị tra tấn. Người nữ truyền giáo thơ ngây. Viên đạn bắn vào bụng Steve Mc Queen trổ ra sau lưng, câu nói bừng tỉnh trước khi chết. Câu nói? Người thủy thủ nói điều gì tôi không hiểu? Giống xem phim câm không có tiếng...

Lâu lắm lúc tôi gượng dậy trời vẫn sáng tỏ. Toàn đang ngồi khóc ở bàn ăn. Tiếng khóc thút thít hiền lành. Tiếng khóc của Toàn thời thơ ấu. Cánh cửa sổ mở rộng, không có chút nắng nào. Tôi nhìn bầu trời, màu trời đục lờ lờ. Đột nhiên tôi nhớ lại tất cả, nhớ từng chi tiết thật kỹ càng. Nhớ từ lúc đặt chân xuống thuyền vượt biên gặp hải tặc cho đến lúc Toàn hãm tôi mới đây. Nhớ cả câu nói của người lính thủy bị bắn. Nhưng mà... *Trời ơi! Chuyện gì đã xảy ra? Chúng tôi còn ở Vũng tàu hôm qua kia mà!* Tôi gục xuống, Toàn quay lại mặt đầy thẹo. Vết thẹo. Trời ơi, buổi sáng.

NGUYỄN HƯNG QUỐC

những họa phẩm của trần vũ

●

Đọc truyện *Vườn Thượng Uyển Bỏ Hoang* của Trần Vũ, tôi thích hình ảnh một cô giáo hội họa và một đứa học trò, sau tháng Tư 1975, bị đẩy bật khỏi nhà trường, lang thang lếch thếch ra chợ trời kiếm sống, ở đó, ngay trên vỉa hè, những buổi trưa nắng lóa và ế khách, ngồi thẫn thờ nhìn lên những cây me gầy guộc, họ bàn với nhau về một bức tranh tả thành phố sau đại họa. Bức tranh cứ thay đổi hoài tùy theo cảm xúc và trí tưởng tượng, chỉ có cái nền là cố định: một cái nền màu đỏ, đỏ ối, màu đỏ của miền nhiệt đới đồng thời cũng là màu đỏ kinh hoàng của một chế độ chuyên chính, tàn bạo.

Tôi có cảm tưởng, khi cầm bút, Trần Vũ muốn tiếp tục công việc của các nhân vật của mình: vẽ lại giai đoạn lịch sử thảm khốc mình đang sống.

Có thể nói, trừ *Mưa Bên Chồng* và *Đầm Lầy Hạnh Phúc*, tất cả các truyện ngắn còn lại trong tập *Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu* (1) đều là những phác họa, bằng ngôn ngữ, thật sắc sảo, số phận của dân tộc Việt nam suốt mấy chục năm qua, đặc biệt, mười lăm năm qua. Những bức phác họa có một đặc điểm giống nhau: ngột ngạt, thật ngột ngạt. Ngột ngạt không phải vì không gian Trần Vũ chọn làm bối cảnh cho các câu chuyện thường chật chội, tù túng, tối tăm: một vỉa hè, một ngôi nhà cũ, một mái trường lụp xụp, một căn hầm sâu hun hút hay một hành

lang dài thăm thẳm, chập chờn những ảo ảnh điên loạn. Ngay ở những bối cảnh rộng rãi hơn, một cánh đồng, một khu rừng, một đại dương, người đọc vẫn cảm thấy ngột ngạt như thường. Sự ngột ngạt không nẩy sinh từ diện tích mà từ không khí, một không khí oi oi, hầm hập, như lúc trời chuyển giông. Cảnh vật nếu không xao xác thì cũng xơ xác, buồn tênh. Ánh sáng nếu không tù mù thì cũng chói chang một cách hung bạo. Con người nếu không đối diện với những đe dọa khủng khiếp thì xũng bị bẹp dí dưới những bi kịch dữ dội.

Các nhân vật của Trần Vũ ai cũng mang dáng dấp lủi thủi, âm thầm, chịu đựng. Người lớn khổ, đã đành, ngay cả trẻ em cũng ngậm ngùi, cũng buồn bã. Ở trong nước, lơ láo giữa chợ trời hay vất vả mưu sinh, xót xa đã đành, ngay cả ở hải ngoại, tự do thênh thênh là thế, tâm hồn vẫn bất an.

Nhiều người khen ngợi khả năng phân tích tâm lý tinh tế của Trần Vũ. Tôi đồng ý. Nhưng tôi nghĩ, sở trường của Trần Vũ không ở đó. Theo tôi, sở trường của anh chủ yếu là ở chỗ: khả năng phát hiện và tái hiện diện mạo một giai đoạn hoặc một hiện tượng nào đó của lịch sử.

Có lẽ vì nhắm tới mục đích khắc họa diện mạo lịch sử, cho nên, Trần Vũ khai thác triệt để bút pháp tượng trưng: nhân vật chính, nhân vật trung tâm, nhân vật đóng vai trò một phát ngôn viên cho tư tưởng của tác giả ít khi là một con người cụ thể mà thường là một đồ vật, một biểu tượng. Nhân vật chính trong *Chiếc Dương Cầm* không phải là Hòa hay Tuyền hay em bé đầy bí mật mà là... chiếc dương cầm, chiếc dương cầm, ngày xưa, trước năm 1975, thánh thót nhã nhạc, bây giờ, sau 1975, bị bỏ quên, bị lạc giọng, và cuối cùng, hoàn toàn im tiếng. Nhân vật chính của truyện *Bên Trong Pháo Đài* không phải là Nhu, Huệ, Phấn hay người con gái xưng "tôi" mà là... một cái hầm, cái hầm khuất sâu dưới lòng đất, tối om, nhầy nhụa nước mưa và nhầy nhụa thú tính. Nhân vật chính trong truyện *Vườn Thượng Uyển Bỏ Hoang* không phải là cô giáo hội họa hay đứa học trò

tên Cường mà là... một bức tranh họ vẽ ra trong trí tưởng tượng những buổi trưa mệt mỏi ngồi thừ dưới gốc cây, ngay bên vệ đường Sàigòn oi ả, bụi bặm...

Sẽ không thể nắm bắt được tư tưởng của Trần Vũ nếu không để ý đến những "nhân vật – đồ vật" trong các truyện ngắn của anh. Người ta có thể xóa bỏ tên tuổi, hình dáng, diện mạo, thậm chí, xóa bỏ cả sự hiện hữu của những nhân vật như Hòa, Tuyền, Nụ, Nhu, Huệ, Phấn, Khiêm, Tiến... nhưng không thể xóa bỏ những đồ vật được Trần Vũ biến thành nhân vật trong các truyện ngắn của anh. Chiếc dương cầm thật ra là hình ảnh của Hòa, của Tuyền, của người dân miền Nam nói chung sau biến cố 30 tháng Tư 75. Căn hầm dưới lòng địa đạo thật ra là hình ảnh của cuộc chiến tranh nhục nhằn và khốn khổ của cái gọi là Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt nam trước đây. Cái hành lang dài, hẹp, đầy những ảo giác kinh dị thật ra là hình ảnh của những người Việt nam lưu vong lúc nào cũng quanh quẩn, bế tắc trong những bi kịch nội tâm không nguôi day dứt. Căn nhà cũ kỹ sau lưng Văn Miếu thật ra là hình ảnh của sự xung đột giữa nền văn hóa truyền thống cổ kính và nền văn hóa ngoại lai Cộng sản mới du nhập sau này...

Sắp xếp các truyện ngắn trong tập *Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu* lại với nhau, chúng ta có một bức tranh tương đối hoàn chỉnh mô tả số phận của đất nước sau khi miền Nam bị mất. Dân chúng chỉ có thể lựa chọn một trong hai con đường: hoặc là ở lại hoặc là ra đi. Ở lại, giống như một chiếc dương cầm âm thầm trong một góc tối của lớp học quạnh quẽ, chiếc dương cầm ở lại, giống như đám cỏ dại bị bỏ mặc dưới mưa nắng hay như những cây bắp bị phạt ngang, gẫy gập, mủ tràn ra đất (*Vườn Thượng Uyển Bỏ Hoang*). Ra đi có hai cách: hoặc là vượt biển hoặc là vượt biên giới sang Thái lan, băng qua vùng đất lửa Căm bốt. Cách đi nào cũng trùng trùng điệp điệp hiểm nguy, có lúc trở thành tuyệt vọng. Vượt biên giới sang Thái lan thì như các bạn bè của Trần Vũ, trong truyện *Đồng Cỏ Miên*: *"Khanh, Thắng, Côn, Mẫn, Trình và Luân là các bạn tôi trong trường*

phổ thông cấp III Bùi thị Xuân, của các lớp 11C17, 11C18, 12D30 và chuyên toán. Như rất nhiều thanh niên miền Nam sau "giải phóng", giữa năm học 1979, chúng tôi bị đi thi hành nghĩa vụ quân sự quốc tế bên Kampuchea. Rất ít sống sót trở về thành phố hay sang được Thái lan. Các bạn tôi biến mất, giản dị, âm thầm vào những đồng cỏ Miên hoang dại. Họ bị xóa tên đang khi đem tuổi trẻ lầm lũi tìm một lối thoát. Nhưng đất Thái? tệ hơn một lối thoát cay đắng". (tr.84). Truyện *Biển Rợn San Hô*, theo lời Trần Vũ là một câu chuyện hoàn toàn có thật: đó là chuyến đi của chính anh, năm 1979. Chiếc tàu, bốn ngày sau khi rời bến, bị mắc cạn trên một vùng san hô, rồi gặp bão, hơn bốn trăm người ra đi, gần một trăm người chết. Trong số những người sống sót, may mắn, có Trần Vũ, người mang tên là Biên trong truyện. Có phải vì ấn tượng hãi hùng này mà Trần Vũ trở thành bi quan khi chọn màu cho các bức tranh bằng chữ của anh: nếu không đỏ ối thì cũng tối sầm?

Sự bi quan ấy, nếu có, cũng không phải là đặc điểm nổi bật nhất của Trần Vũ. Đặc điểm nổi bật ở anh là nỗ lực phá đổ những ảo tưởng, những huyền thoại, để nhận diện cuộc đời một cách trần trụi, thô nhám, đen đúa như cái nó vốn có. Mà ảo tưởng và huyền thoại, ở Việt nam, từ trước đến nay, nhiều vô cùng. Trước năm 1975, có ảo tưởng và huyền thoại về con người anh hùng xã hội chủ nghĩa. Sau năm 1975, có ảo tưởng và huyền thoại về cuộc sống mới, bình đẳng, tự do và phồn vinh dưới sự lãnh đạo của đảng. Thêm một ảo tưởng và một huyền thoại mới chung quanh những người tỵ nạn: đất khách là một thiên đường.

Trần Vũ, bằng các truyện ngắn đầu tay của mình, đã đập tan những ảo tưởng và những huyền thoại ấy. Anh phân tích, anh phơi trần ra những bất hạnh, những bi kịch đang đè nặng trên số phận của con người, ở những thời điểm và địa điểm khác nhau.

Cao điểm của nỗ lực này là truyện ngắn *Ngôi Nhà Sau Lưng*

Văn Miếu lần đầu tiên được giới thiệu trên tạp chí Văn Học số 42, được nhiều người ngợi khen nhiệt liệt, xem như là một trong những truyện ngắn xuất sắc trong nền văn học Việt nam tại hải ngoại từ năm 1975 đến nay.

Ngôi nhà sau lưng Văn Miếu. Thật ra thì cái ngôi nhà ấy không nằm ngay sau lưng Văn Miếu. Ai đã từng sống ở Hànội hoặc ngắm nghía bản đồ Hànội nhiều lần đều biết là đường Quan Thánh, nơi có ngôi nhà ba gian tường quét vôi trắng mà Nụ trở về sau hai mươi năm xa cách vẫn thấy lặng lẽ như tờ, chỉ có một vài phiến lá bay rơi lao xao, xào xạc, vô hồn ấy nằm cách Văn Miếu khá xa. Nó thuộc một khu phố khác. Không thể nói là nó nằm ở trước mặt hay ở sau lưng Văn Miếu. Trần Vũ đã lầm. Cũng dễ hiểu: sinh ra ở Sàigòn, chỉ sống ở Sàigòn cho đến ngày vượt biển, năm anh mười bảy tuổi, tất cả những gì Trần Vũ biết về Hànội hoặc bất cứ một địa phương nào khác ngoài Sàigòn, Vũng tàu và Mỹ tho đều chỉ là những hình ảnh được lắp ghép từ vô số những lời kể của bố mẹ hoặc từ sách báo. Anh có sống ở Hànội một ngày nào đâu.

Trần Vũ lầm. Nhưng anh không sai. Cái ngôi nhà chứa đựng đầy bi kịch của Nụ, bao nhiêu năm không thay đổi, cứ càng ngày càng ngả màu, càng loang lổ, càng xanh rì sắc rêu kia, dù thuộc con đường nào, khu phố nào, thì nó vẫn cứ nằm ngay sau lưng Văn Miếu như thường. Bởi, ở đây, Văn Miếu không phải là địa điểm. Văn Miếu là một biểu tượng.

Được xây dựng vào tháng Chín năm Canh Tuất (1070), Văn Miếu là một nơi để biểu dương Nho giáo. Sáu năm sau, triều Lý cho xây ngay sau lưng Văn Miếu nhà Quốc Tử Giám, một hình thức trường đại học đầu tiên của Việt nam. Từ năm 1482, vua Lê Thánh Tôn có sáng kiến cho dựng, trong khu Văn Miếu, dãy bia đá khắc tên những người đậu tiến sĩ. Năm 1833, dưới triều Nguyễn, cũng trong khu Văn Miếu, người ta lập Khuê Văn Các làm nơi hẹn hò của những bậc văn nhân tài tử: họ đến đây để ngâm thơ, bình thơ, xướng họa với nhau.

Như vậy, qua nhiều thời đại, Văn Miếu là một trung tâm giáo dục và là một trung tâm sinh hoạt văn học. Ngày nay, giữa lòng Hànội, không còn hoạt động nữa, Văn Miếu vẫn tiếp tục tồn tại một cách uy nghi. Như một di tích lịch sử. Hơn nữa, như một biểu tượng của nền văn hóa Việt nam.

Trong bài *Từ gác Khuê Văn đến quán Trung Tân* đề tựa cho quyển *Từ Trong Di Sản*, sau, in lại trong tập *Thơ Văn Chọn Lọc* xuất bản tại Nghĩa Bình năm 1988, Chế Lan Viên kể, trước năm 1975, lúc ở Hànội, cũng như sau năm 1975, lúc đã vào Sàigòn, trong những dịp trở ra Hànội, ông thường hay đến Văn Miếu, dừng chân nhìn lên gác Khuê Văn, ngắm những rùa đá rêu phong đỡ các bia tiến sĩ, bức hoành phi còn lại nét chữ của Nguyễn Nghiễm, thân phụ nhà thơ Nguyễn Du, lững thững dạo trên những con đường lát gạch người xưa đã đi và, giữa những mặt hồ yên tĩnh, dưới những bóng cây râm mát, trong mùi hoa đại thoang thoảng, ông bồi hồi thả hồn về quá khứ, củng cố thêm niềm tự tin và tự hào đối với đất nước.

Chắc hẳn không phải chỉ có một mình Chế Lan Viên. Từ bao lâu nay, cánh cổng Văn Miếu đã mở ra, chào đón dễ chừng đến cả hàng triệu người vào chiêm ngưỡng. Mọi người giống nhau: họ đi vào cổng trước, nhìn từ chính diện, để thưởng thức vẻ đẹp kiến trúc hài hòa của Văn Miếu, để ngưỡng mộ cái di tích nguy nga của một nền văn hóa lâu đời.

Mọi người đều có lý. Và Trần Vũ nữa, anh cũng có cái lý của anh khi không theo người khác vào cổng chính mà một mình lặng lẽ đi bọc ra phía sau, sau lưng Văn Miếu, sau lưng huyền thoại, nơi cái bóng Văn Miếu đổ xuống, tạo thành một vùng âm u, ướt lạnh.

Vâng, cái ngôi nhà mà Nụ trở về sau hai mươi năm xa cách thực chất là một phản diện của Văn Miếu. Ở đây không có hào quang. Ở đây chỉ có toàn bi kịch. Và những bi kịch ấy hầu hết đều là hậu quả của cả một nền văn hóa nặng nề, ngưng đọng cả hàng ngàn năm.

Coi ngôi nhà cũ của Nụ như là một phản diện của Văn Miếu, chúng ta mới hiểu tại sao, cuối truyện, Trần Vũ buông bút viết một câu khốc liệt: *"Chỉ còn ngôi nhà nằm sau lưng Văn Miếu luôn ở đó, đời đời như một vết nhơ"*. Chúng ta mới hiểu tại sao, cụ Cố, Thầy và Mợ Nhài, những con người bình thường hiền lành và âm thầm lại trở thành hung bạo đến dường ấy, hung bạo đến độ mất hết cả lương tri, dùng gậy cứng quất tới tấp trên thân thể quằn quại vấy máu của Nhài, chỉ vì một lý do lãng nhách: *"Mày theo giai đấy phỏng?"*

Cụ Cố, Thầy và Mợ Nhài không phải là những người độc ác, thế nhưng, cuối cùng, họ đã có những hành động vô cùng ác độc. Sự ác độc này không gắn liền với bản tính họ. Nó gắn liền với cách nghĩ đã trở thành truyền thống trong xã hội: coi tình yêu và bản năng là những gì xấu xa. Phản ứng của họ là phản ứng của cả một nền lễ giáo vừa cổ hủ vừa khắc nghiệt.

Nhài đã bỏ nhà đi theo Việt minh làm cách mạng. Khởi đầu của cách mạng là một sự thù hận. Cách mạng, như thế, với Nhài, trước hết là một hành động trả thù những thế lực tinh thần mang đầy tính chất phong kiến trong xã hội.

Cách mạng thành công, cướp được chính quyền ở miền Bắc năm 1954, Nhài và vô số những người làm cách mạng khác đã thực hiện điều họ mơ ước: đấu tố những người đã từng đày đọa mình đến sống dở chết dở.

Hai mươi năm sau, Nhài hóa thành Nụ, trở về ngôi nhà cũ, để ngắm nghía những công trình của cách mạng. Chẳng có gì cả. Khung cảnh vẫn y nguyên. Ngôi nhà không thay đổi. Cả cái mảnh ngói mẻ nằm ở hàng thứ mười từ máng xối đếm lên vẫn còn đó. Tất cả còn đó và tàn tạ dần với thời gian. Bức tường vôi cứ càng ngày càng ngả màu. Chiếc khăn chùi kiếng của Thầy Nhài cứ càng ngày càng tơi tả. Chẳng có điều gì thay đổi cả.

Mà không. Có. Cũng có thay đổi đấy, ít nhất là hai điều. Thứ nhất, trên cái nền cũ kỹ, vàng ố của ngôi nhà sau lưng Văn Miếu, xuất hiện những dấu tích của một cuộc trả thù tàn khốc. Cụ Cố

bị tàn phế, bán thân bất toại, nằm liệt trên giường. Thầy của Nhài, mắt bị lòa, suốt ngày ngồi ngơ ngác trước sân, tay hết mày mò gọng kiếng thuốc cong queo lại mân mê cái khăn nhung sờn cũ, rồi nâng niu cây gậy chống kiểu Tây thuở xưa. Bà mẹ của Nhài, sau thảm họa, trở thành u uất, câm nín, đi ra đi vào như một cái bóng, cơ hồ không còn biết cười là gì. Sự thay đổi thứ hai là sự thay đổi trong tâm hồn của Nụ: những rạo rực đã qua, những xôn xao đã lắng, những hận thù đã tắt, chỉ còn lại cảm giác bẽ bàng và cay đắng của một người bị phản bội.

Chỉ trong một truyện ngắn, không có một câu nào mang hơi hướm chính trị, Trần Vũ đã vạch trần được bản chất của cái gọi là cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc: hình thành từ sự thù hận, nó chỉ đạt được một thành tích duy nhất là đập phá. Nó chống lại nền văn hóa cũ nhưng lại không dựng lên được một nền văn hóa mới. Công trình của nó, suốt mấy chục năm, với bao nhiêu mồ hôi và nước mắt, chỉ ngổn ngang những đổ vỡ, những mất mát, những hư hao. Nó chỉ là một sự vay mượn mù quáng những ý thức hệ ngoại lai, hoàn toàn phi Việt. Có phải vì muốn nói lên điều này mà Trần Vũ cho Nhài chỉ là một đứa con nuôi, không từng cất tiếng khóc oe oe chào đời trong ngôi nhà sau lưng Văn Miếu?

Ngoài sự sâu sắc trong tư tưởng, Trần Vũ còn có thêm một ưu điểm nữa: sự táo bạo trong việc sử dụng các kỹ thuật dựng truyện. Ở trên, tôi có nói phác qua về bút pháp tượng trưng. Riêng trong truyện ngắn *Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu*, Trần Vũ đã sử dụng tài hoa kỹ thuật đồng hiện trong kết cấu và kỹ thuật nhị trùng trong tính cách nhân vật. Quá khứ và hiện tại cứ xen kẽ nhau, tồn tại bên nhau, chuyện hai mươi năm trước và hai mươi năm sau cứ như diễn ra cùng một lúc; giữa ngoại cảnh và nội tâm, giữa đối thoại và độc thoại, giữa thực và ảo như không có biên giới. Thoạt đầu, ai cũng tưởng Nụ và Nhài là hai người khác nhau. Mãi đến cuối truyện, người đọc mới giật mình ngơ ngác, té ra Nụ và Nhài chỉ là một: Nhài chính là hình ảnh của Nụ hai mươi năm trước. Gấp sách lại, ngẫm nghĩ một lúc,

người ta lại phát hiện thêm, Nụ và Nhài tuy là một mà lại vẫn là hai: về phương diện tâm lý, và từ đó, về phương diện vai trò trong truyện, Nụ không còn là Nhài nữa. Nụ là lương tâm của Nhài, là nhân chứng của lịch sử, là kẻ tố giác cái vết nhơ sau lưng Văn Miếu đồng thời tố giác sự vô hiệu của cuộc cách mạng Nhài tham dự.

Trần Vũ thành công ở phương diện xây dựng hình tượng, xây dựng kết cấu và tìn kiếm chủ đề, tư tưởng cho tác phẩm hơn là thành công ở phương diện ngôn ngữ. Cũng giống như nhiều nhà văn trẻ khác, rời quê hương quá sớm, Trần Vũ thường bối rối, có lúc vấp váp, trong công việc chọn chữ, đặt câu. Văn phong của anh giản dị, gãy gọn, nhưng chưa có được một sắc thái riêng biệt hẳn. Một vài trường hợp anh dùng sai từ ngữ (2).

Trần Vũ có trí tưởng tượng mạnh và dường như anh rất tự tin vào trí tưởng tượng của mình. Chưa qua Miên, chưa ra Hànội, chưa xuống địa đạo Củ chi bao giờ, anh vẫn dám chọn những địa điểm ấy làm bối cảnh cho truyện của mình. Sự can đảm ấy có khi trở thành liều lĩnh: nó làm cho anh thỉnh thoảng mắc một vài khuyết điểm không đáng có. Như lầm tên đường sau lưng Văn Miếu, chẳng hạn.

Sắc sảo quá trong việc quan sát cuộc đời dễ khiến cho người ta thành ra bi quan. Trần Vũ không thoát khỏi thông lệ ấy. Bức tranh nào anh vẽ ra cũng u ám. Không khí trong truyện của anh như bị rút hết dưỡng khí. Ngột ngạt và nặng nề. Tình tiết câu chuyện có thể thay đổi với vận tốc khá nhanh nhưng cái không khí ấy cứ ngưng đọng mãi, oi oi trên từng câu, từng chữ. Không có khung cảnh nào gọi được là đẹp đẽ hay thơ mộng. Nằm bên chồng mà vẫn nghe lạnh lẽo những giọt mưa rơi: "*Mưa Bên Chồng*". Hạnh phúc, nếu có, trông đến là tội nghiệp: "*Đầm Lầy Hạnh Phúc*". Hào kiệt chỉ còn trong giấc mơ: "*Vũng Lầy Hào Kiệt*" (3).

Mỗi truyện ngắn thành công của Trần Vũ như một phiến gương. Soi vào đấy, chúng ta bắt gặp diện mạo bi thảm của chính

mình. Phiến gương long lanh như một giọt nước mắt lớn long lanh.

Chú Thích:

1. Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu, tập truyện ngắn đầu tay của Trần Vũ, Thời Văn xuất bản, 1990.
2. Tiêu biểu hơn cả là trường hợp Trần Vũ dùng chữ "Xẩm" để chỉ những người phụ nữ gốc Hoa trong truyện "*Biển Rợn San Hô*". Thật ra, "xẩm" không phải là người Tàu mà là những người mù đi ăn xin. "Xẩm chợ" là điệu hát rong của những người mù.
3. "*Vũng Lầy Hào Kiệt*" là tựa đề một truyện ngắn của Trần Vũ đăng trên tạp chí Văn số 95, tháng Năm 1990, sau khi Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu đã xuất bản.

Muốn an tâm khi đi mua máy Computer, không gì bằng đến

ACS ADVANCED COMPUTERS

1714 E. Mc. FADDEN Ave. SUITE 0
SANTA ANA, CA. 92705
Tel. (714) 648-0325 Fax. (714) 648-0326
STORE HOURS MON – SAT: 9AM – 7PM.
• Bán si và lẻ computer giá hạ
Nhận VISA & MASTER CARD & Trả Góp
Nhận gửi đi xa qua UPS
IBM COMPATIBLE 100%
• XT/AT $475/$675
• AT 286/VGA/20Mb HD $1395
• AT 386-20/65Mb HD $1695
(All System Include 1 year Part & Labor Warranty)

Đặc Biệt

• *LaserJet printer memory upgrade:*
1Mb. **$249.00**/*2Mb.* **$369.00**/*4Mb.* **$579.00**
(Expansion board & Ram)

phong vũ tiêu tiêu lôi vũ động

NGUYỄN ĐỨC LẬP

CHƯƠNG VII

Ngồi trên một chiếc ghế dựa, kê dưới giàn bầu, bà Chủ Thạnh vừa nhai trầu nhóc nhách, vừa ngó theo cô Hai Lựu.

Cô Hai Lựu đang đi qua, đi lại dưới cái giàn mướp. Tay cô cầm một cái rổ quải, cô tìm hái những bông mướp để nấu canh cho bữa cơm trưa. Bộ điệu của cô không được xăng xái cho lắm. Những chùm bông mướp nở vàng đầy giàn, đong đưa theo gió sớm. Vậy mà, cô cứ lượn qua lượn lại làm như khó kiếm khó tìm. Nét mặt của cô lại thẫn thờ, lửng đửng lơ đơ như nước ở trong bàu. Đã vậy mà cô còn cất giọng hát nho nhỏ.

Bà Chủ Thạnh cau mặt khi tiếng hát của cô Hai Lựu lọt vô lỗ tai:

Giấy hồng đơn bán mấy
Cho em mua lấy một tờ
Viết thơ quốc ngữ
Dán trên trái bưởi
Thả xuống sông hồ
Bớ người quân tử trên bờ
Xuống sông vớt bưởi để mà xem thơ...

Là mẹ chồng, khi nghe con dâu hát những lời lẽ như vậy, bà Chủ Thạnh phân vân, bi hồi trong bụng. Bà chợt nhớ tới thái độ của cô Hai Lựu trong độ chừng một tuần lễ đổ lại đây. Cô không còn hay nói, hay cười. Cô không còn hăng hái xốc vác việc nhà việc cửa. Làm thì cô cũng làm, nhưng cô làm ầu ơ ví dầu, không có để hết tâm trí vào. Cô hay đứng trước cửa sổ, bâng

khuâng tư lự nhìn trời nhìn đất. Thỉnh thoảng, cô lại thở dài một cách kín đáo.

Bà Chủ Thạnh giựt mình. Trời đất quỷ thần ơi, "con gái thở dài, con trai nằm xấp" rồi đây mà. Con trai bà vắng nhà đã lâu, hay là đã tới lúc cô dâu xinh đẹp nheo nhẻo của bà đã sinh sự ước muốn chuyện nọ, chuyện kia?

Cô Hai Lựu vẫn đi qua đi lại. Làm như cô đang đi vườn hoa ngắm cảnh, chớ không phải lo hái hoa để nấu canh.

Cặp mắt bà Chủ Thạnh không rời khỏi cô Hai Lựu. Bà ngó cặp mông tròn ủm vun chùm dưới lớp vải Mỹ A đen bóng, bộ ngực bề thế căng cứng dưới lớp áo lụa lèo mỏng manh của cô con dâu. Bà lại ngó đôi gò má ửng đỏ của cô Hai Lựu. Bất giác, lòng bà dấy lên một niềm lo sợ. Úy mẹ ơi, không khéo mà "hỏa" của con nhỏ lên tới đầu. Nó trẻ quá mà. Nó mơn mởn quá mà. Da thịt của nó thiếu điều muốn căng đứt đường chỉ mà. Nó lại xa chồng đã quá lâu...

Bà Chủ Thạnh tằng hắng một cái, tính lên tiếng kêu cô Hai Lựu, nhưng, bà chợt khựng lại. Cô con dâu của bà đang lên tiếng hát nữa:

Cái Răng, Ba Láng
Vàm Xáng, Cầu Kinh
Anh có cho em thì cho ngãi, cho tình
Đừng cho lúa gạo, dân tình họ mỉa mai...

Thôi chết một cửa tứ rồi! bà Chủ Thạnh la khổ thầm trong bụng. Cái câu hát của người ta là "*Cái Răng, Ba Láng, Vàm Xáng, Phong Điền, anh có cho em thì cho bạc cho tiền, đừng cho lúa gạo xóm riềng họ hay*". Sao nó sửa lại kỳ cục làm vậy? Bụng nó chắc đã rối rắm dữ rồi, đã tính tới cái sự "vọc nước giỡn trăng" rồi. Cớ sự này, nếu không khéo đối phó, ắt phải tan hoang nhà cửa, ra đường chỉ còn có nước lấy quần che lên mặt mà chớ.

Muốn toát mồ hôi hột, bà Chủ Thạnh đứng dậy một cái rột. Bà tất tả đi vô nhà để kiếm chồng. Giọng hát của cô Hai Lựu còn văng vẳng đuổi theo thấu tới tai bà:

Đèn soi trong quán
Tỏ rạng bờ kinh
Anh có thương em thì ăn nói cho thiệt tình
Đừng để cho em lên xuống một mình bơ vơ...

Ông Chủ Thạnh đang ngồi uống nước trà buổi sáng trên chiếc trường kỷ. Bà Chủ Thạnh ngồi phịch xuống khít rịt bên chồng. Mặt bà cau có, bà thở dài thậm thượt. Ông Chủ Thạnh lấy làm lạ vô cùng. Vợ ông không mấy khi lăng xăng lít xít, lo âu ra mặt như vậy. Cái tánh trời cho của bà là việc gì cũng hướn đãi, "đặng không mừng, mất không lo".

Không để cho chồng kịp hỏi han, bà Chủ Thạnh đã kê miệng vô sát lỗ tai của ông. Giọng bà cứng nhưng nhỏ rức:

– Nhà mình không khéo mà tan hoang tới nơi. Cái xấu hổ này, tui với ông khó mà gánh vác cho nổi.

Bà cố tình chỉ để cho những lời lẽ của bà lọt vô tai chồng, không để cho kẻ ăn người làm trong nhà nghe biết. Bà muốn nổi quạu khi thấy sắc mặt của chồng vẫn điềm tĩnh tự nhiên, không có vẻ gì là như muốn chia sớt cùng bà nỗi lo lắng đang dậy trong lòng. Bà cũng hơi cụt hứng khi thấy sự bôn chôn, chộn rộn của bà không được chồng đáp ứng một cách tích cực.

Ông Chủ Thạnh bình tĩnh, giọng ông cũng nhỏ rức:

– Bà muốn nói tới con Hai?

Bà Chủ Thạnh nhích ra, ngồi xa chồng một chút. Bà bực tức ngó thấy:

– Chớ ông còn muốn tui nói chuyện gì nữa?

Có vẻ như ông Chủ Thạnh muốn trách vợ tuy giọng nói của ông vẫn trầm trầm:

– Bà là nội tướng trong nhà. Lẽ ra, chuyện này bà phải biết sớm hơn mới phải. Tới bữa nay bà mới cho tui hay, kể cũng quá muộn rồi đó. Nhứt cử, nhứt động của con cái hay của kẻ ăn người ở trong nhà, bà là chủ trì, bà phải biết sớm.

Bà Chủ Thạnh trợn hai con mắt thò lõ lên nhìn chồng. Mặt

bà chợt xụ xuống. Những lời trách cứ, tuy không gay gắt, nhưng đầy thâm trầm của chồng, khiến cho lòng bà xốn xang.

Bà lắp bắp:

– Coi cái nào này, nhắm chừng ông đã biết?

Ông Chủ Thạnh gật đầu xác nhận:

– Đã mấy ngày này.

Bà Chủ Thạnh ấm ức:

– Sao ông không cho tui hay liền?

Ông Chủ Thạnh trả lời gọn:

– Tôi đợi bà cho tôi hay trước mới phải.

Bà Chủ Thạnh cúi mặt. Bà có hơi mắc cở với chồng. Từ ngày về làm vợ ông, bà đã được ông tin cậy giao hết mọi việc sắp xếp, đặt để trong nhà. Bà muốn làm gì, cứ tự ý mà làm, ít khi ông bàn tới bàn lui. Vậy mà, chỉ có việc chăm ngó đứa con dâu, bà lại ơ hờ, giãi đãi. Chồng bà có ý trách bà là phải quá đi rồi chớ còn cái gì nữa.

Nhìn những nét thay đổi, diễn biến trên mặt vợ, ông Chủ Thạnh như đọc được nỗi lòng của bà. Mấy chục năm đầu ấp tay gối rồi chớ ít ỏi gì sao? Ông ôn tồn an ủi vợ:

– Sự thể như vậy, bà cũng không nên lo lắng quá mà sanh ra hao tổn. Cũng chưa tới nỗi gì đâu. Bà cũng đừng có nóng nảy mà làm ra những sự không hay, tới tai cô bác trong làng.

Bà Chủ Thạnh hầm hừ:

– Ông biểu tui để đó mà chịu hay sao?

Ông Chủ Thạnh cười cho vợ yên lòng:

– Phòng thì vẫn phải phòng chớ, bà. Tôi chỉ nói là bà không nên làm ầm nhà ầm cửa. Thiệt sự ra, hình tích của nó cũng đâu đã rõ ràng gì. Nó còn trẻ, chồng nó lại đi xa, nó thấy có người đẹp tướng, tốt trai. Lòng xuân nó phát động...

Bà Chủ Thạnh lấy tay đè lên ngực. Bà kêu lên:

– Nghe ông nói, tui muốn bứt thở... Vậy mà ông nói không tới

nỗi nào. Chắc ông đợi tới khi nó cuốn gói đi mất, ông mới cho là tới nỗi nào hay sao?

Một ý nghĩ vừa lóe lên, bà khựng lại một chút. Giọng bà trở nên dồn dập:

– Ông nói nó thấy người tốt tướng, đẹp trai. Ông muốn nói ai vậy?

Bà bỗng ngập ngừng:

– Hay là... hay là... Ông muốn nói thầy Tâm Đức?

Ông Chủ Thạnh im lặng như muốn gián tiếp xác nhận câu nói của vợ là đúng.

Bà Chủ Thạnh phân vân:

– Không lẽ như vậy? Thầy Tâm Đức là kẻ tu hành, lẽ nào thầy lại...?

Ông Chủ Thạnh chận lại liền:

– Bà đừng nói bậy nói bạ mà mắc tội. Tôi chỉ mới nói rằng đây là con dâu của mình thấy bộ tướng của thầy Tâm Đức mà động lòng thôi. Chớ riêng thầy, tôi đâu có nói thầy có tình ý với con Hai.

Bà Chủ Thạnh lẩm bẩm:

– Lẽ ra, ông không nên chấp chứa thầy Tâm Đức trong điền đất của mình, nhứt là ngay trong vườn của mình.

Ông Chủ Thạnh cúi đầu. Lần đầu tiên, vợ ông dám lên tiếng phê bình, đụng chạm với việc giao thiệp, khách khứa của ông, mà ông không lên tiếng phản đối vợ chút nào.

Ông chỉ ân cần dặn vợ:

– Về phần con Hai, bà chỉ nên để tâm mà dòm ngó nó. Bà phải làm bộ chăm lo, săn sóc cho nó đặng theo sát một bên nó. Đừng để nó đi đứng luông tuồng mà nó có cơ hội làm điều bất mục. Nó cũng là đứa biết phải, hiểu đạo lý, chớ không tới nỗi là phường trên bộc trong dâu. Lòng nó lộn xộn một thời gian, nếu mình khéo kềm giữ, nó sẽ hết.

Ông nhấn mạnh:

– Cần nhứt là bà phải làm bộ như không biết gì hết. Nếu nó hiểu là bà đã hay biết, nó sanh mắc cở, rồi nó dám làm liều lắm đó.

Bà Chủ Thạnh làm thinh. Chẳng phải là bà không tán thành những ý kiến khôn ngoan của chồng. Nhưng với nỗi hậm hực trong lòng, bà thấy rằng những biện pháp mà ông đề ra sao quá nhẹ.

Ông Chủ Thạnh nói thêm:

– Tốt hơn hết, là nên lấy cớ bị một cái bịnh gì đó, thiệt nặng. Bà biểu nó vô ngủ với bà, để canh chừng bà mỗi đêm. Từ nay, tôi sẽ ngủ ở phòng khách...

Ông nói như ra lịnh:

– Thôi, bà ra ngoài vườn với nó đi. Nhớ, đừng có làm bộ mặt bò hung...

Bà Chủ Thạnh lạch bạch đi ra. Nghe lời chồng, bà cố làm ra vẻ mặt thật vui vẻ tự nhiên.

Ông Chủ Thạnh hài lòng khi nghe giọng nói mềm mỏng của vợ:

– Hai à, coi hái đủ chưa, vô nhà đi con. Nắng lên cao lắm rồi đó.

Còn một mình, trầm ngâm trước tách trà nguội ngắt, ông Chủ Thạnh khe khẽ thở dài. Thiệt là, bao nhiêu chuyện dồn dập đổ xuống, một mình ông phải gánh chịu, phải lo giải quyết, nghĩ muốn điên đầu.

Ông để ý theo dõi đứa con dâu kể từ hôm ông tình cờ bắt gặp cô thơ thẩn ở trong vườn giữa lúc hừng đông chưa kịp rạng. Mặc dầu cô đã giải thích là cô đi dạo vườn để hưởng cái không khí trong lành của ban mai. Nhưng, làm sao mà ông tin được. Ông đã biết rõ người con dâu không có thói quen này.

Sau đó, có đêm, ông thấy đèn phòng cô thắp sáng thâu canh. Đứng gần cửa sổ, ông nghe những câu hát ngụ đầy tình từ lộn xộn của cô. Nghe những câu hát này, ông thầm phục đứa con

dâu. Mấy câu hát ở đâu trong bụng nó mà nó hát hoài cũng không hết. Đã vậy mà nó lại có tài sửa chữ đổi câu. Từ những câu diễn tả nỗi lòng của người vợ xa chồng, nhớ thương chồng, nó sửa thành ra những câu bày tỏ cái tình cảm rắc rối lăng quằng của nó.

Có bữa, ông Chủ Thạnh nghe cô Hai than thở:

Vịt nằm bờ mía có đôi
Cám cảnh thương người một bóng đơn côi
Đơn côi khổ lắm ai ơi
Gởi thơ, khó gởi, trao lời, khó trao.

Ông nghe rồi mà lòng bất bâng khuâng, thấy mài mại câu hát quen quen. Cố nhớ một hồi, ông mới tìm ra được câu hát chính gốc, mà từ đó, cô Hai Lựu đã sửa lại:

Vịt nằm bờ mía rỉa lông
Cám cảnh thương chồng đi học đường xa
Đư ng xa, xa lắm anh ơi
Gởi thơ, thơ lạc, gởi lời, lời quên

Nhớ được rồi, ông Chủ Thạnh mới thất kinh. Từ một câu hát nhớ chồng, đổi lại thành câu hát nhớ trai, quả là cô con dâu của ông đang tính chuyện lộn nài tháo ống, trốn chúa lộn chồng, chớ không phải cô chỉ mới manh nha lẩn thẩn theo cái kiểu: "*ngồi buồn vọc nước giờn trăng, nước xao trăng lặn, buồn chăng hỡi buồn*".

Ông càng lo, trong bụng thiếu điều đánh lô tô, khi nghe từ cửa miệng của cô Hai Lựu phát ra câu hát:

Bước xuống ruộng sâu, em mảng sầu tấc dạ
Tay ôm bó mạ, lụy ứa đôi hàng
Ai làm cho lỡ chuyến đò ngang
Cho loan với phượng đôi đàng biệt ly

Ông Chủ Thạnh hiểu ngay là cái hình bóng nào đã làm cho cô con dâu son trẻ của ông đứng ngồi không yên. Và, ông để tâm theo dõi đối tượng đã khiến lòng dạ cô Hai Lựu xốn xang, "mảng sầu tấc dạ", sư Tâm Đức.

Từ lâu, ông đã kín đáo theo dõi sư Tâm Đức. Kể từ ngày cô Hai Lựu biến tánh, ông càng để ý mà theo sát nhà sư này hơn. Khổ một nỗi, bụng ông thì như lửa đốt, mà ngoài mặt, ông phải tạo ra một vẻ hết sức bình thường, lòng ông thì ngổn ngang trăm mối, năm liệu bảy lo, mà bề ngoài, ông vẫn phải làm ra vẻ tỉnh mỉnh như không. Đâu có mấy ai ở trong cảnh "bối rối như vôi mới hầm" đó để mà thông cảm, chia sớt cùng ông. Cái chuyện xấu hổ trong nhà đâu có thể nói cho người ngoài biết, cho dù người ngoài đó là bạn thân của ông, ông Hương Giáo Kiểm hay là gia nhơn thân tín mà ông coi như là con ruột, Hai Quờn.

Do hai, ba lý do dồn lại một, ông Chủ Thạnh càng gia tăng sự dòm ngó đối với sư Tâm Đức. Ông an lòng được một mặt là tuyệt nhiên không có dấu hiệu gì chng tỏ nhà sư này có manh tâm tình ý đối với cô con dâu nõn nường của ông. cô Hai Lựu đang thơ thẩn dạo vườn vào lúc trời chưa hửng nắng hoặc vào lúc chạng vạng nhá nhem tối, điều đó có, nhưng, ông Chủ Thạnh chưa bao giờ thấy sư Tâm Đức xuất hiện vào những lúc này.

Chỉ có một lần, trước mắt ông Chủ Thạnh, cô Hai Lựu lăng quăng qua lại tr6en bờ, còn sư Tâm Đức thì vùng vẫy ở dưới sông, một sáng tinh mơ. Có lẽ, thấy cô Hai Lựu, sư Tâm Đức lặn sâu dưới mặt nước và lên bờ ở một nơi nào đó để về nhà. Sau buổi sáng này, ông Chủ Thạnh không thấy sư Tâm Đức tắm sông như thường lệ nữa.

Ông Chủ Thạnh bằng lòng nhà sư này lắm. "*Đi qua vườn dưa, không nên cúi xuống sửa giày; Đứng dưới cây mận, không nên đưa tay lên sửa mũ*". Nhà sư này biết tránh né những tỵ hiềm, ông cũng đỡ lo.

Tuy nhiên, không lo mặt này, ông Chủ Thạnh phải lo mặt khác. Đó là hành tung bí mật của nhà sư vào ban đêm. Ông nóng lòng muốn biết ai là kẻ đã bơi xuồng đón nhà sư, với mật hiệu là tiếng cú rúc trong lùm...

*

Cái tin bà Chủ Thạnh bị bịnh ngặt nghèo, sau một cơn ngất

xỉu trong lúc đang nướng bánh bò trong bếp, không mấy chốc mà lan ra khắp làng. Đây là do mấy cái miệng thèo lẻo của đám gia nhơn trong nhà.

Tá điền của ông Chủ Thạnh lại thăm tấp nập. Người nào cũng muốn nhơn dịp này để bày tỏ lòng biết ơn của họ đối với vợ chồng ông điền chủ tốt bụng. Chẳng có người nào tới tay không. Kẻ thì cắc củm đem tới một chục hột gà. Người thì khệ nệ xách theo quầy chuối. Có người lại bưng tới một mâm cam sành. Họ biết rằng nhà ông Chủ Thạnh không thiếu gì những thứ đó, nhưng thăm người bịnh, không lẽ xách cái mình không mà tới.

Ông Chủ Thạnh ngồi ở nhà giữa mà tiếp khách. Đối với ai, ông cũng niềm nở, vui vẻ hỏi han. Người ta tới để thăm bịnh vợ ông, nhưng, coi bộ ông hỏi thăm người ta nhiều hơn. Ông hỏi về mùa màng, về con cái của từng người. Ông chỉ cho mọi người biết là vợ ông bị đau tim nặng, sấp ngửa ra sao chưa biết. Ông từ chối hết thảy mọi người khi họ ngỏ ý muốn gặp tận mặt vợ ông để vấn an. Ông nói:

– Cái bịnh đau tim này ngặt nghèo lắm, buồn nhiều cũng không đặng mà vui quá cũng không xong, nói chuyện lại càng không được. Bà con có bụng tới thăm, tôi rất cảm ơn. Để từ từ, ở nhà tôi khỏe lại, tôi sẽ nói cho bả biết.

Ai cũng có vẻ hậm hực khi không được giáp mặt với bịnh nhơn. Khi ra về, họ thêu dệt đủ mọi thứ chuyện chung quanh bịnh tình của bà Chủ Thạnh. Họ bàn tới bàn lui và đi tới kết luận là không khéo mà bà Chủ Thạnh sắp chết tới nơi, chết tức chết tối, chết mà không thấy được mặt hai đứa con.

Tới ngày thứ ba, ông Hương Sư Tòng và ông Giáo Kiểm mới tới thăm. Vừa bước vô nhà, ông Hương Sư Tòng đã nói liền:

– Nghe chị chủ bị bịnh nặng mấy bữa rày, nhưng thấy anh bận rộn khách khứa quá, tới bữa nay, hai đứa tôi mới tới được.

Ông Chủ Thạnh có hơi khách sáo:

– Hai anh tới là quá rồi. Tĩnh dưỡng được mấy ngày, bịnh ở

nhà tôi cũng đã có mòi thuyên giảm. Chắc thuốc thang vài bữa nữa sẽ đi tới đi lui được như thường.

Thái độ của ông Hương Sư Tòng có hơi gượng gạo. Vừa ngồi xuống ghế, ông vừa nói nhát gừng:

– Thiệt ra, vừa nghe chị chủ ngã bịnh, tôi đã muốn chạy qua liền, nhưng không thấy anh ch3u nói gì hết.

Thiệt ra, ông Hương Sư Tòng đã hậm hực suốt mấy ngày. Ông là một tay làm thuốc giỏi có tiếng trong làng. Từ đám hương chức hội tề có máu mặt, tới đám tá điền, ai bị bịnh hoạn cũng nhờ một tay ông chữa trị. Đối với người có tiền, ông chẩm mạch, cho toa, để họ ra chợ mà bổ thuốc Bắc. Còn đối với người nghèo, ông bốc thuốc Nam chứa sẵn trong nhà. Ông hậm hực vì đợi đã mấy ngày mà chớ hề thấy ông Chủ Thạnh cho người mời ông lại để cu bịnh.

Như đọc thấy nỗi bất mãn của ông Hương Sư Tòng, ông Chủ Thạnh liếc ông Giáo Kiểm một cái, rồi chúm chím cười:

– Bịnh ở nhà tôi là bịnh tim. Mà, bịnh tim cũng giống như bịnh giả đò. Có lúc thì mạnh sân sẩn, có lúc thì làm như sắp bức thở tới nơi. Tôi đã tính chạy qua anh mấy lần, nhưng ở nhà tôi bàn là để đợi mấy bữa coi sao cái đã, chưa chi mà chộn rộn quá, e không tiện.

Ông Hương Sư Tòng vẫn chưa hết hờn mát:

– Xưa nay, thầy đợi bịnh, chớ không mấy thuở mà bịnh đợi thầy. Với lại, giữa tui với anh còn cái gì mà tiện hay không tiện.

Ông Hương Giáo Kiểm phải ra miệng giảng hòa:

– Khắp cả vùng này, ai lại không biết anh Hương Sư làm thuốc mát tay có tiếng. Đây chắc là anh chủ thấy bịnh của chị chủ cũng chưa tới nỗi nào, nên mới chưa chịu tìm thầy.

Ông Hương Giáo chỉ vô mặt ông Chủ Thạnh:

– Anh Hương Sư coi kìa, nếu bịnh của chị chủ mà một sấp hai ngửa, bộ mặt của anh chủ đâu có tươi nhuận như vậy...

Ông Chủ Thạnh lớn tiếng kêu Hai Quờn, hối pha nước mời

khách. Đích thân ông Chủ Thạnh cầm lấy hai tách nước trà từ tay Hai Quờn. Ông tìm cách hướng câu chuyện qua lối khác để hai ông bạn đừng thắc mắc về bịnh tình của vợ ông nữa:

– Hai anh thấy mặt mày của tôi tươi nhuận như vậy, nhưng đây là trong héo ngoài tươi. Thiệt ra, tôi còn nhiều mối, lo tới rối ruột, lớp trong lớp ngoài lắm nỗi rối rắm không yên.

Ông Hương Giáo Kiểm chợt thở dài:

– Anh thì trăm lắng ngàn lo, mà tụi tôi thì đứng ngoài khoanh tay như kẻ bàng quan, nghĩ thiệt là không phải. Anh là người sâu sắc, có chuyện gì cũng để bụng mà tính kế một mình, khiến tụi tôi muốn hụ hợ với anh, cũng phải cua tay, vô kế khả thi...

Như sợ ông Hương Giáo nói hết ý, ông Hương Sư Tòng lật đật thêm liền:

– Trong khi đó, có chuyện gì, tụi tôi cũng chạy tới anh.

Ông bỗng hạ giọng:

– Nhờ sự giúp đỡ của anh mà các anh em về tới Cần thơ đã sắp đặt yên xong được nhiều việc.

Ông Chủ Thạnh khiêm tốn:

– Được vậy tôi cũng mừng. Chuyện là chuyện nước, chuyện chung của hết thảy mọi người. Dược góp tay với mấy anh một phần, tôi cũng mãn nguyện lắm rồi. Chỉ mong hai anh đừng thấy tôi không đặng tích cực lui tới bôn chôn mà đem lòng bỉ thử là quý lắm.

Ông Hương Sư Tòng vội vàng:

– Anh chủ nói chi tiếng ấy cho tụi tôi thêm mắc cở. Không có tay anh nhúng vô, dầu giỏi thế mấy, tụi tôi cũng đâu có gánh vác được điều chi.

Ông Chủ Thạnh nâng tách trà lên ngang mặt, tỏ ý mời khách. Ông Hương Sư Tòng và ông Hương Giáo Kiểm cũng cầm tách đưa lên. Không nói ra miệng, nhưng qua cử chỉ, giữa ba người có sự chào mời nghiêm cẩn.

Để tách trà xuống, ông Chủ Thạnh hướng về ông Hương Sư:

– Tôi vẫn còn nhiều điều thắc mắc, lắm phen đã muốn hỏi anh, nhưng không có dịp. Bữa nay, tiện thể, tôi mong anh chỉ dạy. Hôm trước, ở nhà anh cả, anh có nói Thiên Địa Hội...

Mấy câu mào đầu của ông Chủ Thạnh làm cho ông Hương Sư Tòng có hơi nóng nảy. Nghe tới câu cuối, ông thở ra một cái khì. Ông hỏi luôn:

– Anh còn thắc mắc điều chi? Bữa đó, biết cái gì, tôi đã nói hết.

Ông Chủ Thạnh bâng quơ:

– Không biết tới ngày giờ này Thiên Địa Hội có còn hoạt động hay chăng? Người của họ có còn nhiều không?

Ông Hương Sư Tòng trầm ngâm một chút. Dường như ông muốn cân nhắc là tại sao ông Chủ Thạnh lại hỏi như vậy. Ông trả lời theo kiểu phân hai:

– Hoạt động của họ, theo tôi nghĩ, có cách gì mà hết được. Hồi đó, tổ chức của họ bao trùm khắp lục tỉnh Nam Kỳ. Mười mấy người bị chết trước Khám Lớn, mười mấy người bị tuyên án tử hình ở tòa Áo Đỏ, đâu có khiến cho họ hết người.

Ông Chủ Thạnh trợn tròn hai mắt, làm ra vẻ ngạc nhiên:

– Anh nói gì mà mười mấy người bị chết trước Khám Lớn, mười mấy người bị tuyên án tử hình?

Ông Hương Sư Tòng ngập ngừng:

– Vụ này tui cũng chỉ nghe nói lại. Đây là vụ Thiên Địa Hội tổ chức đánh vô Khám Lớn Sàigòn để cứu Hoàng đế Phan Xích Long.

Ông Hương Giáo Kiểm tằng hắng một tiếng, rồi góp lời:

– Vụ Hoàng đế Phan Xích Long, tôi cũng có nghe loáng thoáng, không đặng rành rẽ. Hay là anh Hương Sư nói rõ cho tôi nghe với.

Ông Chủ Thạnh vội vã tán thành:

– Đúng đó, anh Hương Sư biết rõ, cũng nên kể cho tụi tôi nghe với.

Ông Hương Sư Tòng ậm à ậm ừ vài ba lần rồi mới thủng thẳng:

– Sự này tôi cũng chỉ được nghe qua. Nay, hai anh muốn thì tôi xin nói lại. Trúng, trật gì, tôi không dám bảo đảm. Đây chỉ nghe sao nói vậy mà thôi... Hoàng đế Phan Xích Long, người gốc đâu ở miền Trung, vô Sàigòn làm nghề hớt tóc. Thiên hạ đồn rằng Hoàng đế Phan Xích Long vốn là con ruột của vua Hàm Nghi. Bởi vậy, khi Hoàng đế Phan Xích Long đúc đai vàng, mão vàng, toan bề khởi sự, hảo hớn trong giang hồ đi theo rần rần. Nhân dịp Pháp với Đức đánh nhau ở trời Âu, Hoàng đế tính mưu đồ việc lớn. Tiếc thay, việc chưa thành, Hoàng đế bị bắt ở Phan Thiết, rồi bị đưa về giam ở Khám Lớn.

Làm như ông Chủ Thạnh muốn hỏi cho đậm đà thêm câu chuyện:

– Vì vậy mới có vụ Thiên Địa Hội đánh Khám Lớn?

Ông Hương Sư Tòng gật đầu:

– Đúng vậy. Không biết hiệu lịnh ban ra làm sao mà ghe xuồng của họ khắp lục tỉnh đổ về đậu đen nghẹt bờ sông ở miệt Khánh Hội. Họ làm lễ ra quân lớn lắm. Người nào cũng được phát bùa cho uống và phát mấy đạo phù để dắt trong mình, đặng cho gươm đạn không thể xâm phạm đặng. Họ đổ xô tấn công vô Khám Lớn lúc nửa đêm. Họ đi tới bằng nhiều ngã đường. Họ hò hét xô nhau vô cửa khám...

Ông Hương Giáo Kiểm chắc lưỡi một cái:

– Nhưng họ đâu có cứu được Hoàng đế...

Ông Hương Sư Tòng thở ra:

– Thiệt ra, bùa ngải, phù chú đâu có chống đỡ được với súng đạn của người Tây Dương. Rốt cuộc, nhiều người bị bắn chết, nhiều người bị bắt, bị xử tử hình. Những người của hội Thiên Địa này kể cũng lạ. Hi trước, họ cũng dùng bùa chú đánh với người Tây Dương ở bên Tàu và đã bị thua nặng một lần. Qua tới đây rồi, sao họ còn chưa tởn?

Ông Chủ Thạnh vẫn còn thắc mắc:

– Con của vua Hàm Nghi sao lại là người của Thiên Địa Hội? Tôi nghe nói họ đánh Khám Lớn là để cứu "đại ca" ra khỏi nơi Dũ Lý mà...

Ông Hương Sư Tòng nhíu mày:

– Phan Xích Long là người của Thiên Địa Hội, điều này thì có lẽ đúng. Còn cái chuyện y là con ruột của vua Hàm Nghi là chính tự miệng y xưng ra, thiệt hư ra sao, ai mà biết ất đặng. Nếu thiệt y là con của Hoàng đế thì y đâu cần phải đúc đai vàng, mão vàng, việc chưa khởi sự mà thiên hạ đã biết hết thinh quang, làm như giả ngộ vậy. Trước khi xưng hoàng đế, y làm thợ hớt tóc, y là tay anh chị có hạng, dưới tay cũng có vài chục đàn em.

Ông Hương Giáo Kiểm gật gù:

– Phan Xích Long tụ chúng, làm được như vậy chắc y cũng là một đầu lãnh của Thiên Địa Hội. Không có địa vị cao, làm sao y nhứt hô, có bá ứng đáp lại?

Ông Hương Sư Tòng nói thêm:

– Theo tôi nghe được, vụ đồng bào miệt Mười Tám Thôn Vườn Trầu, Hóc môn, Bà Điểm nổi lên đánh vô phủ đường Hóc Môn, giết chết Đốc phủ sứ Trần Tử Ca, cũng có bàn tay của Thiên Địa Hội nhúng vô.

Một lần nữa, ông Chủ Thạnh lại ngạc nhiên:

– Thiệt vậy sao? Tôi tưởng rằng đây là một vụ đồng bào tự ý nổi dậy. Họ hẹn nhau, bẻ tre tầm vông làm khí giới, nhứt loạt xông vô phủ đường. Sau khi chiếm được phủ đường, giết được Đốc phủ sứ Trần Tử Ca rồi, họ mới bầu ông Quản Hớn làm thủ lãnh.

Ông Hương Sư Tòng vói tay cầm lấy tách nước, uống cạn. Giọng ông bỗng trở nên mơ màng:

– Thiên Địa Hội có lối làm việc lạ lắm, nửa kín nửa hở, nửa hư nửa thiệt. Có khi thủ lãnh của họ ngồi kế bên mình, mình cũng không hay. Họ là hội kín mà. Họ làm đủ ngành nghề để sống. Có khi, đàn em bà chủ nhà máy xay, chủ xưởng dệt, trong khi thủ lãnh lại là thợ hớt tóc, thợ giặt ủi, hay là Sơn đông mãi võ...

Ông Chủ Thạnh khen vùi:

– Anh Hương Sư thiệt là người kiến văn quảng bác, việc của Thiên Địa Hội, anh rành quá tay.

Ông Hương Sư Tòng lắc đầu:

– Đây chẳng qua là tôi thấy sự lạ, tôi háo sự, để ý nghe ngóng, tìm tòi.

Ông bỗng ngập ngừng:

– Vả chăng, cái công chuyện mà mình đang đeo đuổi khiến cho mình cũng phải lưu ý tới những hoạt động của thiên hạ. Chí hướng họ ra sao, mình chưa nắm ắt đặng, nhưng điều chắc chắn là họ có nhiều người. Nếu mình kết hợp được với họ hay sử dụng được họ, mình sẽ có một lực lượng không phải nhỏ. Chỉ có điều là...

Ông Hương Giáo Kiểm vội vàng:

– Là sao?

Ông Hương Sư Tòng trả lời:

– Là... là họ hành sự bí mật quá, muốn tiếp xúc để kết hợp với họ, cũng không tìm được thủ lãnh của họ là ai.

Ông Chủ Thạnh hơi cau mày:

– Nói như anh vậy, người của họ, cho tới ngày gim này vẫn còn nhiều lắm và ở tản mát khắp nơi...

Ông Hương Sư Tòng bâng quơ:

– Là tôi độ như vậy. Bữa trước, ở nhà anh Cả Bường, tôi có nói rồi đó. Có lúc, tới tám chục phần trăm Việt namương chức, hội tề trong lục tỉnh đều là người của họ. Anh cứ tính đi, chết vài trăm người, bị giam vài trăm người, họ vẫn đâu có hết được. Rồi, giam cũng đâu có thể mà giam hoài, cũng có nhiều người được thả về chớ...

Làm như còn có cái gì lấn cấn trong đầu, ông Chủ Thạnh hỏi lại cho chủ:

– Nói vậy, tổ chức của họ bây giờ ra sao, anh cũng không biết rõ đặng?

Ông Hương Sư Tòng ngó ông Chủ Thạnh đăm đăm. Ông cảm thấy phân vân trong bụng. Ông không biết tại sao suốt từ đầu câu chuyện, ông Chủ Thạnh không nói về bịnh tình của vợ, mà cứ loanh quanh với những câu hỏi liên quan tới một tổ chức đã rút vào bóng tối từ lâu. Ông ngập ngừng dò ý:

– Coi bộ anh Chủ mặn cái chuyện Thiên Địa Hội dữ.

Thái độ của Ông Hương Sư Tòng không qua nổi đôi mắt của ông Chủ Thạnh. Ông này nói liền để cho bạn hết thắc mắc:

– Đây là tôi lo cho họ. Anh cố công tìm mà vẫn không tiếp xúc được với họ. Còn Quận Nhiều hả? Y đi tới đâu, khám phá ra Thiên Địa Hội tới đó. Về đáo nhậm vùng này, chắc y cũng theo mửng cũ mà làm.

Ông Hương Sư Tòng nghiến răng:

– Quận Nhiều là thằng Việt gian khốn nạn. Nó chỉ lợi dụng vụ đó để tâng công và để vơ vét. Nếu thiệt sự khám phá ra Thiên Địa Hội, nó chết lâu rồi. Làm tay sai cho giặc, lên tới Đốc phủ sứ như Trần Tử Ca kia, chết còn chẳng toàn thây...

Đôi mắt Ông Hương Sư Tòng trở nên long lanh như muốn tóe lửa.

Ông Chủ Thạnh nói chắc nịch như đinh đóng:

– Rồi nó cũng phải chết, còn không nữa, cũng thân bại danh liệt, ở ngay tại quận mình...

Ông Hương Sư Tòng và ông Hương Giáo Kiểm đứng dậy kiếu từ. Lợi dụng lú ông Hương Sư Tòng ra tới cửa, ông Hương Giáo Kiểm kề miệng vô tai ông Chủ Thạnh hỏi nhỏ:

– Anh thắc mắc về Thiên Địa Hội đây, đâu phải vì Quận Nhiều, phải không?

THƯ VĂN HỌC

● Trong Văn Học số 52, nơi bài viết của Trương Vũ, Văn Học đã đánh máy sai tên bài. Thay vì: Những Thiên Đường Mù, Văn Chương Phản Kháng Trong Tác Phẩm Dương Thu Hương xin đọc là Những Thiên Đường Mù Của Dương Thu Hương: Văn Chương Và Phản Kháng.

Văn Học xin thành thật cáo lỗi cùng độc giả và tác giả Trương Vũ.

GIỚI THIỆU SÁCH BÁO

• Cánh Cửa

Tập truyện của Nhật Tiến. Thời Văn xuất bản 1990. Sách dày 250 trang. Tranh bìa Khánh Trường. Trình bày Cao Xuân Huy. Giá 12 mỹ kim

• Sợi Chỉ Trong Hồn

Truyện dài Nguyễn Ý Thuần. Thời Văn xuất bản 1990. Sách dày 323 trang. Tranh bìa Tường Anh. Trình bày Cao Xuân Huy. Giá 13 mỹ kim

• Hoa Nắng Trên Cao

Tập truyện Nguyễn Tư. Tác giả xuất bản 1988 tại Úc. Sách dày 174 trang. Trình bày Nguyễn Tư. Giá 14 Úc kim.

• Người Tù Ở Lại

Tập truyện Nguyễn Tư. Nhà Trầm Lặng xuất bản tại Úc 1987. Sách dày 190 trang. Nguyễn Tư trình bày. Giá 12 Úc kim.

• Bên Trời Lận Đận

Thơ Nguyễn Tư. Tác giả xuất bản 1986 tại Úc. Sách dày 70 trang. Giá $7

• Văn Chương Đối Kháng Quốc Nội

Văn Uyển xuất bản 1990. Bìa Khánh Trường. Đánh máy và trình bày Trần Nghi Hoàng. Dày 223 trang. Giá mỹ kim

•Thiền, Tự Chứng Ngộ

Trần Thế Thích Huệ Trí (Giác Viên Cổ Tự Việt Nam). Văn Uyển xuất bản. Tranh bìa Bích Nhãn Hồ Tăng của Trần Nghi Hoàng. Trần San trình bày và sắp chữ. Giá 10 mỹ kim

Thời Văn

Đã phát hành:

CÁNH CỬA

tập truyện Nhật Tiến

giá 12 mỹ kim
ngoài Hoa Kỳ thêm
2 mỹ kim cước phí

Thư từ bưu phiếu xin đề:
Cao Xuân Huy
P.O. Box 3192
Tustin, CA 92680 USA

Thời Văn

Đã phát hành:

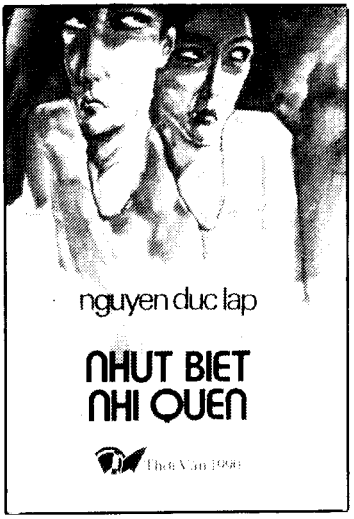

NHỨT BIẾT NHÌ QUEN

chuyện dài

Nguyễn Đức Lập

Thư từ bưu phiếu xin đề:

Cao Xuân Huy

P.O. Box 3192

Tustin, CA 92680 USA

giá 12 mỹ kim

trăm hoa vẫn nở trên quê hương

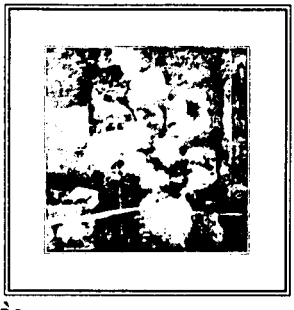

cao trào
văn nghệ phản kháng tại việt-nam

1986
1989
TUYỂN TẬP

Có hay Không:

- một cao trào văn chương phản kháng trong nước?

Có hay Không:

- một khuynh hướng phủ nhận 40 năm văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa?

Có hay Không:

- một tâm lý muốn phủ nhận, xóa sạch...?

Muốn trả lời những vấn đề trên, xin độc giả đón đọc tuyển tập:

trăm hoa vẫn nở trên quê hương

một tuyển tập 800 trang khổ lớn
Bìa bốn màu

gồm 27 tác giả ở hải ngoại
Đọc & Viết về 79 tác giả trong nước
- 121 tiết mục: sáng tác và tham luận
- văn - thơ - ký - kịch - điện ảnh
- tài liệu báo chí trong và ngoài nước

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ

Quí vị đã đọc: *Hành Trình Về Phương Đông*
Mời đọc tiếp:

Hoa Sen Trên Tuyết

do Nguyên Phong tuyển dịch
Văn Nghệ xuất bản 1990
Giá 7 Mỹ kim, ngoài nước Mỹ giá 8 Mỹ kim

Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel (714) 527 5761

TÂM
AUTO CENTER

1610 N. Fairview St, Sangta Ana, CA 92706
(Góc Westminster và Fairview)

(714) 554.2314

LÀM ĐỒNG - SƠN
SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE

Đặc Biệt Làm Máy Xăng - Dầu - Tune Up
Làm Thắng - Rebuild Hộp Số - Carburaror
mở cửa từ 7 giờ sáng đến 7 giờ chiều
chủ nhật từ 7 giờ sáng đến 12 giờ trưa

Bác Sĩ

VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE AND PULMONARY DISEASES

CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI

- Bệnh Nội Khoa: Tiểu Đường - Máu Cao...
- Bệnh phổi: Ho - Suyễn - Đau Ngực - Lao - Khó Thở

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

Giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)
Ngày thường: 9 - 12 am & 1 - 6 pm
Thứ Bảy: 9am - 1pm

Tel: **(714) 641-0263**

2720 S. Bristol # 118 Santa Ana, CA 92704

Nhà Xuất bản Thời Văn

Xuất bản năm 1990

ngôi nhà sau lưng	*văn miếu trần vũ*
cánh cửa	*nhật tiến*
thư không người nhận	*hoàng khởi phong*
sống dở	*hoàng việt*
nhà văn nói với chúng ta	*nguyễn mạnh trinh*
sợi chỉ trong hồn	*nguyễn ý thuần*
trần ai khoai củ	*nguyễn đức lập*
mười lăm năm nhìn lại	*tuyển tập*

Đã in:

CÂY GẬY LÀM MƯA, tập truyện ĐỖ KH.

MƯỜI TRUYỆN TÂN LIÊU TRAI, tập truyện THĂNG LONG VĂN SĨ

THƠ ĐỖ KH., thơ

CÓ YÊU EM KHÔNG? tập truyện KHÁNH TRƯỜNG

Sẽ in:

THƠ PHẠM VIỆT CƯỜNG, thơ

Nhà xuất bản
tân thư

Trân trọng giới thiệu :

có yêu em không?

tập truyện của Khánh Trường

Những chất liệu không đãi lọc trong cuộc sống.
Một sắc thái mới trong văn học Việt Nam hải ngoại.

Dày 352 trang. Bìa tác giả.
Phụ bản: Nguyễn Đồng, Võ Đình, Ngọc Dũng,
Thái Tuấn, Nguyễn Trọng Khôi
Phát hành đầu tháng 5/1990

Nhà Xuất Bản
TÂN THƯ
13081 Hope St, Garden Grove, Ca 92643
USA
(714) 537-2468
Thư từ bưu phiếu xin đề Khánh Trường

Tìm Đọc

Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu

của **Trần Vũ.**

Đã có bán tại các nhà sách.

Nhà xuất bản
THỜI VĂN

P.O Box 3192
Tustin, CA 92680
USA
Phone: **(714) 544-7650**
Ngân chi phiếu xin đề
Cao Xuân Huy

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA

BỆNH TRĨ

- CHỮA TRỊ BẰNG TIA LASER DỨT TUYỆT
- PHƯƠNG PHÁP TỐI TÂN NHẤT ĐỂ ĐỊNH BỆNH VÀ TRỊ BỆNH
- KHÔNG CẦN NẰM BỆNH VIỆN
- KHÔNG RA MÁU, KHÔNG ĐAU
- TRĨ NỘI, TRĨ NGOẠI, TRĨ SA
- MẠCH LƯƠN, SA RUỘT, MỒNG GÀ
- UNG THƯ ĐƯỜNG RUỘT, BỆNH BAO TỬ, SẠN MẬT
- CƠ VÒNG SUY YẾU, SỬA ÂM ĐẠO, CẮT QUY ĐẦU
- SỬA LẠI BỘ PHẬN SINH DỤC NHƯ THỜI SƠN TRẺ

BÁC SĨ TRẦN TIẾN HUYẾN, MD, FACS

tốt nghiệp bằng chuyên khoa giải phẫu tổng quát tại university pittsburgh
tốt nghiệp siêu chuyên khoa giải phẫu đường ruột và trĩ tại ferguson clinic, mi
nguyên giảng sư y khoa đại học sàigòn

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM
GIÁ ĐẶC BIỆT CHO NHỮNG NGƯỜI TRẢ TIỀN MẶT

14571 MAGNOLIA St # 207 WESTMINSTER, CA 92683	1905 N. COLLEGE Ave # C SANTA ANA, CA 92706

CENTRAL VALLEY
MEDICAL CLINIC

7227 RESEDA Blvd, RESEDA, ca 91335

Tel **(818) 708-7227**

Bs NGUYỄN VĂN HƯNG MD
Bác sĩ Điều trị Olive Medical Center
(khu cấp cứu và quang tuyến)
BS TRƯƠNG NGỌC THẠCH MD
Bác sĩ điều trị Olive View Medical Center
(khu theo dõi nội khoa và chương trình săn sóc toàn diện)

GIỜ LÀM VIỆC
Thứ Hai - Thứ Sáu 9Am đến 8 Pm
Thứ Bảy - Chủ Nhật 9Am đến 3Pm
Nhận MEDICAL & BẢO HIỂM
Bãi đậu xe rộng rãi và miễn phí

Bác sĩ

NGUYỄN VĂN THẾ M.D

Y KHOA TỔNG QUÁT & BÁC SĨ GIA ĐÌNH

ĐIỀU TRỊ

• CÁC BỆNH NỘI NGOẠI THƯƠNG TỔNG QUÁT • BỆNH TOÀN KHOA NGƯỜI LỚN, TRẺ EM • BỆNH PHỤ NỮ VÀ THĂM THAI • KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH • CHÍCH NGỪA • KHÁM BỆNH NHẬP HỌC • TIỂU GIẢI PHẪU •CÁC LOẠI TAI NẠN •HỢP TÁC VỚI CHƯƠNG TRÌNH BÔNG SỮA WIC •

NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH

NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM

GIỜ LÀM VIỆC

– Ngày Thường: 9:30 Am – 6:30 Pm

– Thú Bảy: 9:30 Am – 3:00 Pm

– Thứ Tư – Chủ Nhật Nghỉ

9196 Bolsa Ave • Westminster, CA 92683

(714) 898.5951 / 898.2967

Bác sĩ

TÔN THẤT NIỆM, M.D.

BÁC SĨ Y KHOA - CHUYÊN KHOA TÂM THẦN

PSYCHIATRIST

Tel: (714)531-8720
Khám bệnh theo hẹn

9533 Bolsa Ave
Westminster, CA 92683

Bãi đậu xe rộng rãi và miễn phí

BÁC SĨ

TRẦN TRÚC QUANG

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG

LEOHMANN'S PLAZA

7309 Arlington # 314

Fallchurch, VA 22042

(703) 560-0388 / 0389

- tốt nghiệp chuyên khoa nội thương hậu đại học chương trình Georgetown
- hội viên hội y sĩ đoàn hoa kỳ
- bác sĩ điều trị cho đài tiếng nói Hoa kỳ (VOA), sở di trú và nhập tịch Hoa kỳ (INS), và cơ quan bảo vệ môi trường (EPA) tại Washington DC

GIỜ LÀM VIỆC (theo hẹn)

Thứ Hai - Thứ Sáu: từ 9 giờ sáng đến 7 giờ tối

Thứ Bảy: từ 9 giờ sáng đến 3 giờ chiều

Chủ Nhật: Theo hẹn

NHA Y SĨ

ƯTHỊ MỸ LAN

GENERAL DENRISTRY

Chữa Bệnh Nướu Răng

9141 Bolsa Ave # 302

(714) 898-6449

Giờ Làm Việc:

Ngày Thường: Từ 10Am đến 7Pm

Thứ Bảy: Từ 9Am đến 6Pm

Chủ Nhật: Từ 10Am đến 2Pm

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

(giá biểu kể từ 5 - 1987)

Họ và tên bạn đọc .....
Địa chỉ .....
Zip Code .....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số..... đến số .....

Mua dài hạn tại Hoa kỳ và Canada (gửi hạng tư)

Sáu tháng 15Mk
Một năm 30Mk

Mua dài hạn tại Hoa kỳ và Canada (gửi hạng nhất)

Sáu tháng 21Mk
Một năm 42Mk

Giá biểu cho bạn đọc ở Âu châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy 21Mk
Một năm, gửi tàu thủy 42Mk
Sáu tháng, gửi máy bay 33Mk
Một năm, gửi máy bay 66Mk

Giá biểu cho bạn đọc ở Á và Úc châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy 21Mk
Một năm, gửi tàu thủy 42Mk
Sáu tháng, gửi máy bay 40Mk
Một năm, gửi máy bay 80Mk

Đính kèm số tiền .....

(trả bằng Mỹ kim, ngoài Hoa kỳ xin trả bằng international money order hoặc bưu phiếu, đề tên Văn Học)

Văn Học ● P.O. Box 3192 ● Tustin ● CA, 92680 ● USA

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Họ và tên .....
Địa chỉ .....
.....

Muốn mua: * Sáu tháng báo Văn Học .....
* Một năm báo Văn Học .....

Để tặng cho .....
Địa chỉ .....
.....

Đính kèm ngân chi phiếu ..... Mk

Văn Học ● P.O. Box 3192 ● Tustin ● CA, 92680 ● USA

Nhà xuất bản
tân thư

Đã phát hành:

CÓ YÊU EM KHÔNG?

Tập truyện của
KHÁNH TRƯỜNG

●

• Dâm thư hay tình dục như một cái cớ?

• Dửng dưng đến tàn nhẫn, chói chang đến nhức nhối, tình yêu, dục tính, tuổi trẻ, chính kiến, đời sống lưu vong... được thể hiện trung thực, không ngụy trang.

• Tập truyện chắc chắn sẽ gây phẫn nộ cho một số người (Như đã từng, khi một vài truyện được đăng tải trên báo)

●

Phụ bản: Võ Đình, Thái Tuấn, Nguyễn Đồng, Nguyễn Thị Hợp, Nguyễn Trọng Khôi • Bìa: Tác giả.

Dày 352 trang, trình bày trang nhã.

Giá 14 Mỹ kim

ngoài Hoa Kỳ thêm 2 mỹ kim cước phí

●

Thư từ ngân phiếu xin đề:

KHÁNH TRƯỜNG

13081 Hope St., Garden Grove, Ca 92643, USA.

văn nghệ

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. U.S.A.
Phone: **(714) 527-5761**
Ngân. chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

- **HOA SEN TRÊN TUYẾT** — **7.00MK**
  Nguyên Phong phóng tác
- **LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM**
  Biên khảo Tạ Chí Đại Trường
- **KHI NHỮNG LƯU DÂN TRỞ LẠI**
  Biên khảo Nguyễn văn Xuân
- **ĐÓA SEN VÀ NỤ CƯỜI**
  Việt Anh Pháp Sự tích Đức Phật tranh và truyện Võ Đình
- **NGOÀI GIẤC NGỦ**
  Thơ Thường Quán
- **ÁNH SÁNG VÀ BÓNG TỐI**
  Hồi ký tù của Hoàng Liên
- **VÀI CHÚ GIẢI VỀ THIỀN ĐỐN NGỘ**
  Nguyên Giác Phan Tấn Hải

TỔNG PHÁT HÀNH

- **ĐỊA NGỤC SÌNH LẦY** — **14.50MK**
  Trần Nhu
- **SỢI CHỈ TRONG HỒN** — **13.00MK**
  Truyện dài Nguyễn Ý Thuần
- **NHẤT QUEN, NHÌ BIẾT** — **12.00MK**
  Truyện dài Nguyễn Đức Lập

Nhà xuất bản AN TIÊM:

- **ĐỌC KINH** — **6.00MK**
  Vũ Khắc Khoan
- **HOÀNG TỬ BÉ** — **6.00MK**
  Le Petit Prince của Saint Exupéry
  Bùi Giáng dịch

Ngoài nước Mỹ mỗi cuốn thêm 1MK